

DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai
(Tập 1)

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI
TS. Nguyễn Hồng Ân (Chủ biên)

Di sản
VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai
(Tập 1)

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Chủ biên

TS. Nguyễn Hồng Ân

Ban Biên soạn

TS. Nguyễn Hồng Ân

TS. Lê Xuân Hậu

ThS. Trần Minh Trí

ThS. Nguyễn Anh Đức

CN. Nguyễn Thị Tuyết Hồng

CN. Nguyễn Xuân Nam

Lời giới thiệu

Đồng Nai là tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực có cơ sở hạ tầng phát triển và thuộc vùng kinh tế năng động nhất Việt Nam. Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tọa độ địa lý từ 10°29'58" đến 11°34'57" vĩ độ Bắc, từ 106°43'56" đến 107°36'46" kinh độ Đông; có diện tích tự nhiên 5.863,62 km², chiếm khoảng 1,77% diện tích cả nước; dân số khoảng 3,2 triệu người⁽¹⁾, chiếm khoảng 3,2% dân số cả nước. Tính đến năm 2025, tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện: Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu; 159 đơn vị cấp xã. Thành phố Biên Hòa là trung tâm hành chính của tỉnh.

Đồng Nai là tỉnh đa dân tộc với 50 tộc người như: Kinh, Hoa, Chơ Ro, Xtiêng, Mạ, Cơ Ho, Chăm, Khmer, Tày, Nùng..., trong đó người Kinh chiếm 92,8%. Các tộc người như: Chơ Ro, Mạ, Xtiêng, Cơ Ho là chủ nhân vùng đất Đông Nam Bộ từ rất lâu đời. Người Xtiêng ở phía Tây Bắc Đồng Nai, nhưng địa bàn cư trú tập trung nhiều nhất ở tỉnh Bình Phước (thuộc Tây Bắc tỉnh Biên Hòa xưa); một số mới về ở huyện Xuân Lộc từ những năm 1970. Người Mạ và Cơ Ho ở từ phía Bắc sông La Ngà trở lên Lâm Đồng. Người Chơ Ro ở rìa phía Nam dãy Trường Sơn - Tây Nguyên tiếp giáp với đồng bằng Nam Bộ. Các tộc

(1) Thống kê Cục Thống kê Đồng Nai 2021.

người thiểu số khác xuất hiện vào các thời điểm khác nhau do những biến thiên của lịch sử. Người Chăm và người Khmer đến Đồng Nai từ những thế kỷ đầu Công nguyên; nhưng số người Khmer hiện ở Đồng Nai có gốc từ miền Tây Nam Bộ, Tây Ninh, Bình Phước dạt về từ năm 1960-1970 và số người Chăm tập trung ở Xuân Lộc và Long Thành thì mới tới từ năm 1972. Người Hoa có mặt hơn 300 năm, sử sách còn ghi chép rõ. Các tộc người: Tày, Nùng, Thái, Mường... đến cư trú từ sau hiệp định Genève tháng 7/1954 và đến đông đảo từ sau ngày đất nước thống nhất.

Đồng Nai là tỉnh đa tôn giáo, có 6 tôn giáo: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo và Ixlam (Hồi giáo), trong đó Phật giáo và Thiên Chúa giáo là hai tôn giáo có tín đồ đông nhất ở tỉnh. Ngoài 6 tôn giáo trên, Nhân dân Đồng Nai còn có tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên, tôn thờ những vị thần có công khai phá lập làng xã, có công với đất nước và được thờ ở các đình làng.

Đồng Nai là tỉnh đa nguồn dân cư, phát triển theo cả hai hướng tự nhiên và cơ học, trong đó tính từ năm 1698 đến nay có bảy đợt nhập cư lớn đó là: (1) Cuộc di dân các tỉnh miền Trung (vùng Ngũ Quảng) vào khẩn hoang từ thời kỳ chúa Nguyễn, vua Nguyễn. (2) Các đợt mộ phu cao su là dân các tỉnh miền Bắc và miền Trung của các công ty cao su trên đất Đồng Nai. (3) Đợt đồng bào các tỉnh miền Bắc di cư vào Nam sau hiệp định Genève năm 1954. (4) Đợt đón nhận đồng bào người Việt ở Campuchia về nước sau tháng 3/1970, khi có biến động chính trị Shihanouk bị Lonol lật đổ. (5) Đợt chính quyền Sài Gòn đưa đồng bào ở Lộc Ninh năm 1972, sau khi Lộc Ninh giải phóng và xây dựng chi khu lưu vong Lộc Ninh trên quốc lộ 1. (6) Tiếp nhận Nhân dân ở Biên Hòa, Sài Gòn đi xây dựng vùng kinh tế mới sau ngày 30/4/1975, bố trí ở khu vực huyện Định Quán, Sông Ray (huyện Cẩm Mỹ). (7) Cuộc vận động đưa dân các tỉnh phía Bắc đi lập nghiệp xây dựng quê hương mới và làm công nhân ở các khu công nghiệp. Mỗi đợt di dân lớn làm cho dân số Đồng Nai tăng đột xuất.

Đồng Nai là một tỉnh có quy mô lớn, văn hóa đa dạng, có địa kinh tế - chính trị - văn hóa trong vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với những giá trị riêng biệt về vùng đất, con

người Đồng Nai, phong phú về sinh học, đa nguồn văn hóa, đa thành phần hợp cư, nhiều tín ngưỡng tôn giáo, dòng mạch văn hóa, đa loại hình phát triển kinh tế và tổ chức xã hội; có nhiều cơ hội để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, con người, góp phần phát triển du lịch của tỉnh thành ngành kinh tế quan trọng; trong đó có *Di sản văn hóa phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học* (Luật Di sản Văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024 của Quốc hội) đã được kiểm kê, nhận diện, xác định giá trị, đánh giá hiện trạng, nguy cơ hủy hoại, xác lập cơ sở pháp lý và lập danh mục, hồ sơ khoa học di sản văn hóa.

Kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2015 ghi nhận 11.561 phiếu kiểm kê thuộc 6 loại hình Di sản văn hóa phi vật thể gồm: (1) Biểu đạt và truyền thống truyền khẩu gồm các hình thức thể hiện thông tin bằng ngôn ngữ, tiếng nói, chữ viết, ký tự và ngữ văn dân gian; (2) Nghệ thuật trình diễn dân gian gồm âm nhạc, múa, hát, sân khấu truyền thống và các hình thức trình diễn dân gian khác; (3) Tập quán xã hội và tín ngưỡng gồm các thực hành thường xuyên, ổn định, thể hiện quan niệm, niềm tin của cộng đồng, thông qua các lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống mang bản sắc văn hóa của cộng đồng chủ thể; (4) Lễ hội truyền thống gồm các thực hành nghi lễ và sinh hoạt văn hóa dân gian của cộng đồng, được thực hiện theo chu kỳ tại không gian văn hóa liên quan; (5) Tri thức dân gian gồm tri thức về tự nhiên và vũ trụ, sức khỏe và đời sống con người, lao động, sản xuất, phòng bệnh, chữa bệnh, ẩm thực, trang phục và các tri thức dân gian khác; (6) Nghề thủ công truyền thống gồm các thực hành thủ công bằng tri thức, kỹ năng, kỹ thuật, bí quyết, nghệ thuật cùng với công cụ, đồ vật, đồ tạo tác, nguyên vật liệu tự nhiên, tạo ra các sản phẩm mang bản sắc văn hóa của cộng đồng chủ thể.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ, Nghi lễ và trò chơi kéo co là di sản văn hóa phi vật thể được

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại. Lễ hội chùa Ông thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở Đồng Nai; Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai); Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) đang trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét ghi danh.

Cuốn sách *Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (Tập 1)* được biên soạn công phu, giới thiệu một cách khoa học, đầy đủ nhất về tư liệu và hình ảnh của các di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đã được ghi danh và đang trong quá trình xem xét ghi danh, bao gồm:

1. Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai;
2. Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Đồng Nai;
3. Lễ hội chùa Ông (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);
4. Lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của người Chơ Ro ở Đồng Nai;
5. Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);
6. Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Cuốn sách xuất bản là công trình chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XII (nhiệm kỳ 2025-2030) và thật sự ý nghĩa khi góp phần triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về phát triển Du lịch thành ngành kinh tế quan trọng và Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và

bền vững; trong đó mục tiêu xây dựng văn hóa, con người Đồng Nai phát triển toàn diện; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể), tái hiện, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, sản phẩm du lịch đặc trưng có chất lượng cao mang đậm bản sắc văn hóa Đồng Nai, phù hợp với xu thế thời đại là nội nền tảng văn hóa quan trọng góp phần để Đồng Nai vững vàng bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Cuốn sách *Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (Tập 1)* là nguồn tài liệu quan trọng để nghiên cứu, học tập đối với các thế hệ học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và đội ngũ công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tham mưu quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng và khu vực Nam Bộ nói chung. Từ vốn di sản văn hóa phi vật thể quý báu này có thể hoạch định, xây dựng những chiến lược, đề án, kế hoạch nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản (vật thể gắn liền với phi vật thể), biến vốn văn hóa truyền thống này thành vốn kinh tế quan trọng, nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế thông qua hoạt động du lịch văn hóa, du lịch tín ngưỡng... góp phần đưa Đồng Nai và Nam Bộ bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc xây dựng vùng đất này ngày càng phồn vinh.

Tuy nhiên, tri thức là vô hạn, vì vậy cuốn sách cũng không thể không có những thiếu sót, kính mong nhận được sự góp ý chân thành và trách nhiệm từ độc giả để nhóm biên soạn bổ sung và hoàn thiện.

Thay mặt Ban biên soạn, xin trân trọng giới thiệu quyển sách đến với độc giả!

TS. NGUYỄN HỒNG ÂN

(Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai)

NGHỆ THUẬT ĐỜN CA TÀI TỬ NAM BỘ Ở ĐỒNG NAI

Đờn ca tài tử Nam Bộ là một dòng nhạc dân tộc của Việt Nam đã hình thành và phát triển từ cuối thế kỷ 19, bắt nguồn từ nhạc lễ và Nhã nhạc cung đình Huế. Đờn ca tài tử là loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của vùng Nam Bộ.

Đờn ca tài tử ra đời trong bối cảnh thực dân Pháp chiếm lục tỉnh Nam Kỳ, trước cảnh nước mất nhà tan, triều đình hèn yếu, các phong trào kháng chiến gặp thất bại và bị đàn áp dã man. Những sĩ phu chán ngán thế sự, lui về ở ẩn, tìm quên trong những câu ca, tiếng đàn. Họ tụ tập nhau lại chia sẻ nỗi buồn mất nước và mượn lời ca tiếng hát, bản đờn để nói hộ lòng mình. Những sĩ phu này chính là nền tảng để đờn ca tài tử hình thành và phát triển. Cũng chính vì điều này mà đờn ca tài tử Nam Bộ luôn đượm chất tri âm, tri kỷ, mang tính thính phòng và bác học.

Đờn ca tài tử vào Nam từ cuối thế kỷ XIX bởi 3 nhạc sư là: Nguyễn Quang Đại (Ba Đợi - Nhạc quan triều đình nhà Nguyễn), Trần Quang Quờn (thầy ký Quờn) và Lê Tài Khi (Nhạc Khi) sáng tạo nên. Đầu tiên ba nhạc sư sáng tạo nghệ thuật này chỉ để phục vụ việc giải trí nghe chơi với nhau trong một cộng đồng nhỏ. Sau đó, nghệ thuật này ngày càng lan rộng và thu hút thêm nhiều đối tượng khác tham gia hơn. Từ loại hình âm nhạc có tính chất bác học, tri âm, tri kỷ và thính phòng này, Đờn ca tài tử bước vào đời sống và trở thành một loại hình nghệ thuật dân gian. Nó dần trở nên quen thuộc với mọi người dân Nam Bộ. Nói không có gì là khoa trương khi có thể khẳng định mọi người

dân Nam Bộ đều có thể hát vài câu đờn ca tài tử dù không biết đến chữ nhạc hay nhịp phách một cách tận tường.

Tuy nhiên, do quá trình toàn cầu hóa và chuyển đổi cơ cấu xã hội, cùng với những điều kiện của công cuộc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm nảy sinh những hiện tượng, những mối đe dọa về sự suy thoái, biến mất và hủy hoại các di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là do thiếu nguồn lực, hệ thống chính sách dành cho việc bảo vệ và phát huy loại hình Nghệ thuật Đờn ca tài tử trên địa bàn Nam Bộ nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng.

1. Vài nét về lịch sử Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ

1.1. Lịch sử Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ

Vấn đề lịch sử của Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ đã được nhiều nhà nghiên cứu khẳng định Đờn ca tài tử Nam Bộ đã hình thành và phát triển từ cuối thế kỷ XIX. Trong bài viết *Nghệ thuật Đờn ca tài tử trong không gian văn hóa Nam Bộ*⁽¹⁾, Giáo sư nhạc sĩ Trần Văn Khê có viết: “Đờn ca tài tử hình thành vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, xuất phát từ những nhạc sĩ, nhạc quan của triều Nguyễn theo phong trào Cần Vương vào Nam đem theo truyền thống ca Huế. Trên đường đi họ dừng chân ở Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, từ đó ca Huế mang thêm chút âm hưởng xứ Quảng. Vào đến miền Nam, Đờn ca tài tử không còn giữ nguyên chất ca Huế mà thay đổi rất nhiều để thích nghi theo thị hiếu, thẩm mỹ phù hợp với nếp sống mới. Những con người tháo vát, đầy sáng tạo tuy đã tìm thấy một cuộc sống an lành khi đến với vùng đất màu mỡ, nhưng do lòng luôn thương nhớ cội nguồn nên trong các điệu, các hơi của Đờn ca tài tử thường thích những điệu có phảng phất nỗi u buồn. Trong khi phong cách miền Trung vẫn giữ theo truyền thống một cách chặt chẽ thì ở miền Nam lại phóng khoáng và bay bướm, nét nhạc cũng như tiết

(1) <http://tranquanghai.info/p1611-tran-van-khe-%3A-don-ca-tai-tu-trong-khong-gian-van-hoa-nam-bo.html>

tấu thay đổi tùy lúc, tùy người. Có người hiểu lầm rằng chữ “tài tử” có nghĩa là không chuyên nghiệp, mang tính cách giản dị của dân gian và của những người nghiệp dư. Thật ra “tài tử” có nghĩa là người có tài (dập dìu tài tử giai nhân; tài tử giai nhân tế ngộ nan). Chữ “tài tử” còn để chỉ việc không dùng nghệ thuật của mình làm kế sinh nhai. Người Đờn ca tài tử khi nào thích thì cùng với bạn đồng điệu hợp nhau tại nhà người trong làng rồi cùng hòa đàn để vui chơi và để cho người mộ điệu thưởng thức. Trước đây cũng như bây giờ, người đàn tài tử “chính thống” hể vui thì đàn chơi còn không “hứng” thì thôi, khó ai có thể bỏ tiền ra mua được tiếng đàn của họ”.

Cũng theo Vương Hồng Sển trong tác phẩm *Hồi ký 50 năm mê hát* thì vào thế kỷ XIX, ở Nam Bộ chỉ có dàn nhạc lễ trong dân gian gọi là dàn Ngũ Âm. Dàn nhạc lễ gồm hai nhóm nhạc gọi là “Phe Văn” và “Phe Võ”. Phe Văn dàn nhạc lễ lúc bấy giờ gồm 4 đàn cò (cò lú, cò lòn, cò dương và đàn gáo) và trống lễ. Từ phe Văn - ban nhạc lễ của các thầy tụng, thấy tế trong các đám tang, trong dịp qua đêm, những nhạc sĩ đã cùng nhau hình thành một “dàn đờn”, họ cùng hòa đờn, hòa ca... để “đánh cơn buồn ngủ”⁽¹⁾...

Từ đây, dàn đờn “phe Văn nhạc lễ” không chỉ dành cho lễ bái hoặc những dịp quan - hôn - tang - tế mà còn chơi trong nhiều dịp khác, phục vụ cho mục đích khác như giải trí, vui chơi... Dàn đờn đó đã mở đầu một phong trào rộng khắp ở Nam Bộ, hình thành một thể loại được yêu thích, bảo tồn và không ngừng phát triển vốn âm nhạc cổ truyền nơi vùng đất mới. Thể loại âm nhạc đó sau này là cội nguồn

(1) Vương Hồng Sển, *Hồi ký 50 năm mê hát*, (Trích) “...Trước đó nữa, tại các điểm Nam Kỳ không có dàn đờn cổ nhạc Việt, chỉ có dàn nhạc Lễ (tỷ dụ như ở Bạc Liêu có Nhạc Khi) thường dùng vào các cuộc đám ma, nhà héo. Mỗi khi có đám tang, vào lúc canh khuya, sau buổi tế, buổi tụng kinh, thường thấy các thầy nhạc, các thầy chùa bày ra đòi chủ nhà nấu cháo trắng để thức sáng đêm, và nhơn dịp ấy, học cùng hòa đờn, tập dượt ca cho đúng nhịp, để đánh cơn buồn ngủ. Sau thành thói tục, mỗi dịp quan - hôn - tang - tế, thậm chí lễ mừng tân quan, tân gia, khai bằng, khánh hạ, đám giỗ, đám cưới, đều có mời họ luôn cho rậm đám...”

của một thể loại sân khấu dân tộc được cả nước yêu thích, là nguồn mạch cho những sáng tạo âm nhạc sau này...

Một nguồn cội khác của đờn ca tài tử đó là kế thừa từ nhạc thính phòng Huế, nhạc đờn của vùng Ngũ Quảng. Theo nhạc sĩ Phạm Duy trong quyển *Lược khảo về dân nhạc Việt Nam* thì ở miền Nam lúc đó đã có một thú chơi âm nhạc tao nhã trong những người bình dân “cùng nhau đờn ca vui chơi”... mà, ông giải thích đó là “Nhạc tài tử miền Nam”. “Trong khi ở miền Bắc, hát Ả Đào đã thoát khỏi hình thức hát Cửa Quyền, trở thành thú chơi tao nhã của nho sĩ, thì ở Thuận Hóa (Huế), kinh đô của nhà Nguyễn, các hoàng thân và quan chức trong triều cũng sáng lập ra một loại ca nhạc thính phòng mà về sau gọi là Ca Huế.

Loại ca nhạc có tính chất tài tử này xuất xứ từ nơi lầu son gác tía, nhanh chóng vượt khỏi địa giới kinh thành Huế rồi dừng lại tại mấy tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi... Những thầy đờn người Quảng lại đem loại nhạc miền Trung vào dạy cho những người yêu nhạc miền Nam, để sau này không lâu, một loại nhạc phòng nữa lại ra đời, hội đủ các yếu tố âm nhạc Huế, Quảng và địa phương và mang cái tên nhạc Tài tử Nam Bộ...”.

Trên cơ sở nhóm nhạc Phe Văn của dàn nhạc lễ Nam Bộ như đã nêu, các nhạc sĩ miền Nam đã bỏ bộ trống lễ, thay bằng song lang, hình thành nhóm nhạc “đờn cây”. Ban nhạc “đờn cây” ấy tiếp thu bài bản và hình thức thính phòng của nhạc Huế, đờn Quảng; sáng tạo - biến đổi thành những giai điệu mang âm điệu mới phù hợp với giọng nói người miền Nam, tiếp thu phong cách thính phòng trong hòa tấu... để có một thể loại âm nhạc mới phù hợp với tinh thần “thích đờn ca” của người Nam Bộ. Dàn đờn đó không chỉ có các cây đờn cò của Phe Văn nhạc lễ mà còn có đàn kìm (nguyệt), đàn tranh, đàn tỳ bà... của lối hòa tấu thính phòng Huế.

Khi nhắc đến lịch sử Đờn ca tài tử Nam Bộ không thể không nhắc đến những nhân vật có đóng góp to lớn đó là ông Ba Đợi và ông Ký

Quồn. Mỗi người tiêu biểu cho Đờn ca tài tử miền Đông và Đờn ca tài tử miền Tây.

Ông Ba Đợi tên thật là Nguyễn Quang Đại, theo những tài liệu còn ghi lại của Câu lạc bộ Đờn ca tài tử quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh do nghệ sĩ Tấn Nhì biên soạn thì nghệ nhân Nguyễn Quang Đại vốn là một quan nhạc của triều đình nhà Nguyễn. Vào cuối thế kỷ XIX, hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp, ông đã vô Nam truyền dạy nhạc tài tử và nhạc lễ. Ban đầu ông ở Cần Đức sau chuyển về Sài Gòn - Gia Định để dạy học trò. Ông đào tạo các nhạc sĩ lừng danh lúc bấy giờ là Sáu Thới (Lại Văn Thới) và Tám Hạnh. Ông Sáu Thới sau đó tiếp tục truyền dạy cho các học trò của mình là Giáo Thinh (Nguyễn Văn Thinh, trước đây là Trưởng khoa Âm nhạc dân tộc của Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn, nay đã mất), Tư Nghị, Năm Cần... Tại Cần Đức, Cần Giuộc (Long An), nghệ nhân Nguyễn Quang Đại truyền dạy và đào tạo được các nhạc sĩ tài ba như nhạc Láo, nhạc Thời, Hai Tò Le, Sáu Thoàn, Chín Chiêu, Năm Tịnh, Sáu Giỏi, Bảy Lung, Xã Năm, Hai Bầu, Năm Khiết, Năm Xem, Ba Đống, Năm Quynh, Mười Hai Dương. Ở Bình Dương có Sư Dung (vốn là thầy dạy đờn tỳ bà cho Giáo Thinh), Út Lăng, Út Búng. Ngoài ra, tại Bến Tre và một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long khác cũng có nhiều truyền nhân của nhạc sư Nguyễn Quang Đại. Riêng tại Đồng Nai, ông cũng có những môn đệ như Văn Kiên (kèn), Võ Phải (trống) lừng danh trong giới nhạc lễ một thời... Ông không chỉ đào tạo nhiều học trò và có tầm ảnh hưởng sâu rộng để có thể hình thành hẳn một hệ phái Đờn ca tài tử miền Đông, mà ông còn sáng tác rất nhiều những bài bản như bộ ngũ châu miền Đông, 8 bản ngự để cung nghinh vua Thành Thái. Ông là người đã hệ thống hơi điệu tài tử thành bốn điệu Bắc, Nam, Hạ, Oán (20 bài bản Tổ) và cải biên nhạc cung đình, sáng tạo ra nhạc lễ miền Nam. Với vai trò là trưởng nhóm Nhạc tài tử miền Đông, ông đã cùng với ông Kinh Lịch Trần Quang Quồn ở miền Tây đã làm cho kho tàng bài bản tài tử thêm phong phú. Ông đã dạy các môn đệ về lý thuyết âm dương ngũ hành của nền triết học Đông phương, nâng cao bộ môn Đờn ca tài tử lên

đỉnh cao đầy tính bác học. Hàng năm, đến ngày giỗ của ông vào 19 tháng Giêng âm lịch, đông đảo dân chơi tài tử lại về đình Vạn Phước, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, tỉnh Long An để thắp một nén nhang tưởng nhớ một bậc thầy tài danh và cùng tham gia giao lưu văn nghệ.

Nhân vật thứ hai phải nhắc đến là ông Ký Quờn tức Trần Quang Hườn - hay Trần Quang Quờn. Theo các công trình nghiên cứu của những người đi trước thì ông gốc người miền Trung, ông biết chữ Hán, tiếng Pháp, làm thư ký tại Tòa án của tỉnh Vĩnh Long, chuyên dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, hoặc Pháp... Ông rất nổi tiếng trong nhạc giới tài tử với nhiều tên gọi: Kinh lịch Quờn, thầy Ký Quờn... Ông biết nhiều loại đồn, thích cải tiến nhạc khí, ông đã nghiên cứu thể nghiệm, chế tác nhiều nhạc khí đưa vào diễn tấu trong dàn đồn tài tử. Ông cũng là người sáng tác nhiều bài bản đàn; sáng tạo lối ghi nhạc riêng và là người được xem như “thủ lĩnh” của nhóm nhạc miền Tây. Ông cũng thường đặt lời cho bài *Tứ Đại Oán* rất thịnh hành lúc bấy giờ, được nhiều người biết đến.

Ngoài hai nhạc sư là Ba Đợi và Ký Quờn, lịch sử Đờn ca tài tử Nam Bộ còn phải ghi nhận những đóng góp to lớn của những nghệ nhân: Cao Huỳnh Điểu, Trần Quang Diễm, Nguyễn Liên Phong, Nguyễn Tùng Bá, Nguyễn Tư Ba... Các nghệ nhân này là những nhà tiên phong trong những cố gắng biên soạn, sáng tác và giảng dạy nhạc tài tử theo phong cách riêng của mình. Các ấn bản nhạc tài tử bắt đầu xuất hiện vào năm 1909. Riêng trong những thập niên 60 và 70, nhạc tài tử được các hãng đĩa phát hành rộng rãi trong và ngoài nước. Từ đó nhiều danh ca, danh cầm được nhiều người biết đến.

1.2. Hệ thống bài bản

Hệ thống bài bản trong đờn ca tài tử có nhiều cách phân chia, trong tham luận “Hệ thống bài bản trong đờn ca tài tử” của Huỳnh Văn Khải tại cuộc tọa đàm “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Đờn ca tài tử” tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010 có định nghĩa về hệ thống bài bản như sau: “Hệ thống bài

bản nhạc tài tử là tập hợp danh mục các bài bản nhạc tài tử tiêu biểu, được xếp vào từng bộ, tùy theo xuất xứ, tính chất, hình thức, hoặc nội dung của những bài bản này. Trong phong trào đồn ca tài tử, hệ thống bài bản nhạc tài tử, bao gồm các bài ca, bài nhạc và bản nhạc, có thể được trích sử dụng trong các cuộc sinh hoạt đồn ca tài tử, từ liên hoan, giao lưu, nhóm bạn, gia đình đến sinh hoạt đồn ca tài tử cá nhân; từ biểu diễn trước công chúng, trên sóng phát thanh truyền hình, băng đĩa nhạc, đến phục vụ trong gia đình, ru con ru em, hay tự mình đồn, mình ca cho chính mình thưởng thức”.

Cũng theo tác giả thì “Hệ thống bài bản nhạc tài tử quan hệ hỗ tương phong trào đồn ca tài tử, phục vụ nhu cầu văn hóa nghệ thuật của cộng đồng, thông qua tính đa dạng về diễn cảm, nội dung, phong phú về thể loại, hình thức, thể hiện trong các tiết mục, chương trình Đồn ca tài tử. Từ nhu cầu phục vụ mà phong trào đồn ca tài tử đã có một số cách xếp loại bài bản nhạc tài tử thành một số kiểu hệ thống như sau:

Kiểu hệ thống bài bản có 2 loại: Loại xôm, loại muôi; loại bản lớn, loại bản nhỏ; loại bản dài, loại bản ngắn; loại bản Bắc, loại bản Nam; loại bản cổ điển, loại tân điệu; loại bản Tổ, loại ngoài bản Tổ...

Kiểu hệ thống bài bản có 10 bộ. Kiểu hệ thống này được phổ biến rộng rãi, với 10 bộ bài bản, được xếp thứ tự như: Nhứt Lý, nhì Ngâm, tam Nam, tứ Oán, ngũ Điểm, lục Xuất, thất Chánh, bát Ngự, cửu Nhĩ và thập Thủ.

- Bộ Nhứt Lý: Bộ Nhứt Lý trong nhạc Tài tử có nguồn gốc từ các làn điệu Lý, trong dân ca, còn được gọi là các bài Lý, được soạn theo phong cách tài tử. Các bài Lý trong nhạc tài tử thông dụng, như: Lý Con Sáo, Lý Ngựa Ô Nam, Lý Ngựa Ô Bắc, Lý Thập Tình, Lý Giao Duyên, Lý Sâm Thương... Trong quá trình phong trào Đồn ca tài tử phát triển, số lượng bài Lý được đưa vào hệ thống bài bản nhạc tài tử ngày càng nhiều, làm phong phú tính chất thể hiện của Bộ Nhứt Lý. Bộ Nhứt Lý được trích sử dụng trong những buổi sinh hoạt Đồn ca tài

tử cá nhân, gia đình, nhóm bạn, giao lưu. Trong nhiều cuộc liên hoan đờn ca tài tử, Bộ Nhứt Lý ít được sử dụng.

- Bộ Nhì Ngâm: Bộ Nhì Ngâm trong nhạc tài tử có nguồn gốc từ phong cách Ngâm, Vịnh, đọc, nói thơ, có từ truyền thống. Ngâm Vịnh là phong cách vận dụng các hơi điệu, như: Xuân, Ai, Bắc, Oán, Sa Mạc, Tao Đàn... Đọc thơ, đọc văn là phong cách vận dụng các cách đọc thơ, đọc văn, đọc truyện truyền thống. Đọc thơ, đọc văn đi vào trong biểu diễn nhạc tài tử thành nói lối, nói lối đậm, câu thán trong lòng bài bản. Nói thơ trong lòng bài bản là vận dụng, phát huy cách nói thơ Vân Tiên vào trong lòng bài bản. Mặc dù các thể Ngâm chưa hình thành tác phẩm âm nhạc, nhưng những giai điệu độc đáo của bộ Ngâm được đưa vào hệ thống bài bản nhạc tài tử, góp phần làm phong phú sức biểu hiện của hệ thống bài bản nhạc tài tử trong phong trào Đờn ca tài tử, phục vụ cộng đồng.

- Bộ Tam Nam: Bộ Tam Nam trong nhạc tài tử, có nguồn gốc từ nhạc lễ Nam Bộ, gồm có 3 bản, như: Nam Xuân, Nam Ai và Đảo Ngũ Cung, còn được gọi tắt là Ba Nam, Ba Bài Nam. Ba Bài Nam được xếp vào 20 bản Tổ nhạc tài tử.

+ Bản Nam Xuân có 68 câu, nhịp tư. Mỗi câu Nam Xuân có 4 nhịp. Bản Nam Xuân được chia thành 8 lớp và 4 câu Phản, bao gồm 2 lớp Trống Xuân. Như vậy 2 lớp Trống Xuân có 16 câu.

+ Bản Nam Ai có 68 câu, nhịp tư. Mỗi câu Nam Ai có 4 nhịp. Bản Nam Ai được chia thành 8 lớp, và 4 câu Phản, bao gồm 2 lớp Trống Ai. Lớp Trống Ai còn được gọi là lớp Mái. Như vậy 2 lớp Trống Ai có 16 câu.

+ Bản Đảo Ngũ Cung có 68 câu, nhịp tư. Mỗi câu Đảo Ngũ Cung có 4 nhịp. Bản Đảo Ngũ Cung được chia thành 8 lớp, và 4 câu Phản, bao gồm 2 lớp Song Cước. Như vậy 2 lớp Song Cước có 16 câu.

Bộ Tam Nam, với 3 bản nhạc có số câu bằng nhau, có cấu trúc hình thức tương tự, được sáng tác trên các kiểu thang âm Nam, là một trong những bộ bài bản được xem là tuyệt tác trong hệ thống bài

bản nhạc tài tử, được sử dụng trong tất cả các cuộc sinh hoạt, phong trào đờn ca tài tử.

- Bộ Tứ Oán: Bộ Tứ Oán là những tác phẩm âm nhạc tài tử được sáng tác từ những chất liệu âm nhạc đặc thù ngũ âm, ngũ điệu của nhạc tài tử. Tất cả 10 tác phẩm trong bộ Tứ Oán đều có cùng một loại hơi, được gọi là hơi Oán. Cấu trúc của những bản Oán đều tương tự như nhau, về cấu trúc câu, thang âm, loại nhịp, đến nỗi, người thưởng thức phải chú ý mới có thể phân biệt được.

Bộ Tứ Oán được chia thành 3 loại, như: Oán chính, Oán phụ và Oán biến thể.

+ Loại Oán chính gồm có 4 tác phẩm, như: Tứ Đại Oán, Phụng Hoàng Lai Nghi, Giang Nam Cửu Khúc và Phụng Cầu Hoàng Duyên.

Bản Tứ Đại Oán, có 38 câu, có gốc từ bản Tứ Đại nhịp tư; Phụng Hoàng Lai Nghi, có 48 câu, có gốc từ bản Phụng Hoàng nhịp tư; Giang Nam Cửu Khúc, có 58 câu, có gốc từ bản Giang Nam nhịp tư và bản Phụng Cầu Hoàng Duyên, có 40 câu, có gốc từ bản Phụng Cầu nhịp tư.

+ Loại Oán phụ gồm có 4 tác phẩm, như: Bình Sa Lạc Nhạn có 37 câu, Thanh Dạ Đề Quyên có 32 câu, Ngươn Tiêu Hội Oán có 32 câu và Võ Văn Hội Oán có 32 câu. Cả 4 bản nhạc trong loại Oán phụ này đều được sáng tác theo nhịp tám. Trong đó, bản Thanh Dạ Đề Quyên do nghệ sĩ ưu tú Nguyễn Văn Thịnh sáng tác; bản Bình Sa Lạc Nhạn do nghệ sĩ ưu tú Võ Văn Khuê soạn lục, sáng tác lời ca và phổ biến. Được xếp vào loại Oán phụ, vì những bản này ra đời sau loại Oán chính, cấu trúc, hơi điệu của chúng bổ sung phong cách Oán cho loại Oán chính.

+ Loại Oán biến thể gồm có 2 tác phẩm, như: Văn Thiên Tường và Trường Tương Tư. Văn Thiên Tường, có 42 câu, là bản nhạc được sáng tác để tôn vinh, tưởng nhớ anh hùng dân tộc Thủ Khoa Huân, theo nhịp tư lơi, hay còn gọi là tám thúc. Bản Trường Tương Tư, theo nhịp tám thúc, có gốc từ bản Tương Tư nhịp tư. Bản Tương Tư, có 28 câu, là một tác phẩm được cảm tác từ bản Nam Cung Bằng, nhạc

Miền Trung. Biến thể trong khúc thức là do một số câu vừa theo điệu Oán lại vừa theo điệu Ai.

Bộ Tứ Oán trong hệ thống bài bản nhạc tài tử là những tác phẩm đặc trưng về thang âm, hơi điệu, đến cấu trúc hình thức âm nhạc, được xem như những tuyệt tác trong hệ thống bài bản nhạc tài tử, thường được trích sử dụng trong hầu hết các cuộc biểu diễn giao lưu, liên hoan Đờn ca tài tử, và một số chương trình Đờn ca tài tử, thể hiện tính trữ tình sâu lắng.

- Bộ Ngũ Điểm: Bộ Ngũ Điểm, trước đây gồm có 5 bản: Lưu Thủy, Phú Lục, Bình Bán, Cổ Bản và Xuân Tình, đề xuất của tác giả, gồm các bản nhạc có nguồn gốc từ các bản theo điệu Quảng, bao gồm điệu nhạc Ngũ Quảng và điệu nhạc Hoa, các bản nhỏ. Các bản nhạc trong Bộ Ngũ Điểm, lấy chủ điệu làm chính, lấy cấu trúc làm phụ, như: Ngũ điểm mai, Tọa ngọc lầu, Sương chiều, Tú anh... Hầu hết các bài bản này không được xếp câu cụ thể.

Bộ Ngũ Điểm được sử dụng trong các buổi sinh hoạt Đờn ca tài tử phổ thông, trong gia đình, nhóm bạn, phục vụ công chúng.

- Bộ Lục Xuất: Bộ Lục Xuất trong nhạc tài tử, có nguồn gốc từ mở nhịp, phóng tác, sáng tác các điệu thức Bắc. Bộ Lục Xuất gồm có 6 nhóm bản nhạc có tên đầu, như: Lưu Thủy, Phú Lục, Bình Bán, Cổ Bản, Xuân Tình và Tây Thi. Bao gồm 6 bản tấu thủ, 6 bản đoản, vắn thủ, 6 bản trường, chấn thủ; 6 bản tấu vĩ, 6 bản đoản, vắn vĩ, 6 bản trường, chấn vĩ. Như vậy, Bộ Lục Xuất có 36 bản nhạc.

Sáu Bản Bắc, còn gọi là Sáu Bắc, nằm trong bộ Lục Xuất, gồm có các bản nhạc như: Lưu Thủy trường, Tây Thi trường, Cổ Bản trường, Phú Lục chấn, Bình Bán chấn và Xuân Tình chấn. Theo trên, Sáu Bắc gồm có 3 bản chấn và 3 bản trường.

Trong những cuộc biểu diễn giao lưu, liên hoan Đờn ca tài tử, 6 Bắc gồm có các bản nhạc, được xếp thứ tự theo chữ nhạc vô đầu bản nhạc, như: Lưu Thủy trường 32 câu, Phú Lục chấn 34 câu, Bình Bán chấn 44 câu, Cổ Bản vắn 34 câu, Xuân Tình chấn 48 câu và Tây Thi vắn 26 câu.

Trong biểu diễn, thông thường 6 Bắc được diễn tấu theo từng cặp, như sau: Lưu Thủy - Phú Lục, Bình Bán - Xuân Tình, Tây Thi - Cổ Bản.

Bộ Lục Xuất, với 36 bản nhạc có cùng thang âm Bắc, có cùng hơi Bắc, có cấu trúc hình thức đa dạng. Trong đó, 6 bản Bắc được xếp vào 20 bản Tổ, là số trong những tác phẩm kinh điển trong nhạc tài tử, được trích sử dụng trong hầu hết các chương trình Đờn ca tài tử.

- Bộ Thất Chánh: Bộ Thất Chánh trong nhạc tài tử, có nguồn gốc từ việc mở nhịp, phóng tác, các bản nhạc trong Nhạc lễ Nam Bộ. Bộ Thất Chánh gồm có 7 nhóm bản nhạc có tên đầu, như: Xàng Xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng, Long Ngâm, Vạn Giá và Tiểu Khúc.

Bảy Bài, trong bộ Thất Chánh, còn được gọi với một số tên khác, như: Bảy bài cò, bảy bài hạ, bảy bản bắc lớn, bảy bản bắc lẻ. “Bảy bài” là tên gọi thông dụng nhất trong dân gian để dành cho bảy tác phẩm âm nhạc có tính chất nhạc nghiêm trang. Bảy bài là 7 tác phẩm âm nhạc được xếp vào 20 bản Tổ nhạc tài tử.

Một số giải thích các từ trên như sau:

Gọi là Bảy bài, vì gốc của 7 bản nhạc này là nhạc lễ Nam Bộ, nhạc lễ không có lời ca. Các tài tử viết lời cho các bản nhạc trên, hình thành Bảy bài. Bảy bài này có lòng bản không trùng với 7 bản nhạc trong nhạc lễ Nam Bộ. Cũng có cách giải thích rằng, bài là bản nhạc, hoặc lời ca hình thành từ cách soạn, sáng tác dựa vào bản nhạc gốc.

Gọi là Bảy bài cò, vì 7 bản nhạc này có xuất xứ từ nhạc lễ Nam Bộ, mà bộ văn của dàn nhạc lễ chủ yếu là đờn cò.

Gọi là Bảy bài hạ, vì 7 bản nhạc này thường được diễn tấu trên Dây Hạ, nghĩa là lấy Cung Hò Ba làm Liu.

Gọi là Bảy bản Bắc lớn, vì khi biểu diễn 7 bản nhạc này, một số tài tử đã chỉ sử dụng kết cấu câu nhạc, còn hơi điệu thì đã chuyển qua hơi Bắc, như Sáu Bắc.

Gọi là Bản bản Bắc Lễ, vì khi viết lời, hoặc biểu diễn, một số tài tử đã sử dụng đàn xem giữa hơi Bắc là hơi Lễ (hơi Thất Chánh) vào 7 tác phẩm này.

Bảy bài trong 20 bản Tổ, gồm: Xàng Xê có 64 câu, Ngũ Đối thượng có 60 câu, lại có Bản Ngũ Đối thượng 61 câu, Ngũ Đối hạ có 38 câu; Long Đăng có 40 câu; Long Ngâm có 33 câu; Vạn Giá có 47 câu và Tiểu Khúc có 29 câu, đều theo nhịp tư.

Bảy bài, trong Bộ Thất Chánh nhạc tài tử, có hơi điệu trang nghiêm, đặc trưng, góp phần tạo nên bản sắc độc đáo của 20 bản Tổ, được sử dụng trong các cuộc biểu diễn giao lưu, liên hoan Đờn ca tài tử.

- Bộ Bát Ngự: Bộ Bát Ngự trong nhạc tài tử gồm 8 bản nhạc, được nghệ nhân Nguyễn Quang Đại sáng tác, gồm: Đường Thái Tôn 32 câu, Vọng Phu 33 câu, Chiêu Quân 43 câu, Ái Tử Kê 19 câu, Bát Man Tấn Cống 96 câu, Tương Tư 77 câu, Duyên Kỳ Ngộ 62 câu và Quả Phụ Hàm Oan 59 câu. Tất cả đều theo nhịp đôi.

Bộ Bát Ngự ít được sử dụng trong các chương trình liên hoan Đờn ca tài tử khu vực, nhưng được sử dụng rộng rãi trong các cuộc giao lưu biểu diễn, đặc biệt trong dịp Lễ hội Nguyễn Quang Đại.

- Bộ Cửu Nhĩ: Bộ Cửu Nhĩ, còn được gọi là Bộ Cửu Phẩm, gồm những tác phẩm được sáng tác trên nhiều khúc thức, hơi điệu khác nhau. Trước đây Bộ Cửu Nhĩ có 2 bản nhạc: Hội Ngươn Tiêu 32 câu và Bắc Bản Chấn 72 câu, đều theo nhịp tư. Trong quá trình phát triển phong trào Đờn ca tài tử, nhiều bài bản được sáng tác theo điệu của Bộ Cửu Nhĩ, như: Loại Ngũ châu, Tứ bửu, Ngũ Châu Minh Phổ, Ngũ Khúc Long Phi, Khúc Hận Nam Quan, Ngũ Châu Liên Cước... có thể được xếp vào bộ này.

Bộ Cửu Nhĩ ít được trích sử dụng trong các cuộc liên hoan Đờn ca tài tử, nhưng thường được sử dụng rộng rãi trong giới yêu thích ca nhạc tài tử.

- Bộ Thập Thủ: Bộ Thập Thủ trong nhạc tài tử có gốc từ các bản nhạc do các nghệ nhân nhạc sĩ tiền phong đem từ phía Bắc vào Nam, có những bản nhạc như: Phẩm tuyết, Nguyên tiêu, Liên hườn, Bình nguyên, Tây mai, Hồ Quảng, Tẩu mã, Kim tiền, Xuân phong, Long hổ. Mỗi bản này là một điệu nhạc độc đáo, thường được trích sử dụng gần như nguyên bản, trong các cuộc sinh hoạt Đờn ca tài tử, nhưng ít được sử dụng trong các cuộc liên hoan Đờn ca tài tử.

Cũng theo tác giả Huỳnh Khải thì ngoài 10 bộ trên, ta có thể có thêm 1 bộ nữa tạm gọi là Bộ Thập nhất vọng cổ, Bộ Thập nhất vọng cổ có gốc từ bản Dạ cổ hoài lang và những bản vọng cổ, gồm có các bản như: Dạ cổ hoài lang, Vọng cổ nhịp tư, Vọng cổ nhịp tám, Vọng cổ nhịp mười sáu và Vọng cổ nhịp ba mươi hai. Tất cả đều có 20 câu. Bộ Vọng cổ, với các thể nhịp thức, đều được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các cuộc sinh hoạt Đờn ca tài tử.

1.3. Biên chế dàn nhạc

Trong sinh hoạt đờn ca tài tử, biên chế dàn nhạc cũng đa dạng từ những nhạc cụ truyền thống như: Đàn kìm, đàn cò, đàn tranh, đàn nguyệt cho đến những nhạc cụ phương Tây mới du nhập khoảng những năm 1920-1930 như violon, guitar (được cải tiến bằng cách khoét lỗ phím và lên dây lại).

- Đàn kìm (nguyệt): Còn gọi là nguyệt cầm, mặt đàn tròn, cần đàn dài, ngắn từ 8 đến 10 phím bằng tre già, dây đàn bằng dây gân, thùng và cần đàn bằng gỗ, tiếng đàn phát ra với âm đục. Với tài năng của người nhạc sĩ bằng những ngón “nhấn”, “vuốt”, “giật”, “gân chìm”, “gân nổi”... tạo ra tiếng nhạc phù hợp với từng điệu thức, ưu thế của đàn kìm là đệm cho điệu thức nào cũng có hiệu quả. Trong dàn nhạc người đàn kìm thường giữ nhịp chính và được xem là “quân tử cầm”.

- Đàn tranh (thập lục): Trong dàn nhạc tài tử Nam Bộ có người rất thích sử dụng loại nhạc cụ này, cũng có người thích sử dụng nhạc cụ cổ điển. Đàn tranh có mười sáu dây, mười sáu con nhận và mười sáu trục, âm sắc của cây đàn tranh là trong sáng, véo von sử dụng được cho cả các điệu thức trong dòng nhạc tài tử Nam Bộ.

- Đàn cò (nhị): Được cấu tạo bằng một ống rỗng ngắn, một đầu có bịt da trăn hoặc da kỳ đà, một cần cắm xuyên qua ống rỗng, trên có hai trục và đòn có hai dây bằng gân hoặc kim loại. Cung vĩ căng bằng những sợi tơ mảnh, vĩ luồn qua hai dây, khi đàn là dùng vĩ kéo. Âm sắc của đàn cò nghe réo rắt và rất gợi cảm, đàn cò sử dụng cho cả các điệu thức trong nhạc tài tử Nam Bộ, nhưng ưu thế của nó vẫn là đối với các bài nhạc lễ và điệu thức oán.

- Đàn bầu: Còn gọi là đàn độc huyền, bởi nó chỉ có một dây. Nó cấu tạo rất đơn giản. Tính độc đáo của nó là không dùng âm thật của dây đàn mà dùng các phím bồi âm là chủ yếu, một cái khảy nhưng lại tạo ra nhiều chữ nhạc do phương pháp nắn vôi đàn của người nhạc sĩ, âm sắc của đàn bầu nghe rất náo nức, rung cảm cho nên trong dân gian có câu: “Đàn bầu ai khảy nấy nghe, làm thân con gái chớ nghe đàn bầu”. Cây đàn bầu có thể thích ứng với các điệu thức nhưng phát huy tốt nhất vẫn là điệu thức oán trong dòng nhạc tài tử Nam Bộ.

- Song lang: Song lang là tên của cặp phách tre cổ sơ, nó là một nhạc khí giữ nhịp được phát minh từ rất xa xưa và thường có mặt ở hầu hết các dàn nhạc truyền thống Việt Nam. Nhưng khi đến với dàn nhạc tài tử Nam Bộ thì nó được cải tiến một cách thích nghi cho người vừa đàn vừa gõ nhịp chính. Người đàn và người ca bao giờ cũng chú ý đến lược gõ nhịp song lang, bởi đó là tiếng báo hiệu dứt câu hoặc những điểm trọng tâm trong lòng câu. Để đánh giá các nhạc công trong dàn nhạc tài tử Nam Bộ và người ca có giỏi hay không thì nhịp nhàng là yếu tố cơ bản để xác định, muốn xác định nhịp chắc hay không thì phải căn cứ vào tiếng gõ của song lang. Nếu như song lang gõ cuối câu mà các nhạc công trong dàn nhạc và người ca đều rơi cùng một trùng với nhịp gõ song lang thì mới được đánh giá là đàn giỏi, ca giỏi.

- Đàn sến: Là loại nhạc cụ mới du nhập vào Việt Nam khoảng sau thế chiến lần thứ nhất, thùng đàn có hình dạng như hoa mai, có hai dây bằng dây gân hoặc kim loại, âm sắc rất trong sáng, xôm tụ.

Ưu thế của nó là đệm cho các điệu thức Bắc, Quảng và Bảy Bài trong dòng nhạc tài tử Nam Bộ.

- Đàn violon: Còn gọi là cò Tây, là loại đàn du nhập từ phương Tây, được sử dụng bằng vĩ kéo. Người có công cải tiến để cho cây đàn violon thích nghi với dàn nhạc tài tử Nam Bộ là cố nghệ sĩ Nguyễn Văn Thịnh, nghệ sĩ Vĩnh Bảo. Với âm sắc êm dịu, ngọt ngào của cây đàn Violon đã làm phong phú thêm cho dàn nhạc tài tử Nam Bộ, nhất là đệm cho bài ca vọng cổ.

- Đàn guitar phím lõm: Cũng là loại đàn du nhập từ phương Tây nhưng nó được cải tiến một cách phù hợp đối với người sử dụng và đối với các điệu thức trong dòng nhạc tài tử Nam Bộ. Có thể nói đây là một thành công bền vững nhất trong phương hướng “thích nghi” các cây đàn phương Tây vào dàn nhạc truyền thống của Nam Bộ do chính các nghệ sĩ, nghệ nhân trong phong trào Đờn ca tài tử Nam Bộ tạo nên.

Đối với nhạc tài tử Nam Bộ, guitar phím lõm có thể nhấn nhá được theo các hơi Nam như cây đàn kìm, nhưng ưu trội hơn là nó khá thuận tiện trong hầu hết các điệu thức. Đặc biệt với hệ thống dây phong và bản phím vẫn để nguyên theo thang bình quân nhưng nó rất dễ dàng dịch giọng để thích ứng với các loại tông hát của nam và nữ, lại còn có nhiều cách so dây. Sử dụng đàn guitar phím lõm rất dễ dàng dịch chuyển từ điệu thức này sang điệu thức khác, từ cổ sang tân và ngược lại. Qua tính năng của cây đàn guitar phím lõm cho thấy nó đã chiếm vị thế rất quan trọng trong dàn nhạc tài tử Nam Bộ, có thể thế chỗ cho cây đàn kìm với vai trò là cây đàn chánh và có khi chỉ cần một cây đàn guitar phím lõm cũng đủ phục vụ cho người ca trong một cuộc đờn ca tài tử Nam Bộ.

Với tính chất “tài tử”, hiểu theo nghĩa “không chuyên nghiệp”, biên chế các nhạc khí dàn đờn tài tử không bị bắt buộc bởi số lượng hay loại nhạc khí nào ngoài yêu cầu phải thể hiện được chữ “hòa”, có thể là hòa điệu nhưng cũng có nghĩa là hòa sắc, tức âm sắc của các

nhạc khí với nhau. Hòa đàn tài tử là lối chơi theo thẩm mỹ: Hòa sắc không hòa thanh, không theo lối ba, bốn bè ở các âm vực cao, trung, trầm... như âm nhạc phương Tây. Ngoài hình thức độc tấu, những hình thức song tấu, tam tấu, tứ tấu, hòa ca... thường thấy trong hình thức hòa đờn, hòa ca tài tử. Những nghệ sĩ tài tử thích kết hợp hai hay nhiều nhạc cụ có âm sắc khác nhau. Xưa nay, đờn ca tài tử chuộng lối hòa đàn từ hai đến năm nhạc khí. Đàn kìm hòa với tranh - tiếng tơ với tiếng sắt, hoặc kìm hòa với cò - nhạc cụ dây gảy với nhạc cụ dây kéo. Câu nói cửa miệng của nhạc giới là “sắt cầm hảo hiệp” để chỉ song tấu đàn cò - đàn tranh, đàn kìm - đàn tranh, “tam chi liên hoàn pháp” để chỉ lối hòa tấu ba nhạc cụ: Đàn kìm - đàn tranh - đàn cò, đàn kìm - đàn tranh - đàn độc huyền (đàn bầu), đàn tranh - đàn cò - đàn độc huyền... Hoặc, đơn giản hơn, nhạc giới có cách liệt kê và kết hợp pha trộn các nhạc cụ hòa tấu theo thứ tự: “Kìm - cò - tranh - độc - tiêu”...

Cách hòa đàn “tâm đắc” nhất của nhạc giới tài tử, theo nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo là:

- Song tấu: Đàn kìm - đàn tranh, đàn kìm - đàn cò, đàn kìm - đàn bầu.

- Tam tấu: Đàn kìm - đàn tranh - đàn cò, đàn kìm - đàn cò - đàn bầu.

- Tứ tấu: Đàn kìm - đàn tranh - đàn cò - đàn tam hoặc đàn kìm - đàn tranh - đàn cò - đàn tỳ bà (vào những năm 30 thế kỷ XX, nhưng hai nhóm này thích hợp với những bản Bắc, Lễ).

- Ngũ tuyệt: Đàn kìm - đàn cò - đàn tranh - đàn độc huyền - ống tiêu (loại 5 lỗ).

Trong hòa tấu tài tử xưa không thấy xuất hiện những nhóm hòa đàn có hai hay ba nhạc cụ cùng âm sắc. Xu hướng đưa vào dàn hòa tấu thật nhiều nhạc cụ, thậm chí các nhạc cụ cùng âm sắc như kìm, guitare phím lõm, sến, đoản, tam... của một số nhóm đờn ca tài tử ngày nay chỉ làm cho rậm rộ, xôm tụ chứ không thể hiện được đặc điểm hòa sắc các nhạc cụ của lối hòa tấu tài tử. Nhiều nhạc cụ cùng

âm sắc, khi chơi cùng nét giai điệu hoặc khả dĩ có thể ngẫu hứng, thêm thắt hoa lá cũng dễ bị lẫn vào nhau, không thể bày ra hết được những nét riêng của từng nghệ sĩ, những nét nhấn nhá sâu sắc trong từng cung bậc, vốn là đặc trưng của âm nhạc tài tử.

Tuy chọn lựa nhạc khí để “hòa sắc”, để tạo nên những âm thanh phù hợp phong cách... nhưng trong điều kiện dân dã, dàn đồn tài tử cũng có thể là bất cứ nhạc khí nào. Yêu cầu trong hòa đồn ca là người nghệ sĩ phải biết hòa điệu, biết nhường nhịn, nhưng cũng biết quăng bắt... cho ra chất tài tử. Ngày nay, do lẫn lộn giữa phong cách tài tử và cải lương nên dàn đồn tài tử ít được chăm chút, người ta không nắn nót từng chữ đàn, không tạo ra những câu nhạc, chữ đàn riêng, mỗi nhạc sĩ không còn tạo lối thêm thắt hay nhấn nhá mang cá tính nữa. Trong các buổi hòa đồn ca, người ta chỉ cố đàn cho đủ những chữ đồn của thầy, hoặc theo bài bản ghi sẵn, hoặc bắt chước chữ đàn của nhau mà thôi. Từ đó, dàn đồn tài tử, những lựa chọn nhạc khí, tính chất hòa sắc đã không còn là mối quan tâm trong buổi hòa đồn tài tử nữa mà chỉ cốt “rôm đám, xôm tụ”...

2. Vài nét về nghệ nhân Đồn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai

Theo các tài liệu về lịch sử đồn ca tài tử của các bậc tiền bối để lại thì nhạc sư Nguyễn Quang Đại đã có công lớn đào tạo được nhiều thế hệ nghệ sĩ kế thừa, nhất là thế hệ đầu tàu. Thế hệ này sau khi lĩnh hội được những bài bản của thầy truyền dạy đã mang vốn kiến thức âm nhạc ấy về truyền dạy lại cho lớp đàn em. Theo Trương Quốc Phong, có nhiều nơi mà nhạc sư Nguyễn Quang Đại đã từng mở lớp truyền dạy và có đệ tử chân truyền, gồm: “Tại Đa Kao (Sài Gòn), xóm Hàng Dừa trước cổng lăng Ông Bà Chiểu, quận Bình Thạnh, ông đào tạo các nhạc sĩ lừng danh lúc bấy giờ là Sáu Thới và Tám Hạnh. Ông Sáu Thới (tức Lại Văn Thới) sau đó tiếp tục truyền dạy cho các học trò của mình là Giáo Thịnh (tức Nguyễn Văn Thịnh), rồi Tư Nghi, Năm Cần... Tại Cần Đức, Cần Giuộc (Long An), nhạc sư Nguyễn Quang Đại truyền dạy và đào tạo được các nhạc sĩ tài ba như: Nhạc Láo, Nhạc Thời, Hai Bầu, Hai Tò Le, Ba Đống, Năm Khiết, Năm Quỳnh,

Năm Tịnh, Năm Xem, Sáu Giỏi, Sáu Thoàn, Bảy Lung, Chín Chiêu, Mười Hai Dương, Xã Năm... Ở Sông Bé (Bình Dương) có: Sư Dung, Út Búng, Út Lãng... Tại Đồng Nai, ông cũng có những môn đệ như Văn Kiên (kèn), Võ Phải (trống) lừng danh trong giới nhạc lễ một thời. Như vậy, ngay từ thời của nghệ nhân Ba Đợi - tức là thời kỳ mở đầu của bộ môn nghệ thuật này thì Đồng Nai cũng góp mặt anh tài. Hiện nay, dấu vết về 2 môn đệ của thầy Ba Đợi ở Đồng Nai khá mờ mịt nhưng một vài người khẳng định Võ Phải là nói đến ông Ba Phải - một tay trống nhạc lễ cự phách đầu thế kỷ 20. Người cháu nội của ông Ba Phải là ông Năm Thu (phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa) cũng là dân nhạc lễ. Thật đáng tiếc ông Năm Thu mới chết cuối năm 2015, thọ hơn 90 tuổi và chúng tôi chưa kịp gặp gỡ để hỏi thăm về những nhân vật này.

Một trong những danh cầm của Đồng Nai còn được ghi chép nhiều là ông Võ Tấn Hưng thường gọi là Năm Hưng, tên thật là Võ Văn Giũ, sinh năm 1913 tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Do duyên may gặp gỡ chàng thanh niên nhiều tâm huyết của đất Đồng Nai này được thọ giáo với ông Giáo Thịnh một danh cầm lúc bấy giờ. Võ Tấn Hưng rất siêng năng học tập và được thầy Giáo Thịnh hết lòng dạy dỗ nên chỉ vài năm sau đã tiếp thu gần như trọn vẹn sở đắc của thầy, ngoài ra ông còn học tập cả những kinh nghiệm quý báu của các bạn đồng môn, của những người đi trước; ông lại thường tham gia đàn ca tài tử với bạn bè các nơi, tiếng đàn của ông lại rất mùi nên chỉ trong một thời gian ngắn cái tên Năm Hưng - cái tên mà thầy ông thường gọi đã được nhiều người biết đến.

Năm 1930, Võ Tấn Hưng đã bắt đầu chơi nhạc cho nhiều đoàn hát từ những đoàn hát nhỏ cho đến những đại bang. Đoàn hát đầu tiên mà ông phục vụ, đó là đoàn Phước Tường, nhưng chỉ được ít lâu ông lại hợp đồng với đoàn Long Phụng, rồi lần lượt sang các đoàn Tiến Hóa, Huỳnh Kỳ, Thịnh Thịnh... Năm 1940, ông được Bảy Cao mời về đoàn Hậu Tấn Bảy Cao, bắt đầu từ đó cuộc đời của ông có sự thay đổi khá lớn, ông được nhiều đại bang chú ý; nhưng cuộc đời

nghệ sĩ của ông cũng như khóm phù bình trôi mãi theo dòng sông, Năm Hưng lại tiếp tục sang các đoàn Tiếng Chuông, Tân Hương Hoa, Kim Chưởng... Suốt mười lăm năm sống với ánh đèn sân khấu, nghệ thuật của ông càng điêu luyện hơn, tiếng đàn của ông truyền cảm và sâu lắng hơn, lại được nhiều người ái mộ và coi trọng. Mãi đến năm 1946, khi ông về cộng tác với đoàn Mộng Vân, ông mới gặp được người bạn ý hợp tâm đầu, là soạn giả Mộng Vân. Tại đây ông mới thực sự tìm được hướng đi đúng đắn, đó là sáng tác giai điệu mới và biên soạn tác phẩm để lại cho đời sau. Mộng Vân đã động viên và tạo điều kiện giúp ông rất lớn trong công việc đầy đủ ý nghĩa này. Năm Hưng đã sáng tác được nhiều bài bản mới như: *Hạng vương túy tửu*, *Hương xuân hoài cảm*, *Hàn Tín tháo gươm*, *Tô châu diễm khúc*, *Sa giang diễm khúc*, *Tú cầu diễm lệ*, *Mã Yên sơn*, *Ngọc nát châu trầm*, *Hận tình ly oán*, *Thương hải băng sơn* và một số bài bản mang tên các loài hoa như: *Bích đào*, *Thược dược*, *Kê quan*, *Trà mi*, *Hải đường*, *Mộc hương*... Song song với việc sáng tác tác phẩm, Năm Hưng còn ghi chép và sưu tầm các bài bản xưa để lưu lại cho thế hệ sau kế thừa. Ông đã mua một bàn đánh máy nhỏ để tiện việc ghi chép và sưu tầm, ông rất hăng say trong việc làm này, ông sắp xếp từng loại bài bản, sau khi ghi chép còn tham khảo và hiệu đính rất cẩn thận trước khi đánh máy.

Năm 1954, Năm Hưng đã hoàn thành được một tác phẩm, đây là quyển sách đầu tiên của ông mang tên *Cổ nhạc canh tân*, gồm một số bài bản thường dùng cho sân khấu cải lương. Ông lại tiếp tục sưu tầm, ghi chép, biên soạn đến cuối năm 1971, ông đã hoàn thành một bộ sách thật lớn, đó là bộ *Cổ nhạc tâm nguyên*, theo nhạc sĩ Năm Nhỏ thì tác giả đã chia bộ sách này thành bốn tập; tập I đã viết xong năm 1958 và cũng đã xuất bản vào năm đó, còn các tập kia mãi đến ngày ông qua đời vẫn chưa xuất bản được. Đây là một bộ sách đồ sộ đã được Năm Hưng ghi chép, phân loại và hiệu đính gần như đầy đủ các bài bản đàn ca tài tử và sân khấu cải lương trong suốt hai mươi năm dài; tiếc thay chưa xuất bản được trọn bộ.

Trong những năm cuối của cuộc đời Năm Hưng bị bệnh đau bao tử khá nặng, ông đã trở lại quê hương của mình cùng gia đình sinh sống ở đây; mặc dù tuổi già sức yếu nhưng ban đêm ông vẫn gắng sức dạy học trò, vẫn tiếp tục trả nợ cầm ca cho đến giây phút cuối. Năm 1983, ông đã qua đời sau một cơn bạo bệnh.

Được biết, hiện nay, trong Thư viện tỉnh Bạc Liêu còn lưu lại tập bản thảo khá dày được đóng bằng giấy đánh máy trong đó có một số trang viết bằng tay. Trang bìa còn bút tích của tác giả, phần trên cùng ghi *Cổ nhạc tầm nguyên*, kế đến là hàng chữ Sư tầm và biên soạn của nhạc sư Năm Hưng và dưới cùng là mùa Đông năm Tân Hợi (1971). Nội dung bản thảo, nếu theo mục lục thì tác giả đã trình bày 160 bài bản, gồm các bản cổ và các sáng tác mới trong tiền bản thế kỷ 20, nhưng trên thực tế của tập bản thảo này thì chỉ còn lại 28 bản dài và 90 bản vắn mà thôi, 42 bản không rõ đã bị thất lạc từ lúc nào. Tuy nhiên, bản thân ông khi đánh máy nhiều bản nên bộ bản thảo *Cổ nhạc tầm nguyên* cũng được một vài người khác có được như Ông Hai Vĩnh (CLB đờn ca tài tử tỉnh Đồng Nai) hay nhạc sĩ Tấn Nhì. Bản thảo *Cổ nhạc tầm nguyên* được nhạc sĩ Tấn Nhì gom góp sưu tập, đánh máy lại và phổ biến trong giới chơi đờn ca tài tử nhưng theo một số người am hiểu thì những bản nhạc này đã bị nhạc sĩ Tấn Nhì có sửa đổi một số chỗ nên nhiều người không biết được tính nguyên vẹn và tiếc là nó chưa được chính thức công bố nguyên vẹn ngoại trừ tập 1 được xuất bản năm 1958.

Có thể nói, ở đất Đồng Nai thì nhạc sư Năm Hưng là một người có đóng góp to lớn cho nghệ thuật đờn ca tài tử cũng như sân khấu cải lương. Đáng tiếc là đóng góp của ông chưa được nhiều người biết đến đặc biệt là bộ sách *Cổ nhạc tầm nguyên* với những sưu tầm về bài bản, giới thiệu các nghệ nhân, nhạc sĩ lừng danh một thời. Đây là một tài liệu quý giá cho những ai nghiên cứu về đờn ca tài tử Nam Bộ.

Một bậc nhạc sư khác có liên quan đến đất Đồng Nai phải kể đến là ông Tư Nghi tức Phạm Văn Nghi. Ông Tư Nghi thuộc hàng sư huynh, sư đệ với ông Giáo Thịnh và rất nổi tiếng trong giới tài tử

trước năm 1975 ở Sài Gòn. Ông vốn là một công chức, vợ ông là danh ca Hồ Thị Bửu. Ông Nghi sử dụng điêu luyện nhiều loại nhạc khí như: Tranh, kìm, cò, gáo; bài bản nhiều và cơ bản. Sau năm 1975, vợ chồng ông bà đi kinh tế mới tại Định Quán và đã chết tại đây. Cách đây vài năm, các học trò và ông Hai Sáng (con của ông Tư Nghi) đã hốt cốt ông đem về thờ tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây dần trở thành nhà thờ tổ và là nơi thờ cúng các đại danh cầm của nghệ thuật đồn ca tài tử. Chúng tôi chưa có dịp tìm hiểu thời gian ở Định Quán ông có đào tạo được học trò nào không nhưng theo một số người thì bài *Ngũ Đối Ai* được ông sáng tác trong thời kỳ ở Định Quán và được ông Trần Ngọc Thạch lên tận nơi xin về phổ biến trong giới tài tử miền Đông.

Một câu chuyện khác về đồn ca tài tử có liên quan đến Đồng Nai là nhạc sỹ Văn Còn, tên thật là Nguyễn Văn Còn, sinh năm 1924 tại làng Tân Ninh, huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định, nay thuộc xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Văn Còn là nhạc sĩ cho nhiều gánh cải lương một thời. Năm 1953, ông tạm nghỉ đồn cải lương, lên Long Khánh sống bằng nghề khai thác gỗ rừng. Trong những đêm nhớ sân khấu, nhớ người thân, bè bạn, Văn Còn mang cây đồn ghi ta ra độc tấu, và trong quá trình ấy, nhạc sĩ Văn Còn đã sáng tác kiểu dây mới trên đồn guitar. Khi trở lại Sài Gòn, Văn Còn được mời vào đồn cho quán Lệ Liễu ở Thị Nghè. Với hệ thống dây “mới chế”, tiếng đồn guitar của ông đã nhanh chóng chinh phục giới mộ điệu. Văn Còn gọi dây là dây Bảo Chánh vì nó ra đời tại ga xe lửa Bảo Chánh (Xuân Lộc). Kiểu dây Bảo Chánh được nhạc sĩ Văn Còn đàn lần đầu tiên qua bài vọng cổ *Năm xương tàn* do nghệ sỹ Hữu Phước ca. Từ đây, danh tiếng nhạc sỹ Văn Còn càng vang xa hơn. Sau đó, kiểu dây Bảo Chánh được đổi tên thành dây Ngân Giang và đã trở thành một loại dây chính trên cây guitar phím lõm trong nghệ thuật đồn ca tài tử Nam Bộ.

Từ tư liệu, hồi ký của ông Mười Phú - một trong những cao thủ đồn ca tài tử thì ông có một số bạn hữu chơi đàn rất giỏi ở Đồng

Nai như: Ba Nhị, Ba Thân, Bảy Dưa, Hà Khuê, Bảy Vân, Giáo Cẩn, Năm Bá, Tư Tải, Hiếu Nghĩa, Kim Âu... những bậc nghệ nhân này hầu hết đã qua đời và gần như không có người nối nghiệp ngoại trừ ông Ba Thân có người con trai là Tấn Đức vẫn đam mê đồn ca tài tử, thường xuyên tổ chức đồn ca tài tử tại nhà. Hàng đêm, anh còn tham gia tổ chức quán hát với nhau chuyên chơi nhạc tài tử và vọng cổ ở Biên Hòa.

Phong trào đồn ca tài tử của Đồng Nai có nhiều thăng trầm với các nghệ nhân, nghệ sĩ một thời nhưng hiện nay, nhắc đến đồn ca tài tử Đồng Nai là nhắc đến tên Phạm Lơ - người có công gây dựng nên phong trào đồn ca tài tử ở Đồng Nai. Năm 1994-1995, ông Phạm Lơ qui tụ được một nhóm tài tử giỏi và thành lập Câu lạc bộ đồn ca tài tử trực thuộc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh. Đến năm 1997 thì Câu lạc bộ này được chính thức thành lập và hoạt động hiệu quả đến nay. Dưới sự cố gắng của ông Phạm Lơ cùng với sự nhiệt tâm của các thành viên nòng cốt như: Nam Lợi, Hai Vĩnh và đặc biệt là sự quan tâm của các cấp lãnh đạo lúc đó như ông Huỳnh Văn Tới nên Câu lạc bộ này đã có sự phát triển khá mạnh và kéo theo phong trào lớn mạnh và rộng khắp như hiện nay. Ngay cả những thời điểm khó khăn của phong trào như hiện nay, Câu lạc bộ đồn ca tài tử của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh vẫn sinh hoạt hàng tuần là nhờ sự lèo lái của ông Phạm Lơ. Có thể nói, ông Phạm Lơ đã có những đóng góp không nhỏ trong phong trào đồn ca tài tử ở địa phương.

Một nghệ nhân khác phải kể đến trong phong trào đồn ca tài tử ở Đồng Nai là ông Năm Lợi. Ông tên là Lê Văn Lợi, nhà ở phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa. Nhà ông 4 đời làm nghề nhạc lễ. Ông kể lại là hồi xưa, ông tổ vốn là dân Long An, sau đó chuyển về Biên Hòa hành nghề nhạc lễ. Từ nhỏ, ông đã theo cha chơi nhạc lễ và thành thạo đồn kìm, cò, sến. Sau rảnh rỗi học thêm guitar phím lõm. Ông cũng là một trong số ít những người chơi thành thạo 20 bản tổ và còn nhiều hơn thế ở Đồng Nai. Ngoài ra, ông còn dạy khoảng 30 học trò, trong đó đã có một số người đã ra nghề và chơi tốt.

Có thể nói, ông Năm Lợi hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu nghệ nhân dân gian.

3. Thực trạng các câu lạc bộ Đờn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai

Tỉnh Đồng Nai là một trong 21 tỉnh thành phía Nam có truyền thống lưu giữ và phát huy loại hình Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ. Trước đây, các hoạt động giao lưu, trình diễn đờn ca tài tử chủ yếu diễn ra ở quy mô nhỏ, mang tính chất giao lưu giữa các nghệ nhân, tài tử lớn tuổi.

Kể từ khi Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, các cơ quan quản lý văn hóa và cộng đồng đã dành nhiều quan tâm hơn đến việc bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật này. Các câu lạc bộ Đờn ca tài tử hoạt động sôi nổi, tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Các nghệ nhân và tài tử đã có ý thức hơn trong việc truyền dạy và gìn giữ di sản văn hóa quý báu này.

Đặc điểm của người nắm giữ và thực hành di sản Đờn ca tài tử hiện nay gồm: Người dạy đàn (thầy Đờn) có kỹ thuật đàn giỏi, thông thạo những bài bản cổ, dạy cách chơi nhạc cụ; người đặt lời (thầy Tuồng) nắm giữ tri thức và kinh nghiệm, sáng tạo những bài bản mới; người dạy ca (thầy Ca) thông thạo những bài bản cổ, có kỹ thuật ca điệu luyện, dạy cách ca ngâm, ngân, luyến... người đờn (danh Cầm) là người chơi nhạc cụ và người ca (danh Ca) là người thể hiện các bài bản bằng lời.

Đờn ca tài tử được truyền dạy theo hai hình thức: Truyền ngón, truyền khẩu trực tiếp tại nhà, câu lạc bộ gia đình, dòng họ; truyền ngón, truyền khẩu kết hợp với giáo án, bài giảng tại một số trường văn hóa nghệ thuật địa phương và quốc gia. Người học đờn cần ít nhất 3 năm để học những kỹ năng cơ bản như: Rao, rung, nhấn, khảy, búng, phi, vê, láy... học chơi độc chiếc, tam tấu, tứ tấu, ngũ tấu, lục tấu với các nhạc cụ khác nhau. Người học ca (đơn ca, song ca) học những bài truyền thống, trên cơ sở đó sáng tạo ra cách nhấn nhá, luyến láy tinh tế theo nhạc điệu và lời ca của bài gốc.

Tính đến tháng 02/2025, toàn tỉnh Đồng Nai có 44 câu lạc bộ Đờn ca tài tử với 498 nghệ nhân (năm 2016 có 31 câu lạc bộ với 351 nghệ nhân) cụ thể như sau:

- Thành phố Biên Hòa là địa phương có phong trào đờn ca tài tử phát triển mạnh với 37 nghệ nhân, gồm câu lạc bộ đờn ca tài tử thuộc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh do ông Phạm Lữ làm Chủ nhiệm có 16 nghệ nhân; câu lạc bộ đờn ca tài tử thành phố có 9 nghệ nhân và câu lạc bộ đờn ca tài tử Thu Ngân phường Tân Vạn có 12 nghệ nhân, là nơi tập trung nhiều tay đàn giỏi như Năm Lợi, Hai Vĩnh, Phạm Văn Vang... trong đó có những nghệ nhân đang trình các cấp xét tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú. Ngoài ra thành phố Biên Hòa là địa phương có 2 câu lạc bộ với 21 nghệ nhân, đây cũng là địa phương, tập trung nhiều nghệ nhân giỏi. Mặt khác, thành phố Biên Hòa còn tổ chức giao lưu thường xuyên với tỉnh Bình Dương, nên các nghệ nhân có thể học hỏi nâng cao trình độ, kỹ năng.

- Huyện Cẩm Mỹ có 4 câu lạc bộ với 56 nghệ nhân, gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bảo Bình (11 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Quế (16 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Bảo (7 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Mỹ (22 nghệ nhân).

- Huyện Nhơn Trạch là một trong những địa phương có phong trào Đờn ca tài tử phát triển mạnh, có 8 câu lạc bộ với 76 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử huyện (12 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử thị trấn Hiệp Phước (12 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Long Tân (7 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Long Thọ (5 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Hội (9 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Hữu (12 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Thạnh (7 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phúc Thiện (12 nghệ nhân).

- Huyện Định Quán có 2 câu lạc bộ với 27 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Gia Canh (9 nghệ nhân) và Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Hòa (14 nghệ nhân) - đây cũng là huyện có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu.

- Huyện Long Thành cũng là một trong những địa phương có phong trào Đờn ca tài tử phát triển mạnh có 3 câu lạc bộ với 51 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử thị trấn Long Thành (15 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bình Sơn (10 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử Phương Nam (26 nghệ nhân) - đây là câu lạc bộ có số thành viên đông nhất tỉnh và thường xuyên hoạt động, tham gia nhiều hội thi hội diễn đạt giải cao.

- Huyện Tân Phú có 1 câu lạc bộ Đờn ca tài tử huyện với 15 nghệ nhân - đây cũng là huyện có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu.

- Huyện Vĩnh Cửu là một trong những địa phương có phong trào Đờn ca tài tử phát triển mạnh và có số lượng câu lạc bộ, số lượng nghệ nhân đông nhất, trải khắp trên địa bàn các xã, thị trấn, với 10 câu lạc bộ, 121 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử thị trấn Vĩnh An (7 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bình Lợi (10 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Thiện Tân (9 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Lý (11 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Tân An (20 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Tân Bình (20 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Trị An (12 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Vĩnh Tân (10 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Thạnh Phú (12 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử Bông Lúa Vàng (10 nghệ nhân).

- Huyện Trảng Bom có 3 câu lạc bộ với 26 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Trung Hòa (4 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Đồi 61 (14 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã An Viễn (8 nghệ nhân) - đây cũng là huyện có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu.

- Thành phố Long Khánh có 4 câu lạc bộ với 25 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử thành phố Long Khánh (8 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bảo Quang (5 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bình Lộc (7 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử phường Xuân Tân (5 nghệ nhân) - đây cũng là địa phương có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu, số lượng thành viên trong mỗi câu lạc bộ rất ít.

- Huyện Xuân lộc có 5 câu lạc bộ với 57 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bảo Hòa (15 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Suối Cát (13 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Bắc (11 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Thọ (5 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Hòa (13 nghệ nhân).

- Huyện Thống Nhất có 1 câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Hưng Lộc với 7 thành viên - đây cũng là huyện có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu.

Hiện nay, chỉ có một số câu lạc bộ mạnh, phần lớn các câu lạc bộ hoạt động gần như “hữu danh vô thực”. Có những câu lạc bộ cả năm chỉ một vài lần tổ chức sinh hoạt, hoặc khi nào có dịp cần như các đợt liên hoan hoặc địa cần vài tiết mục văn nghệ cho các dịp lễ tết, hội nghị ở địa phương mới tìm kiếm người để chơi. Điều đó đã dẫn đến một thực trạng là rất nhiều câu lạc bộ chỉ tồn tại trên danh nghĩa, khi cần thì đi thuê. Thậm chí thuê từ nhạc công đến người ca.

Lực lượng nghệ nhân Đờn ca tài tử của tỉnh Đồng Nai có sự phát triển không đồng đều. Trụ cột của phong trào Đờn ca tài tử vẫn là các nghệ nhân Đờn. Nhưng thực tế nghệ nhân Đờn của Đồng Nai chỉ có khoảng 90 người nhưng đàn tốt, có thể chơi hết 20 bản tổ chỉ có 10 người. Số nghệ nhân đàn tốt thật sự quá ít nên nền tảng cho sự phát triển phong trào chưa mạnh. Bên cạnh đó, lực lượng nghệ nhân hát lại khá đông nhưng số nghệ nhân có thể hát tốt, có kỹ thuật lại không nhiều, ca được 20 bản tổ: 8 người... Lực lượng nghệ nhân giỏi tập trung ở các địa phương như: Thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành là chủ yếu, những huyện, thành phố còn lại không được mạnh như thế. Điều này cũng khiến phong trào khó phát triển nếu không có chính sách hợp lý.

Vấn đề nữa là kinh phí hoạt động, như đã trình bày ở trên, nhiều câu lạc bộ chỉ mang tính hình thức nên kinh phí hoạt động cho nó cũng không có. Chúng tôi đã phỏng vấn ông Hai Long, Chủ nhiệm câu lạc bộ đờn ca tài tử xã Hưng Lộc và được ông cho biết khi tham

gia Liên hoan đờn ca tài tử năm 2015, câu lạc bộ của ông được Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện cho 2 triệu đồng. Với số tiền này, câu lạc bộ của ông chỉ đủ trả tiền thuê 4 nhạc công cho một đêm diễn, còn những khoản tiền khác như bồi dưỡng, mua nước uống, thuê xe... đều không có. May sao, câu lạc bộ của ông đoạt giải 2 toàn đoàn và bản thân ông cũng được một giải nên ông chỉ bị thâm lạm vài trăm ngàn tiền túi. Tình trạng phải bỏ tiền túi chơi vì đam mê như ông Nguyễn Kim Long này không biết có thể kéo dài thêm bao lâu vì bản thân ông cũng ngao ngán trước những khó khăn của câu lạc bộ mà không có lối thoát. Vấn đề kinh phí luôn được đặt ra khi chúng tôi phỏng vấn về những khó khăn của các câu lạc bộ. Mang danh là câu lạc bộ Đờn ca tài tử của huyện, trực thuộc Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện nhưng mỗi lần tập dợt, các nghệ nhân phải tự bỏ tiền túi ra mua trà đá uống với nhau, dây đàn có đứt thì cũng tự bỏ tiền túi ra mà thay. Sự khó khăn về kinh phí kéo dài trong nhiều năm và không được sự hỗ trợ nào. Thậm chí, ngay cả câu lạc bộ của Trung tâm Văn hóa tỉnh cũng không thoát khỏi cảnh khó khăn về kinh phí. Đây được xem là 1 câu lạc bộ mang tính nòng cốt của phong trào đờn ca tài tử của tỉnh, nơi tập trung nhiều nghệ nhân giỏi, có tâm huyết với nghề như: Phạm Lơ, Năm Lợi, Hai Vĩnh... được tạo điều kiện sinh hoạt thường xuyên hàng tuần. Tuy vậy, thực trạng hoạt động của câu lạc bộ này cũng không khấm khá hơn các câu lạc bộ khác. Vấn đề này là phổ biến với các câu lạc bộ đờn ca tài tử của Đồng Nai nói riêng và cả Nam Bộ nói chung.

Về đào tạo đội ngũ nghệ nhân kế thừa, hầu hết các câu lạc bộ đều gặp khó khăn về việc đào tạo đội ngũ kế thừa. Để đào tạo được 1 nghệ nhân đờn thành thạo mất rất nhiều thời gian, có khi lên đến cả chục năm. Cho nên vấn đề đào tạo đội ngũ kế thừa đối với nghệ thuật Đờn ca tài tử không thể có kết quả một sớm một chiều mà có khi nhiều năm nữa mới có thể đánh giá được. Hiện nay, về nguyên tắc, các câu lạc bộ đều mở rộng cửa đón nhận người mới tham gia để học tập đờn và hát. Tuy nhiên, thời gian sinh hoạt của các câu lạc bộ không thật sự phù hợp với việc đào tạo bởi 1 tuần sinh hoạt 1 lần và mỗi lần chỉ

vài giờ... thời gian chủ yếu dành cho việc giao lưu là chính. Nếu có dạy thì chủ yếu là dạy ca vì dạy ca dễ hơn rất nhiều và dễ cho thấy kết quả hơn.

Mặt khác, hiện có rất nhiều câu lạc bộ còn yếu, không có nghệ nhân đờn giỏi nên câu lạc bộ không thể làm công tác đào tạo do năng lực hạn chế. Ngoài ra, rất nhiều câu lạc bộ khá kén chọn việc nhận học viên mới bởi nếu học viên không có niềm đam mê thực sự thì khó mà thuyết phục được các nghệ nhân dạy cho. Có thể nói, việc đào tạo đội ngũ kế thừa cho các câu lạc bộ cần phải tìm một giải pháp đồng bộ hơn bởi mô hình hoạt động cũng như của các câu lạc bộ hiện nay chưa thực sự đáp ứng được công tác này.

Những khó khăn về mặt tài chính cũng như khó khăn về con người đặc biệt là nghệ nhân đờn thiếu thốn khiến điều kiện tổ chức các buổi sinh hoạt trở nên khó khăn. Tuy nhiên, vì sự đam mê nên nhiều câu lạc bộ vẫn tổ chức các buổi sinh hoạt thường xuyên. Các câu lạc bộ thường chọn ngày cuối tuần hoặc cuối tháng để tổ chức sinh hoạt, các thành viên được biểu diễn, tập luyện. Các thành viên trong câu lạc bộ xuất thân từ nhiều ngành nghề khác nhau nhưng cùng chung đam mê bộ môn nghệ thuật nên đã tụ họp với nhau để cùng chia sẻ.

Tuy nhiên, không phải câu lạc bộ nào cũng thường xuyên tổ chức sinh hoạt định kỳ mà nhiều khi đến các dịp cần như các kỳ liên hoan thì mới có dịp tập trung tập luyện, xây dựng chương trình để thi thố. Điều này làm phong trào đờn ca tài tử tại địa phương phát triển nặng tính phong trào, hầu như địa phương nào cũng có câu lạc bộ nhưng hoạt động cầm chừng chứ không đi vào chiều sâu và hạn chế rất nhiều sự phát triển về sau. Ngoài các dạng thức sinh hoạt định kỳ của các câu lạc bộ, ở Đồng Nai còn một số quán cà phê, cũng như nhà hàng có sinh hoạt đờn ca tài tử. Khách đến uống cà phê có thể đăng ký lên tham gia hát hò, vui là chính.

Tuy không phải là một trung tâm của Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ nhưng Đồng Nai cũng có những nghệ nhân danh tiếng, có

đóng góp nhiều cho nghệ thuật đờn ca tài tử. Hiện nay, phong trào đờn ca tài tử của Đồng Nai đã có sự phát triển bề nổi là rất đáng kể nhưng thực sự vẫn còn nhiều tồn tại nhiều vấn đề gây cản trở sự phát triển của phong trào như sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, lực lượng nghệ nhân giỏi không nhiều, sự quan tâm của các cấp chính quyền không thực sự cũng như mong muốn cho nên các câu lạc bộ cũng ít được quan tâm đầu tư một cách bài bản. Đó là những vấn đề đặt ra cho việc hoạch định các chính sách phát triển Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ của tỉnh nhà.

4. Bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ ở tỉnh Đồng Nai

Trong thời đại hội nhập ngày nay, con người trên toàn thế giới dường như đang ngày càng gần lại nhau với những khuynh hướng văn hóa đại đồng, phổ biến. Những giá trị văn hóa của ngày hôm nay dường như không còn có sự phân biệt, xa lạ với cộng đồng cư dân toàn cầu, nhưng cũng chính vì thế mà việc giữ gìn những giá trị văn hóa mang đậm dấu ấn, bản sắc riêng biệt của mỗi quốc gia lại được đề cao và coi trọng hơn bao giờ hết.

Khái niệm “bảo tồn và phát huy” đã được sử dụng trong nhiều công trình nghiên cứu và các văn kiện, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII) ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cũng đã xác định rằng: *“Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”*⁽¹⁾.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 54-79.

Âm nhạc truyền thống nói chung, đờn ca tài tử nói riêng là một bộ phận của văn hóa truyền thống Việt Nam. Việc bảo tồn và phát huy âm nhạc truyền thống là một trong những nhiệm vụ để góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc. Bảo tồn đờn ca tài tử là sự nỗ lực giữ lại những giá trị tinh hoa của bộ môn nghệ thuật này nhằm không để bị mai một. Bảo tồn luôn luôn đi đôi với việc phát huy. Bởi vì, phát huy được hiểu là hành động đưa đối tượng vào cuộc sống, góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội. Do vậy, nếu coi đờn ca tài tử như một đối tượng chỉ để bảo tồn, hoàn toàn cách biệt thế giới bên ngoài, đóng khung trong những viện bảo tàng, thì mục tiêu của việc bảo tồn này sẽ không mang lại những lợi ích cho cuộc sống tinh thần của con người trong xã hội ngày nay.

Tuy nhiên, cần phải có chiến lược, chính sách để bảo tồn và phát huy một cách có hiệu quả. Cần xác định rõ những giá trị tinh hoa cần phải bảo tồn một cách nguyên vẹn và những giá trị nào có thể phát huy và phát triển cho phù hợp xu thế hiện đại. Sao cho việc bảo tồn không cản trở sự phát huy những giá trị nội tại của chúng và ngược lại, sự phát huy dẫn đến phát triển cũng không làm biến dạng những tinh hoa vốn có trong bộ môn nghệ thuật độc đáo này.

Thông thường, với phương cách bảo tồn âm nhạc truyền thống nói chung, đờn ca tài tử nói riêng, người ta thường chọn cách bảo tồn “tĩnh” là bảo tồn nguyên xi, giữ lại nguyên vẹn đờn ca tài tử bằng nhiều cách khác nhau. Theo phương cách bảo tồn tĩnh, thì đờn ca tài tử phải được mau chóng lưu giữ một cách nguyên dạng trong môi trường văn hóa tinh thần của người dân phương Nam bằng cách lưu trữ qua các ấn phẩm băng, hình, tiếng, sách vở... và phải được truyền dạy đúng theo cách thức ngày xưa với những chữ hò, xự, xang cổ điển, với cách dạy truyền khẩu thầy và trò; cách làm này nhằm tạo ra một lớp người kế thừa có thể giữ lại đúng nguyên bản những cách thức của đờn ca tài tử như buổi đầu hình thành của bộ môn này.

Bên cạnh việc bảo tồn tĩnh, chúng ta còn có thể bảo tồn “động”, nghĩa là bảo tồn trong sự phát triển nội tại của chúng.

GS.TS. Trần Văn Khê đã nêu lên quan điểm của ông rằng: Văn hóa đặc thù của mỗi dân tộc không nên bảo tồn bằng cách khép kín trong các định chế mà phải mở cửa đón nhận các nền văn hóa khác. Ông khuyến khích việc tiếp thu có chọn lọc nền văn hóa ngoại quốc vì nó có thể mang lại các yếu tố mới làm giàu cho văn hóa của quốc gia. Tuy nhiên, cần thận trọng không để cho nền văn hóa ấy thay thế nền văn hóa quốc gia. Ông nhấn mạnh rằng bảo tồn không có nghĩa chỉ quan tâm đến quá khứ, quên đi hiện tại và tương lai. *“Bảo tồn không có nghĩa là giữ một thái độ bảo thủ, mà trái lại, phải tăng thêm sự vững chắc của các nền tảng của di sản nhằm phát triển các hình thức biểu hiện văn hóa mới. Có phát triển và phát triển mạnh mẽ, nền âm nhạc cổ truyền mới có khả năng phản ánh đời sống một cách sinh động, đáp ứng nhu cầu thưởng thức của con người hiện nay”*⁽¹⁾.

Đờn ca tài tử là bộ môn nghệ thuật đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển lâu dài, những giá trị tinh túy đã được đúc kết và gìn giữ qua nhiều thế hệ; do đó việc bảo tồn nguyên bản như lúc ban đầu là việc cần thiết. Điều này giúp tạo một nền móng vững chắc trong việc gìn giữ những đặc trưng cơ bản và từ đó mới có thể đảm bảo cho việc phát huy và phát triển đúng hướng.

Bên cạnh đó, vì đờn ca tài tử không phải là một vật thể bất biến theo thời gian. Nó là một loại hình nghệ thuật trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Nam Bộ, do vậy nó không thể tồn tại một cách độc lập mà phải chịu sự tác động của môi trường văn hóa xã hội, chịu sự thay đổi trong tâm thức cộng đồng, trong đời sống văn hóa cộng đồng. Mà với xu thế hiện nay, âm nhạc truyền thống nói chung đang phải chịu sự tác động của quá trình phương Tây hóa. Nhiều giá trị đang bị mai một dần, trong đó có đờn ca tài tử. Do vậy, việc củng cố, làm mạnh mẽ những yếu tố bên trong, những thành tố làm nên sức sống của đờn ca tài tử chính là một trong những phương

(1) Trần Văn Khê, *“Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật chất của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam”*, sách *Tính đa dạng của văn hóa Việt Nam: Những tiếp cận về sự bảo tồn*, Hà Nội, 2002; tr. 8.

cách để giữ vững bản chất và phát triển đồn ca tài tử vừa không mất đi những tinh hoa vốn có, vừa không tách rời đồn ca tài tử với cuộc sống đương đại.

Đó cũng là cách thức mà nhiều quốc gia trên thế giới đang vận dụng để bảo tồn những giá trị văn hóa, những bản sắc dân tộc của đất nước mình.

Đã có khá nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn hóa đưa ra những ý kiến tâm huyết của mình về thực trạng tình hình văn hóa Việt Nam và việc giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung, âm nhạc truyền thống Việt Nam nói riêng trong nhận thức của thanh niên Việt ngày nay.

Chuyên sâu về lĩnh vực âm nhạc truyền thống, các ý kiến đã phân tích tình hình âm nhạc truyền thống đối với thanh thiếu niên Việt Nam, cho thấy rằng âm nhạc truyền thống không có nhiều chỗ đứng trong thị trường âm nhạc hôm nay. Các bộ môn sân khấu kịch hát truyền thống như: Chèo, Tuồng (hát Bội), Cải lương... ngày càng thưa vắng khán giả. Các bộ môn cũng được UNESCO công nhận như: Ca trù, Hát xoan... cũng đang bị mai một. Các trường Văn hóa Nghệ thuật ngày càng giảm số lượng học sinh, có nhiều bộ môn gần như không còn ai theo học.

Trong tình hình đó, bộ môn đồn ca tài tử lại là một điểm sáng đáng ghi nhận.

Đồn ca tài tử là một bộ môn âm nhạc dân tộc có một sức sống mãnh liệt trong đời sống tinh thần của người dân Nam Bộ nói chung. Từ khi xuất hiện đến nay, dù có trải qua nhiều thăng trầm nhưng đồn ca tài tử vẫn là một món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống của người dân Nam Bộ. Nhất là từ sau khi bộ môn Nghệ thuật Đồn ca tài tử được UNESCO vinh danh là “Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại” thì lập tức loại hình âm nhạc này được nhiều sự quan tâm của mọi tầng lớp Nhân dân hơn nữa. Đồn ca tài tử đang là cụm từ “hot” trong mục tìm kiếm trên internet, là cụm từ được sử

dụng cho mọi hoạt động diễn xướng ở phía Nam đạo gần đây. Bộ môn nghệ thuật này đang trở nên “thời thượng” với hàng trăm câu lạc bộ, đội nhóm trên khắp các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ, thu hút nhiều hội viên ở mọi lứa tuổi. Các liên hoan đờn ca tài tử được tổ chức từ các ấp, xã, quận, huyện, thành phố... đã tạo được một sân chơi bổ ích cho những người yêu nhạc tài tử thuộc mọi tầng lớp Nhân dân, phát huy được những khả năng đàn, ca của người dân.

Cũng vì đây là một loại hình nghệ thuật đã được thế giới công nhận nên việc bảo tồn và phát huy bộ môn này luôn nhận được sự quan tâm của các cấp, các cơ quan có trách nhiệm. Đã có nhiều công trình nghiên cứu chung, đánh giá và đưa ra giải pháp cho việc bảo tồn và phát huy Đờn ca tài tử.

Tuy nhiên, thực trạng hiện nay trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của bộ môn nghệ thuật đờn ca tài tử là các việc nghiên cứu và lưu trữ bộ môn nghệ thuật này chủ yếu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đảm nhiệm. Nội dung của các nghiên cứu vẫn còn đi sâu vào những vấn đề lý thuyết và chuyên sâu theo phương cách “bảo tồn tĩnh”, bảo tồn nguyên gốc. Những nội dung này vẫn chưa được phát huy giá trị của chúng trong đời sống văn hóa hôm nay, nghĩa là chưa được sử dụng để tạo ra giá trị văn hóa cho cộng đồng. Bởi lẽ, âm nhạc truyền thống nói chung, đờn ca tài tử nói riêng được hình thành và phát triển trong môi trường tự nhiên, trong không gian văn hóa của cộng đồng thực hành bộ môn nghệ thuật ấy. Do vậy, nghiên cứu về đờn ca tài tử không chỉ là nghiên cứu, lưu trữ những nội dung về học thuật, về phương diện âm thanh của chúng, mà còn phải nghiên cứu một cách toàn diện những thành tố cấu thành trong không gian và thời gian tồn tại của loại hình âm nhạc này.

Vì lẽ đó, bên cạnh việc bảo tồn nguyên gốc về hình ảnh, tư liệu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, thì mỗi địa phương vẫn nên xây dựng những kế hoạch của riêng mình, mang tính đặc thù. Từ những nghiên cứu đờn ca tài tử trong không gian và thời gian đặc thù của vùng đất Đồng Nai, chúng ta có thể hoạch định những

chương trình hành động riêng biệt, những phương cách để bảo tồn và phát huy những giá trị tinh hoa của bộ môn này để đồn ca tài tử ở Đồng Nai mang một sắc thái riêng, mang đậm dấu ấn của địa phương mình.

Với sự dung hợp và tiếp biến mạnh mẽ của vùng đất phương Nam, cùng với tình hình phát triển theo xu thế kinh tế thị trường và sự thay đổi xu hướng thẩm mỹ hiện nay, âm nhạc dân tộc nói chung, đồn ca tài tử nói riêng, cũng đã có nhiều biến đổi trong nội dung cũng như hình thức. Do vậy, để có thể lưu giữ một cách nguyên vẹn để làm tư liệu cho mai sau, chúng ta phải bảo tồn một cách nhanh chóng bằng cách lưu giữ bằng các phương tiện kỹ thuật như ghi chép, ghi âm, quay phim, tổng hợp, in ấn sách vở, hệ thống hóa bài bản... đồng thời cũng cần có những kế hoạch như xây dựng ngân hàng dữ liệu, hệ thống hóa các bài bản, mạnh dạn bổ sung nhạc mục trong hệ thống đồn ca tài tử, để chúng có thể trở thành nguồn tư liệu thông tin quý giá cho người dân Đồng Nai nói riêng, mọi người dân Việt Nam nói chung.

Với các phương tiện kỹ thuật hiện đại ngày nay, các bài bản, các ngón đồn của những nghệ nhân tiêu biểu tỉnh Đồng Nai có thể được lưu trữ bằng đĩa audio, đĩa DVD. Chọn lọc những bài bản tiêu biểu trong hệ thống 20 bài bản Tổ với các loại hình biểu diễn như độc tấu, hòa tấu, ca... để thu âm theo tiêu chuẩn để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Xây dựng phim tài liệu về Nghệ thuật Đồn ca tài tử Nam Bộ ở tỉnh Đồng Nai nhằm phục vụ công tác giới thiệu và quảng bá rộng rãi bộ môn nghệ thuật này.

Xây dựng kế hoạch và chương trình cụ thể cho việc phát huy giá trị nghệ thuật đồn ca tài tử trong đời sống hiện nay. Dựa trên các kết quả khảo sát và nghiên cứu về thực trạng hoạt động đồn ca tài tử ở Đồng Nai để xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động cho việc phát triển phong trào đồn ca tài tử ở Đồng Nai từ nay đến năm

2020 và định hướng đến năm 2030. Các kế hoạch và chương trình hành động phải gắn liền với 7 nội dung mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia đóng góp về tinh thần và vật chất hoặc trực tiếp tham gia các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị của đồn ca tài tử.

Cần nghĩ đến việc mở rộng mối quan hệ hợp tác, giao lưu quốc tế về lĩnh vực văn hóa mà đồn ca tài tử rất xứng đáng để đại diện cho một trong những loại hình văn hóa nghệ thuật của tỉnh Đồng Nai đi quảng bá và giới thiệu về văn hóa - kinh tế với các nước trên thế giới. Điều này sẽ góp phần tạo sự hiểu biết và gắn bó giữa các dân tộc, mở đường cho các công cuộc phát triển kinh tế và xã hội sau này.

Âm nhạc là tiếng nói của âm thanh. Không thể có âm thanh nếu không có những con người tạo ra âm thanh ấy. Do vậy, bên cạnh việc lưu giữ để bảo tồn bằng cách ghi âm, lưu trữ..., chúng ta cần nên có kế hoạch vinh danh những nghệ nhân, những người đang lưu giữ loại hình nghệ thuật này. Có chính sách ưu đãi về tinh thần và vật chất đối với nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công phổ biến nghệ thuật truyền thống. Trên cơ sở khảo sát thực trạng các nghệ nhân, cần xây dựng các hồ sơ nghệ nhân bao gồm các thông tin cá nhân, tình trạng sức khỏe, năng lực trình diễn, khả năng đào tạo, các danh hiệu đã đạt được. Đối với các nghệ nhân trong lĩnh vực sáng tác thì sưu tầm các bài bản sáng tác đã được công bố hoặc trình diễn.

Theo số liệu thống kê, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 44 câu lạc bộ, đội nhóm đang sinh hoạt, với số lượng người tham gia 470 người. Cho tới nay, chưa có nghệ nhân nào được phong tặng nghệ nhân ưu tú. Đó là một điều đáng tiếc so với những gì mà các nghệ nhân đã đóng góp cho phong trào đồn ca tài tử ở địa phương trong nhiều năm qua. Vì phần lớn những nghệ nhân nổi tiếng đang nắm giữ nghệ thuật đồn ca tài tử và đóng góp nhiều cho phong trào tại Đồng

Nai hầu hết đều đã nhiều tuổi nên các ban ngành có trách nhiệm nhanh chóng đẩy mạnh việc chọn lựa những nghệ nhân có đủ tiêu chuẩn để xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú theo quy định.

Thực hiện việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể theo Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để có những số liệu và kết quả khảo sát mới nhằm có những điều chỉnh chính sách cho hợp lý.

Bên cạnh việc giữ lại những tinh hoa của âm nhạc dân tộc, chúng ta phải có chọn lọc và định hướng phát triển để chúng có thể trở thành một thành tố trong đời sống văn hóa nghệ thuật của xã hội. Triển khai những chương trình giáo dục dài hơi hơn trong việc mang âm nhạc dân tộc đến với trường học, tổ chức những sân chơi xã hội hóa để khuyến khích phát triển các loại hình nhạc dân tộc, sản xuất những chương trình âm nhạc dân tộc để quảng bá rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

Tuy tỉnh Đồng Nai đã có đăng cai những chương trình liên hoan đờn ca tài tử nhưng chủ yếu tập hợp những nghệ nhân trong tỉnh. Có sự tham gia của khách mời là nhóm nhạc ở Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An... Tuy nhiên chưa có liên hoan thuộc cấp quốc gia.

Việc nghiên cứu, tổ chức các cuộc thi đờn ca tài tử mang tính chất quốc gia là trách nhiệm của những cơ quan quản lý văn hóa tỉnh Đồng Nai. Để có thể quảng bá và khuyến khích những nghệ nhân thuộc tỉnh Đồng Nai, cần nên xây dựng Đề án tổ chức Liên hoan Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ cấp quốc gia theo luân phiên (do tỉnh Đồng Nai đăng cai theo định kỳ 3 năm một lần). Mục đích của việc làm này là tạo ra một sân chơi lành mạnh, một cuộc thi có uy tín, tạo điều kiện tập luyện và nâng cao tay nghề cho các nghệ nhân ở địa phương, nhằm tạo ra những nhân vật có tiếng vang trong giới tài tử Nam Bộ nói chung, Đồng Nai nói riêng. Đồng thời, cuộc thi sẽ thu

hút sự quan tâm, cổ vũ của người xem ở mọi giới. Đây là dịp để mọi người có thêm nhiều hiểu biết, thưởng thức và tiếp thu những cái hay cái đẹp trong kho tàng văn hóa quý giá của cha ông. Từ đó khơi dậy niềm tự hào với bộ môn nghệ thuật của tỉnh nhà, một di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO công nhận.

4.1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân đối với Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ

Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ bắt nguồn trong dân gian và tồn tại trong dân gian từ nhiều năm. Tuy vậy, chỉ từ sau khi đờn ca tài tử được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2013 thì loại hình này mới thực sự được quảng bá rộng rãi và có sự quan tâm của đông đảo quần chúng. Nhiều nhóm nhạc, ban nhạc đã hình thành từ khắp các ấp, xã, huyện... khơi dậy sự đam mê của những người yêu thích cổ nhạc và thu hút đông đảo sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên, để loại hình này thực sự trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu, trở thành một “đặc sản” của người dân Nam Bộ và còn có thể phát triển một cách mạnh mẽ hơn thì có lẽ còn cần nhiều sự nghiên cứu và sự phối hợp đồng bộ giữa các nhà nghiên cứu, các cấp lãnh đạo - những người hoạch định chính sách, và các nghệ nhân- những người trực tiếp hoạt động.

Khi xã hội bị tác động bởi xu hướng toàn cầu hóa về kinh tế, dẫn đến việc thay đổi môi trường sống, thì không gian diễn xướng của đờn ca tài tử cũng chịu nhiều tác động. Với tiếng động ồn ào của xe máy, của các công cụ máy móc, của các làn sóng âm nhạc phương Tây thì đờn ca tài tử cũng phải thay đổi. Sự thay đổi đó có mặt nào là tích cực, mặt nào là tiêu cực. Nó tác động như thế nào đến thái độ và hành vi ứng xử của người dân, những chủ thể của đờn ca tài tử hôm nay. Điều đó cần có những nghiên cứu, đánh giá khách quan từ các bộ phận có trách nhiệm ở Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh... Từ những báo cáo cụ thể về tình hình đờn ca tài tử tại các địa phương thuộc tỉnh Đồng Nai, những bộ phận liên quan sẽ tổng hợp được thực trạng đờn ca tài

tử tại địa phương mình. Sự tổng hợp này giúp cho các cấp có thẩm quyền có cái nhìn tổng quát nhằm đưa ra những hướng giải quyết cụ thể, hiệu quả.

4.1.1. Chương trình tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân

Đối với tầng lớp Nhân dân - những người thụ hưởng di sản văn hóa phi vật thể (ở đây là đờn ca tài tử), tỉnh Đồng Nai cần hướng đến mục tiêu nâng cao mức hưởng thụ văn hóa nghệ thuật nói chung, đờn ca tài tử nói riêng của người dân bằng các chương trình biểu diễn nghệ thuật. Những chương trình được sự đầu tư nghiêm túc từ kịch bản, cấu trúc chương trình và được dàn dựng một cách công phu sẽ làm cho mọi giới đến gần hơn với chân - thiện - mỹ của nền nghệ thuật đích thực. Hiện nay, cũng còn rất nhiều người vẫn nghĩ rằng đờn ca tài tử chính là vọng cổ, là cải lương và đờn ca tài tử cũng chỉ có 20 bài tổ cùng với vọng cổ. Do vậy, việc xác định rõ một cách chính xác và cách xây dựng những chương trình mang tính định hướng đúng đắn sẽ làm cho đờn ca tài tử ở Đồng Nai có một bản sắc rõ rệt.

Song song với những chương trình biểu diễn, cần nên có những liên hoan để khuyến khích nghệ nhân và những người yêu thích bộ môn nghệ thuật này tham gia, góp phần tạo nhiều sân chơi bổ ích để đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của người dân. Đồng thời, qua các liên hoan, sẽ phát hiện những nhân tố tài năng để có chế độ bồi dưỡng, rèn luyện thêm, ngõ hầu tạo một lớp kế thừa cho đờn ca tài tử tại địa phương.

Cùng với các cuộc liên hoan biểu diễn, cũng nên tổ chức các cuộc thi viết bài ca, lời ca mới cho các làn điệu đờn ca tài tử. Những cuộc thi viết vừa nhằm phổ biến những bài bản cổ truyền, vừa nhằm tuyên truyền, ca ngợi những nét đẹp và thành tựu nổi bật của tỉnh Đồng Nai trong nhiều năm qua.

4.1.2. Xây dựng chương trình đưa Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ vào học đường

Qua tìm hiểu việc dạy và học âm nhạc trong các trường tiểu học,

trung học cơ sở, trung học phổ thông, theo chương trình chính khóa của Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu, chúng tôi nhận thấy: Phần dạy hát dân ca Việt Nam chiếm tỉ lệ khoảng 25% tổng số chương trình âm nhạc. Phần còn lại là lý thuyết âm nhạc, nhạc mới. Như vậy, trong chương trình hoàn toàn không có tiết học các loại âm nhạc cổ truyền như đờn ca tài tử.

Thiết nghĩ, đờn ca tài tử là một trong những “đặc sản” âm nhạc của vùng đất Nam Bộ. Nếu lớp trẻ, nhất là các em thiếu nhi, không được học, không được biết về giá trị văn hóa của địa phương mình thì làm sao lớn lên các em có thể yêu quý và tự hào về những giá trị văn hóa ấy.

UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng một kế hoạch lâu dài để mở rộng và phát triển đờn ca tài tử bằng cách đưa đờn ca tài tử vào học đường. Trước mắt, Sở Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng đề án “Giáo dục âm nhạc dân tộc trong trường học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2025-2030”.

Ngoài việc nâng cao sự hiểu biết và yêu mến những bài bản cổ truyền của cha ông, việc học đờn ca tài tử cũng sẽ giúp định hướng thẩm mỹ cho học sinh. Định hướng thẩm mỹ giúp các em lớn lên có những quan niệm đúng đắn về cái hay, cái đẹp. Biết chọn lọc những giá trị tinh thần đúng đắn để làm giàu cho đời sống tinh thần của mình. Từ đó khơi dậy lòng yêu thích âm nhạc cổ truyền nói chung, biết quan tâm và giữ gìn những vốn quý của cha ông.

Trước mắt, khi chưa có được chương trình học tập đầy đủ thì các trường có thể tổ chức các buổi giới thiệu đờn ca tài tử tại trường học theo những sinh hoạt ngoại khóa định kỳ. Tổ chức các câu lạc bộ học đờn ca tài tử. Khuyến khích các em tự xây dựng những đội nhóm riêng. Nhà trường tổ chức các chuyên đề đờn ca tài tử, mời các nghệ nhân đến nói chuyện, tổ chức các buổi giao lưu với nghệ sĩ, mời các nghệ nhân dàn dựng cho các em những tiểu phẩm nhỏ, dễ học, dễ hành và hấp dẫn, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Bên cạnh các hoạt động diễn xướng, nhà trường còn có thể tổ

chức các cuộc thi đồn ca tài tử, khuyến khích các em tự viết lời mới cho các làn điệu phù hợp tâm sinh lý tuổi thơ. Xây dựng các chương trình trò chơi âm nhạc kích thích sự tìm tòi và niềm thích thú của các em.

4.1.3. Thực hiện công tác bảo quản, lưu trữ và chia sẻ tư liệu về Nghệ thuật Đồn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai

Từ nhiều năm qua, việc lưu trữ, bảo tồn qua các hình thức như băng đĩa, phim tư liệu, sách vở... cũng đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và một số tỉnh, thành phía Nam quan tâm.

Nhiều công trình nghiên cứu về đồn ca tài tử, các công trình ghi âm các bài bản về đồn ca tài tử trong nhiều năm qua cũng đã được nhiều cơ quan có trách nhiệm sưu tầm, tập hợp và phát hành. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan mà những tư liệu này lại không được phổ biến rộng rãi. Những người yêu mến loại hình này thường truyền tay nhau những bài bản chép tay từ thầy sang trò, từ người này sang người khác mà không tìm được những quyển sách in một cách đàng hoàng, chính thống. Điều này dễ dẫn đến việc “tam sao thất bản”, cũng như không khuyến khích người dân tìm hiểu một cách sâu sắc bộ môn nghệ thuật đồn ca tài tử. Đó là một điều rất đáng tiếc trong việc phổ biến mạnh mẽ loại hình Nghệ thuật Đồn ca tài tử Nam Bộ đến với Nhân dân.

Do vậy, việc in ấn, phát hành các ấn phẩm băng đĩa, sách vở viết về đồn ca tài tử là một trong những hoạt động mà tỉnh Đồng Nai nên lưu ý đến.

Có thể cho in những ấn phẩm bài ca đã đoạt giải trong các cuộc thi viết lời mới cho đồn ca tài tử và phát hành rộng rãi.

Xây dựng những bộ phim ngắn, phim tài liệu về nghệ thuật đồn ca tài tử tỉnh Đồng Nai nhằm phục vụ công tác giới thiệu và quảng bá rộng rãi bộ môn nghệ thuật này.

In ấn và phát hành những tài liệu về lịch sử hình thành đồn ca tài tử tại Đồng Nai, sách về những nhân vật nổi tiếng hoặc có những đóng góp cho phong trào đồn ca tài tử tại Đồng Nai... để người dân có

sự hiểu biết sâu sắc hơn về loại hình này. Các loại sách này cần phải được phổ biến cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là phải được lưu trữ trong thư viện của các trường học. Khuyến khích các em thiếu nhi làm quen với loại hình này và khơi dậy lòng tự hào của các em khi biết địa phương mình cũng đang nắm giữ một trong những di sản phi vật thể của nhân loại.

4.1.4. Quảng bá di sản gắn với phát triển du lịch

Một giải pháp mà các quốc gia thường áp dụng để phục vụ cho công tác bảo tồn và phát huy các di sản đã được UNESCO công nhận là quảng bá di sản ấy đến với khách du lịch. Nhìn quanh các quốc gia như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Myanmar, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Ấn Độ, Úc... các di sản vật thể và phi vật thể đều là những điểm đến, những không gian văn hóa mà khách du lịch các nước đều muốn có cơ hội chiêm ngưỡng. Các nước đã làm rất tốt việc quảng bá du lịch để vừa làm rạng danh di sản của nước mình, vừa mang lại nguồn thu không nhỏ cho ngân sách nước nhà.

Đờn ca tài tử cũng vậy. Cần nên xây dựng chương trình đưa Đờn ca tài tử thành một sản phẩm văn hóa mà bất cứ du khách nào đến Đồng Nai cũng đều được thưởng thức. Có thể tạo điều kiện liên kết với các khu du lịch tại địa phương để cùng kết hợp hoạt động.

Tuy nhiên, một thực trạng nhiều năm qua vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi khi kết hợp đưa đờn ca tài tử với những đặc sản địa phương trở thành sản phẩm du lịch địa phương. Đó là, sản phẩm du lịch này thường là do các công ty tư nhân đứng ra tổ chức chứ chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa bộ phận quản lý du lịch địa phương và bộ phận quản lý văn hóa, do đó nó mang tính tự phát, có cái gì thì trình bày cho người ta xem cái đó, không có sự đầu tư nghiêm túc về định hướng nghệ thuật cũng như dàn dựng những chương trình mới mẻ. Vì lẽ đó nên nhiều năm qua, việc phát triển du lịch kết hợp với đờn ca tài tử vẫn giữ nguyên như khi bắt đầu mô hình hoạt động này mà không có gì đổi mới.

Bên cạnh đó, việc không có kinh phí hỗ trợ ban đầu và không có sự quản lý chặt chẽ từ chính quyền mà mạnh ai nấy làm, tạo nên một

sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà vườn du lịch. Các công ty du lịch vì muốn giảm giá thành sản phẩm nên ngày càng ép giá các điểm đến, nên kinh phí dành cho đờn ca tài tử ngày càng eo hẹp. Điều này dẫn đến hệ lụy là những người đờn ca giỏi phải kiếm nghề khác mưu sinh, các chương trình bị cắt ngắn, các tài tử ca và đờn chỉ cần biết vài bài vọng cổ, vài điệu lý đơn giản, nhưng cũng mạnh dạn giới thiệu đây là chương trình đờn ca tài tử.

Vô hình chung, điều này dẫn đến việc hoài nghi Đờn ca tài tử, một bộ môn quý giá mà UNESCO đã vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Khách nước ngoài thì ngạc nhiên vì không hiểu tại sao bộ môn này được vinh danh? nó có cái gì hay? có điều gì là quý giá? còn khách trong nước thì nghĩ rằng nếu chỉ quanh đi quẩn lại có bấy nhiêu thì thực hành bộ môn này có gì là khó? có gì phải tốn công tốn sức... dẫn đến tâm lý coi thường bộ môn nghệ thuật này.

Do vậy, để không lặp lại tình trạng như đã nêu trên, UBND tỉnh Đồng Nai cần nên xem xét, chỉ đạo các cơ quan có trách nhiệm, chỉ đạo các đơn vị tổ chức biểu diễn phối hợp với bộ phận quản lý du lịch xây dựng những chương trình đờn ca tài tử có chất lượng, có nghệ thuật. Cần học tập kinh nghiệm ở những nước đã thành công trong việc thu hút du khách từ việc quảng bá và giới thiệu di sản của nước họ, nghiên cứu cách thức thực hiện để giới thiệu những nét độc đáo của di sản nước mình, sao cho khi nói đến đờn ca tài tử thì du khách sẽ truyền tai nhau sản phẩm đờn ca tài tử của địa phương Đồng Nai.

Cần xây dựng những chương trình biểu diễn định kỳ tại các điểm biểu diễn hoành tráng, có đông du khách trong và ngoài nước nhằm quảng bá du lịch địa phương. Để có được những chương trình biểu diễn ở những nơi này, cần tìm những đạo diễn giỏi nghề và có tâm để xây dựng chương trình đờn ca tài tử mang tính chất nghệ thuật đúng nghĩa, có thể cạnh tranh được với những chương trình giải trí thông thường.

Nếu có điều kiện thì nên nghĩ đến việc xây dựng những địa điểm biểu diễn chuyên sâu cho loại hình nghệ thuật đờn ca tài tử, sao cho khi bước đến đây, du khách và người dân có thể sống lại trong môi trường văn hóa địa phương như môi trường diễn xướng trước đây của đờn ca tài tử.

Văn miếu Trấn Biên là một trong những vị trí thuận lợi để có thể xây dựng những điểm Đờn ca tài tử để thu hút khách du lịch và người dân địa phương. Đây vừa là khu vực có điểm du lịch thú vị với không gian yên tĩnh, môi trường trong sạch, thoáng mát, vừa mang tính tâm linh rõ nét. Điểm này rất thích hợp để có thể tạo thành không gian mở mang tính đặc thù của địa phương, rất thích hợp cho việc xây dựng những không gian dành cho đờn ca tài tử. Bên cạnh đó, có thể xây dựng khu vực thờ tự để thờ Tổ nghề nhạc tài tử cũng như không gian để trưng bày, triển lãm Nghệ thuật Đờn ca tài tử của địa phương tại Văn miếu Trấn Biên và đây cũng là điểm tổ chức giỗ Tổ nghề cho các câu lạc bộ trong địa bàn tỉnh, cũng là dịp để các câu lạc bộ có dịp giao lưu, gặp gỡ. Tuy nhiên, việc đưa một đối tượng thờ cúng mới vào Văn Miếu cần phải có những nghiên cứu thận trọng.

Những điểm biểu diễn dành cho đờn ca tài tử nên được hoạt động định kỳ và phải được quảng bá rộng rãi để tạo thói quen cho người dân đến tham dự. Lịch diễn định kỳ còn giúp cho các công ty du lịch có thể điều phối chương trình tham quan cho du khách, nhằm tạo thêm nhiều sản phẩm độc đáo cho du lịch.

4.2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

Điều 49, Chương VII, Nghị định số 92/2002/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa nêu rõ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước đối với di sản văn hóa trong phạm vi địa phương có nhiệm vụ, quyền hạn: Xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương; quản lý việc sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể theo quy định của pháp luật; tổ chức chỉ đạo, cấp giấy phép cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền; quyết định thành lập và xếp hạng bảo tàng theo thẩm quyền, phê duyệt các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích theo quy định của pháp luật; tổ chức kiểm kê, đăng ký di tích; quyết định xếp hạng và hủy bỏ xếp hạng di tích cấp tỉnh; lập hồ sơ khoa học trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định xếp hạng di tích quốc gia; chỉ đạo việc tổ chức lập hồ sơ khoa học di

sản văn hóa phi vật thể ở địa phương; thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về di sản văn hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về di sản văn hóa.

Như vậy, về công tác tổ chức cho các bộ phận làm công tác bảo tồn di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa phi vật thể nói riêng trong hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước đã được quy định một cách chặt chẽ.

Theo những quy định trên, các cấp, các ban ngành, các bộ phận có nhiệm vụ bảo tồn di sản văn hóa thuộc tỉnh Đồng Nai cần có sự thống nhất trong nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm cao trong việc phối hợp thực hiện Chương trình hành động quốc gia nhằm bảo tồn, phát huy giá trị Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nói đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phi vật thể thì không thể bỏ qua những con người trực tiếp làm công tác bảo tồn di sản ấy. Ở đây chúng tôi muốn đề cập đến những người cán bộ trực tiếp làm công tác bảo tồn di sản ở địa phương tỉnh Đồng Nai. Không chỉ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với cán bộ mà còn phải đào tạo, huấn luyện những con người có tâm huyết, có tri thức để có thể gánh trên vai trọng trách là cầu nối giữa những người thực hành di sản - những nghệ nhân, với những người chủ chốt - người lãnh đạo.

Tuy nhiên, một thực tế nhiều năm qua vẫn còn tồn tại trong cơ chế quản lý của các bộ phận trực tiếp thi hành di sản văn hóa là đội ngũ làm công tác bảo tồn còn hạn chế.

- Hạn chế về số lượng: Đất nước Việt Nam đã trải qua hàng nghìn năm lịch sử. Di sản văn hóa mà cha ông ta để lại là những báu vật không chỉ cho người Việt Nam mà còn cho cả kho tàng văn hóa của nhân loại. Việc bảo tồn chúng dĩ nhiên không phải là việc làm đơn giản. Đơn cử riêng về bộ môn Đờn ca tài tử, dù mới chỉ khoảng 100 năm định hình và phát triển, nhưng những giá trị tinh văn hóa được lưu giữ đã là một kho tàng đồ sộ trong kho tàng âm nhạc truyền thống. Do vậy, với số công việc cần phải thực hiện như: tiến hành tổ

chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê nhận diện, tiến hành tư liệu hóa, công tác chuyển giao, giáo dục nhận thức, hướng dẫn nghiệp vụ, xác định những giá trị văn hóa tiêu biểu, những điểm chính yếu cần bảo tồn để từ đó đề xuất khả năng bảo tồn và phát huy... thì rất cần có một đội ngũ đông đảo những người được huấn luyện bài bản, vừa có tâm, vừa có đủ trình độ chuyên môn để có thể hoàn thành công việc. Mà hiện nay đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn này không đủ, dẫn đến việc phải ôm đồm quá nhiều chức năng, dẫn đến việc không thể đi sâu vào nhiệm vụ được giao.

- Hạn chế về nhận thức, hiểu biết: Vấn đề về bảo tồn và phát huy giá trị của Đờn ca tài tử Nam Bộ đã được nhiều cấp có thẩm quyền, nhiều nhà nghiên cứu quan tâm... Trong nhiều cuộc hội thảo, vấn đề mà nhiều nhà nghiên cứu thường chia sẻ là thực trạng ở nước ta hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn di sản phi vật thể ở các địa phương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Nhận thức và hiểu biết về các vấn đề lý thuyết và thực hành đều hạn chế. Có trường hợp người quản lý còn chưa hiểu về di sản, không nhận thức đầy đủ và sâu sắc về giá trị của di sản mà họ đang nắm giữ.

Nhà nghiên cứu Võ Trường Kỳ nêu lên một thực tế là việc ghi lại, bảo quản và lưu truyền các tác phẩm đờn ca tài tử không phải chỉ đòi hỏi về vật chất, phương tiện kỹ thuật hiện đại... mà còn đòi hỏi có một lực lượng chuyên môn “vừa sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, vừa được trang bị đầy đủ kiến thức về bộ môn Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ”. Ông nêu nhận định là trên thực tế những người làm công việc này thường chủ yếu là do tích lũy kinh nghiệm bản thân và niềm đam mê nghệ thuật chứ chưa được đào tạo cơ bản⁽¹⁾. Đây không phải là một câu chuyện diễn ra ở riêng một tỉnh, thành phố nào, mà chính là thực tế đang diễn ra từng ngày trên hầu hết các tỉnh, thành phố của Việt Nam.

(1) Võ Trường Kỳ, Đờn ca tài tử Nam Bộ, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, 2015, tr.155.

Việc chỉ có kinh nghiệm và học hỏi từ thực tế mà không có sự đào tạo cơ bản dẫn đến việc người trẻ có nhiệt huyết, có sức khỏe thì không biết cách làm, chưa có kinh nghiệm làm việc bảo tồn và lưu trữ. Người lớn tuổi đã có nhiều năm làm việc, nhiều kinh nghiệm thì không còn đủ sức khỏe và thời gian để cống hiến. Do vậy, việc xây dựng đội ngũ chuyên viên có thể đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe của nhiệm vụ bảo tồn di sản đồn ca tài tử là một trong những công việc mà các cơ quan lãnh đạo tỉnh Đồng Nai nên chuẩn bị dài lâu.

4.3. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực diễn tấu cho các nghệ nhân

Để có thể đưa ra giải pháp nhằm nâng cao trình độ năng lực của những người tham gia vào bộ môn Nghệ thuật Đồn ca tài tử Nam Bộ, chúng ta có thể đi qua một cách sơ lược về những mặt mạnh, những điểm còn yếu, xem xét những thuận lợi và khó khăn của người thực hành.

Lâu nay vẫn có nhiều quan điểm trái ngược nhau về chữ “tài tử”. Người thì cho rằng tài tử là chỉ người có tài. Người cho rằng “tài tử” nghĩa là amateur, là nghiệp dư, không chuyên nghiệp. Đồn ca tài tử là chỉ lối chơi của những người có tài hay là lối chơi của người nghiệp dư? còn một quan điểm khác cho rằng tài tử nghĩa là người chơi nhạc không nhận thù lao, chơi theo cảm hứng, không phải chuyên nghề kiếm tiền bằng thể loại âm nhạc này.

Ai cũng biết rằng để được gọi là một thầy đồn đúng nghĩa thì người chơi nhạc tài tử phải lầu thông ít nhất 72 bài bản Tổ. Đề án không đi sâu vào chi tiết, nhưng với khối lượng bài bản ấy thì muốn lầu thông và đánh cho đúng với cảm xúc của bài thì có thể mất cả đời người. Vậy tài tử có thể dịch là nghiệp dư được không?

Vậy nếu không phải nghiệp dư thì có thể coi những nghệ nhân, những thầy đồn sống trọn cả đời với nghiệp tổ là những người chuyên nghiệp hay không?

Để dễ bề phân biệt những người đồn ca tài tử như một thú vui giải trí lúc nhàn rỗi với những nghệ nhân chuyên nghiệp, những người hoạt động nghề nghiệp chính là đồn ca tài tử, có thể kiếm sống

từ nghề này, chúng tôi sử dụng khái niệm *nghệ nhân không chuyên* và *nghệ nhân chuyên nghiệp* trong đề án này.

4.3.1. Đối với những nghệ nhân không chuyên

Những nghệ nhân không chuyên là những người sinh sống bằng các nghề khác chứ không coi công việc đàn ca tài tử là một nghề để kiếm sống. Họ tham gia thực hành bộ môn đàn ca tài tử chỉ vì niềm đam mê, yêu thích. Tham gia vào các lớp, các câu lạc bộ, tập luyện trong những giờ rảnh rỗi. Đây là thành phần chiếm đa số trong tất cả các lò đào tạo, các câu lạc bộ, đội nhóm.

So với các bộ môn âm nhạc, sân khấu truyền thống khác như Chèo, Tuồng (Hát bội), thì đàn ca tài tử tương đối dễ học, dễ thực hành hơn. Không đòi hỏi gất gao về thanh (giọng hát) và về sắc (ngoại hình). Do vậy, từ em bé 4, 5 hoặc 6 tuổi đến những người 60, 70 tuổi... đều có thể tham gia. Môi trường diễn xướng của hoạt động đàn ca tài tử cũng phong phú, họ có thể đàn ca bất cứ thời điểm nào trong ngày và bất cứ ở nơi đâu. Sự đánh giá của người thưởng thức cũng không quá khắt khe. Chỉ cần biết ca, có giọng ca tương đối là có thể được hoan nghênh tham gia ở tất cả các không gian diễn xướng. Những người biểu diễn không chuyên thường là những người thuộc thành phần tài tử ca.

Lực lượng không chuyên chính là lực lượng chiếm đa số trong các đội nhóm, câu lạc bộ, tích cực hoạt động cho phong trào đàn ca tài tử tại các địa phương.

Những nghệ nhân không chuyên cũng có thể là những tài tử đàn, có tay nghề tương đối vững vàng, nhưng coi việc đàn ca tài tử như một thú vui, một hoạt động tinh thần trong thời gian rảnh rỗi.

Đối với lực lượng nghệ nhân này, có thể bồi dưỡng, nâng cao tay nghề bằng các cuộc tập huấn ngắn hạn, những chương trình bồi dưỡng cấp huyện, cấp tỉnh. Hoặc mời các nghệ nhân giỏi tham gia sinh hoạt với các câu lạc bộ yếu nhằm tạo điều kiện cho các nghệ nhân trẻ được học hỏi kỹ thuật nâng cao năng lực diễn tấu. Mặt khác cũng tạo điều kiện cho các câu lạc bộ không có nghệ nhân đàn có thể sinh hoạt định kỳ bình thường.

Bên cạnh đó, các trung tâm văn hóa cấp huyện cần chủ động trong việc tổ chức các lớp dạy đàn ca tài tử nhằm tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực cho các câu lạc bộ. Điều này cũng góp phần trẻ hóa đội ngũ nghệ nhân cho các câu lạc bộ.

Khuyến khích các nghệ nhân tham gia các cuộc thi để nâng cao tay nghề.

4.3.2. Đối với nghệ nhân chuyên nghiệp

Đây chính là những người nòng cốt cho phong trào đàn ca tài tử tại các địa phương. Người đó có thể là thầy đàn, người dạy đàn hay là nhạc công. Người đó cũng có thể là tài tử ca. Không nhất thiết là nghệ nhân chỉ có một nghề nghiệp duy nhất, có thể có thêm nghề khác nhưng hoạt động đàn ca tài tử lâu dài, có uy tín, có tay nghề vững vàng, được học hành bài bản và có khả năng truyền dạy.

Cho đến nay, vẫn chưa có một cơ sở đào tạo chính quy nào trên cả đất nước Việt Nam nói chung, miền Nam nói riêng, đào tạo ra nhạc công chuyên sâu bộ môn Nghệ thuật Đàn ca tài tử Nam Bộ. Các đoàn văn công, các trường văn hóa nghệ thuật, sân khấu điện ảnh... chỉ đào tạo nhạc công đệm đàn cho bộ môn sân khấu Cải lương. Do vậy, đàn ca tài tử chỉ được đào tạo ở các “lò” nhạc tư nhân, do các thầy đàn có trình độ đứng ra mở lớp.

Tùy theo thời gian huấn luyện và uy tín của các thầy mà “lò” đó đông hay không đông học viên.

Do đó, Nhà nước và các cấp quản lý tại mỗi địa phương nên có sự quan tâm sâu sát đến các lò đào tạo tại địa phương mình. Cần tạo điều kiện giúp đỡ để ủng hộ những người gìn giữ vốn cổ. Đây chính là các nhân tố tích cực trong việc xây dựng một xã hội lành mạnh, một nền văn hóa tinh thần phong phú trong cộng đồng cư dân địa phương.

Tỉnh Đồng Nai nên khuyến khích các địa phương giúp đỡ kinh phí, tạo điều kiện cho các nhóm mở rộng tham gia các cuộc thi của huyện, tỉnh... tham gia các cuộc giao lưu giữa các nhóm trong khu vực để nâng cao tay nghề và giao lưu học hỏi lẫn nhau. Điều này

tạo sự đoàn kết gắn bó giữa các địa phương, thu hút sự tham gia phát triển văn hóa tinh thần của người dân, đặc biệt là giới trẻ, từ đó xây dựng một xã hội lành mạnh và góp phần làm giảm bớt các tệ nạn xã hội.

Xây dựng các chế độ về đãi ngộ, tôn vinh nghệ nhân và tạo điều kiện, môi trường cho các câu lạc bộ, đội nhóm, nghệ nhân trên địa bàn tỉnh có điều kiện để thực hành Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ.

4.3.3. Xây dựng chương trình Đờn ca tài tử trong trường chuyên nghiệp

Xây dựng chính sách ưu tiên giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, đội ngũ kế thừa của Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ. Đối với những người có năng khiếu và sự đam mê loại hình đờn ca tài tử, nên có những chương trình đào tạo mở rộng và chuyên sâu để giúp các nghệ nhân hoàn thiện hơn về bài bản cũng như về phong cách biểu diễn, nhằm tạo ra một thế hệ kế thừa vừa có những hiểu biết sâu sắc về bài bản, phong cách, vừa có thể truyền tải những tinh hoa của bộ môn nghệ thuật độc đáo này.

Ngoài ra, nên khuyến khích những nghệ nhân trẻ theo học những khóa đào tạo âm nhạc chính quy để có bằng cấp chứng nhận có giá trị pháp lý.

Điều này chỉ có thể thực hiện được khi chuẩn hóa phương cách đào tạo, truyền nghề bằng cách đào tạo có cấp giấy chứng nhận cho những người theo học đờn ca tài tử tại trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai. Xây dựng giáo trình riêng để đờn ca tài tử trở thành một bộ môn âm nhạc dân gian trực thuộc khoa, bộ môn âm nhạc truyền thống tại các cơ sở đào tạo và được giảng dạy bởi các nghệ nhân có uy tín nghề nghiệp cùng với những giáo sư có trình độ nghiên cứu và lý thuyết sư phạm.

Bởi vì, khi đưa vào các cơ sở đào tạo chính quy, chúng ta sẽ dễ dàng chuẩn hóa nhạc mục, chuẩn hóa các quy trình biểu diễn, tạo điều kiện cho sự thống nhất trong việc trình tấu đờn ca tài tử sau này.

Các cơ sở đào tạo trực thuộc Nhà nước quản lý là nơi hội đủ các

điều kiện cần và đủ để giữ vai trò là một viện bảo tàng trong việc gìn giữ và bảo lưu vốn cổ một cách nguyên gốc, giúp cho đồn ca tài tử vẫn còn được giữ nguyên bản sắc vốn có.

Thêm vào đó, quan niệm của người dân ta từ xưa vẫn không coi trọng nghệ thuật âm nhạc dân gian nói chung. Quan niệm lỗi thời “xướng ca vô loài” vẫn còn ảnh hưởng đến việc chọn nghề và theo đuổi nghề nghiệp của con người cho đến tận bây giờ. Lý do vì người dân bao đời nay vẫn chuộng bằng cấp, học vị, vẫn sẵn sàng hy sinh mọi điều để con cái mình được có mảnh bằng Đại học, để nở mặt với làng xóm láng giềng... Nếu đổ công sức, tiền bạc và thời gian để chỉ có một cái nghề không có “danh phận” với thiên hạ, thì phần đông giới trẻ và các bậc phụ huynh sẽ suy tính trước khi quyết định.

Như thực trạng nhiều năm gần đây đã cho thấy, làn sóng văn hóa Tây phương đang từng ngày từng giờ xâm nhập vào mọi khía cạnh trong đời sống văn hóa người dân Việt Nam. Giới trẻ thích thú, say mê với những công nghệ mới, những thể loại nhạc sôi động, những âm thanh mạnh mẽ, những màn ảnh rộng lớn đầy màu sắc mê hoặc và quay lưng với những gì mộc mạc, chân chất, nhẹ nhàng như các thể loại âm nhạc dân tộc nói chung, đồn ca tài tử nói riêng.

Không những thế, người ta kính trọng những vị thầy, những cô, những nhạc sĩ bên phía âm nhạc phương Tây vì trong mắt người dân, họ dường như trí thức hơn, giỏi giang hơn. Họ có bằng cấp, học vị, được học trường này trường nọ, trong nước ngoài nước. Còn những nghệ nhân, những “thầy đồn”, niềm kiêu hãnh của bộ môn âm nhạc dân gian, vẫn chỉ quanh quẩn bên rặng tre, bến sông, xóm nhỏ... tự mày mò, tự học, tự truyền nghề.

Do vậy, việc có bằng cấp tương đương học vị phương Tây không chỉ là sự khẳng định năng lực, vị trí, vai trò của người chơi nhạc cổ truyền; mà còn xóa tan những định kiến không hay trước đây.

4.4. Nhóm giải pháp về công nghệ

Với sự phát triển về kỹ thuật số, sự bùng nổ thông tin qua mạng internet, qua phim ảnh, truyền hình, báo chí... con người ta có quá nhiều sự lựa chọn cho việc tiếp nhận thông tin và vui chơi giải trí

riêng cho sở thích của mình. Tầng lớp thanh niên là những người trẻ tuổi, năng động và luôn muốn có một cuộc sống “bắt kịp nhịp sống thời đại” nên đây cũng là lớp người dễ chịu ảnh hưởng từ sự thay đổi văn hóa toàn cầu nhiều nhất. Họ thích tiếp cận cái mới, luôn cho cái cũ là lỗi thời, lạc hậu và theo nhiều thống kê cho thấy họ cũng là lớp người tiếp cận với các tri thức qua các thiết bị kỹ thuật nhanh nhất. Do đó, vai trò của các kênh truyền thông được cho là một trong những phương tiện quan trọng để truyền tải những tri thức nhân loại cho hầu hết thanh niên hiện nay.

Trong thời đại công nghệ phát triển như hiện nay, sự phổ biến và lan tỏa một hiện tượng văn hóa sẽ mau chóng tạo nên những hiệu ứng tâm lý đám đông. Các nhà làm văn hóa ở các nước phát triển đã ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin trong việc quảng bá văn hóa nước mình đến mọi tầng lớp nhân dân trong nước và ngoài nước. Những bộ phim thành công rực rỡ của Hàn Quốc đã tạo nên trào lưu văn hóa Hàn ở khắp mọi nơi. Lối sống, phong cách ăn uống, thị hiếu thẩm mỹ qua thời trang đã tạo thành cơn sốt ở nhiều nước trong khu vực châu Á, trong đó có Việt Nam. Song song với thành công của bộ phim, thị trường kinh tế cũng phát triển khi sản xuất các mặt hàng bắt kịp xu thế của người dân yêu thích phim Hàn.

Như vậy, việc ứng dụng và phổ biến các thành tựu của công nghệ thông tin đã góp phần làm cho các giá trị văn hóa được lưu hành và phổ biến rộng rãi.

Tham khảo các thành công của những quốc gia, những tổ chức đã có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng công nghệ thông tin vào việc phổ biến các giá trị văn hóa, chúng ta có thể học hỏi và xây dựng một kế hoạch phổ biến cho đờn ca tài tử từ những kinh nghiệm trên.

Chúng ta có thể sử dụng những ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ cho công tác tuyên truyền, sản xuất các ấn phẩm, phổ biến các hoạt động của Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ đến với công chúng trên địa bàn tỉnh.

Tăng thời lượng phát sóng các chương trình Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ trên Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai, hệ thống

truyền thanh cơ sở và các chuyên mục trên Báo *Đồng Nai*, Báo *Lao động Đồng Nai* và mạng Internet. Khuyến khích các Đài Phát thanh-Truyền hình tổ chức các chương trình giới thiệu về đồn ca tài tử, giới thiệu về các nghệ nhân, thực hiện các phóng sự về câu lạc bộ, nhóm tài tử. Mạnh dạn tổ chức những cuộc thi tìm hiểu đồn ca tài tử, tìm kiếm giọng hát hay, vinh danh các nghệ nhân sử dụng nhạc cụ cổ truyền... nhằm thu hút sự quan tâm của quần chúng nhân dân và tạo điều kiện cho đồn ca tài tử đi sâu vào cuộc sống tinh thần của người dân Đồng Nai.

4.5. Đầu tư kinh phí

4.5.1. Kinh phí cho việc bảo tồn, lưu trữ

Không thể bảo tồn, lưu giữ một cách cẩn thận nếu không có sự đầu tư về trang thiết bị lưu trữ, kho lưu trữ...

Đối với công tác bảo tồn, việc đầu tư cho các hoạt động chuẩn bị như điền dã, sưu tầm ghi âm, lưu giữ, bảo quản... đòi hỏi đầu tư nhiều kinh phí để có thể hoạt động. Do vậy, nguồn kinh phí cho các công tác này phải được tính toán một cách hợp lý để những chuyên viên, những cán bộ làm nhiệm vụ bảo tồn di sản có thể hoạt động một cách hiệu quả nhất.

Trong lĩnh vực đồn ca tài tử, việc lưu giữ tư liệu vang (tư liệu âm thanh) là vô cùng cần thiết. Bởi vì khi các nghệ nhân mất đi thì tiếng đồn, lời ca của họ chỉ có thể được nghe lại, được minh chứng qua các tư liệu vang chứ không phải tư liệu giấy. Vì thế, chất lượng của các phương tiện kỹ thuật phải tốt, để có thể ghi âm, quay phim, và có chế độ bảo quản lâu dài.

Trong nhiều năm qua, việc tiến hành kiểm kê, số hóa 20 bài bản Tổ của bộ môn nghệ thuật đồn ca tài tử đã được thực hiện ở một số địa phương. Tuy nhiên, số tư liệu này vẫn còn ở dạng lưu trữ bằng đĩa, sách chuyên khảo chứ chưa trở thành các tư liệu thông dụng, mở rộng cho mọi người có thể tiếp cận. Đồng thời, số liệu bài bản thống kê, xử lý này do không được phổ biến rộng rãi nên đây đó vẫn còn hiện tượng dị bản không đồng nhất giữa nghệ nhân này với nghệ nhân khác.

Vì thế cho nên, bên cạnh nguồn kinh phí để xây dựng tư liệu, cũng cần tính toán chi phí để phục vụ cho mục đích bảo tồn, lưu trữ lâu dài. Nguồn kinh phí đó phải bao gồm việc chi trả cho đội ngũ chuyên viên riêng biệt, am hiểu kỹ thuật để có thể lưu trữ, số hóa các tư liệu nhằm dễ dàng cho việc tiếp cận sau này.

4.5.2. Kinh phí cho những hoạt động thường niên

Những hoạt động thường niên ở đây bao gồm những hoạt động bề nổi như: Công tác quảng bá đồn ca tài tử và những hoạt động đi vào chiều sâu như gây dựng các nhóm đồn ca tài tử địa phương, giúp sức cho các lớp đào tạo, khuyến khích nhân tài trong lĩnh vực đồn ca tài tử.

- Kinh phí để tổ chức các cuộc liên hoan đồn ca tài tử từ cấp xã, huyện đến cấp tỉnh.
- Kinh phí để tổ chức cuộc thi viết lời mới cho bài bản tài tử.
- Chuẩn bị cho liên hoan đồn ca tài tử cấp quốc gia.
- Xây dựng các chương trình giao lưu quảng bá đồn ca tài tử trong nước và nước ngoài.
- Xây nhà hát, xây dựng các thiết chế văn hóa phục vụ cho sinh hoạt văn hóa của cộng đồng.
- Chuẩn bị nguồn kinh phí hỗ trợ cho các nghệ nhân lão thành, những người đoạt giải thưởng cao ở các cuộc thi.
- Khuyến khích lớp trẻ đi vào con đường đồn ca tài tử chuyên nghiệp nhằm tạo một thế hệ trẻ kế thừa cho phong trào đồn ca tài tử tại địa phương. Đồng thời, tạo mọi điều kiện để những người yêu nghề, có tâm huyết với văn hóa dân tộc nói chung, có đủ điều kiện bằng cấp, học vị, vào làm việc trong các phòng, ban có trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các di sản.

UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 phê duyệt Đề án bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật Đồn ca tài tử Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Căn cứ vào Đề án, ngành Văn hóa,

Thể thao và Du lịch triển khai kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ như: Kiểm kê các câu lạc bộ Đờn ca tài tử đang hoạt động (5 năm/lần); Triển lãm, trưng bày hình ảnh hoạt động liên quan đến bộ môn nghệ thuật Đờn ca tài tử; các hội diễn Đờn ca tài tử; các cuộc thi...

Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao các huyện, thành phố thường xuyên tổ chức tập huấn các lớp dạy đàn, dạy ca cho các thành viên câu lạc bộ cũng như những người yêu thích Nghệ thuật Đờn ca tài tử. Thường xuyên tổ chức và hỗ trợ các hoạt động nhằm bảo tồn, phát huy giá trị Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ. Cụ thể:

- Tổ chức các hoạt động giao lưu, biểu diễn: Liên hoan nghệ thuật Đờn ca tài tử và Cải lương cấp tỉnh định kỳ 2 năm/lần, giao lưu giữa các câu lạc bộ trong tỉnh và các tỉnh bạn.

- Tuyên truyền và quảng bá: Triển lãm Nghệ thuật Đờn ca tài tử, các hình thức tuyên truyền trực quan khác để nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Hỗ trợ câu lạc bộ: Cung cấp điều kiện cần thiết để các câu lạc bộ hoạt động hiệu quả.

- Biểu diễn phục vụ cộng đồng: Tổ chức các chương trình biểu diễn định kỳ tại các sự kiện văn hóa, lễ hội.

Các hoạt động này góp phần bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể, tạo điều kiện cho nghệ nhân sáng tạo và truyền dạy nghệ thuật truyền thống. Các chủ thể tham gia hoạt động câu lạc bộ Đờn ca tài tử với tinh thần tự nguyện, mong muốn bộ môn nghệ thuật Đờn ca tài tử được duy trì và phổ biến hơn. Hầu hết các địa phương, các cơ quan ban ngành quan tâm, hỗ trợ các câu lạc bộ Đờn ca tài tử trong tập luyện, tham gia văn nghệ và các cuộc thi./.

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ TRUNG TÂM VĂN HÓA - ĐIỆN ẢNH ĐỒNG NAI

Phạm Văn Lơ (Phạm Lơ), sinh năm 1947, tham gia CLB năm 1997, nghệ nhân Đờn và Ca, Chủ nhiệm		Lê Văn Lợi (Nam Lợi), sinh năm 1950, tham gia CLB năm 1997, nghệ nhân Đờn, Phó Chủ nhiệm	
Trần Văn Rí, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Đờn, Thành viên		Phan Văn Nhân, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Đờn, Thành viên	
Phạm Thị Chót, sinh năm 1992, tham gia CLB năm 2013, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phạm Kiều Viễn, sinh năm 1985, tham gia CLB năm 2013, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Thu Dung, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2013, nghệ nhân Ca, Thành viên		Huỳnh Thị Diễm Hương (Thu Hương), sinh năm 1992, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Ngọc Trai (Văn Út), sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Đờn, Thành viên		Dương Hoài Linh, sinh năm 1990, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	

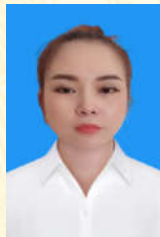
Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Nguyễn Thị Cua, sinh năm 1992, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phan Thị Quỳnh Như, sinh năm 1996, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phan Thị Thúy Huỳnh, sinh năm 1989, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Huỳnh Thị Ngọc Quý, sinh năm 1999, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Bùi Minh Nhớ, sinh năm 2002, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lưu Tấn Quốc, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Đờn, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1958, tham gia CLB năm 1990, nghệ nhân Đờn, Phó chủ nhiệm		Trương Thị Kim Anh, sinh năm 1959, tham gia CLB năm 1990, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm	
Nguyễn Hồng Trang, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2005, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Hoàng Tuấn, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2020, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Thị Thơ, sinh năm 1984, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Tấn Tài, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 1990, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Võ Minh Gia Bảo, sinh năm 2015, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên		Thái Hùng Minh, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2001, nghệ nhân Đờn, Thành viên	
Lê Tấn Thành, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2000, nghệ nhân Đờn, Thành viên			

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
THU NGÂN, PHƯỜNG TÂN HẠNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Lê Thị Thu Ngân, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Hoàng Vinh, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2008, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Hoàng Kiệt, sinh năm 1958, tham gia CLB năm 2008, nghệ nhân Ca, Phó chủ nhiệm		Nguyễn Thị Thanh Thúy, sinh năm 1983, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Quỳnh, sinh năm 1986, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Em, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2008, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm	
Mai Hoàng Châu, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Thị Thu, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2008, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Bùi Văn Tới, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2008, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Tô Thị Tho, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Duy Như, sinh năm 1979, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
---	---	---	---

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ BẢO BÌNH, HUYỆN CẨM MỸ

Bùi Văn Cư, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Bùi Văn Miên, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Sinh, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Châu, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Minh Sáng, sinh năm 1971, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Hồ Văn Lộc, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Hồ Văn Long, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Xuyên, sinh năm 1971, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lê Văn Lưu, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên			

CÂU LẠC BỘ ĐỜN CA TÀI TỬ XÃ XUÂN QUẾ, HUYỆN CẨM MỸ

Trần Thanh Chương, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Đờn, Chủ nhiệm		Huỳnh Minh Hùng, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Thị Cẩm, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thư ký, Thủ quỹ		Phan Quế, sinh năm 1935, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Tôn Văn Hoành, sinh năm 1952, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Thị Thùy Dương, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Nguyễn Thị Thoi, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Đờn, Thành viên		Lý Thị Thanh Tuyền, sinh năm 1990, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sinh năm 1981, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Liệu, sinh năm 1952, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Tiết Hậu, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Hứa Văn Nhật, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Sang, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Bùi Văn Thon, sinh năm 1958, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Văn Lượm, sinh năm 1979, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Ngọc Lợi, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên	

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ XUÂN BẢO, HUYỆN CẨM MỸ**

Nguyễn Văn Bích, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Đào Thị Thuỷ, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Thị Bé Hai, sinh năm 1984, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Ngọc Luận, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Ngọc Lợi, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Mai Thị Ngọc Anh, sinh năm 2003, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Đào Văn Dũng, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên			

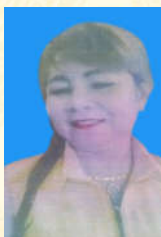
CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ XUÂN MỸ, HUYỆN CẨM MỸ

Tô Văn Quý, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Đờn và Ca, Chủ nhiệm		Ngô Thanh Tùng, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Đờn và Ca, Phó Chủ nhiệm	
Phạm Văn Minh, sinh năm 1959, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm		Nguyễn Văn Sang, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Thị Ngôn, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên BCN		Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	
Bùi Thị Cúc, sinh năm 1959, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Châu Văn Giang, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Ngọc Hà, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Ngô Thanh Hoàng, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Nguyễn Thị Ngọc Thu, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phan Văn Phước, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Vòng A Sinh, sinh năm 1978, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Vũ Thị Miến, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Se, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phạm Thị Nhài, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Tường, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Thị Hồng Linh, sinh năm 1985, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Ngọc Đánh, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trương Hoàng Phong, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ HUYỆN NHƠN TRẠCH

Đặng Văn Danh, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Đờn, Chủ nhiệm		Võ Thị Ngọc, sinh năm 1959, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Trang Thị Dấu, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Thủ quỹ		Nguyễn Văn Út, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Đặng Anh Thư, sinh năm 1981, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Thị Nhó, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Lạc, sinh năm 1971, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trang Thị Mỹ Kim, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Bùi Thị Hằng, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Thị Thanh Tuyền, sinh năm 1981, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Nguyễn Ngọc Nữ, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Hoa Tâm, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
--	---	---	---

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
THỊ TRẤN HIỆP PHƯỚC, HUYỆN NHƠN TRẠCH**

Phạm Văn Xước, sinh năm 1954, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Huỳnh Phương Quang, sinh năm 1970, nghệ nhân Đờn, Phó Chủ nhiệm	
Phạm Trọng Luật, sinh năm 1967, nghệ nhân Ca, Thành viên		Bùi Thị Phương Loan, sinh năm 1972, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Cao Thị Dung, sinh năm 1976, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Minh Nga, sinh năm 1970, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lê Thị Bích Tuyền, sinh năm 1978, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Thị Nhật, sinh năm 1959, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Phạm Thị Nhung, sinh năm 1968, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Thị Mỹ Hiền, sinh năm 1981, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Thái Văn Quýt, sinh năm 1961, nghệ nhân Ca, Thành viên		Đào Văn Gắng, sinh năm 1957, nghệ nhân Ca, Thành viên	

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ LONG TÂN, HUYỆN NHƠN TRẠCH**

Đặng Văn Danh, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Đờn, Chủ nhiệm		Huỳnh Thanh Cường, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Võ Phương Thanh, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thanh Phong, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thanh Nhờ, sinh năm 1987, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Hoàng Sơn, sinh năm 1979, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thúy Hằng, sinh năm 1984, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Thành viên			

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ LONG THỌ, HUYỆN NHƠN TRẠCH

Trần Công Toại, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Đờn và Ca, Chủ nhiệm		Trần Kim Phụng, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Thị Mỹ Khuê, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thanh Được, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Huỳnh Văn Mẫn, sinh năm 1979, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên			

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ PHÚ HỘI, HUYỆN NHƠN TRẠCH**

Đặng Minh Thông, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Đờn, Chủ nhiệm		Lê Thanh Tùng, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Hồ Minh Tân, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Đờn và Ca, Phó Chủ nhiệm		Lê Thanh Hoàng, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Tăng Tấn Lộc, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên		Tăng Văn Đỏ, sinh năm 1945, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Đờn, Thành viên	
Tăng Văn Bình, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trương Minh Phương, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lâm Văn Xê, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên			

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ PHÚ HỮU, HUYỆN NHƠN TRẠCH

Nguyễn Văn Vân, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Bùi Văn Lạc, sinh năm 1971, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Hoàng Sơn, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên		Nguyễn Thúy Hằng, sinh năm 1981, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Võ Thanh Bảo, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Thanh Liêm, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Võ Thanh Thắng, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1950, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Thị Mỹ Kim, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Quốc Dũng, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Lê Tuyết Sương,
sinh năm 1961,
tham gia CLB năm 2018,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Đỗ Thị Hoàng Dung,
sinh năm 1979,
tham gia CLB năm 2014,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ PHÚ THẠNH, HUYỆN NHƠN TRẠCH

Bùi Văn Lăng,
sinh năm 1955,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Ca,
Chủ nhiệm



Nguyễn Thanh Tùng,
sinh năm 1975,
tham gia CLB năm 2024,
nghệ nhân Ca,
Phó Chủ nhiệm



Phạm Văn Ba,
sinh năm 1969,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Đờn,
Thành viên



Tô Thiện Tâm,
sinh năm 1959,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Lê Thị Huệ,
sinh năm 1961,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Văn Hiền,
sinh năm 1961,
tham gia CLB năm 2023,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Huỳnh Thanh Cường,
sinh năm 1977,
tham gia CLB năm 2023,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ PHƯỚC THIỀN, HUYỆN NHƠN TRẠCH

Trần Công Nhân, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Đồng Tháp, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thư ký		Huỳnh Tấn Khanh, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	
Dương Thị Kim Tuyến, sinh năm 1978, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dư Nghĩa Thành, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lý Thị Hồng, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca,		Lưu Kim Tuyến, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thanh Hùng, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Long, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Trần Minh Hùng,
sinh năm 1971,
tham gia CLB năm 2024,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Võ Thị Phượng Thanh,
sinh năm 1970,
tham gia CLB năm 2024,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ GIA CANH, HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Nguyễn Bảo Linh,
sinh năm 1959,
nghệ nhân Ca,
Chủ nhiệm



Nguyễn Văn Tiên,
sinh năm 1969,
nghệ nhân Đờn và Ca,
Phó Chủ nhiệm



Nguyễn Thị Giầu,
sinh năm 1983,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Văn Bằng,
sinh năm 1970,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thanh Tuyền,
sinh năm 1979,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Văn Thương,
sinh năm 1968,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trương Thanh Dũng,
sinh năm 1972,
nghệ nhân Đờn,
Thành viên



Huỳnh Văn Chánh,
sinh năm 1958,
nghệ nhân Đờn,
Thành viên



Nguyễn Văn Thương,
sinh năm 1960,
nghệ nhân Đờn,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỜN CA TÀI TỬ XÃ PHÚ HÒA, HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Nguyễn Văn Thắm,
sinh năm 1964,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Chủ nhiệm



Nguyễn Văn Khôi,
sinh năm 1962,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Phó Chủ nhiệm



Nguyễn Long Phú,
sinh năm 1984,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trần Văn Phích,
sinh năm 1960,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Đờn và Ca,
Thành viên



Ngô Thị Giúp,
sinh năm 1958,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thị Kim Chi,
sinh năm 1968,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Ngô Kế Vân,
sinh năm 1968,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Đờn và Ca,
Thành viên



Nguyễn Văn Khen,
sinh năm 1965,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Nguyễn Lộc Hà, sinh năm 1949, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Cao Văn Sáu, sinh năm 1950, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lê Văn Đăng, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Thị Thanh Hương, sinh năm 1959, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Công, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Phong, sinh năm 1958, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ THỊ TRẤN LONG THÀNH, HUYỆN LONG THÀNH

Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Phạm Tuấn Hồng, sinh năm 1959, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Trần Văn Hùng, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm		Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	

Nguyễn Minh Châu, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Đờn, Thành viên		Lê Thị Út, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lê Thị Hương Giang, sinh năm 1978, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phan Văn, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Võ Huy Điều, sinh năm 1985, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lăng Thị Ứng, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Văn Rí, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Đờn, Thành viên		Nguyễn Thị Ngọc Hà, sinh năm 1991, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh năm 1978, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Hồng Thắm, sinh năm 1978, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thanh Hiếu, sinh năm 1987, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên			

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ BÌNH SƠN, HUYỆN LONG THÀNH**

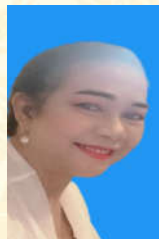
Trần Minh Hoàng, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Diêu Thị Cẩm Giang, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Thị Thanh Vân, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Thị Tuyết, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trương Thị Thuý Phượng, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phạm Minh Khánh, sinh năm 1987, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Huỳnh Hồng Hải, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Văn Đài, sinh năm 1964, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Thị Khoe, sinh năm 1962, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Thị Vân, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ PHƯƠNG NAM, HUYỆN LONG THÀNH

Huỳnh Minh Phương, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Đổng Văn Độ, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Chiến, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phạm Văn Sơn, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Chùng, sinh năm 1950, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Vô Thị Tho, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Thiên Hương, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phạm Hữu Thành, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Đờn và Ca, Phó Chủ nhiệm	
Hồ Thị Ngọc Sương, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Huỳnh Văn Lắm, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Huỳnh Văn Phú, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phạm Thị Mười, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Thị Nguyên, sinh năm 1958, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thanh Hùng, sinh năm 1986, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Kim Ton, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Văn Trường, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Bùi Minh Nhó, sinh năm 2002, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phạm Văn Bơ, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Ngọc Hương, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca,	
Phan Hồng Hạnh, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca,		Nguyễn Thị Mỹ Khê, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca,	

Nguyễn Thanh Xuân, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca,		Đặng Thị Sáu, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca,	
Trần Hoàng Sơn, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2021, nghệ nhân Ca,		Trần Văn Phong, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca,	

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ HUYỆN TÂN PHÚ

Phú Vĩnh Viễn, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Trần Văn Tình, sinh năm 1949, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Trần Văn Lành, sinh năm 1958, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm		Võ Minh Thành, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Tuấn Sang, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Ngọc Quý, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Trương Ngọc Bình, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1958, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Thị Yến, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Út, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Thành viên		Ngô Thị Hương Nga, sinh năm 1946, tham gia CLB năm 2014, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Huỳnh Thanh Tú, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên			

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
THỊ TRẤN VĨNH AN, HUYỆN VĨNH CỬU**

Vũ Văn Lai, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Ôn Văn Thanh, sinh năm 1954, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Trương Hiền, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm		Lê Cung Kính, sinh năm 1940, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thủ quỹ	
Huỳnh Thị Kim Phượng, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Văn Hoài, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên			

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ BÌNH LỢI, HUYỆN VĨNH CỬU**

Võ Thị Loan, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2020, nghệ nhân Ca, Thành viên		Hà Văn Châu, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2020, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lương Thu Hồng, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Giang Văn Tuấn, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Võ Thị Trung, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Hồng Thúy, sinh năm 1978, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Văn Quý, sinh năm 1954, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ THIỆN TÂN, HUYỆN VĨNH CỬU

Hứa Văn Rồng, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Diệp Văn Cường, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Phạm Thị Thu Thảo, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Huỳnh Văn Hùng, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lê Hữu Thành, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Đờn, Thành viên		Huỳnh Thị Lan, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Dương Văn Trúc, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thanh Thi, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Lợi, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên			

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ PHÚ LÝ, HUYỆN VĨNH CỬU**

Nguyễn Đình Biên, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Hồng Văn Sơn, sinh năm 1978, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Huỳnh Thanh Cao, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thư ký		Hồ Quốc Nghĩa, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Công Thành, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Thuý Hằng, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Huỳnh Minh Lượm, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Ngọc Hùng, sinh năm 1971, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Huỳnh Văn Khoan, sinh năm 1971, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Hồng Văn Trần,
sinh năm 1980,
tham gia CLB năm 2023,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ TÂN AN, HUYỆN VĨNH CỬU

Đặng Văn Hải,
sinh năm 1963,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Chủ nhiệm



Võ Nguyễn Thúy Hằng,
sinh năm 1987,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Phó Chủ nhiệm



Nguyễn Thị Út,
sinh năm 1964,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trịnh Thị Tuyết Nga,
sinh năm 1979,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Liên Thị Thu Hà,
sinh năm 1968,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trần Văn Đăng,
sinh năm 1959,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thị Mai Hoa,
sinh năm 1966,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Lê Thị Hồng,
sinh năm 1960,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Nguyễn Thị Tám, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Thị Vạn, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Thị Kim Thủy, sinh năm 1947, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Như Tĩnh, sinh năm 1984, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thành Cao, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Hữu Tài, sinh năm 1987, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Hùng Tấn, sinh năm 1978, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Vô Minh Tiến, sinh năm 1987, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Diệp Thị Ngọc, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Thu Vân, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phạm Thị Thúy, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thành Phân, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	

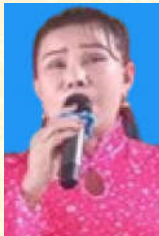
CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ TÂN BÌNH, HUYỆN VĨNH CỬU

Lê Văn Có, sinh năm 1959, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Đờn, Chủ nhiệm		Đỗ Văn Thật, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Lương Thanh Tùng, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thư ký		Lê Văn Tú, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	
Trần Thị Thơ, sinh năm 1984, tham gia CLB năm 2025, nghệ nhân Ca, Thành viên		Huỳnh Văn Hiếu, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Đờn, Thành viên	
Phạm Thị Yến Nhung, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Hữu Hiếu, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2017, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Hồ Hồng Sơn, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Văn Quý, sinh năm 1954, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Lê Văn Xem, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lương Thu Thủy, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Huỳnh Văn Đức, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Võ Ngọc Xuyên, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Quản Trọng Nhất, sinh năm 1985, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Ngô Văn Sơn, sinh năm 1954, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lê Hải Đăng, sinh năm 1982, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trịnh Văn Trí, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Hồ Hồng Hải, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Kim Yến, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ TRỊ AN, HUYỆN VĨNH CỬU

Mai Xuân Dũng, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Lê Thị Tuyết, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Đào Công Vũ, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thư ký		Lường Văn Dấu, sinh năm 1943, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Sùng, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Hồ Ngọc Hiệp, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Mai Thị Mười, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Thanh Xuân, sinh năm 1975, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1969, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Quốc Hùng, sinh năm 1960, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Nguyễn Thị Thanh Tiên,
sinh năm 1975,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Ngũ Bá Hảo,
sinh năm 1975,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ VINH TÂN, HUYỆN VINH CỬU

Nguyễn Văn Hên,
sinh năm 1958,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Chủ nhiệm



Huỳnh Văn Hào,
sinh năm 1980,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Phó chủ nhiệm



Ngô Cường,
sinh năm 1958,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Ngô Thành Nhân,
sinh năm 1977,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Văn Giữ,
sinh năm 1958,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Giang Nam,
sinh năm 1984,
tham gia CLB năm 2023,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thanh Tuyền,
sinh năm 1974,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Lê Hồng Hạnh,
sinh năm 1980,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Mai Đức Thịnh, sinh năm 1984, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Thị Tuyết, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên	
--	---	---	---

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ THẠNH PHÚ, HUYỆN VĨNH CỬU

Lê Thành Công, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Đờn và Ca, Chủ nhiệm		Dương Thị Lá, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Dương Văn Trúc, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Huỳnh Thị Nuôi, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lương Thanh Dũng, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Hồ Thị Thoa, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2020, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Huỳnh Hiếu, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Đờn, Thành viên		Huỳnh Trọng Phúc, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Võ Thị Lệ Hằng, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Đào Thị Thanh Hòa, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỜN CA TÀI TỬ BÔNG LÚA VÀNG (TRUNG TÂM VH-TT) HUYỆN VĨNH CỬU

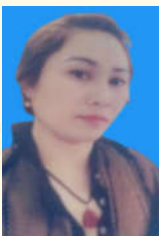
Lê Thành Công, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Đờn và Ca, Chủ nhiệm		Hứa Văn Ròng, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Võ Thị Loan, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Dương Văn Trúc, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên		Hồ Thị Thoa, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Nguyễn Thị Kim Loan, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2020, nghệ nhân Ca, Thành viên		Đào Thị Hoà, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2024, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phan Thị Yến Nhung, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2011, nghệ nhân Đờn, Thành viên		Huỳnh Trọng Phúc, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỜN CA TÀI TỬ XÃ TRUNG HÒA, HUYỆN TRẢNG BOM

Trương Thị Tươi, sinh năm 1966, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Trần Thị Thanh Hồng, sinh năm 1979, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Thị Kim Chi, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phan Thanh Hùng, sinh năm 1971, tham gia CLB năm 2016, nghệ nhân Ca, Thành viên	

**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ ĐỒI 61, HUYỆN TRẢNG BOM**

Lê Văn Hồng, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Phạm Thị Nhung, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Thị Mảnh, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Lộc, sinh năm 1983, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1977, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Huỳnh Văn Thi, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	
Lê Thị Mai, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Ngô Cẩm Tú, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên		Phạm Hữu Phúc, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2022, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1984, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên		Lê Xuân Vinh, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Dương Thị Hai, sinh năm 1976, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Diệp Công Minh, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	

CÂU LẠC BỘ ĐỜN CA TÀI TỬ XÃ AN VIỄN, HUYỆN TRẢNG BOM

Nguyễn Thị Trường, sinh năm 1964, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Trần Thị Phượng, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Phạm Văn Dũng, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Thúy Phượng, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Kim Phượng, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2015, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Nguyễn Văn Tiền,
sinh năm 1964,
tham gia CLB năm 2022,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Ngô Văn Lớn,
sinh năm 1972,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Trần Văn Mỹ,
sinh năm 1962,
nghệ nhân Ca,
Chủ nhiệm



Nguyễn Văn Lộc,
sinh năm 1957,
nghệ nhân Đờn,
Phó Chủ nhiệm



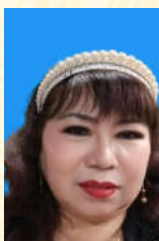
Vũ Ngọc Cảnh,
sinh năm 1965,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trần Văn Hoàng,
sinh năm 1977,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Huỳnh Kim Hoàng,
sinh năm 1964,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thị Thanh Tuyết,
sinh năm 1983,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thị Thuý Hồng,
sinh năm 1979,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Văn Trạch,
sinh năm 1941,
nghệ nhân Đờn,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ BẢO QUANG, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Lê Quốc Thái,
sinh năm 1975,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thị Xuân,
sinh năm 1978,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thị Cúc,
sinh năm 1966,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trần Thị Lệ Như,
sinh năm 1968,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trần Thị Kim Em,
sinh năm 1969,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ BÌNH LỘC, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

Trần Thị Ngọc Châu, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Lê Mộng Thu, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thủ quỹ	
Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thành Thu, sinh năm 1980, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1962, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Hữu Hiếu, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lê Thị Phương Ánh, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên			

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ PHƯỜNG XUÂN TÂN, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Trương Minh Diệp,
sinh năm 1962,
tham gia CLB năm 2007,
nghệ nhân Ca,
Phó Chủ nhiệm



Nguyễn Thị Thu Hồng,
sinh năm 1960,
tham gia CLB năm 2007,
nghệ nhân Ca,
Thủ quỹ



Nguyễn Thị Hải Thanh,
sinh năm 1956,
tham gia CLB năm 2007,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



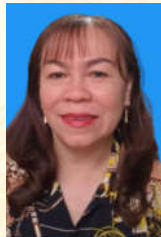
Võ Hải,
sinh năm 1957,
tham gia CLB năm 2007,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thị Phụng,
sinh năm 1963,
tham gia CLB năm 2007,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



**CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ
XÃ BẢO HÒA, HUYỆN XUÂN LỘC**

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Trần Công Cảnh, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Thị Tịnh, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên		Tăng Văn Hổ, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trà Thanh Đạt, sinh năm 1972, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Lộc, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Văn Bảy, sinh năm 1965, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Văn Em, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Kim Liên, sinh năm 1961, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Thị Hoa, sinh năm 1969, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Huỳnh Đức Minh, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên		Kiều Thị Ngọc Lan, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Văn Cư, sinh năm 1952, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên		Phạm Minh Ước, sinh năm 1960, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Đờn, Thành viên	
Cao Thị Minh, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2004, nghệ nhân Ca, Thành viên			

CÂU LẠC BỘ ĐỜN CA TÀI TỬ XÃ SUỐI CÁT, HUYỆN XUÂN LỘC

Đỗ Trọng Hoàng, sinh năm 1952, tham gia CLB năm 2019, nghệ nhân Đờn và Ca, Chủ nhiệm		Dương Thị Năm, sinh năm 1968, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Phan Văn Chính, sinh năm 1962, nghệ nhân Ca, Thư ký		Lê Công Thành, sinh năm 1971, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

Huỳnh Ngọc Sơn, sinh năm 1972, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1966, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	
Lê Văn Hưng, sinh năm 1972, nghệ nhân Ca, Thành viên		Trần Công, sinh năm 1970, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	
Huỳnh Duy Lâm, sinh năm 1970, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Văn Sự, sinh năm 1968, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1973, nghệ nhân Ca, Thành viên		Lê Thị Hiệu, sinh năm 1972, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Lâm Văn Cần, sinh năm 1973, nghệ nhân Ca, Thành viên			

CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ XUÂN BẮC, HUYỆN XUÂN LỘC

Lê Văn Rõng, sinh năm 1954, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Đờn và Ca, Chủ nhiệm		Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Đờn và Ca, Phó Chủ nhiệm	
Đặng Ngọc Anh, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên		Nguyễn Hữu Thảo, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Phan Hữu Tài, sinh năm 1967, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Thu Minh, sinh năm 1973, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Bé Sáu, sinh năm 1974, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Hồng Vân, sinh năm 1982, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Văn Bé Năm, sinh năm 1971, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên		Hồ Văn Đức, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2023, nghệ nhân Ca, Thành viên	

Trần Văn Cừ,
sinh năm 1967,
tham gia CLB năm 2023,
nghệ nhân Ca,
Thành viên

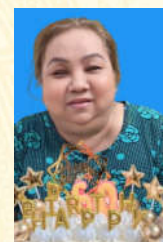


CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ XUÂN THỌ, HUYỆN XUÂN LỘC

Lưu Kim Thanh,
sinh năm 1960,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Đờn và Ca,
Chủ nhiệm



Lưu Thị Hoa,
sinh năm 1967,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Phó Chủ nhiệm



Đặng Thị Tốt,
sinh năm 1965,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Nguyễn Thị Tuyết,
sinh năm 1980,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Phạm Văn Dũng,
sinh năm 1962,
tham gia CLB năm 2015,
nghệ nhân Đờn và Ca,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỒN CA TÀI TỬ XÃ XUÂN HÒA, HUYỆN XUÂN LỘC

Võ Thị Chín, sinh năm 1955, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Chủ nhiệm		Huỳnh Thanh Sơn, sinh năm 1968, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Phó Chủ nhiệm	
Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên		Tăng Quang Vinh, sinh năm 1953, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Trần Văn Chừa, sinh năm 1956, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên		Nguyễn Thị Bích Phương, sinh năm 1963, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên	
Nguyễn Thị Thanh Thúy, sinh năm 1970, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Ca, Thành viên		Hồ Ngọc Kích, sinh năm 1957, tham gia CLB năm 2018, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	
Danh Thị Xuân Hòa, sinh năm 1975, tham gia CLB năm 2020, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên		Châu Thị Ngọc Quý, sinh năm 1982, tham gia CLB năm 2020, nghệ nhân Đờn và Ca, Thành viên	

Trần Lê Hoa,
sinh năm 1958,
tham gia CLB năm 2018,
nghệ nhân Đờn và Ca,
Thành viên



Trần Thị Biết,
sinh năm 1970,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Đờn và Ca,
Thành viên



CÂU LẠC BỘ ĐỜN CA TÀI TỬ XÃ HƯNG LỘC, HUYỆN THỐNG NHẤT

Nguyễn Kim Long,
sinh năm 1953,
tham gia CLB năm 2005,
nghệ nhân Ca,
Chủ nhiệm



Nguyễn Thị Bạch Yến,
sinh năm 1982,
tham gia CLB năm 2018,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trần Thị Thúy Diễm,
sinh năm 1985,
tham gia CLB năm 2017,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Võ Văn Lạc,
sinh năm 1975,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trần Văn Nhí,
sinh năm 1973,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Trần Thị Châu,
sinh năm 1972,
tham gia CLB năm 2020,
nghệ nhân Ca,
Thành viên



Lê Thị Ngọc Mai,
sinh năm 1972,
tham gia CLB năm 2024,
nghệ nhân Đờn,
Thành viên





Giáo sư âm nhạc Việt Nam Trần Văn Khê tham quan “Không gian Đờn ca tài tử” của tỉnh Đồng Nai tại Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ I - Bạc Liêu, năm 2014.



Nghệ nhân và tài tử của tỉnh Đồng Nai tham gia biểu diễn tại Festival Đờn ca tài tử Nam Bộ toàn quốc lần thứ I - Bạc Liêu, năm 2014.

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai



Ông Lê Khắc Sinh, Giám đốc Trung tâm Văn hóa tỉnh Đồng Nai (đứng thứ 11 từ trái sang) cùng các đoàn nhận hoa của Ban Tổ chức tại Lễ khai mạc Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ II - Bình Dương năm 2017.



Tiết mục “Đồng Nai ngày mới” của đoàn Đờn ca tài tử Đồng Nai đạt Huy chương vàng tại Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ II - Bình Dương năm 2017.



Bà Đỗ Thị Hồng, Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai (đứng thứ 9 từ phải qua) nhận Bằng khen tại Lễ Bế mạc Liên hoan Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ III - Cần Thơ năm 2022.



Tiết mục “Di sản đất Phương Nam” của đoàn Đờn ca tài tử Đồng Nai đạt Huy chương vàng Hội thi nghệ thuật Đờn ca tài tử tại Liên hoan Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ III - Cần Thơ năm 2022.



Lãnh đạo Trung tâm Văn hóa tỉnh Đồng Nai trao hoa và Cờ lưu niệm cho trưởng đoàn các đơn vị tham gia giao lưu các câu lạc bộ Đờn ca tài tử - Cải lương Đồng Nai với các tỉnh Nam Bộ (Bến Tre - Long An - Bình Dương - Tây Ninh - Đồng Nai) năm 2018.



Trung tâm Văn hóa tỉnh Đồng Nai tổ chức Giao lưu các câu lạc bộ Đờn ca tài tử - Cải lương Đồng Nai với các tỉnh Nam Bộ (Bến Tre - Long An - Bình Dương - Tây Ninh - Đồng Nai) năm 2018.



Ông Lê Kim Bằng, TUV, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai chụp hình lưu niệm cùng lãnh đạo Sở, lãnh đạo Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai và các đơn vị tham gia Liên hoan Đờn ca tài tử tỉnh Đồng Nai năm 2022.



Tiết mục trình diễn của các thí sinh nhỏ tuổi nhất tại Liên hoan Đờn ca tài tử tỉnh Đồng Nai năm 2022.



Nghệ nhân và tài tử biểu diễn trong Chương trình giao lưu Đờn ca tài tử Trung tâm Văn hoá - Điện ảnh Đồng Nai và Trung tâm Văn hoá, Thông tin - Thể thao huyện Tân Phú, năm 2022.



Nghệ nhân và tài tử Câu lạc bộ Đờn ca tài tử huyện Long Thành biểu diễn tại Tuần lễ Văn hóa - Du lịch - Ẩm thực Đồng Nai năm 2022.



Chương trình giao lưu biểu diễn Dân ca và Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ, do Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai thực hiện với chủ đề: “Đồng Nai - Âm vang nguồn cội” chào mừng kỷ niệm 325 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1698 - 2023).



Nghệ nhân và tài tử Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai biểu diễn tại Chương trình Đờn ca tài tử tỉnh Đồng Nai năm 2023.



Bà Tôn Thị Thanh Tình, Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai chụp hình lưu niệm cùng Ban Giám khảo Hội thi Giọng ca tài tử và Cải lương tỉnh Đồng Nai năm 2024.



Tiết mục biểu diễn tại Hội thi Giọng ca tài tử và Cải lương tỉnh Đồng Nai năm 2024 do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai tổ chức.



Chương trình biểu diễn và giao lưu Nghệ thuật Đờn ca tài tử của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai với Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Long Khánh năm 2024.



Ban Đờn ca tài tử Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai tham gia Giao lưu Đờn ca tài tử Nam Bộ tỉnh Long An mở rộng lần thứ 28, năm 2024.

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai



Bà Tôn Thị Thanh Tình, Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai (thứ 4 từ phải qua) chụp hình lưu niệm cùng thầy Thạc sĩ - NSUT - Nhạc sĩ Huỳnh Khải và Thạc sĩ Châu Minh Tâm và đại biểu tại Lớp hướng dẫn nghiệp vụ dạy đàn, hát nghệ thuật Đờn ca tài tử cho cơ sở năm 2024.



Lớp hướng dẫn nghiệp vụ dạy đàn, hát nghệ thuật Đờn ca tài tử cho cơ sở năm 2024 do Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai với Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Long Thành phối hợp tổ chức.

NGHI LỄ VÀ TRÒ CHƠI KÉO CO Ở ĐỒNG NAI

Ngày 02/12/2015, tại phiên họp của Ủy ban Liên Chính phủ về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 10 của UNESCO diễn ra tại thành phố Windhoek, Cộng hòa Namibia, Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines chính thức được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Theo đó, chúng ta không chỉ đại diện cho chúng ta mà chúng ta còn đại diện cho dân tộc, cho thế giới để giữ gìn di sản văn hóa quý báu này. Hy vọng thời gian tới, các cộng đồng kéo co sẽ đoàn kết, chia sẻ kinh nghiệm với nhau để chúng ta bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể này tốt nhất.

1. Mô tả về di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ và trò chơi kéo co

1.1. Bối cảnh hiện tồn di sản

Tư liệu về khảo cổ học đã chứng minh ở Đồng Nai người cổ sinh sống từ rất sớm, có đủ dấu ấn của các nền văn minh đá cũ, đá mới, đồng thau, sắt sớm... Mọi nơi ở Đồng Nai, từ vùng bán sơn địa như: Hàng Gòn, Dốc Mơ, Dầu Dây, Suối Linh, Nam Cát Tiên... đến miệt đồng bằng ven sông biển như: Phước Tân, Gò Bường, Cái Vạn, Rạch Lá, Bưng Bạc... đều có dấu vết văn hóa người xưa với nếp sống quần cư, chế tác công cụ, vũ khí đồ trang sức và vật dụng sinh hoạt ở trình độ cao, có quan hệ giao lưu với văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh và các nền văn minh khác trong khu vực Đông Nam Á.

Từ cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII đã có người Việt tới sinh sống tại các vùng châu thổ sông Đồng Nai, sông Cửu Long và sông Sài Gòn. Năm 1679, Trần Thượng Xuyên cùng nhóm tùy tùng đã tới Bàn

Lân (Biên Hòa) góp phần xây dựng Cù lao Phố thành thương cảng sầm uất, giao dịch với thương nhân trong và ngoài nước bậc nhất thời bấy giờ. Sự kiện Nguyễn Hữu Cảnh thừa lệnh Chúa Nguyễn kinh lý phương Nam vào năm Mậu Dần (1698) đánh dấu chính thức đưa vùng đất Đồng Nai vào lãnh thổ cai quản của Chúa Nguyễn. Đồng Nai được xem là nơi “đất lành chim đậu”, ngoài 4 tộc người sống lâu đời là: Mạ, Chơ Ro, Xtiêng, Cơ Ho (thuộc nhân chủng Anghônêdiêng, ngữ hệ Môn - Khmer, dòng Nam Á, chưa có chữ viết riêng), nơi đây còn là vùng đất lưu chân của 50 tộc người qua các thời kỳ như: Việt, Hoa, Chăm, Tày, Nùng..., nơi tích tụ các giá trị văn hóa truyền thống mang tính đặc trưng. Xuyên suốt hơn 325 năm hình thành và phát triển với bao biến thiên của thời cuộc như: Chiến tranh, phân chia tách nhập địa giới... đã kết tinh, bồi đắp rất nhiều các giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc riêng có cho vùng đất này.

Đồng Nai là tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực có cơ sở hạ tầng phát triển và thuộc vùng kinh tế năng động nhất Việt Nam. Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tọa độ địa lý từ 10°29'58" đến 11°34'57" vĩ độ Bắc, từ 106°43'56" đến 107°36'46" kinh độ Đông; có diện tích tự nhiên 5.863,62 km², chiếm khoảng 1,77% diện tích cả nước; dân số khoảng 3,2 triệu người⁽¹⁾, chiếm khoảng 3,2% dân số cả nước. Tính đến năm 2025, tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện: Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu; 159 đơn vị cấp xã. Thành phố Biên Hòa là trung tâm hành chính của tỉnh.

Khí hậu Đồng Nai với chế độ nắng, gió, mưa, nhiệt, ẩm ở tỉ lệ cao, ổn định và phân bố khá đồng đều giữa các vùng là điều kiện tốt cho

(1) Thống kê Cục Thống kê Đồng Nai 2021.

sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp và sinh hoạt văn hóa, du lịch. Hệ thống sông, hồ, suối, thác không những là nguồn cung cấp tài nguyên nước cho tỉnh mà còn yếu tố quan trọng tạo ra tiềm năng về du lịch của tỉnh.

1.2. Quá trình ra đời, tồn tại của Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Đồng Nai

Từ thời xa xưa, khi trình độ khoa học kỹ thuật và nhận thức còn nhiều hạn chế thì con người trở nên nhỏ bé, bất lực trước những hiện tượng của thế giới tự nhiên. Đặc biệt, đối với những cư dân nông nghiệp lúa nước có đời sống lao động sản xuất phụ thuộc vào tự nhiên thì ước nguyện về mưa thuận gió hòa, sinh sôi nảy nở, sự đoàn kết, tập hợp sức mạnh của cộng đồng để chống lại những bất lợi của tự nhiên luôn được đề cao, chú trọng. Xuất phát từ đó, nhiều hoạt động, nhiều tập quán, nhiều sinh hoạt văn hóa ra đời và tồn tại, trong đó có trò chơi kéo co để đáp ứng những ước vọng của con người nhằm chế ngự, làm chủ mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện.

Qua tham khảo tài liệu thì trên thế giới, trò chơi kéo co xuất hiện từ thời cổ đại. Các công trình nghiên cứu khảo cổ học, sử học trên thế giới phát hiện ra rằng từ hơn 2.500 năm trước Công nguyên, trò chơi này đã xuất hiện phổ biến ở Ai Cập. Cảnh kéo co của người cổ đại được ghi chép và mô tả trong nội dung của những bức tranh trên tường tại các ngôi mộ cổ. Người Eskimo trình diễn kéo co như sau: Hai vận động viên ngồi trên đất, sử dụng một sợi dây ngấn người nào kéo được đối thủ của mình vượt qua vị trí đang ngồi là người chiến thắng. Ở Tây châu Âu, các chiến binh Viking thường chơi một trò chơi có tên gọi là “kéo da”, trong đó người ta dùng da động vật thay cho dây thừng để chơi kéo co. Tại nước Anh, cuộc thi đấu kéo co đầu tiên được ghi nhận là diễn ra vào thế kỷ XVI giữa hai làng vùng Norfolk. Tuy vậy, theo nhiều câu chuyện kể lại thì kéo co dưới hình thức là một môn thể thao hiện đại bắt đầu từ con tàu Cutty Sark. Vào khoảng thời gian từ năm 1885-1895, Richard Woodget, thuyền trưởng tàu Cutty Sark, đã thường xuyên tổ chức các cuộc thi đấu kéo

co cho các thủy thủ của mình. Bằng cách này, Woodget muốn rèn luyện sức khỏe và trau dồi bản năng chiến đấu cho họ⁽¹⁾.

Hy Lạp, nơi được coi là cái nôi của các môn thi Olympic có nguồn gốc cổ xưa, vào khoảng năm 500, môn kéo co đã được luyện tập bởi các lực sĩ điền kinh hoặc được sử dụng như một bài tập thay thế cho các môn thể thao khác. Bằng chứng cho thấy môn kéo co cũng đã xuất hiện ở miền Tây châu Âu vào năm 1.000, trong hàng loạt câu chuyện kể về các vị anh hùng của những giải vô địch thuộc vùng Scandinavia và Đức, trong môn thể thao gọi là “những cuộc thi về sức mạnh”. Môn thể thao kéo co là nét đặc trưng trong các cuộc thi tại các cung điện dưới thời Hoàng đế Trung Hoa cũng như trong các thời kỳ của Mông Cổ và Thổ Nhĩ Kỳ.

Kéo co được thực hành rộng rãi trong văn hóa trồng lúa ở Đông và Đông Nam Á tiêu biểu như: Việt Nam, Hàn Quốc, Campuchia, Philippines, Trung Quốc. Do văn hóa đa dạng nên cách thức thực hành ở các vùng có sự khác biệt, nhưng tinh thần chung là mong muốn sự phồn thực, sinh sôi, phát triển. Theo các tài liệu ghi lại, kéo co là một trò chơi rất được ưa chuộng trong triều đình Trung Quốc đặc biệt là vào thời nhà Đường và sau này là thời nhà Tống. Tại Afghanistan, các đội sử dụng cây cọc bằng gỗ để kéo, đẩy thay vì sử dụng sợi dây thừng. Tại Hàn Quốc, những đứa trẻ chơi kéo co theo cách khác, chúng tạo thành sợi dây bằng chính thân thể của chúng bằng cách khóa hai tay vòng qua eo của người phía trước. Và đội trưởng của hai đội nối với nhau bởi hai bàn tay.

Kéo co đã trở thành một môn thể thao hiện đại. Kéo co có mặt trên đấu trường Olympic từ khoảng năm 1.900-1920. Nhưng kể từ năm 1920 trở về sau, kéo co bị loại khỏi nội dung thi đấu của thể vận hội. Năm 1958, Liên đoàn kéo co Anh được thành lập. Hai năm sau tức vào năm 1960, Liên đoàn kéo co quốc tế cũng đã ra đời và do

(1) https://vi.wikipedia.org/wiki/K%C3%A9o_co

George Hutton (người Anh) cùng Rudolf Ullmark (người Thụy Điển) đứng đầu. Cuộc họp đầu tiên của Liên đoàn quốc tế diễn ra tại Thụy Điển vào năm 1964. Cũng trong năm đó, kéo co lần đầu tiên được đưa vào thi đấu tại Đại hội thể thao Baltic. Năm 1999, một lần nữa Liên đoàn kéo co quốc tế nhận được công nhận tạm thời từ IOC và được công nhận chính thức vào năm 2002, phù hợp với Quy định số 29 của Hiến chương Olympic. Hiện nay, Liên đoàn kéo co Anh quốc đang liên tục vận động để đưa kéo co quay trở lại trong chương trình thi đấu Olympic.

Ở nước ta, kéo co có mặt lâu đời, gắn với những sinh hoạt trong cuộc sống thường nhật hay các lễ hội, tín ngưỡng của nhiều tộc người. Kéo co là một trong những hình thức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng không thể thiếu của cộng đồng, nên nó được cộng đồng trao truyền từ đời này sang đời khác. Ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung, kéo co là trò chơi gắn liền với lễ hội tại các đình làng, nhất là dịp đầu Xuân, người dân tham dự lễ hội, tham dự trò chơi với tinh thần tự nguyện, nhiệt tình. Thông qua đó gắn chặt hơn nữa tinh thần đoàn kết, biểu dương sức mạnh tập thể. Có thể tìm thấy sự có mặt của trò chơi này trong các truyền thuyết từ thời đại các vua Hùng như truyền thuyết về *“Trò kéo co ở làng Phú Mão”* (thuộc huyện Phù Ninh, Vĩnh Phúc). Kéo co diễn ra tại phường Thạch Bàn (quận Long Biên, Hà Nội), kéo co ở làng Xuân Lai (Sóc Sơn, Hà Nội) lại là kéo cọc tre, giống Hàn Quốc, cư dân vùng trung du, đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ thường xuyên thực hành kéo co. Trong tranh dân gian của dòng tranh Đông Hồ nổi tiếng, cũng có bức tranh vẽ cảnh kéo co. Ngoài ra trò chơi này còn được các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam như: Tày, Thái, Giáy (tỉnh Lào Cai) tổ chức hàng năm.

Đặc điểm chung của kéo co ở Việt Nam là kéo trên cạn, diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định, điểm khác biệt là ở cách kéo. Trò chơi kéo co ở Lào Cai là của cộng đồng người Tày và người Giáy, họ dùng dây song để kéo trong các lễ hội, điển hình là lễ hội Roóng Pơc ở Tả Van (huyện Sa Pa) vào tháng Giêng hằng năm. Kéo co ở

Hà Nội và Vĩnh Phúc là của người Kinh. Người Vĩnh Phúc kéo co ngồi trên hố đào sẵn, dùng sợi dây song xuyên qua cột và kéo đi kéo lại. Cũng là kéo co ngồi, cũng kéo bằng sợi dây nhưng khi kéo, người dân Thạch Bàn (Long Biên, Hà Nội) ngồi bệt xuống đất, chứ không ngồi trong hố. Kéo co ở Sóc Sơn (Hà Nội) lại khác, người dân Sóc Sơn dùng cây tre để kéo, còn gọi là kéo mỏ. Có thể nói, tục kéo co ở mỗi nơi tuy có những lối chơi khác nhau, nhưng đều thể hiện sức mạnh, tinh thần đoàn kết, gắn bó tập thể.

Tuy nhiên, thời gian chính xác cho sự xuất hiện trò chơi này ở Việt Nam vẫn chưa biết một cách cụ thể, bởi hiện nay chưa có một công trình, tài liệu nghiên cứu nào xác định được thời gian xuất hiện của nó. Chỉ biết rằng nó đã ra đời và tồn tại, phát triển rộng khắp trong cộng đồng các dân tộc cho đến ngày nay, sau này nó có sự cách tân và được nâng lên thành một môn thể thao. Chính nhờ đặc điểm tồn tại là gắn với những hoạt động tâm linh, tín ngưỡng, sinh hoạt văn hóa nên kéo co truyền thống có sức sống mãnh liệt và phát triển rộng rãi trong xã hội biểu hiện ở đối tượng tham gia thực hành (người lớn, trẻ em, các tộc người, nam hoặc nữ đều tham gia), địa điểm, thời gian tổ chức... đều linh hoạt. Chính sự linh hoạt trong thể thức thi đấu, những quy định riêng ở mỗi địa phương mang những sắc thái văn hóa khác nhau mà tạo những cảm hứng khác nhau cho mọi đối tượng tham gia chơi, thi đấu.

Xuất phát từ tính ứng dụng, thiết thực, phổ biến, dễ thực hành của kéo co trong đời sống; qua các thời kỳ khác nhau mà hiện nay ở Việt Nam cũng như trên thế giới, kéo co được phát triển thành môn thể thao. Kéo co là môn thể thao dễ chơi và có tính đồng đội cao, rất phổ biến trong các dịp hội, hè, đình, đám và về sau này xuất hiện hầu như thường xuyên trong các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc... Kéo co được chọn làm môn thi đấu trong các hoạt động có sức thu hút rất lớn đối với đông đảo người hâm mộ. Môn thể thao này dường như có mặt hầu hết ở các giải thi đấu thể thao, nó có luật thi đấu cũng như quy định cụ thể về

đối tượng, độ tuổi, trang bị dụng cụ thi đấu, kỹ thuật kéo, số lượng người tham gia, có trọng tài điều khiển trong thi đấu... Một trong những qui định có tính bắt buộc (vẫn còn giữ được yếu tố dân gian) là những người tham gia thi đấu phải là những người nghiệp dư và được Liên đoàn kéo co quốc tế thông qua (nếu giải quốc tế) và có Ban tổ chức giải đấu (thi đấu trong nước). Họ tôn trọng luật và những hướng dẫn do Liên đoàn kéo co ban hành một cách nghiêm túc.

Từ năm 2004, kéo co quốc tế đã có mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2006, đội tuyển Việt Nam lần đầu tiên có mặt tại giải vô địch châu Á - Nhật Bản. Năm 2008, đội nữ lần đầu tiên dự giải vô địch châu Á - Macau China đã đoạt huy chương Đồng. Năm 2010, đạt huy chương Đồng giải vô địch châu Á - Hàn Quốc. Như vậy, kéo co Việt Nam đã trở thành là môn thể thao thể mạnh trong khu vực Đông Nam Á và tầm châu lục.

Ở Nam Bộ, nơi có sự giao thoa văn hóa giữa các cộng đồng cư dân Việt, Chăm, Hoa, Khmer... các trò chơi dân gian cũng theo đó mà hình thành và phát triển. Dấu ấn của trò chơi kéo co truyền thống tồn tại trong các nền văn hóa cổ xưa ở các cộng đồng dân tộc theo Hindu giáo mà chúng ta có thể tìm thấy trong truyền thuyết “Đánh biển sữa”. Trong thần thoại Ấn Độ, chu kỳ của thế giới được chia thành 4 kalpa (thời kỳ). Sau khi được tạo lập, qua 14 giai đoạn sẽ dẫn đến ngày tận thế. Trong giai đoạn thứ 6 của thời kỳ hiện tại, các thần thánh và ác quỷ sẽ đấu tranh giành sự thống trị thế giới, nhưng có một lúc tạm hòa để lấy từ đại dương amrita, tức phương thuốc bất tử. Giai đoạn này được gọi là “Đánh biển sữa” và núi Mandara được dùng như trục để phân chia thành hai bên trong cuộc giao tranh này. Cuộc chơi bắt đầu khi rắn Naga Vasuki quấn quanh núi, thần và quỷ kéo mỗi bên một phía để đánh (quây) đại dương sữa và lấy ra phương thuốc. Việc sử dụng con rắn Naga Vasuki như là một đoạn dây thừng và hai thế lực thần và quỷ kéo mỗi bên một phía tượng trưng cho hai đội chơi. Truyền thuyết này ngoài việc mô tả chu trình của thế giới theo Ấn Độ giáo, còn là một biểu hiện chất phác đầy hình tượng của

một trò chơi có nguồn gốc từ thời xa xưa. Ngoài việc là một trò giải trí còn là một hình thức tiếp cận thiêng liêng giữa con người với thế giới các thần linh.

Ở Đồng Nai, kéo co truyền thống đã được các tộc người sống lâu đời thực hành trong các dịp vui chơi, lễ hội một cách phổ biến. Chưa có nguồn tư liệu nào minh định chính xác về thời điểm xuất hiện, cách thức thực hành kéo co của các tộc người ở Đồng Nai. Thông qua lời kể của những vị cao niên thì kéo co được hình thành và duy trì trong mỗi tộc người một cách tự nhiên bởi quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa gắn với quá trình hình thành, phát triển tộc người. Ở Đồng Nai có hai tộc người còn duy trì kéo co truyền thống gắn với lễ hội là: Mạ và Chơ Ro.

Trong lễ hội Sayangva của tộc người Chơ Ro trên địa bàn tỉnh, trò chơi kéo co trở thành một hoạt động không thể thiếu, thu hút nhiều người tham gia, tạo nên không khí náo nhiệt, vui tươi. Kéo co truyền thống được tổ chức thường xuyên tại các địa phương có đông đồng bào Chơ Ro sinh sống tập trung thành từng làng ở xã Bảo Vinh, Bảo Quang, Hàng Gòn và Bàu Trâm (thành phố Long Khánh); xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu); xã Túc Trưng (huyện Định Quán). Đặc biệt, kéo co trong lễ hội được đông đảo người Chơ Ro tham gia từ khâu tổ chức đến thực hành. Thông qua lễ hội, trò chơi kéo co đã gắn kết được cộng đồng, giúp nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Điều đáng quý là kéo co được thực hành trong các lễ hội chỉ mang tính vui chơi, cả đội thắng và đội thua đều có giải. Các trận kéo co đều do chính người dân đứng ra tổ chức trong không gian văn hóa của mình cho nên nó được lưu giữ, trao truyền trực tiếp. Theo các bậc cao niên, kéo co là môn thể thao có lâu đời, nhưng cụ thể từ khi nào thì không một ai biết. Các cụ lớn tuổi người Chơ Ro cho biết trước đây khi còn sinh sống theo diện du canh, du cư thì trò chơi kéo co chưa diễn ra trong sinh hoạt và lễ hội của đồng bào trước khi có sự giao lưu với cộng đồng người Kinh. Hiện nay, ở một số địa phương có tộc người Chơ Ro sinh sống, mỗi khi diễn ra lễ hội Sayangva, các ấp, tổ dân cư

tuyển chọn người, thành lập các đội kéo co để thi đấu. Trước hết các đội tham gia thi đấu vòng loại tìm ra các đội thắng cuộc để tham gia thi đấu vòng chung kết. Mỗi trận đấu loại có hai đội tham gia, thi đấu đấu ba hiệp, đội thắng vào vòng trong.

Trong lễ hội Đâm trâu của người Mạ, kéo co được gắn kết vào phần hội nhằm mục đích tạo không khí vui tươi và cố kết cộng đồng với nhau. Trong dân ca Mạ, tộc người này hiện vẫn lưu truyền bài hát kéo co (Vóch vòng Vóch)⁽¹⁾. Bài hát này được nhiều người dân thuộc và hát, nhất là trong lễ hội Đâm trâu có tổ chức kéo co thì lời bài hát nó có sức lôi cuốn, cổ vũ tinh thần, tạo nên sức mạnh cho người chơi.

Theo bà Ka Rín ở xã Tà Lài (huyện Tân Phú) trước kia trong lễ hội Đâm trâu, nam nữ các làng thách đố với nhau thông qua trò chơi kéo co để khẳng định sức mạnh. Số lượng người tham gia kéo co theo sự thỏa thuận giữa các đội. Thông thường mỗi đội thi đấu có thể từ 5-10 người gồm toàn nam, toàn nữ hoặc cả nam lẫn nữ. Hai đội tham gia thi đấu nếu bên nào thua thì sẽ bị phạt uống rượu cần, nếu bên thua không phục thì có thể đưa ra lời thách đố tiếp theo, cứ như thế cuộc chơi tiếp nối suốt đêm đến khi hai bên đều say thì kết thúc. Sợi dây dùng để kéo co là dây mây được chặt từ trên rừng về vót sạch, gác bếp lâu ngày cho chắc. Sợi mây có kích thước bằng cổ tay trẻ em, khoảng giữa được khắc vạch, bôi lọ đen. Trước đây bên cạnh kéo co bằng hình thức dùng sợi dây, thì người Mạ còn kéo co bằng cách hai đội đan tay vào nhau để kéo. Theo bà Ka Rín, đối với hình thức kéo co bằng tay thì người trong một đội người sau ôm bụng người trước, người đứng trước nhất đan tay với người đứng trước của đội kia để kéo. Hình thức kéo co bằng tay thường được phụ nữ, trẻ em thực

(1) Nội dung: Vóch vòng Vóch chỏi nào. Vóch vòng vào chỏi nao. Kà brào đăm gòi chỏi nao. Ở còi pe dợt chỏi nao. Hót tằm lụ pe nai chỏi nao. Vóch vòng Vóch chỏi nao. (Tạm dịch: ta cùng nhau kéo co. Dốc sức này kéo co. Nào cùng một lòng, cố lên. Nắm chặt chặt giây này, cố lên. Hô thật đều, ta hô này, cố lên. Kéo cho khỏe này cho mạnh).

hành vì đơn giản, không mất nhiều sức bằng sử dụng dây. Những năm trở lại đây, hình thức kéo co bằng tay không còn được thực hành trong đời sống của người Mạ ở Tà Lài.

Trong các lễ hội Đâm trâu ở thị trấn Hiệp Nghĩa (huyện Định Quán) và Tà Lài, kéo co truyền thống được tổ chức và thi đấu giống như tại lễ hội Sayangva của người Chơ Ro. Theo đó, nội dung và công tác tổ chức thường được giao cho Phòng Văn hóa và Thông tin huyện hoặc UBND cấp xã đảm nhận. Trước ngày thi đấu kéo co, các đội lựa chọn vận động viên rồi lên danh sách nộp về cho Ban tổ chức để bốc thăm chia bảng. Thông thường các đội là đại diện cho các tổ hoặc ấp nơi có đồng bào dân tộc sinh sống. Số lượng các đội tham gia thi đấu ở các lễ hội không nhiều (khoảng 3-4 đội), danh sách đăng ký cũng không hạn chế vận động viên. Khu vực thi đấu là những khoảng sân rộng, phẳng. Tại thị trấn Hiệp Nghĩa (huyện Định Quán) sân được sử dụng khi tổ chức kéo co là Nhà văn hóa dân tộc Hiệp Nghĩa; tại xã Tà Lài, khi tổ chức kéo co người Mạ chọn khu vực đất trống phía sau Nhà văn hóa các dân tộc xã Tà Lài.

Kéo co truyền thống cũng gắn với cộng đồng người Kinh di dân vào Đồng Nai từ hơn 325 năm qua. Qua khảo sát thực tế cũng chưa có bằng chứng nào chứng minh kéo co truyền thống gắn với những sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội (cúng đình, đền, miếu...) ở Đồng Nai. Những thông tin như thể lệ cuộc kéo, số lượng người tham dự, hình thức kéo (kéo dây, kéo tay, kéo trụ cột, kéo cây tre...) đều không rõ ràng. Chỉ biết rằng kéo co tồn tại trong cộng đồng như một trò chơi dân gian, được thực hành trong dịp lễ, tết, trong sinh hoạt thường nhật của mọi thế hệ từ thành thị tới nông thôn. Kéo co dần trở thành một môn thể thao và được nhiều người ưa thích, thể hiện tinh thần thượng võ, rèn luyện thể lực và sự nhanh nhẹn, khéo léo. Kéo co truyền thống hiện diện trên khắp các địa bàn Đồng Nai; tính phổ quát của nó đã được cộng đồng chấp nhận, tôn vinh, gìn giữ, trao truyền. Đối tượng tham gia kéo co cũng rất phong phú, có cả nam lẫn nữ, có học sinh, công chức, viên chức, công nhân, nông dân... Các đơn vị tổ chức cũng rất

đa dạng: Trường học, công ty, cơ quan, chính quyền địa phương... Tại các xã, phường, thị trấn ở Đồng Nai đều thành lập các đội kéo co (tuyển chọn từ các thành viên của các đội kéo co ở các ấp) và thường xuyên thi đấu trong các sinh hoạt văn hóa như: Ngày hội toàn dân đoàn kết, Đại hội thể dục thể thao, kỷ niệm ngày thành lập Đoàn Thanh niên 26/3, kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9...

Như vậy, kéo co truyền thống ở Đồng Nai xuất hiện với hai vai trò: (1) là trò chơi dân gian gắn liền với các lễ hội của các tộc người bản địa, được trẻ em từ nông thôn tới thành thị thực hành thường xuyên mang tính “ngẫu hứng” vui là chính (thể hiện ở số người tham gia, trang phục, thời gian, địa điểm thực hành, cách thức chơi, hình thức chơi... đều mang tính tương đối), mọi người tới cuộc chơi đều vô tư, không đặt nặng yếu tố thắng thua; (2) từ một trò chơi dân gian nâng lên thành một môn thể thao dùng rèn luyện thân thể, góp vui cho các phong trào thể thao, văn hóa văn nghệ của địa phương. Quá trình thực hành nó có tính quy củ đúng như một môn thể thao với những quy định cụ thể: Phải thành lập đội thi đấu từ trang phục, số người tham dự, số cân của mỗi đội, số đội tham gia tranh tài trong một giải đấu cũng nhiều hơn, thực hành theo luật kéo co quốc tế, yếu tố thành tích được đề ra và mọi người đều hướng tới...

1.3. Mô tả quy trình thực hành di sản Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Đồng Nai

Trong vai trò một trò chơi dân gian, kéo co truyền thống ở Đồng Nai có độ phổ quát rộng ở đối tượng thực hành, môi trường thực hành, địa điểm thực hành, những quy định trong trò chơi có sự cởi mở hơn. Khi kéo co gắn với các lễ hội truyền thống như: Lễ hội Đâm trâu của người Mạ, lễ hội Sayangva của người Chơ Ro yếu tố truyền thống cũng đang đứng trước nguy cơ mai một (do sự can thiệp từ chính quyền và cơ quan quản lý văn hóa). Tuy vậy, một tinh thần chung vẫn được bảo lưu đó là từ những người trực tiếp thực hành kéo co đến những người phục vụ cho đội kéo co và cả người dân đến dự, cổ vũ đều hồ hởi tham gia tự nguyện, không hề vụ lợi hoặc mang

tâm lý thắng thua. Người xem đứng thành vòng tròn bên ngoài reo hò, khích lệ đội chơi, thậm chí có lẽ hội còn dùng tiếng trống, chiêng đánh dồn cổ vũ làm cho không khí thêm phần sôi động. Yếu tố dân gian, tính “ngẫu hứng”, linh hoạt được duy trì như: Trang phục mặc tự do, trong mỗi đội có cả nam lẫn nữ, không phân biệt số cân ở mỗi đội (chỉ quy định số người mỗi đội), không thành lập đội kéo co, không được luyện tập thường xuyên, chỉ có hai đội kéo với nhau, được thành lập theo hình thức phân công miệng, được điều hành bởi già làng và các thành viên lớn tuổi trong làng, tiêu chí chung là chọn những người khỏe nhất tham gia kéo, hình thức là kéo dây, mỗi đội thỏa thuận cử ra một đội trưởng (người khỏe nhất đứng trụ đầu dây, điều hành phương pháp, sắp xếp vị trí người đứng kéo, chiến thuật kéo cho đội của mình), kéo theo 3 hiệp (đội nào thắng hai hiệp sẽ chiến thắng toàn cuộc). Trước đây, già làng là người đứng điều khiển cuộc kéo co; ngày nay, việc điều hành này do cán bộ văn hóa xã hội của xã đảm nhiệm; cũng có khi một nhóm người chơi với nhau cử người đại diện. Hình thức kéo là dùng dây: trước đây, đồng bào thường vào rừng tìm các loại dây rừng như: dây mây, song, móc... để dùng làm dây kéo, sau này dây kéo đã được thay bằng dây thừng.

Một hình thức biểu hiện khác của kéo co với tư cách là một trò chơi được diễn ra ở trường học, trong cộng đồng dân cư. Trong vai trò này, tính “ngẫu hứng” thể hiện rõ nhất. Có thể thấy trẻ em ở các trường học, trẻ em ở các khu dân cư, xóm ấp trong tỉnh thường xuyên dùng kéo co như hoạt động vui chơi rèn luyện thân thể bên cạnh các trò chơi dân gian khác như: nhảy lò cò, tạt lon, bắn bi... Trong các giờ ra chơi, dã ngoại, sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt hè ở các xóm, ấp, khu phố... một nhóm trẻ em có thể cùng nhau lập nhóm, kéo co thi tài với nhau. Hình thức kéo co cũng rất đơn giản, cách thức tổ chức cũng không mấy phức tạp: một người đề xướng, cả nhóm cùng nhau thực hiện từ việc chia người làm hai nhóm, mỗi nhóm mấy người, kéo mấy hiệp (hay còn gọi là mấy keo) đến việc ai được cử làm trọng tài... đều được thỏa thuận thống nhất, tự tổ chức, tự thực hiện. Địa điểm kéo co có thể là sân trường, sân bóng đá, đầu xóm, bãi đất trống... Số

lượng người tham gia kéo cũng linh hoạt, thành phần kéo cũng cũng linh động thỏa ước với nhau, có khi có cả nam lẫn nữ, có khi chỉ toàn nam hoặc toàn nữ. Số lượng này có thể thay đổi và có thể một trẻ lớn chấp hai, ba trẻ nhỏ kéo với nhau. Đối tượng tham gia là trẻ em, hoặc là người lớn phụ thuộc vào tính chất mỗi cuộc chơi. Ví như ở các cuộc dã ngoại đội chơi thường là người lớn, còn ở trường học, khu dân cư chủ yếu là trẻ em. Kéo co thường là kéo không dây: các thành viên tham gia của mỗi đội, người đứng sau sẽ vòng cánh tay ôm lấy bụng của của người đứng trước, hai tay đan vào nhau, tạo thành một hàng dài. Hai người đứng đầu hai đội phải ngoắc hai tay vào nhau, trụ thật vững để tạo thành mắt xích chắc chắn nối giữa hai đội. Mỗi đội đều ra sức kéo thật mạnh, kéo đối phương về phía mình (vượt qua địa giới quy ước) sẽ là đội thắng. Thông thường với hình thức này chỉ kéo có một hiệp, phần thưởng cũng chẳng có gì ngoài tiếng cổ vũ, reo hò của các bạn cùng trang lứa.

Trong một số hoạt động do các cơ quan đơn vị, đoàn thể, công ty, trường học... tổ chức như: Đại hội thể dục thể thao, ngày hội văn hóa các dân tộc, ngày hội toàn dân đoàn kết, kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9, ngày thành lập Đoàn Thanh niên 26/3, Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao các ngành... kéo co được xem như môn thể thao. Ở đó, có những quy định cụ thể về thể lệ thi đấu, hình thức, nội dung thi, số cân cụ thể cho thành viên mỗi đội... Một quy ước chung một cuộc kéo là: hai tốp người đứng đối diện nhau, mỗi tốp xúm tay cầm lấy một đoạn dây thừng mà kéo về phía mình. Bên nào yếu hơn, bị kéo sang địa phận đối phương là thua. Thường kéo trong 3 hiệp, thua 2 hiệp xem như thua. Trường hợp có nhiều đội tham gia thi đấu thì sẽ bốc thăm, thi đấu theo thể lệ loại trực tiếp.

Về mặt tổ chức, trước khi diễn ra hoạt động kéo co, các đội phải lập danh sách của đội mình. Trong đó, quy định cụ thể về họ tên, tuổi, cân nặng, số lượng người... nhưng cân nặng không vượt quá 560 kg. Dụng cụ chơi thường là một sợi dây thừng, độ dài tùy số người tham dự. Sợi dây này phải là loại dây to, chắc chắn để không bị đứt giữa chừng. Trên dây sẽ được đánh dấu bằng một miếng vải đỏ ở giữa

dây. Ngày nay, luật kéo co Quốc tế quy định cụ thể chu vi của dây kéo và không có buộc nút hay những điểm mấu khác mà tay người kéo có thể cầm được. Đoạn cuối của dây có một nút buộc. Chiều dài của dây không được ngắn hơn 33,5m. Trong khi thi đấu, để bảo vệ da tay tránh bị ma sát với dây kéo, luật kéo co quy định được phép bôi nhựa thông lên dây.

Việc thành lập đội chơi cũng có nhiều phương thức. Một số địa phương thành lập hẳn một đội kéo co được tuyển chọn kỹ lưỡng từ những thành viên có sức khỏe, dẻo dai, được duy trì luyện tập thường xuyên. Có nơi cũng tuyển chọn thành lập đội kéo co nhưng chỉ tập trung luyện tập khi gần tới kỳ thi đấu. Tuy nhiên, có một cách thành lập đội chơi mang tính tự do, người chơi tự chọn đội với nhau khi trò chơi sắp bắt đầu mà không hề có sự tính toán từ trước. Thông thường, những thành viên trong vùng thôn, ấp sẽ hợp thành một đội. Để mang tính công bằng, ban tổ chức còn quy định thêm hạng cân để lựa chọn thành viên trong các đội. Việc lựa chọn đội chơi mang tính tự do cũng cho thấy hình thức biểu hiện mang tính sơ khai của trò chơi này được bảo tồn đến ngày nay.

Đối tượng tham gia thường là thanh niên. Đội chơi có khi toàn là nam (kéo co nam) hoặc toàn là nữ (kéo co nữ) hoặc có khi xen kẽ giữa nam và nữ. Số lượng người chơi trong mỗi đội thường khoảng từ năm, mười người trở lên. Đối tượng thành viên tham gia trò chơi bao giờ cũng được các đội chọn lựa rất kỹ, vì đây là yếu tố quyết định rất lớn đến thắng thua trong cuộc chơi. Các thành viên được tuyển chọn theo các tiêu chí như: độ tuổi, chiều cao, cân nặng, sức dẻo dai... để chiếm ưu thế, các đội thường tuyển mộ cho mình những thành viên cao, to, khỏe mạnh. Chỉ trừ trường hợp không đủ số lượng mới phải đưa vào đội những thành viên ốm, yếu, sức khỏe yếu. Theo luật kéo co thi đấu hiện đại, đối tượng kéo co được quy định theo độ tuổi và theo hạng cân.

Về độ tuổi, đối với giải dưới 23 tuổi người có đủ tư cách tham dự từ đầu năm khi người đó đủ 18 tuổi cho đến thời gian cuối năm lúc người đó đạt 22 tuổi. Đối với giải lớn tuổi, người có đủ tư cách tham

dự từ đầu năm khi người đó đủ 18 tuổi. Về hạng cân: trong tất cả các giải quốc tế, những hạng cân của đội sẽ được chia thành các hạng cân từ bé đến lớn: Hạng lông nhỏ nhất, hạng lông, hạng ruồi, hạng ruồi trung, hạng trung, hạng lớn, hạng nặng, hạng tự do.

Một đội có sự nghi ngờ về cân nặng trong giới hạn cân quy định sẽ được cân kiểm tra lại. Cân kiểm tra sẽ được thực hiện ít nhất một giờ trước thời gian thi đấu. Cũng theo luật kéo co, đội kéo co gồm 8 người tại thời điểm bắt đầu thi đấu. Các thành viên của đội tuyển quốc gia phải là công dân của nước mà đội đó làm đại diện. Về luật thay người, có thể thực hiện thay người đối với bất kỳ người kéo nào trong thời gian thi đấu. Sau khi thay người xong thì không được phép thay người nữa.

Về trang phục theo quy định của luật kéo co thì trang phục các đội sẽ mặc quần áo thể thao thích hợp. Trang phục thể thao của những người kéo phải đồng nhất. Huấn luyện viên và những người đi theo đội sẽ mặc trang phục thể thao phù hợp với đội mình. Những người kéo, huấn luyện viên và người đi theo đội được phép đội mũ (nón). Mũ sẽ giống màu trang phục thể thao của đội. Trong một số trường hợp, có thể sử dụng áo bảo vệ da mặc bên trong trang phục thể thao với sự đồng ý của trọng tài.

Địa điểm tổ chức phải chọn nơi có không gian rộng, thông thoáng như sân trường, sân thi đấu thể thao... đáp ứng những nhu cầu của hoạt động cộng đồng. Bởi không gian là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến cuộc chơi. Trong luật kéo co quy định, khu vực kéo phải phẳng và có cỏ ở trên bề mặt. Bề mặt khu vực kéo phải được làm bằng chất liệu có đủ độ ma sát đối với các loại giày thể thao. Chiều dài của khu vực kéo là 36m và chiều rộng là 1,0 - 1,2m.

Về luật chơi, để cho cuộc thi mang tính công bằng, trước khi trò chơi diễn ra phải chọn người làm trọng tài để phổ biến luật chơi và quyết định thắng thua. Người này phải là người có uy tín trong cộng đồng, có thể là một viên chức ngành thể thao hoặc văn hóa (trong những cuộc thi)... và trọng tài có nhiệm vụ kiểm tra số lượng người

của hai đội, phát hiệu lệnh khi cuộc chơi bắt đầu, theo dõi quá trình diễn ra cuộc chơi xem có đội nào phạm quy hay không và quyết định đội thắng cuộc khi cuộc chơi kết thúc. Trong trường hợp có nhiều đội cùng tham gia thi đấu thì phải dùng hình thức bốc thăm để chọn đội nào sẽ thi đấu với đội nào. Trong trò chơi này, luật chơi cũng không mấy phức tạp. Tuy nhiên, tùy theo từng địa phương mà có đôi chỗ khác biệt. Luật chơi của kéo co thường đưa ra những quy định về số lượng thành viên trong mỗi đội, độ tuổi, loại hình thi đấu, thành phần tham gia, quy định về thay người trong cuộc chơi. Để tạo sự công bằng, thể lệ chơi có quy định về độ tuổi của các thành viên trong đội phải tương đồng nhau, tránh trường hợp lựa người khỏe mạnh, có độ tuổi lớn hơn quy định để tạo ưu thế. Giữa mỗi hiệp đấu, tùy theo quy định mà có thể có hoặc không có nghỉ giải lao, thông thường thời gian giải lao nếu có cũng không quá vài phút. Việc phân định thắng thua đôi khi khá phức tạp, có nhiều khi các đội không thống nhất với quyết định của trọng tài nên để cho bên thua tâm phục, khẩu phục thì mỗi cuộc chơi kéo co thường tổ chức kéo 3 hiệp hay 5 hiệp tùy theo từng địa phương quy định, nếu kéo 3 hiệp bên nào thắng liền 2 hiệp là bên ấy thắng, còn kéo 5 hiệp bên nào thắng liền 3 hiệp là bên ấy thắng. Trong thi đấu hiện đại, luật chơi có quy định cụ thể 13 lỗi vi phạm trong thi đấu như: Ngồi, chống tựa, khóa dây, nắm dây, ghì dây, sai vị trí, trèo dây, chèo thuyền, không tích cực, bước sai, chỗ để chân... Các đội nhận 2 lần cảnh cáo vì vi phạm luật trong bất kỳ một lần kéo co nào đó sẽ bị truất quyền thi đấu. Đối với tất cả những vi phạm luật, một đội có thể bị khiển trách nếu chỉ có một người vi phạm.

Vào cuộc chơi, trọng tài sẽ cho hai đội bốc thăm hoặc tung đồng xu để chọn sân. Sau đó, hai đội xếp thành hai hàng dọc đối diện nhau qua đường ranh, cùng cầm hai đầu dây. Người ở đầu dây thường to, khỏe. Khi trọng tài (thường là cán bộ văn hóa của xã) thấy hai đội đã chuẩn bị xong thì hô to: “Bắt đầu được chưa?”. Hai đội đáp “được rồi!”. Trọng tài sẽ hô to hiệu lệnh “kéo!” hoặc thổi còi báo hiệu, phát cờ cho cuộc chơi bắt đầu. Hai đội có người thót bụng, xoài chân, co tay bám

chặt đoạn dây, cố sức kéo đoạn dây về phía mình. Các đội chơi đều phải có kỹ thuật (thế nắm dây, kỹ thuật kéo, thả dây), phương pháp, nghiên cứu thế mạnh yếu của đối phương nhằm đưa ra phương án tối ưu nhất cho đội mình nhằm giành chiến thắng. Hai bên mà cân sức, dằng co nghiêng ngả, kéo lui tới nhiều lần càng vui tạo không khí náo nhiệt, vui vẻ. Bên nào kéo được phần có đánh dấu trên sợi dây qua vạch trong 3 hiệp liên tục, thì coi như đã thắng cuộc. Trong lúc dằng co, bên nào cố ý thả tay làm đối phương bị ngã thì coi như thua (có khi còn bị phạt). Một cuộc thi kéo co có hai đội, số lượng người đều nhau. Mỗi keo thường không kéo dài quá 2 phút, nên đòi hỏi các thành viên của các đội chơi phải rất nỗ lực. Nếu nhiều đội cùng tham gia thi đấu, sẽ thực hiện theo hình thức đấu loại trực tiếp với nhau để loại dần cho đến khi tìm được đội thắng cuộc. Phần thưởng cho những đội thắng cuộc có khi là tiền, có khi là quà, vật lưu niệm... Nhìn chung, phần thưởng mang yếu tố khích lệ tinh thần là chính, nhưng tất cả mọi người đều hồ hởi tham gia. Kết thúc trò kéo co luôn đem lại cho người chơi những tiếng cười sảng khoái.

Trong suốt quá trình xuất hiện của trò chơi kéo co truyền thống đã làm phong phú thêm sinh hoạt văn hóa của người dân địa phương. Xét về các mối quan hệ thì kéo co đã tạo nên sự gần gũi, thân thiết, tương thân tương ái trong cộng đồng. Từ việc trong dân gian tự nguyện tổ chức (lễ hội, trẻ em tự tổ chức chơi ở trường học, thôn xóm, khu phố...) đến việc những cơ quan, đơn vị đứng ra tổ chức (đại hội thể dục thể thao tham gia các giải trong nước, quốc tế, ngày hội thể thao ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học...) thì ở đâu cũng tạo được sự hướng khởi, vui tươi cho cuộc chơi. Điều đáng quý ở đây là tinh thần thi đấu, vui chơi rất vô tư, đội nào cũng gắng sức, đoàn kết để giành chiến thắng.

Như vậy, từ một trò chơi dân gian - là một phần quan trọng trong các lễ hội cổ truyền, kéo co trở thành một môn thể thao và được nhiều người ưa thích thể hiện tinh thần thượng võ, rèn luyện thể lực và sự nhanh nhẹn, khéo léo. Kéo co đã có mặt ở hầu hết các địa phương

trong tỉnh, ở trong các dịp lễ hội dân gian, trong các phong trào, các sinh hoạt văn hóa. Tính phổ quát của nó đã được cộng đồng tôn vinh, chấp nhận, gìn giữ.

1.4. Hiện trạng di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Đồng Nai

Kéo co truyền thống ở Đồng Nai hiện có mặt hầu hết trên tất cả các địa phương, cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp, công ty, trường học... với số lượng người tham gia thực hành đông, không phân biệt độ tuổi, giới tính, dân tộc... miễn sao có đầy đủ sức khỏe và sự dẻo dai cần thiết. Với thể thức thi đấu đơn giản, kéo co dần trở thành môn thể thao không thể thiếu trong các hoạt động văn hóa, thể thao của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị Nhà nước hay doanh nghiệp tư nhân như: Hội thao hàng năm của các ngành, Hội thao các dân tộc thiểu số...; các hoạt động giao lưu, hội hè, cắm trại cũng như hoạt động sinh hoạt ngoài trời của học sinh các cấp trường học từ mầm non đến Đại học... Tại Đồng Nai, hầu hết các Đại hội thể dục thể thao đều tổ chức thi đấu kéo co, tuy nhiên do chưa chú trọng đến môn thể thao này nên trên địa bàn tỉnh hầu như không có đội kéo co chuyên nghiệp; các vận động viên tham gia thi đấu mang tính chất tạm thời nên không được tập luyện thường xuyên, không có huấn luyện viên hướng dẫn.

Ở Đồng Nai, kéo co phổ biến ở 2 hình thức: Kéo co không dây và kéo co có dây:

- Kéo co không dây trong đó người chơi phải dùng tay tạo thành các “mắt xích”. Người đứng sau vòng ôm lấy bụng của người đứng trước, hai người đứng đầu hai đội phải ngoắc hai tay vào nhau để tạo thành mắt xích chắc chắn nối giữa hai đội. Đội bên nào bị kéo qua ranh giới của bên đối phương hoặc bị đứt, ngã sẽ thua cuộc. Với loại hình này mang tính linh hoạt, có thể tổ chức ở bất kỳ nơi đâu, bất kỳ thời gian nào mà không cần có sự chuẩn bị trước.

- Kéo co có dây được thể hiện dưới hình thức dùng dây thùng,

đội nào bị kéo qua vạch trước sẽ bị thua. Loại hình này bắt buộc phải có sự chuẩn bị trước về dụng cụ chơi, sân bãi...

Cả hai loại hình này thường được chơi ở khu vực có nhiều đất trống như bãi cỏ, hay sân trường, sân nhà văn hóa... Trong đó loại hình kéo co không dây mang tính dân gian, ngẫu hứng hơn cả vì có thể tổ chức chơi lúc bất cứ khi nào cũng được mà không cần có sự chuẩn bị trước.

Về kỹ thuật, kỹ năng, kéo co là môn thể thao thi đấu đơn giản, song để đạt thành tích cao, đòi hỏi người chơi không chỉ khỏe, dẻo dai mà cần có chiến thuật hợp lý, phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong đội, do vậy tại các đội tuyển thi đấu kéo co cần phải có huấn luyện viên hướng dẫn thể đúng cũng như kỹ thuật thi đấu. Theo kinh nghiệm của nhiều huấn luyện viên môn kéo co thì tư thế đứng của các vận động viên rất quan trọng, người chơi vừa phải đứng vững chắc, nhưng phải bảo đảm chân di chuyển linh hoạt khi tiến, lùi; trong quá trình kéo co chân không được nhấc cao để không bị mất đà. Khi cầm dây, hai tay phải úp vào nhau, co duỗi nhịp nhàng. Để tạo sức mạnh, khi kéo người chơi phải để sợi dây bên phải người và luồn dưới nách, bàn tay phải nằm dưới sợi dây, lòng bàn tay hướng lên trên, bàn tay trái cũng nắm chặt sợi dây và đặt trước bàn tay phải. Khi sắp xếp đội hình thi đấu, thường bố trí người thấp đứng trước, người cao đứng sau để sợi dây tạo thành một hàng thẳng giúp tập trung lực của cả đội. Những vị trí đầu tiên luôn đòi hỏi có sức khỏe, độ lì và trụ vững nhất, bởi khi gặp các đối thủ mạnh, ngay những pha giật đầu tiên cả đội có thể sẽ bị kéo đổ. Vị trí cuối cùng vừa có vai trò là một vai trụ, vừa quan sát để điều chỉnh đội hình. Môn kéo co có tính chất đối kháng, chơi giằng co, nhưng chỉ kéo dài khoảng 2-3 phút, vì thế chiến thuật được đặt lên hàng đầu, phụ thuộc nhiều từ việc nghe hiệu lệnh của huấn luyện viên trong một cuộc thi đấu. Tuy nhiên, hiện kéo co chưa được đưa vào thi đấu giải cấp tỉnh do môn này cần số lượng người tham gia đông, nên chi phí tổ chức đi lại, tập luyện của vận động viên lớn, dẫn tới một số huyện, thành phố không nhiệt tình tham gia.

1.5. Nguy cơ, nguyên nhân mai một di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Đồng Nai

Hiện nay, các địa phương ở Đồng Nai chỉ còn mỗi dân tộc Chơ Ro, Xtiêng còn tổ chức kéo co trong lễ hội truyền thống. Người dân ý thức rất cao trong việc gìn giữ giá trị của kéo co truyền thống gắn với lễ hội. Số lượng các đội, cá nhân mang tính chuyên nghiệp chưa có, phần nhiều mang yếu tố ngẫu hứng, thời vụ... do vậy yếu tố bền vững của trò chơi trong đời sống cộng đồng khá thấp. Số lượng các nghệ nhân, những người am hiểu về lịch sử, các kỹ năng, yếu tố kỹ thuật... liên quan đến kéo co không nhiều, trong khi đó lớp kế cận lại thiếu, do vậy đây cũng là một trong nguyên nhân tác động đến loại hình di sản này.

Trong đời sống xã hội hiện nay, môi trường thực hành di sản ngày càng bị thu hẹp, vai trò ảnh hưởng của di sản đối với đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng giảm sút do sự phát triển của các loại hình giải trí mới hoặc guồng quay của kinh tế làm cho con người không có thời gian tham gia và thực hành các loại hình di sản văn hóa truyền thống của cha ông để lại. Các chính sách đối với các nghệ nhân - những người đang nắm giữ các bí quyết, giá trị của di sản chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức đã tác động không nhỏ đến quá trình trao truyền, thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

Thực trạng hiện nay, kéo co khi gắn với lễ hội truyền thống mặc dù người dân là chủ thể của hoạt động này, nhưng đã có sự can thiệp của cơ quan quản lý văn hóa, chính quyền địa phương khi thực hành di sản trong việc đưa ra chương trình, cử trọng tài điều hành cuộc chơi. Sự can thiệp này đang là nguy cơ làm cho tính bền vững của di sản kém đi, người dân cảm thấy mình chưa thực sự làm chủ di sản, yếu tố dân gian truyền thống bị mờ dần, tính trao truyền bị đứt gãy...

2. Giá trị của di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ và trò chơi kéo co với đời sống cộng đồng

Kéo co truyền thống là trò chơi dân gian được hình thành từ rất

sớm bắt nguồn từ quá trình lao động sản xuất, là sự biểu đạt văn hóa của cư dân nông nghiệp lúa nước. Kéo co truyền thống mang đậm giá trị lịch sử, là minh chứng gắn liền với sự hình thành và phát triển của cộng đồng các dân tộc tỉnh Đồng Nai. Qua trò chơi này, người dân thể hiện quan niệm về nhân sinh quan, thế giới quan, niềm tin và ước vọng của mình, đặc biệt là những cộng đồng dân cư nông nghiệp về mưa thuận, gió hòa, mùa màng tốt tươi, cuộc sống ấm no, hạnh phúc, sinh sôi, nảy nở...

Kéo co truyền thống vừa là một môn thể thao vừa là một trò chơi thông dụng, đơn giản trên thế giới hiện nay. Môn thể thao này mang tính đồng đội, trọng vào sức mạnh. Nó không chỉ rèn luyện sức khỏe, mà còn là trò chơi đem lại niềm vui, sự thoải mái cho mọi người trong các dịp lễ hội, trong các sinh hoạt văn hóa ở các địa phương. Ở Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng, kéo co là một trò chơi dân gian truyền thống, đề cao sức mạnh tập thể, sự đoàn kết. Trong các đợt dã ngoại, trò chơi này luôn hấp dẫn nhiều người tham gia. Vào các lễ hội cổ truyền, kéo co chiếm vị trí quan trọng không thể thiếu trong phần hội; đặc biệt nó tạo không khí vui tươi cuốn hút người dân nhất khi tham gia lễ hội.

Kéo co truyền thống ở Đồng Nai mang tính đại diện, phổ biến, thể hiện được bản sắc của các cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trên mảnh Đồng Nai suốt mấy trăm năm qua. Có thể nói loại hình di sản văn hóa phi vật thể này tồn tại ở tất cả các địa phương trong tỉnh, được người dân tự giác thực hành và truyền dạy. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống ở Đồng Nai có đặc thù thường gắn với các lễ hội truyền thống của các tộc người như: Lễ hội Sayangva của người Chơ Ro, lễ hội Đâm trâu của người Mạ... Cho nên nó phát huy được sức sống vốn có của mình và tạo thành một nét sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong các kỳ lễ hội. Ngoài ra, trong các đợt hội thao không chuyên của các cấp, các ngành, các công ty, xí nghiệp... thì kéo co truyền thống là môn không thể thiếu trong hệ thống các môn thi đấu thể thao. Trong các kỳ đại hội thể dục

thể thao chuyên nghiệp của tỉnh, kéo co truyền thống đã được xem là môn thể thao thi đấu chính thức. Trong các trường học, kéo co đã được học sinh, sinh viên thực hành thường xuyên. Sự phổ biến của loại hình kéo co truyền thống trong thực tế đời sống đã trực tiếp góp phần vào việc bảo vệ các giá trị di sản trong cuộc sống đương đại, vừa là hoạt động nhằm rèn luyện sức khỏe, nâng cao trí lực, tinh thần đoàn kết, sự dẻo dai...

Kéo co truyền thống thể hiện tính đa dạng về văn hóa lẫn sự sáng tạo của những người thực hành loại hình này ở chỗ các thành viên tham gia không giống nhau ở các địa phương về độ tuổi, số lượng người, hình thức chơi (có khi dùng sợi dây để kéo, có khi dùng tay ôm vào eo nhau...). Ở mỗi địa phương, hình thức biểu hiện có khác nhau. Có khi nó được thực hành trong các lễ hội, được trẻ em các vùng nông thôn lẫn thành thị thực hành trong các đợt vui chơi, cắm trại, giờ ra chơi ở các trường học, cũng có khi nó được lồng ghép vào trong các sinh hoạt văn hóa, phong trào thể dục thể thao của người dân địa phương như: Ngày hội toàn dân đoàn kết, đại hội thể thao các cấp... Sự đa dạng về tiêu chí đều lựa chọn những người có sức khỏe, nam và nữ, trẻ em đều có thể tham gia vào một đội hình để kéo co; phát huy sức mạnh tập thể, sự dẻo dai nhằm hướng tới mục tiêu chiến thắng đối phương trong các trận kéo. Những qui định trong luật chơi, hình thức chơi, môi trường thực hành, số lượng người chơi, thời gian, địa điểm... thể hiện được bản sắc văn hóa của từng vùng, từng tộc người và được kế tục qua nhiều thế hệ. Đặc biệt các thế hệ người dân địa phương đã dành sự quan tâm đặc biệt trong việc khôi phục, gìn giữ, sáng tạo và lưu truyền trong đời sống bằng cách vận dụng vào trong các dịp sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng.

Với tư cách là một môn thể thao, kéo co được xem là một trong những bộ môn có ý nghĩa rất đặc biệt về tinh thần chiến đấu, ý chí kiên định, cũng như tinh thần tập thể và tính cộng đồng. Thông qua môn thể thao này góp phần rèn luyện cho mỗi cá nhân trong cộng đồng bài học về sự đoàn kết, tương trợ nhau trong cuộc sống. Có lẽ

chính nhờ nhiều yếu tố như trên, mà kéo co đã trở thành một trong những bộ môn thể thao tồn tại lâu đời, có sức hút mọi người qua mọi thời kỳ. Chính giá trị nội tại của nó có sức lan tỏa, phổ biến, mang lại nhiều niềm hứng khởi cho con người về cả mặt thể chất, tinh thần.

Kéo co truyền thống vượt ra ngoài một trò chơi, một môn thể thao trở thành một sản phẩm du lịch có chất lượng góp phần phát triển du lịch ở các địa phương trong tỉnh. Ở khía cạnh này đóng góp của kéo co rất lớn khi giải quyết được mối liên kết với công tác quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động lễ hội, phong trào thể thao của mỗi địa phương. Khi kéo co được xem là một sản phẩm du lịch là nó sẽ góp phần duy trì, tỏa sáng các giá trị văn hóa, lịch sử vừa góp phần gia tăng giá trị kinh tế tại các địa phương. Kéo co gắn kết với hoạt động du lịch sẽ hình thành những tuyến, điểm du lịch có chất lượng. Thông qua hoạt động du lịch sẽ đưa du khách tới gần hơn với di sản văn hóa, thêm trân quý hơn di sản mà cha ông đã để lại. Du khách đến với lễ hội được đắm chìm trong không gian văn hóa linh thiêng, được trực tiếp tham gia vào phần hội trong đó có kéo co để thấy được tinh thần đoàn kết, tạo nên sức mạnh trong cuộc sống.

Một trong những đóng góp của kéo co truyền thống là làm phong phú thêm hoạt động văn hóa, thể thao tại các địa phương trong tỉnh. Có thể thấy trong phần hội của các lễ hội truyền thống bên cạnh các trò chơi dân gian khác thì kéo co là trò chơi được nhiều người mong chờ nhất. Trong không gian văn hóa ấy, mọi người có điều kiện giao lưu, hòa mình vào hoạt động kéo co trên tinh thần vô tư, vui vẻ nhất. Trong các đợt hội thao, các sinh hoạt văn hóa tại các địa phương, cơ quan, đoàn thể trong tỉnh kéo co là một bộ môn không thể thiếu để lựa chọn đưa vào chương trình thi đấu. Bộ môn thể thao này, không chỉ dừng lại ở việc mang lại cho con người sức khỏe, hay đề cao tinh thần chiến đấu, tinh thần đồng đội, mà còn giúp nhắc nhở mọi người, giá trị của mỗi cá nhân trong tập thể là quan trọng, song sự gắn kết để làm nên một tập thể vững mạnh, một cộng đồng tốt đẹp cũng quan trọng không kém.

Thông qua kéo co truyền thống giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng (chủ thể di sản, người dân, các cấp chính quyền, cơ quan quản lý văn hóa) trong việc chung tay gìn giữ di sản. Trên thực tế di sản hiện hữu trong cộng đồng được chính chủ thể tự nguyện thực hành, trao truyền thường xuyên; tuy nhiên ý thức của họ trong việc hiểu giá trị, xem nó như một di sản văn hóa (vừa thực hành vừa bảo vệ) còn chưa cao. Chính vì vậy, nhiều địa phương hoặc là can thiệp quá sâu vào quá trình thực hành của chủ thể hoặc là thực hành một cách qua loa, không đúng nguyên gốc của di sản. Đặc biệt, chính chủ thể di sản cũng chưa đặt trách nhiệm của mình trong việc gìn giữ, truyền dạy, phổ biến; họ chỉ thực hành như một thói quen tự nhiên, như một trò chơi, chưa hiểu hết ý nghĩa đích thực, giá trị, đóng góp của kéo co trong đời sống. Do vậy, quá trình thực hành kéo co truyền thống sẽ cung cấp góc nhìn trực quan nhất nâng cao ý nghĩa của nó trong cộng đồng; qua đó mỗi cá nhân sẽ nhận diện được giá trị và cùng chung tay gìn giữ, phát huy di sản. Kéo co góp phần tạo nên sự phong phú đa dạng trong hoạt động văn hóa tại địa phương trong tỉnh.

Kéo co còn giúp hình thành, củng cố trong cộng đồng các giá trị đạo đức, thẩm mỹ. Thông qua hoạt động kéo co trong các lễ hội, các hoạt động văn hóa thể thao mọi người có dịp gặp gỡ, trao đổi, giao lưu tỏa sáng các giá trị văn hóa truyền thống. Trong môi trường này mọi người tham gia có thể hiểu nhau nhiều hơn trên cơ sở của cách ứng xử theo chuẩn mực đạo đức truyền thống. Nó được thể hiện ở cách hành xử trong quá trình chơi, thi đấu (không dùng sức mạnh, tiểu xảo để lấn át, chơi xấu đối phương), ứng xử có văn hóa trong mọi tình huống. Đối với các thành viên khác trong cộng đồng tham dự vào hoạt động kéo co cũng được nâng cao hơn nhận thức về đạo đức, thẩm mỹ từ đó hình thành nên các giá trị nhân văn cao đẹp. Mỗi cá nhân sẽ học tập, rút tủa, định hình cho mọi hành vi của mình không chỉ trong việc tham gia vào hoạt động kéo co mà còn trong các mối quan hệ, ứng xử khác.

3. Các biện pháp bảo vệ hiện có và đề xuất của chủ thể bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ và trò chơi kéo co

3.1. Các biện pháp bảo vệ hiện có

Thực hiện Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Bảo tàng Đồng Nai triển khai kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn toàn tỉnh. Thông qua đó đã chọn lọc kéo co truyền thống lập hồ sơ đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Có thể nói, đây là phương án kịp thời, tối ưu góp phần vào công tác bảo tồn di sản này trong thực tế đời sống. Lập hồ sơ là việc làm quan trọng, nhằm lưu trữ lại làm tài liệu nghiên cứu phục vụ cho công tác bảo tồn di sản sau này. Đó cũng là cơ sở vững chắc cho việc xây dựng biện pháp và phân bổ nguồn lực thích hợp bảo vệ di sản kéo co truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Việc làm này giúp cho các cơ quan, ban, ngành có cái nhìn tổng quan nhất cũng như nắm bắt được đặc điểm, tình hình, vị trí phân bố của di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống, từ đó giúp cho công tác quản lý cũng như bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống được tốt hơn.

Trên thực tế hầu hết các xã, phường, thị trấn của Đồng Nai đều thành lập đội kéo co (có quyết định thành lập). Các thành viên của đội kéo co này chủ yếu là người địa phương, được tuyển chọn từ các đội kéo co ở ấp, khu phố. Các đội này tham gia vào hoạt động thi đấu với các địa phương khác trong các dịp lễ, ngày hội toàn dân toàn kết, ngày hội văn hóa các dân tộc... do địa phương tổ chức. Trên cơ sở các đội kéo co này, mỗi huyện, thành phố sẽ thành lập đội kéo co để tham gia thi đấu tranh tài giữa các huyện với nhau. Trong phạm vi hẹp hơn ở các ấp, khu phố trong một xã, phường, thị trấn cũng thành lập đội kéo co. Các đội này thi đấu với nhau trong các dịp vui chơi ở nội bộ cấp xã. Việc các địa phương thành lập đội kéo co đã góp phần vào công tác gìn giữ, trao truyền các giá trị văn hóa trong cộng đồng. Hơn thế nữa trong bản thân mỗi người dân được tham gia trực tiếp

vào hoạt động kéo co ở các địa phương cũng góp phần vào quá trình trao truyền, phổ biến di sản một cách hiệu quả.

Khi kéo co truyền thống được gắn với hoạt động lễ hội thì chính chủ thể di sản là nhân tố gìn giữ, trao truyền hữu hiệu nhất. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý văn hóa như bảo tàng; trung tâm văn hóa, thể thao là địa chỉ góp phần bảo tồn di sản hiệu quả nhất. Lúc này, hoạt động bảo tồn thông qua việc duy trì, cùng đồng bào tổ chức các lễ hội; sưu tầm hình ảnh, phim tư liệu... qua đó đề xuất các phương án tối ưu nhất gìn giữ di sản. Khi kéo co được thực hành như một môn thể thao thì chính các cơ quan quản lý là những nhân tố bảo vệ di sản thông qua việc tổ chức, điều hành, định hướng...

Kéo co truyền thống tồn tại và đi vào đời sống con người một cách tự nhiên, ngay bản thân chủ thể di sản vẫn thực hành, trao truyền nhưng trong ý thức của họ không nghĩ rằng mình đang góp phần gìn giữ di sản. Chính yếu tố tự nhiên đó mà di sản cũng gặp nhiều khó khăn trong việc định hình giữa yếu tố truyền thống và cách tân. Hơn bao giờ hết, việc nâng cao ý thức cộng đồng trong gìn giữ di sản đóng vai trò rất quan trọng. Trong đó, việc giúp cộng đồng nâng cao nhận thức về giá trị di sản là vấn đề rất quan trọng; tạo nên sự cộng hưởng dẫn tới thành công của công tác bảo tồn.

3.2. Đề xuất của chủ thể

- Vai trò quản lý của cộng đồng: Vấn đề bảo vệ và phát huy giá trị di sản kéo co truyền thống trong điều kiện hiện nay đang thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội và phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố như: Cơ chế chính sách, công tác quản lý, khoa học kỹ thuật... trong đó vai trò của cộng đồng vẫn là yếu tố hết sức quan trọng góp phần rất lớn vào việc bảo tồn và gìn giữ di sản văn hóa. Nhận thức của cộng đồng về di sản kéo co truyền thống đóng một vai trò rất quan trọng tới sự tồn tại, biến đổi hay mất đi của di sản. Để phát huy vai trò và huy động được sự tham gia của cộng đồng cần tạo điều kiện để người dân tham gia bảo vệ và sử dụng khai thác giá trị của di sản

kéo co truyền thống mang lại, cần chỉ đạo xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn di sản. Ngoài ra, cần phải có những chính sách khen thưởng, động viên kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân có đóng góp trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản kéo co truyền thống ở Đồng Nai. Song song với đó cần phải chú trọng đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cơ sở về lĩnh vực bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Cần xây dựng những cơ chế, chính sách phù hợp với các bên có liên quan như: Sở Giáo dục - Đào tạo, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Đồng Nai... làm hành lang pháp lý cho việc thực hiện công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản kéo co truyền thống được tốt nhất.

Cần phải có những dự án nghiên cứu một cách tổng thể về phương án bảo tồn di sản trong thực tế đời sống. Phải có những quy chuẩn nhất định trong thi đấu như: Luật chơi, hình thức chơi... tạo nên sự thống nhất chung. Để giữ gìn và phát huy tốt giá trị của kéo co truyền thống cần phải duy trì thường xuyên hoạt động của các đội kéo co ở các cấp từ xã, phường, thị trấn đến huyện, thành phố trong tỉnh, đặc biệt là những đội có thâm niên hoạt động, giành được nhiều thành tích trong thi đấu. Đây là những nhân tố tích cực nhất góp phần nhân rộng, phát triển các đội kéo co truyền thống. Về phía Nhà nước cũng cần thường xuyên tổ chức giao lưu giữa các đội kéo co, gắn kết kéo co vào mọi hoạt động văn hóa, thể thao ở các địa phương trong tỉnh. Thành lập các đội kéo co theo chức năng riêng như: Đội của học sinh, sinh viên, công nhân... thi đấu giao lưu với nhau nâng cao chuyên môn, tình đoàn kết. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và giáo dục về giá trị của kéo co truyền thống cho mọi tầng lớp nhân dân. Tổ chức các hoạt động nhằm tôn vinh giá trị của kéo co truyền thống giúp mọi người chung tay gìn giữ di sản.

- Quản lý của chính quyền địa phương: Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt cần nhận thức đúng và đầy

đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong công tác quản lý di sản văn hóa trong đó có kéo co truyền thống. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ chương chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề bảo tồn di sản văn hóa, cần phát huy mạnh việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời chú trọng tuyên truyền gắn với vai trò của các già làng, người có uy tín trong cộng đồng dân cư để họ hiểu rõ hơn giá trị mà di sản kéo co truyền thống mang lại. Bên cạnh đó cần nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa xã hội ở cơ sở để có thể hướng dẫn cho cộng đồng bảo vệ di sản văn hóa một cách tốt nhất. Chính quyền địa phương là một trong những nhân tố quan trọng và có tính chất quyết định trong việc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, Luật di sản văn hóa đến với người dân.

- Phát huy giá trị di sản trong cộng đồng: Để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống chúng ta phải gắn di sản văn hóa với cộng đồng, việc di sản sống thật và sống bền vững phụ thuộc rất nhiều vào chính cộng đồng nơi có di sản văn hóa đó và đặc biệt là những chủ thể, người trực tiếp nắm giữ và thực hành di sản. Vì vậy, các cơ quan ban ngành có liên quan cần phải có những chính sách ưu tiên, khích lệ đối với các chủ thể tham gia thực hành và bảo vệ di sản kéo co truyền thống. Giúp cho họ hiểu được trách nhiệm và nghĩa vụ cũng như vai trò của mình với công tác bảo vệ di sản văn hóa kéo co trong cộng đồng địa phương mình. Bên cạnh đó chính quyền địa phương cũng như các cơ quan quản lý văn hóa không nên trực tiếp tham gia quá sâu vào công tác thực hành di sản mà hãy để cho chính cộng đồng, những người nắm giữ di sản tự chủ trong việc thực hành nghi lễ và trò chơi kéo co truyền thống. Làm như vậy vai trò của chủ thể ngày càng được nâng cao, từ đó họ sẽ có trách nhiệm hơn trong việc bảo vệ di sản kéo co truyền thống do chính họ tham gia thực hành cũng như cộng đồng ở địa phương đó tạo nên.

- Đưa di sản sống giữa cộng đồng: Đưa di sản kéo co truyền thống sống giữa cộng đồng là một trong những biện pháp tích cực

góp phần rất lớn vào công tác bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa. Là việc đảm bảo sự tồn tại lâu dài của di sản kéo co truyền thống và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nơi có di sản kéo co truyền thống tồn tại. Để làm được điều này phải để người dân làm chủ di sản (từ tổ chức, thực hành...), qua đó cộng đồng hiểu được trách nhiệm của mình đối với bảo tồn tại một cách bền vững di sản giữa cộng đồng. Người dân nên thường xuyên duy trì các hoạt động của các câu lạc bộ, các đội kéo co đã có sẵn ở các địa phương trong tỉnh, đặc biệt là các đội chơi đã có thâm niên hoạt động lâu năm. Bên cạnh đó chúng ta nên nhân rộng thành lập nhiều hơn nữa các đội chơi kéo co truyền thống, thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu học hỏi giữa các câu lạc bộ hay đội chơi với nhau kể cả trong lẫn ngoài tỉnh.

- Giáo dục ý thức bảo vệ di sản: Để di sản được tồn tại thực sự bền vững và có sức sống mãnh liệt trong cộng đồng, thì việc giáo dục ý thức bảo vệ di sản trong cộng đồng là việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết. Cần tổ chức các buổi nói chuyện, giao lưu văn hóa cộng đồng các dân tộc để tuyên truyền cổ động giáo dục cho người dân hiểu được nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trong công tác bảo tồn di sản kéo co truyền thống. Ngoài ra chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý văn hóa các cấp cần tiến hành tổ chức các cuộc thi tìm hiểu giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong đó có kéo co truyền thống cho tất cả mọi đối tượng, để người dân có điều kiện tham gia tìm hiểu rõ hơn về kéo co truyền thống của dân tộc nói chung và ở Đồng Nai nói riêng. Bên cạnh đó cần phối hợp với các trường học ở địa phương để đưa di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống tới gần với các em học sinh hơn thông qua các buổi học trên lớp, cũng như tổ chức các buổi học ngoại khóa chỉ dạy và hướng dẫn cho các em tham gia trò chơi kéo co. Qua đó giúp cho các em hiểu được đó là di sản văn hóa của cha ông ta để lại và thế hệ trẻ ngày nay cần góp phần rèn luyện và nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ di sản văn hóa kéo co truyền thống ở Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung.

- Mở lớp truyền dạy di sản: Để kéo co truyền thống không có nguy cơ mai một và phát triển bền vững thì việc trao truyền lại di sản cho các lớp kế cận là việc làm vô cùng quan trọng. Tuy nhiên hiện nay thế hệ trẻ hầu như không hiểu hết được giá trị của di sản văn hóa truyền thống nên không mấy quan tâm đến việc bảo vệ và phát huy giá trị của kéo co truyền thống trong cộng đồng. Vì vậy ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần kết hợp với các nghệ nhân, những người trực tiếp nắm giữ di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống ở Đồng Nai để mở các lớp truyền dạy lại di sản cho thế hệ trẻ trong các cơ quan, xí nghiệp, các trường học ở địa phương. Việc mở lớp truyền dạy này nhằm giúp cho các nghệ nhân kéo co truyền thống có thể phổ biến rộng rãi loại hình di sản này tới đông đảo người dân, lại vừa có thể tìm được lớp kế cận để đào tạo và bồi dưỡng. Bên cạnh đó cần phân bổ kinh phí hoạt động cho các lớp học này, cũng như có những chính sách động viên khích lệ kịp thời đối với các học viên có thành tích học tập tốt để họ có thêm tinh thần cũng như động lực để tham gia khóa học được tốt nhất.

Ngoài ra đối với các nghệ nhân, ngoài việc thừa nhận tài năng thì Nhà nước và cộng đồng cần tôn vinh, động viên, khuyến khích kịp thời và tạo mọi điều kiện tốt nhất về vật chất và tinh thần để họ có thể phát huy mọi khả năng trong việc bảo tồn các di sản văn hóa. Và quan trọng hơn là để họ có ý thức trao truyền những giá trị kết tinh trong di sản văn hóa của dân tộc cho thế hệ tương lai.

- Gắn kết di sản với phát triển du lịch: Đẩy mạnh việc khai thác giá trị di sản kéo co truyền thống với phát triển du lịch. Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh nghiên cứu xây dựng các tour du lịch tìm hiểu di sản văn hóa Đồng Nai với các điểm thăm quan ở những địa phương có tổ chức trò chơi kéo co truyền thống. Thông qua các hoạt động du lịch, du khách sẽ cùng người dân địa phương tham gia trò chơi kéo co truyền thống, giúp họ có những trải nghiệm đặc biệt chân thực về con người cũng như cuộc sống của người dân. Để từ đó cảm nhận được rõ nét giá trị văn hóa truyền thống di sản văn hóa kéo co. Bên

cạnh đó nên in ấn các tờ rơi với khổ nhỏ giới thiệu một cách tổng quan về kéo co truyền thống nói chung và ở từng địa phương, nhằm giúp cho du khách có thể nắm bắt được thông tin về di sản mà họ đang được thăm quan.

Ngoài việc quảng bá di sản kéo co truyền thống tới bạn bè quốc tế, thì du lịch còn góp phần không nhỏ trong việc bảo tồn di sản di sản kéo co truyền thống. Bởi để bảo tồn được kéo co truyền thống đòi hỏi phải có nguồn kinh phí lớn để phục vụ cho công tác chuyên môn và nghiệp vụ mà trong đó ngân sách của nhà nước cũng như nguồn kinh phí từ hợp tác quốc tế phục vụ cho hoạt động bảo tồn thường rất hạn chế. Trong khi đó nguồn kinh phí thu được từ phát triển du lịch gắn kết với di sản sẽ được trích ra một phần để đầu tư cũng như phục vụ cho công tác bảo tồn, tu bổ và phát huy thêm giá trị di sản kéo co truyền thống. Vì vậy, có thể nói việc gắn kết di sản với phát triển du lịch là việc làm cần thiết, bởi thông qua du lịch di sản kéo co truyền thống không chỉ được quảng bá mạnh mẽ tới bạn bè quốc tế mà còn giúp công tác bảo tồn, tu bổ di sản kéo co truyền thống ngày càng được bền vững hơn.

- Quảng bá di sản kéo co: Để di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống đến gần hơn với người dân thì công tác quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước vô cùng quan trọng. Cần phải kết hợp chặt chẽ với các đài truyền hình, các cơ quan báo chí, phát thanh thực hiện các bài viết, phóng sự hay những bản tin ngắn liên quan tới di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống ở Đồng Nai để đông đảo người dân cũng như bạn bè quốc tế biết đến di sản kéo co truyền thống. Bảo tàng Đồng Nai, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, các huyện, thành phố thực hiện trưng bày triển lãm về di sản kéo co truyền thống trên địa bàn tỉnh và trên nền tảng số để khách tham quan trong và ngoài nước có thể hiểu hơn về kéo co truyền thống. Bên cạnh đó cần tăng cường hợp tác giữa các tỉnh, thành phố, các trường Đại học, Cao đẳng và các cơ quan trung ương, cũng như các tổ chức quốc tế để tổ chức các cuộc hội thảo, nghiên

cứu khoa học về công tác bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể kéo co truyền thống nhằm đánh giá, phân tích cũng như đưa ra những giải pháp hiệu quả nhất để bảo vệ và phát huy được di sản kéo co truyền thống đối với tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung./.



Trò chơi kéo co bằng dây trong hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân cao su tại xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh.



Trò chơi kéo co giao lưu giữa các ấp ở xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh.



Kéo co trong ngày Hội Đại đoàn kết toàn dân của xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh.



Kéo co trong Lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh.



Cán bộ viên chức Bảo tàng Đồng Nai tham gia kéo co trong Hội thao Công đoàn viên chức tỉnh.



Trẻ em tham gia trò chơi kéo co tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch.



Các đội đại diện cho ấp tham gia trò chơi kéo co trong lễ hội Sayangva tại xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh.



Các đội đại diện cho ấp tham gia trò chơi kéo co tại xã Bảo Quang, thành phố Long Khánh.



Các em học sinh tham gia trò chơi kéo co tại Trường Phổ thông cơ sở tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ.



Phần thi kéo co tại Đại hội Thể dục thể thao của huyện Xuân Lộc.



Kéo co trong Hội thao cán bộ xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc.



Kéo co trong Hội thao cán bộ xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc.



Phần thi kéo co trong lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.



Phần thi kéo co trong lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu.

LỄ HỘI CHÙA ÔNG

(PHƯỜNG HIỆP HÒA, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI)

Lễ hội truyền thống: Lễ hội Chùa Ông thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (Quyết định số 3440/QĐ-BVHTTDL ngày 10/11/2023) - đây là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đầu tiên của tỉnh Đồng Nai được ghi danh, có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình xây dựng hồ sơ, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

1. Quá trình ra đời và tồn tại của lễ hội chùa Ông

1.1. Lịch sử hình thành chùa Ông

Thất Phủ cổ miếu Biên Hòa (七府古廟) xây dựng năm 1684, vốn có tên gọi ban đầu là Vọng Hải Quan Đế miếu (望海關帝廟), hay còn được gọi là Quan Đế miếu (關帝廟), Thất Phủ võ miếu, dân gian quen gọi là chùa Ông. Thời kỳ đầu vương triều Gia Long, Lưu thủ dinh Trấn Biên chia người Hoa ở Biên Hòa ra làm 7 bang, 7 bang cũng còn được gọi là 7 phủ (thất phủ)⁽¹⁾. Tại Thất Phủ cổ miếu Biên Hòa có tám bia niên đại năm 1828 có tên “*Thất Phủ võ miếu*” (tám bia Thất Phủ cổ miếu đã bị thất lạc).

(1) Theo Tsai Maw Kuey (1968), *Người Hoa ở Việt Nam*, Bản dịch của Ban Dân tộc học - Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, luận án tiến sĩ, trang 39. “Năm 1814, dưới triều Hoàng đế Gia Long (1802-1820) có sự cải tổ các bang hội Trung Quốc. Từ đây có 7 bang: Quảng Châu, Triều Châu, Hải Nam, Phước Kiến, Hakka, Phúc Châu và Kiang Tcheou”. Hakka (chính là bang Hẹ), Kiang Tcheou (chính là bang Chương Châu).

Năm 1885, chính quyền thực dân Pháp thay đổi bang hội người Hoa, từ 7 bang xuống còn 5 bang gồm: Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu, Hải Nam và Hẹ. Hiện nay, người Hoa ở Biên Hòa chỉ còn 4 bang gồm: Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu và Hẹ - Sùng Chính (do người Hải Nam có số dân ít nên sáp nhập vào nhóm Hẹ - Sùng Chính). 4 bang đều có trụ sở hoạt động riêng gọi là Hội quán, nhưng Thất Phủ cổ miếu là Hội quán chung cho cả 4 bang. Thất Phủ cổ miếu còn được dân gian thường gọi là chùa Ông, người dân Biên Hòa có câu *“Chùa Ông Biên Hòa, chùa Bà Bình Dương”*. Theo nhà nghiên cứu Sơn Nam *“Ở Nam Bộ hễ thấy nơi nào có sân rộng, mái ngói cong cong, thờ bất cứ ai, có nhang khói thì cứ gọi là chùa”*⁽¹⁾.

Chùa Ông nằm bên tả ngạn sông Đồng Nai, tọa lạc trên mảnh đất bằng phẳng ven sông Đồng Nai có diện tích 2.206,6m², được ngăn cách với bên ngoài bởi bức tường gạch cao 2,5m. Về kiến trúc chùa Ông được xây dựng theo lối truyền thống cơ sở tín ngưỡng của Trung Hoa, vật liệu xây dựng chủ yếu là đá xanh đặc trưng của làng đá Bửu Long và gạch, gỗ, mái lợp ngói âm dương ống ngõa... Bố cục mặt bằng theo kiểu *“nội công, ngoại quốc”* gồm các hạng mục: Tiền điện, Trung điện và Hậu điện nối tiếp nhau, đối xứng hai bên là dãy nhà Tả ban và Hữu ban. Bên trái sân chùa là miếu Ngũ Hành Nương nương. Nóc chùa được trang trí bằng một quần thể tiểu tượng gồm Cây Mai, tạo tác cuối thế kỷ XIX, thể hiện các tuồng tích, múa hát cung đình, khung cảnh sinh động lễ hội của người Hoa. Mặt tiền chùa Ông quay về hướng Tây Nam, nhìn ra sông Đồng Nai, trước cổng có cây si cổ thụ tỏa bóng mát quanh năm, in bóng xuống dòng sông Đồng Nai. Phía sau chánh điện là tòa nhà quy mô nhỏ gồm hai tầng gọi là Quan Âm các.

Lịch sử hình thành chùa Ông gắn với quá trình người Hoa đến vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai khai khẩn, lập ấp. Năm 1679, nhóm người Hoa *“phản Thanh phục Minh”* gồm Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên đem 50 thuyền, 3.000 gia quyến đến xin trú ngụ tại

(1) Theo Sơn Nam (2009), *Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, trang 237.

Đàng Trong (xứ Đại Việt). Chúa Nguyễn Phước Tần chấp thuận và cho nhóm của Dương Ngạn Địch đến Mỹ Tho (Tiền Giang), nhóm của Trần Thượng Xuyên đến xứ Bàn Lân định cư. Tại xứ Bàn Lân, Trần Thượng Xuyên cùng thân nhân khai khẩn vùng đất, lập phố chợ, phát triển kinh tế, buôn bán giao thương với nhiều nước như: Trung Quốc, Nhật Bản, Mã Lai... Với sự cần mẫn siêng năng trong lao động sản xuất và kinh doanh, Trần Thượng Xuyên và nhóm người Hoa đã xây dựng Cù lao Phố trở thành Nông Nại đại phố, một thương cảng sầm uất bậc nhất phương Nam cuối thế kỷ XVII và hơn nửa đầu thế kỷ XVIII.

Đa phần người Hoa đến Biên Hòa từ thế kỷ XVII và tiếp tục sau đó, có nhiều nhóm phương ngữ khác nhau đến từ 7 phủ ở Trung Quốc: Phúc Châu, Chương Châu, Tuyên Châu (tỉnh Phúc Kiến), Quảng Châu, Triều Châu và Quỳnh Châu (tỉnh Quảng Đông), Ninh Ba (tỉnh Chiết Giang). Việc miếu người Hoa ở Biên Hòa có tên gọi Thất Phủ vô miếu, Thất Phủ miếu hay Thất Phủ cổ miếu... thể hiện đầy đủ cộng đồng này. Sau 5 năm đặt chân đến Đại Việt, năm 1684 người Hoa đã xây dựng Quan Đế miếu tại thôn Bình Hoàn, thuộc dinh Trấn Biên, phủ Gia Định, nay là phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để thờ phụng.

Sách *Gia Định thành thông chí* (1820) cho biết rõ niên đại của ngôi miếu này: “*Tuế thứ Giáp Tý Chính Hòa ngũ niên tứ nguyệt cát nhật*”, tức là ngày tốt tháng 4 năm Giáp Tý niên hiệu Chính Hòa thứ năm là 1684. Từ xưa đến nay, miếu Quan Đế được các hội quán, các thế hệ người Hoa ở Biên Hòa thay nhau duy trì hương khói và thờ tự theo nghi thức truyền thống. Chùa Ông không chỉ là nơi thực hiện chức năng tín ngưỡng truyền thống của người Hoa, mà còn là nơi để người Hoa gặp gỡ tương trợ, cố kết cộng đồng, giúp nhau tạo dựng cuộc sống ở vùng đất mới. Chùa Ông chính là bằng chứng dấu mốc lịch sử của cộng đồng người Hoa từ thời kỳ khẩn hoang, lập ấp, cùng với người Việt xây dựng phát triển vùng đất phương Nam.

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi chép về chùa Ông như sau: “*Nằm ở phía Nam cù lao Đại Phố, phía Đông ngã ba đường, mặt trông ra Phước giang, điện vũ nguy nga, tượng đắp*

cao hơn một trượng, phía sau là điện quán Quan Âm, phía ngoài có tường gạch bao quanh, bốn góc có 4 con lân bằng đá ngồi xổm. Cùng với Hội quán Phúc Châu đầu phía Tây đường lớn và Hội quán Quảng Đông ở dưới phía Đông là 3 cái đền lớn”⁽¹⁾.

Trải qua hơn 330 năm thăng trầm cùng lịch sử, miếu Quan Đế đã từng bị ảnh hưởng do chiến tranh, xuống cấp theo dòng thời gian nhưng đã được cộng đồng người Hoa trùng tu kịp thời vào các năm: 1743, 1817, 1868, 1894, 1927, 1968, 2005, lần thực hiện đại trùng tu vào năm 2009. Cho dù đã trải qua nhiều lần trùng tu nhưng nội điện, kết cấu kiến trúc, chất liệu xây dựng, mỹ thuật, lễ tục vẫn giữ được bản sắc.

Trong tín ngưỡng của người Việt, nhiều người cũng thờ Quan Công bởi ông hội tụ các đức tính tiêu biểu, chuẩn mực trong văn hóa ứng xử: Nhân, lễ, nghĩa, tín, dũng. Trước sự tương đồng với tín ngưỡng của người Hoa, trong dịp lễ hội chùa Ông đông đảo người Việt, đặc biệt là người Việt sinh sống ở thành phố Biên Hòa đến chùa Ông thắp nén hương thơm, dâng lễ cầu an. Lễ hội chùa Ông còn là dịp để cộng đồng Hoa - Việt gặp gỡ giao lưu, cố kết tình cảm cộng đồng các dân tộc. Chùa Ông là một trong những cơ sở tín ngưỡng dân gian lâu đời ở Đồng Nai và Nam Bộ, có giá trị về lịch sử và văn hóa. Ngày 19-1-2001, chùa Ông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia (Quyết định số 04/2001/QĐ-BVHTT).

1.2. Đối tượng thờ cúng ở chùa Ông

1.2.1. Nhân vật lịch sử Quan Công (Quan Thánh Đế quân)

Quan Thánh Đế quân hay Quan Công (關公), tên thật là Quan Vũ (關羽), tự Vân Trường (雲長) sinh năm 160 mất năm 219, một nhân vật lịch sử thời Tam quốc ở Trung Hoa. Ông sinh ở thôn Thường Bình, huyện Giải Lương, tỉnh Sơn Tây (Trung Quốc). Theo Sử ký Tư Mã

(1) Trịnh Hoài Đức (Bản dịch của Lý Việt Dũng, Huỳnh Văn Tới hiệu đính) (2005), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Đồng Nai, trang 236.

Thiên và “*Tam Quốc Diễn Nghĩa*” La Quán Trung, ông kết nghĩa anh em cùng Lưu Bị và Trương Phi lập nên nhà Thục Hán, là một trong 5 hổ tướng đứng đầu của Lưu Bị gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung và Mã Siêu.

Sinh làm tướng, chết làm thần, Quan Vũ được người dân tôn thành thánh sau khi mất, từ thời nhà Đường các câu chuyện liên quan đến sự hiển thánh của Quan Công được ghi chép rất nhiều trong các loại bút ký, truyền kỳ... Nhìn chung nhân vật lịch sử Quan Công được ca ngợi với các phẩm chất: Trung nghĩa, thẳng thắn, hiên ngang, chính trực, văn võ toàn tài, chính nhân quân tử, những phẩm chất của người quân tử theo truyền thống lễ giáo Trung Hoa, vốn chịu ảnh hưởng từ tư tưởng Nho giáo của Khổng Tử. Người dân thờ cúng Quan Công không phải do quyền cao chức trọng mà do phẩm chất: Nhân, lễ, nghĩa, dũng, tín ở ông tiêu biểu cho đạo lý ứng xử văn hóa của dân.

1.2.2. Tín ngưỡng thờ Quan Công

Tín ngưỡng thờ Quan Công xuất hiện ở Trung Quốc từ thời nhà Tùy, nhà Đường, phát triển vào thời nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, đạt đến đỉnh cao vào thời nhà Thanh. Nếu Khổng Tử được xưng tụng “*Văn Thánh*” thì Quan Công được các triều đại Trung Quốc xưng tụng “*Vô Thánh*”. Chính điều đó đã làm cho Quan Công được thần thánh hóa và trở thành vị thần theo tín ngưỡng dân gian, được người Hoa thờ cúng ở khắp nơi trên thế giới.

Người Hoa có mặt ở nhiều địa phương thuộc Nam Bộ - Việt Nam như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang... Những nơi người Hoa sinh sống, hầu hết đều có cơ sở thờ tự Quan Thánh Đế quân và được gọi với nhiều tên khác nhau như: Miếu, chùa. Ở Đồng Nai, ngoài Thất phủ Cổ miếu ở phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, Quan Thánh Đế quân được thờ chính hoặc phối thờ ở một số miếu như: Miếu Quan Đế (phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa), Phụng Sơn tự (phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa), miếu Quan Thánh Đế (phường Xuân An, thành phố Long Khánh),

miếu Quan Thánh (xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch), miếu Quan Đế (xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch).

Quan Công được cả Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo thờ phụng. Nho giáo xem Quan Công là “*Võ Thánh Đế quân*”, Phật giáo xem Quan Công là Hộ pháp gọi là “*Già Lam Bồ tát*”, “*Già lam Thánh đế*”, còn Đạo giáo phong Quan Công là “*Tam giới Phục ma Đại đế*”. Cả Tam giáo: Nho, Phật, Lão đã tích hợp từ câu chuyện lịch sử, các truyền thuyết, ghi chép dân gian và nhất là nhân vật từ tiểu thuyết “Tam quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung đã sáng tạo nên một hình tượng Quan Công chính nhân quân tử “*trung nghĩa, nho nhã, anh linh, thần uy*”.

Người Hoa ở thành phố Biên Hòa nói riêng và Đồng Nai nói chung thờ Quan Công vì ông tượng trưng cho danh dự, lòng chung thủy, sự hy sinh, độ lượng, can đảm, lòng tốt, sự công minh chính trực. Trên một số hoành phi, liễn đối tại Thất Phủ cổ miếu đã thể hiện các tính cách của Quan Công. “*Trung nghĩa thiên thu*” (忠義千秋), lòng trung nghĩa của Quan Vũ bền vững ngàn năm. “*Oai chấn Hoa Hạ*” (威震華夏), oai danh làm chấn động cả nước Hoa Hạ. “*Thiên cổ nhất nhân*” (千古一人), từ ngàn năm qua chỉ có một người. “*Chánh khí trường tồn*” (正氣長存), chánh khí của Quan Công sống mãi với thời gian. “*Chánh khí phò luân*” (正氣扶輪), chánh khí phò trợ rộng rãi.

Người Hoa ở thành phố Biên Hòa và Đồng Nai có tục thờ Quan Công ở trong nhà, ở các đình, miếu, chùa tại cộng đồng. Trong tín ngưỡng dân gian, Quan Công vừa là nhân thần vừa là phúc thần; vừa là thần độ mạng tại gia, vừa là thần ban phúc cho cộng đồng.

Rất nhiều gia đình người Hoa ở Biên Hòa - Đồng Nai đã thỉnh tranh, tượng Quan Công về thờ tại gia, mong ông hiển linh phù hộ cho gia đạo bình an và trấn giữ nhà cửa, hàng yêu phục ma, chủ trì công đạo. Một số nhà nghiên cứu cho rằng: “Quan Công thờ tại gia đình thì là vị thần phù hộ cho gia chủ (nam giới), thờ ở đền, miếu là vị thần phù hộ cộng đồng, thờ ở Đạo quán là một trong ba mươi sáu tướng của Huyền Thiên thượng đế chuyên trừ tà ma cứu độ chúng

sinh, thờ ở chùa là Già Lam Bồ tát hộ trì tam bảo”⁽¹⁾.

Kể từ khi người Hoa xây dựng miếu Quan Đế vào thế kỷ XVII, cộng đồng người Hoa thực hiện các nghi lễ thờ cúng Quan Công theo các nghi thức truyền thống của người Hoa. Hàng năm, tại chùa Ông, Ban Trị sự và cộng đồng người Hoa tổ chức lễ hội chùa Ông từ ngày 10 đến ngày 13 tháng Giêng, đây là dịp tiết trời vào Xuân, Nhân dân bá tánh tham gia lễ hội với quy mô rất lớn. Ngoài ra, ngày 24 tháng 6 âm lịch, Ban Trị sự tổ chức lễ Quan Thánh Đế quân thánh đàn. Người dự lễ là bá tánh dân gian không phân biệt người Hoa, người Việt, ở nơi này hay nơi khác.

1.2.3. Các đối tượng phối thờ tại chùa Ông

- Thiên Hậu Thánh mẫu (天后聖母)

Thiên Hậu Thánh mẫu được đặt ở khám thờ bên trái chính điện. Cũng như Quan Đế, bà Thiên Hậu được thờ khắp nơi theo bước di dân của người Hoa. Bà vốn được tin là vị thần phù hộ cho những người đi biển, cho những người xa xứ. Thiên Hậu Thánh mẫu được thờ thể hiện dưới dạng một người phụ nữ ngồi trên ngai uy nghi. Bà mặc áo choàng dài, đầu đội mũ hậu có tua. Hai bên có hai thuộc hạ là Thiên Lý Nhân và Thuận Phong Nhi, hai người này nghe và thấy tất cả những gì xảy ra trên thế gian. Lễ vía Thiên Hậu Thánh mẫu vào ngày 23 tháng 3 âm lịch.

- Kim Hoa Nương nương (金花娘娘)

Còn được gọi là Chủ sanh, tức Bà mẹ Sanh được thờ ở khám thờ bên phải chính điện. Người Hoa tin rằng Kim Hoa Nương nương giúp các sản phụ sinh nở mẹ tròn con vuông. Trợ tá Kim Hoa Nương nương có Thập nhị Bà Thụ hoặc Thập nhị Diên Nữ, tức mười hai Mụ Bà, mỗi bà có một chức trách nhiệm vụ khác nhau. Lễ vía Kim Hoa Nương nương vào ngày 17 tháng 4 âm lịch.

(1) Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên, 2002), *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, trang 215.

- Quan Bình Thái tử (關平太子)

Quan Bình Thái tử hay còn gọi là Quan Thánh Thái tử, nhân vật trung hiếu vẹn toàn, là con nuôi của Quan Công. Theo tín ngưỡng của người Hoa tôn xưng Quan Bình Thái tử, hiệu là “*Cửu thiên Uy linh Hiển hóa Đại thiên tôn*”. Quan Thánh Đế quân luôn được thờ cùng Quan Bình Thái tử (con nuôi của Quan Công, bị địch giết cùng lúc với cha)⁽¹⁾. Trong điện thờ, Quan Bình Thái tử được thờ đứng bên trái đối diện Châu Xương Tướng quân. Lễ vía Quan Bình Thái tử vào ngày 15 tháng 3 âm lịch.

- Châu Xương Tướng quân (周倉將軍)

Châu Xương còn gọi là Châu Thương, được dân gian tôn hiệu là “*Cương trực Trung dũng Đại thiên tôn*” (tùy tướng của Quan Công, tử tiết khi được tin ông bị kẻ thù sát hại). Trong điện thờ, Châu Xương được thờ ở bên phải đối diện Quan Bình Thái tử, hình tượng của Châu Xương mặt đen, râu ngắn, mắt sáng tròn xoe, thân mang áo giáp, tay trái cầm Thanh Long đao, khuôn mặt thể hiện thần sắc uy nghi. Lễ vía Châu Xương diễn ra vào ngày 30 tháng 10 âm lịch.

- Đô Thiên Chí Phú Tài Bạch Tinh quân (都天致富財帛星君)

Vị thần được thờ ở góc ngoài cùng của chính điện, đối diện với khám thờ Tiên hiền. Đây là “*tinh quân*” tức một vì sao, thần chủ quản một vì sao trên trời Đô thiên, có công năng ban phát tài lộc cho con người ở trần gian. Vị thần sao này được nhân hóa là một ông lão râu bạc, một vị thần trong truyền thuyết dân gian về việc ban phát điều lành và giàu có. Lễ vía Đô Thiên Chí Phú Tài Bạch Tinh quân vào ngày 27 tháng 7 âm lịch.

- Phước Đức Chánh Thần (福德正神)

Phước Đức Chánh Thần là vị thần được thờ ở một bên tiền điện, đối diện Mã Đầu Tướng quân ngựa Xích Thố. Ở đây, theo biển đề chữ Quốc ngữ là “*Ông Phước Đức*”, song trong bài vị chữ Hán lại viết “*Bổn*

(1) Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên 2013), *Đặc khảo tín ngưỡng thờ gia thần*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, trang 73.

Đầu Công linh ứng". Ông Phước Đức là cách gọi thông tục của Phước Đức Chánh Thần (danh hiệu đầy đủ Trung ương Mậu kỷ Phước Đức Chánh Thần) tức thần Thổ địa của nhà cửa, đền miếu. Phước Đức Chánh Thần là thần Thổ địa, gọi là Thổ địa công, chủ cai quản cả vùng đất rộng lớn. Ngày vía Phước Đức Chánh Thần là mừng 2 tháng 2 âm lịch.

- Môn Thần (門神)

Môn thần là vị thần có khả năng ngăn chặn, đe dọa và khống chế các oan hồn, ma quỷ; mặt khác còn có thể ngăn cản không cho tà ma xâm nhập vào đền miếu, gia cư. Vị thần này được thể hiện dưới nhiều hình thức thờ tự khác nhau, đôi khi chỉ là bức tranh, bức tượng, hình mặt hổ phù ngậm chiếc vòng thiếc, hình nhân bằng gỗ đào, chiếc gương soi hình tròn, hình bát giác ở trên đó vẽ hình bát quái hoặc chỉ một vài câu bùa chú gắn trên các cánh cửa ra vào. Còn ở chùa Ông hình tượng môn thần khá đơn giản là hai ống sắt bên đồ cửa chính.

- Mã Đầu Tướng quân và ngựa Xích Thố (赤兔馬)

Mã Đầu Tướng quân và ngựa Xích Thố được thờ ở bên góc phải, trước cửa vào của chính điện. Mã Đầu Tướng quân là người chăn giữ ngựa cho Quan Công. Ngựa Xích Thố của Quan Công theo Tam quốc chí diễn nghĩa là một con vật trung nghĩa, theo Quan Công chinh chiến. Khi Quan Công chết, Tôn Quyền đem ngựa Xích Thố cho Mã Trung (viên tướng đã giết Quan Công) nhưng ngựa biết đó là kẻ thù thì nhin ăn mà chết. Do đó, các đền miếu thờ Quan Công đều thờ ngựa Xích Thố và Mã Đầu Tướng quân. Lễ vía Mã Đầu Tướng quân vào ngày 23 tháng 6 âm lịch.

- Quan Thế Âm Bồ tát (觀世音菩薩)

Phật Bà Quan Âm hay Bồ tát Quan Thế Âm với thần tích là vị Bồ tát cứu khổ cứu nạn, nhất là cứu nạn trên biển và hóa độ chúng sinh. Quan Âm Bồ tát tuy là biểu tượng của Phật giáo nhưng lại được người Hoa tín ngưỡng như một vị thần nữ cứu tinh. Đối với người Hoa, Phật Bà Quan Âm là một phụ nữ có đức tính cao đẹp, luôn luôn làm phúc cho mọi người thoát khỏi tai nạn hiểm nghèo. Tại chùa Ông Quan Âm Bồ tát được thờ ở Quan Âm các. Lễ vía sanh Quan Âm ngày 19

tháng 2 âm lịch, vía Quan Âm đắc đạo ngày 19 tháng 6 âm lịch và vía Quan Âm xuất gia ngày 19 tháng 9 âm lịch.

- Bao Công (包公)

Bao Công hay còn được gọi là Bao Chửng được thờ ở Chính đại Quang minh điện, đặt ở tầng dưới Quan Âm các. Sinh thời ông là người công minh chính trực, yêu dân không sợ cường quyền, có tài xét xử nhiều vụ án uẩn khúc, phá án như thần nên được gọi là Thanh Thiên Đại lão gia. Bao Công được thờ như một vị thần Công lý cả trên dương gian lẫn ở âm phủ. Do đó, những ai oan ức thường đến đây lễ bái, cầu xin ngài phù hộ cho được minh oan. Lễ cúng vía Bao Công vào ngày 12 tháng 5 âm lịch.

- Ngũ Hành Nương nương (五行娘娘)

Miếu bà Ngũ Hành Nương nương được lập ở bên phải theo hướng từ cổng nhìn vào. Trong miếu có tượng 5 bà với trang phục 5 màu khác biệt. Người Hoa còn gọi Ngũ Hành Nương nương là bà Ngũ Hành, gồm 5 bà: Thổ Đức Thánh Phi, Hỏa Đức Thánh Phi, Kim Đức Thánh Phi, Thủy Đức Thánh Phi và Mộc Đức Thánh Phi, tượng trưng cho Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là 5 yếu tố vận động phát triển theo hướng “*tương sinh*” và “*tương khắc*” biểu thị quy luật sinh thành, vận động của vũ trụ. Lễ vía Ngũ Hành Nương nương vào ngày 21 tháng 7 âm lịch.

Ngoài các đối tượng thờ như Thiên Hậu Thánh mẫu, Kim Hoa Nương nương, Đô Thiên Chí Phú Tài Bạch Tinh quân... kể trên, tại chùa Ông còn thờ Thần Tài, Thái Tuế Tinh quân, Huyền Đàn Triệu Nguyên Soái, Thanh Long - Bạch Hổ, Thái Sơn Thạch Cầm Đương, Tề Thiên Đại Thánh, Hiếu Tử - Thần Tài Âm Phủ.

Như vậy, các đối tượng phối thờ ở chùa Ông là một tập hợp khá đầy đủ các thần linh chủ yếu của cộng đồng người Hoa bao gồm các thần linh của tín ngưỡng thờ Quan Công (thần bảo hộ cộng đồng mà trước hết là thần của giới võ tướng); tín ngưỡng thờ Thiên Hậu (hộ thần của giới đi biển, buôn bán thương hồ); tín ngưỡng thờ Mẹ Sanh, Mẹ Độ (Kim Huê bà Chúa thai sanh); tín ngưỡng thờ Phúc Thần (Bổn

Đầu Công Phước Đức chính thần); Tài Thần (Đô Thiên Chí Phú Tài Bạch Tinh quân, Triệu Huyền Đàn)...

2. Hình thức biểu hiện, quy trình thực hành lễ hội chùa Ông

2.1. Lịch lễ hàng năm tại chùa Ông

2.1.1. Lễ hội đầu Xuân

Vào thời điểm giao thừa, người dân khắp nơi kéo về dâng hương, xin lộc; thiện nam tín nữ lần lượt đông vui. Người địa phương có tập quán viếng mười kiểng chùa ngay sau Tết Nguyên đán; chùa Ông là kiểng chùa thiêng, nên không thể thiếu.

2.1.2. Lễ vía chính (lễ lớn)

- *Lễ thứ nhất:* Lễ hội chùa Ông, tổ chức từ ngày 10 đến ngày 13 tháng Giêng.

- *Lễ thứ hai:* Lễ cúng vía Quan Thánh Đế quân thánh đàn, ngày 24 tháng 6 âm lịch.

- *Lễ thứ ba:* Lễ cúng Hạ Ngươn, tổ chức từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 10 âm lịch.

2.1.3. Lễ vía phụ (lễ nhỏ)

- *Lễ thứ nhất:* Lễ cúng giao thừa khai ấn.

- *Lễ thứ hai:* Lễ Thượng nguyên, tổ chức ngày 15 tháng Giêng.

- *Lễ thứ ba:* Cúng Phước Đức Chính Thần, tổ chức vào ngày 2 tháng 2 âm lịch và ngày 15 tháng 8 âm lịch.

- *Lễ thứ tư:* Lễ cúng Quan Âm gồm, vía Quan Âm đàn sanh tổ chức ngày 19 tháng 2 âm lịch, lễ vía Quan Âm đắc đạo ngày 19 tháng 6 âm lịch, lễ vía Quan Âm xuất gia ngày 19 tháng 9 âm lịch.

- *Lễ thứ năm:* Lễ cúng Triệu Huyền Đàn, tổ chức ngày 15 tháng 3 âm lịch.

- *Lễ thứ sáu:* Lễ cúng Thiên Hậu Thánh mẫu, tổ chức vào ngày 23 tháng 3 âm lịch và 9 tháng 9 âm lịch.

- *Lễ thứ bảy*: Lễ cúng Kim Hoa Nương nương, tổ chức ngày 17 tháng 4 âm lịch.

- *Lễ thứ tám*: Lễ cúng Bao Công, tổ chức ngày 12 tháng 5 âm lịch.

- *Lễ thứ chín*: Lễ cúng Quan Bình, tổ chức ngày 13 tháng 5 âm lịch.

- *Lễ thứ mười*: Lễ cúng Mã Đầu Tướng quân, tổ chức ngày 23 tháng 6 âm lịch.

- *Lễ thứ mười một*: Lễ cúng Trung nguyên và Vu Lan, tổ chức từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 7 âm lịch.

- *Lễ thứ mười hai*: Lễ cúng Thái Tuế, tổ chức ngày 19 tháng 7 âm lịch.

- *Lễ thứ mười ba*: Lễ cúng Ngũ Hành Nương nương, tổ chức từ đêm 20 tháng 7 và sáng ngày 21 tháng 7 âm lịch.

- *Lễ thứ mười bốn*: Lễ cúng Tài Bạch Tinh quân, tổ chức ngày 22 tháng 7 âm lịch.

- *Lễ thứ mười lăm*: Lễ cúng Tiền Bối, tổ chức ngày 21 tháng 10 âm lịch.

- *Lễ thứ mười sáu*: Lễ cúng Châu Xương Đại Tướng quân thánh đàn, tổ chức vào ngày 30 tháng 10 âm lịch.

- *Lễ thứ mười bảy*: Tạ lễ Chư Thánh Thần - Phong Ấn, tổ chức ngày 25 tháng Chạp.

Riêng lễ hội chùa Ông có phần nghinh ông tuần du hàng năm thu hút đông đảo cộng đồng Hoa - Việt khắp nơi về hành hương chiêm bái, cúng lễ, xin lộc. Lễ hội này mang những nét văn hóa đặc sắc của người Hoa hoành tráng, trang nghiêm, cộng đồng tham dự tin rằng các chư thần sẽ phù hộ cho quốc thái dân an, nhân khang vật thịnh, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt.

2.2. Quy trình thực hành lễ hội chùa Ông

Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* có viết về đền Quan Thánh và người Thanh, người Minh Hương đèn hương thờ tự như sau: “Ở phía

Đông các đường phố, về phía Nam Cù lao Phố, thuộc huyện Phước Chính, trông ra sông Phước, đền dài rộng đẹp, có tượng cao hơn trượng. Phía sau là quán Quan Âm cùng với Hội quán Phúc Châu ở đầu phía Tây, Hội quán Quảng Đông ở phía Đông là ba ngôi đền lớn... hai ngôi kia bị phá hủy, duy đền này vẫn còn, do người Thanh và người Minh Hương trong tỉnh đèn hương thờ tự, miếu mạo vẫn như cũ”⁽¹⁾.

Kể từ khi người Hoa xây dựng Quan Đế miếu vào năm 1684, đây cũng là thời gian người Hoa thực hiện các nghi lễ thờ cúng Quan Thánh Đế quân, theo nghi thức truyền thống. Các vị bô lão người Hoa kể lại rằng: Lễ hội chùa Ông luôn được các thế hệ người Hoa nối tiếp nhau duy trì và vun đắp. Các nghi lễ được cộng đồng thực hành luôn đảm bảo tính thiêng, phần hội là không gian mở luôn có các tiết mục biểu diễn Lân - Sư - Rồng, các hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian, hoạt động vui chơi giải trí diễn ra tại sân chùa, được cộng đồng hưởng ứng và tham gia⁽²⁾.

Hàng năm, lễ Đức Ông Quan Thánh Đế quân hiển thánh từ ngày 10 đến ngày 13 tháng Giêng, các Hội quán cùng nhau tổ chức, đại diện các Hội quán thành kính dâng hương và lễ vật. Sau khi đại diện cộng đồng 4 Hội quán thực hiện nghi lễ dâng cúng Đức Ông, cộng đồng bái tánh vào chùa dâng hương và lễ vật, thành kính bái lạy trước khám thờ Quan Thánh Đế quân. Tham dự lễ hội có đủ mọi lứa tuổi và giới tính: Trai, gái, già, trẻ, không phân biệt tộc người. Người dân đến tham dự lễ hội thường mang theo những vật phẩm như: Bông hoa (kiêng hoa mào gà), trái cây, xôi chè, gà vịt, heo quay... tùy tâm của mỗi người dâng cúng Đức Ông. Mọi người đến với lễ hội chùa Ông ai nấy đều hoan hỉ, thư thái, khoan hòa, thành kính Đức Ông và các chư Thần, nguyện ước đón nhận những điều tốt lành cho gia đình và xã hội.

(1) Quốc sử quán Triều Nguyễn - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện sử học (2006), *Đại Nam Nhất Thống Chí* (tập 5), Nxb. Thuận Hóa, trang 87.

(2) Theo thông tin của những người Hoa lớn tuổi cung cấp lúc 9 giờ ngày 20/7/2022, tại chùa Ông gồm: Huỳnh Dũ 76 tuổi, Lý Ngọc Bửu 72 tuổi, Lý Hữu Đức 70 tuổi, Vương Văn An 64 tuổi, Trịnh Diệu Khải 66 tuổi, Huỳnh Hữu Nghĩa 64 tuổi...

Lễ rước cộ (kiệu) chùa Ông được cộng đồng người Hoa tổ chức bài bản, trang trọng từ xa xưa, đến năm 1966 được Ban tổ chức mở rộng về qui mô và thành phần tham gia, người dân ở Biên Hòa, khu vực phụ cận, cùng du khách thập phương đến tham dự lễ hội. Vào ngày vía Quan Thánh Đế quân hiển thánh (ngày 13 tháng Giêng năm Bính Ngọ - năm 1966), chính quyền địa phương lúc bấy giờ đã cho phép cộng đồng 4 Hội quán người Hoa rước kim thân Đức Ông Quan Thánh Đế quân tuần du trên một số tuyến đường và khu chợ Biên Hòa, nơi có đông người Hoa sinh sống và buôn bán kinh doanh.

Kim thân Đức Quan Thánh Đế quân được thỉnh trên kiệu, kiệu được trang hoàng long lẫy do 8 thanh niên trai tráng khỏe mạnh khiêng trên vai, phía sau có 4 người đại diện của 4 Hội quán đi theo hầu kiệu. Đi trước kiệu là lỗ bộ, bát bửu, các cô gái gánh hoa trong trang phục truyền thống của người Hoa, lân, sư, rồng, các nhân vật hóa trang thành Bát tiên, đi cà kheo, 4 người hóa trang thành thầy trò Đường Tăng đi thỉnh kinh. Đi phía sau kiệu còn có sự tham gia của hơn 300 diễn viên (nghệ dư), biểu diễn các tiết mục văn nghệ mang sắc thái văn hóa truyền thống dân tộc Hoa. Ngoài ra, đi trước tiên còn đoàn xe chở bánh và nước ngọt phát cho người tham gia, tạo ra một không khí rất sôi động vui tươi, thu hút Nhân dân bá tánh cùng hòa nhập vào lễ hội.

Kiệu Đức Ông xuất phát từ chùa Ông đi đến đường Hàm Nghi (nay là đường Cách mạng Tháng 8), sau đó di chuyển đến Phụng Sơn tự của Hội quán Phước Kiến, cung thỉnh Đức Quảng Trạch Tôn Vương cùng xuất du. Tại dinh tỉnh trưởng Biên Hòa⁽¹⁾ có lập bàn hương án để cung nghinh kiệu Ông, tỉnh trưởng cùng các quan chức đứng đón kiệu. Khi đến dinh tỉnh trưởng, ban nhạc cùng nổi chuông, trống và biểu diễn các tiết mục văn nghệ để chào mừng kim thân Đức Ông. Sau đó đoàn tiếp tục xuất du vòng quanh khu vực chợ Biên Hòa, đi qua đường Phan Đình Phùng, Hưng Đạo Vương, đến Quốc lộ 1 (nay là đường Hà Huy Giáp) rồi trở về chùa Ông. Kiệu đi đến đâu Nhân dân nhập hội đến đó, không phân biệt người Hoa, người Việt, trên

(1) Nay là trụ sở Khối Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

các tuyến đường kiệu Ông đi qua, Nhân dân hai bên đường đều lập bàn hương với nhang thơm, hoa đẹp thành kính đón chào Đức Ông.

Sau 1975, đất nước thống nhất do nhiều điều kiện khách quan và chủ quan, lễ rước cộ đưa Đức Ông tuần du tạm dừng, Ban Trị sự Thất phủ cổ miếu chỉ tổ chức lễ cúng tại chùa. Từ năm 2013 đến nay, được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai lễ hội chùa Ông được khôi phục tổ chức quy mô, thu hút hàng vạn khách thập phương đến tham dự. Lễ hội chùa Ông được thực hành theo nghi thức truyền thống nhưng cũng có phần sáng tạo của cộng đồng. Đặc biệt, trong lễ hội chùa Ông có nghi lễ nghinh thần ở các đình, miếu trong khu vực về chùa Ông tham gia lễ hội. Thành phần tham gia có đội hình nghi thức trang nghiêm và các đoàn người tham dự nối dài với niềm tin thiêng liêng và tinh thần vui khỏe. Tham gia tuần du có nhiều đoàn của các Hội quán người Hoa với nhiều hoạt động phong phú: Kiệu Đức Ông, Tứ đại Thiên Vương, thầy trò Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh, kiệu Phật bà Quan âm, Phước, Lộc, Thọ, Thần tài, Na Tra, Tứ đại thiên vương, Lân - Sư - Rồng vừa đi vừa biểu diễn, các đoàn võ sinh, thiếu nữ gánh hoa... tạo không khí vui nhộn trên đường phố. Người dân hai bên đường đoàn diễu hành đi qua đều vui mừng bày hương án kính cẩn nghinh Ông và chư Thần. Nhiều gia đình tiếp nước uống và thực phẩm để góp phần vào lễ hội nghinh Ông.

Ghi nhận những đóng góp của Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu cũng như của cộng đồng người Hoa trong việc hoạt động và tổ chức lễ hội chùa Ông, năm 2016 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng Bằng khen cho Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu vì đã có thành tích xuất sắc trong quản lý và tổ chức hoạt động lễ hội chùa Ông (Quyết định số 19/QĐ-BVHTTDL, ngày 04/01/2017).

2.2.1. Chuẩn bị tổ chức lễ hội chùa Ông

- Thành lập Ban Tổ chức lễ hội và một số Tiểu ban

Để chuẩn bị cho lễ hội Chùa Ông diễn ra thành công, trước 6 tháng, Ban Trị sự Chùa Ông thành lập Ban Tổ chức lễ hội và một số Tiểu ban. Ban Tổ chức lễ hội là các thành viên trong Ban Trị sự, Trưởng Ban Trị sự là Trưởng Ban Tổ chức lễ hội, các Phó Trưởng Ban

Trị sự là Phó Trưởng Ban Tổ chức lễ hội⁽¹⁾. Ban Trị sự là những người có uy tín được 4 Hội quán người Hoa ở Biên Hòa bầu ra. Người được bầu vào Ban Trị sự phải là những người được cộng đồng tín nhiệm trong các Hội quán, những người am hiểu về phong tục tập quán, tín ngưỡng thờ cúng của người Hoa, có hiểu biết về chùa Ông và tín ngưỡng thờ Đức Ông Quan Thánh Đế quân.

Trưởng Ban Tổ chức lễ hội thành lập các tiểu ban chuyên môn để thực hiện công tác chuẩn bị như: Tiểu ban nội dung, tuyên truyền, đối ngoại; Tiểu ban cơ sở vật chất, hậu cần; Tiểu ban lễ; Tiểu ban hội; Tiểu ban an ninh, trật tự⁽²⁾.

- Tiểu ban nội dung, tuyên truyền, đối ngoại

Tiểu Ban nội dung, tuyên truyền và đối ngoại có quyền và trách nhiệm chuẩn bị một số công việc như: Soạn thảo nội dung, kế hoạch, tờ trình, chương trình chi tiết, hồ sơ xin cấp phép, thư mời, cử người dẫn chương trình, bài phát biểu, báo cáo kết quả lễ hội chùa Ông; thực hiện treo băng rôn, pano, áp phích, cổng chào... tuyên truyền về lễ hội trên các phương tiện thông tin truyền thông; liên hệ các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương liên quan nhờ hỗ trợ về chuyên môn; liên hệ các cơ quan báo, đài hỗ trợ đưa tin, bài về lễ hội; mời và đón tiếp đại biểu, khách mời tham dự lễ hội.

(1) Ngoài ra, Ban Trị sự còn mời một số chuyên gia am hiểu về lịch sử, văn hóa tham gia vào Ban Tổ chức, với vai trò là cố vấn gồm: Tiến sĩ Huỳnh Văn Tới - nguyên Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai, Thạc sĩ Trần Quang Toại - Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Nai; mời Giám đốc Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh Đồng Nai làm Phó Trưởng ban, mời Chủ tịch UBND phường Hiệp Hòa (địa phương nơi di tích đứng chân) làm Phó Trưởng ban. Các thành viên của Ban Trị sự làm thành viên Ban Tổ chức Lễ hội.

(2) Người tham gia vào Ban Trị sự đều dựa trên tinh thần tự nguyện, có trách nhiệm làm việc vì cộng đồng và bảo vệ, phát huy các giá trị di tích quốc gia chùa Ông (không hưởng lương). Người bầu vào Ban Trị sự do cộng đồng người Hoa thuộc 4 Hội quán giới thiệu và bầu bằng hình thức hiệp thương (đề cử). Ban Trị sự gồm 1 Trưởng ban và 4 Phó trưởng ban. Nhiệm kỳ của Ban Trị sự là 5 năm sau đó bầu lại. Ban Trị sự được Ủy ban nhân dân phường Hiệp Hòa (nơi di tích chùa Ông đứng chân) xác nhận.

- Tiểu ban cơ sở vật chất và hậu cần

Tiểu ban cơ sở vật chất, hậu cần có quyền và trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động theo kế hoạch chi tiết tổ chức của lễ hội bao gồm: Chuẩn bị trái cây, bông hoa, hương đèn, hoa đăng, bong bóng, phà, thuyền lớn, thuyền nhỏ, thuyền thả hoa đăng, ẩm thực... Dựng sân khấu, nhà vòm, các gian hàng để giao lưu thư pháp; chuẩn bị âm thanh, ánh sáng; chuẩn bị bàn ghế các loại; sắp xếp chỗ gửi xe, vệ sinh, trang trí đèn trong khuôn viên chùa và từ cổng chùa đến các con đường trong khuôn viên chùa.

- Tiểu ban lễ

Tiểu ban lễ có quyền và trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động lễ của lễ hội gồm: Thực hiện lễ nghinh Thần, lễ vía Đức Ông, lễ cúng Trời, lễ cầu an, lễ thả phước khí cầu, lễ thả hoa đăng...

- Tiểu ban hội

Tiểu ban hội có quyền và trách nhiệm điều hành, tổ chức các hoạt động thuộc phần hội gồm: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật múa Lân - Sư - Rồng; giao lưu thư pháp, võ thuật; thi kéo co, nhảy bao bố, nhảy dây...

- Tiểu ban an ninh trật tự

Tiểu ban an ninh trật tự có quyền và trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động an ninh trật tự của lễ hội bao gồm: Phối hợp với các lực lượng công an, quân sự của tỉnh, thành phố Biên Hòa và phường Hiệp Hòa bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, phòng chống cháy nổ, kịp thời giải quyết các tình huống khi có sự cố xảy ra; bố trí phân công nhân sự, trực tại các vị trí, địa điểm diễn ra các hoạt động lễ hội; đảm bảo lễ hội thành công, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật và sự hướng dẫn của các cơ quan, ban ngành chức năng.

Ngoài ra, Ban Tổ chức phân công cho các Hội quán chuẩn bị nghi thức, lễ vật, hoành phi, các trò chơi, các tiết mục văn nghệ để tham gia dự vào lễ hội chùa Ông. Trong dịp này, không gian bên trong và bên ngoài chùa Ông được cộng đồng cùng trang trí hoành phi, cờ hội, lồng đèn, kết hoa tạo nên bức tranh vô cùng rực rỡ nổi bật với

sắc màu chủ đạo là màu đỏ⁽¹⁾, vàng, xanh... Trên cổng chính và cổng phụ, trên trường đều cắm cờ hội với nhiều màu sắc. Trong và ngoài sân giảng hàng trăm chiếc đèn lồng lớn nhỏ được treo thành nhiều dãy. Sự chuẩn bị chu đáo tại không gian diễn ra lễ hội, tạo nên bức tranh lung linh, không khí háo hức cho du khách thập phương đến tham dự lễ hội có dịp đắm chìm trong không khí linh thiêng, tung bồng ở ngôi chùa cổ trong dịp tiết trời đầu Xuân.

2.2.2. Diễn trình lễ hội

Lễ hội chùa Ông diễn ra các nghi lễ, nghi thức sau:

- Lễ thỉnh hàm thư (chiều ngày 9 tháng Giêng).
- Lễ nghinh Thần (sáng ngày 10 tháng Giêng).
- Lễ an vị chư Thần (trưa ngày 10 tháng Giêng).
- Lễ cáo yết, khai hội (tối ngày 10 tháng Giêng).
- Lễ vía Quan Thánh Đế quân do các Hội quán và các đình thực hiện (ngày 11 và sáng ngày 12 tháng Giêng).
- Lễ cầu an (sáng ngày 13 tháng Giêng).
- Lễ vía Quan Thánh Đế quân do Ban Trị sự chùa Ông và Ban Tổ chức lễ hội chùa Ông thực hiện (sáng ngày 13 tháng Giêng).
- Nghi thức thả phúc khí cầu (sáng ngày 13 tháng Giêng).
- Lễ cầu an, thả hoa đăng (tối ngày 13 tháng Giêng).

Lễ hội chùa Ông diễn ra trong 5 ngày liên tiếp (từ chiều ngày 9 đến tối ngày 13 tháng Giêng), rất nhiều nghi lễ diễn ra theo trình tự thời gian và không gian khác nhau, phần hội có rất nhiều hoạt động diễn ra sôi nổi. Phần lễ là hoạt động thờ tự liên quan đến tín ngưỡng của người Hoa, do Ban Trị sự chùa Ông đại diện cho cộng đồng người Hoa thực hiện dâng đăng, dâng hương, dâng lễ vật, thực hành các

(1) Màu đỏ là màu truyền thống đặc thù của cộng đồng người Hoa, từ trong gia đình đến đền, miếu khi vào dịp lễ, tết quan trọng họ thường trang trí màu đỏ, vì người Hoa quan niệm màu đỏ tượng trưng cho sự tốt lành và may mắn.

tập quán... nhằm cầu tài, cầu lộc, cầu sức khỏe cho Nhân dân bá tánh. Phần hội là hệ thống các hoạt động vui chơi như: Các trò chơi dân gian, biểu diễn ca kịch cổ truyền, múa Lân - Sư - Rồng, múa hấu, nghệ thuật đường phố... Tuy nhiên, trong lễ hội chùa Ông giữa phần lễ và hội không có sự tách bạch riêng, mà phần lễ và phần hội luôn đan xen gắn kết, trong lễ có hội và trong hội cũng có lễ. Sự đan xen giữa lễ và hội tạo ra không gian văn hóa tâm linh, góp phần làm cho lễ hội chùa Ông càng trở nên hấp dẫn, cộng đồng và du khách thập phương đến tham dự được đắm mình trong không khí lễ hội linh thiêng tràn đầy hương sắc mùa Xuân và nguyện cầu cho gia đình, đất nước năm mới an lành, hạnh phúc, phồn vinh.

Những nghi lễ và hoạt động hội diễn ra trong suốt những ngày lễ hội và nhất là vào ngày 10 tháng Giêng. Trong đó điểm nhấn là hoạt động nghinh thần diễu hành, biểu diễn nghệ thuật trên đường phố và tại chùa Ông. Bên cạnh phần lễ và trong phần hội có hoạt động giao lưu giữa các Hội quán người Hoa cũng rất sôi nổi. Các Hội quán cử đoàn đại diện đến chùa Ông dâng lễ và biểu diễn văn nghệ theo theo tinh thần vừa dâng lễ vừa thể hiện sự giao lưu, giới thiệu bản sắc văn hóa của hội đoàn cho cộng đồng bá tánh đến tham dự thưởng thức.

- Trước ngày lễ hội (ngày 9 tháng Giêng): Lễ thỉnh hàm thư (gửi thư mời)

Theo quan niệm của người Hoa “*Đất có thổ công, sông có hà bá*”, mỗi khu vực sẽ có vị thần cai quản, vì vậy dịp lễ hội đại diện chùa Ông đến một số đình, miếu, chùa dâng thỉnh hàm thư, mời một số chư Thần được cộng đồng người Hoa và người Việt tôn thờ. Các vị chư Thần được người Hoa thờ tại các cơ sở tín ngưỡng của 4 Hội quán như: Đức Ông Quan Thánh Đế quân tại miếu Quan Đế (Hội quán Quảng Đông), Đức Ông Quảng Trạch Tôn Vương tại Phụng Sơn tự (Hội Quán Phước Kiến), Bà Thiên Hậu Thánh mẫu tại Thiên Hậu cung (Hội Quán Sùng Chính Biên Hòa), các vị Tổ nghề tại Miếu Tổ Sư (Hội Quán Sùng Chính Bửu Long). Các vị thần người Việt tôn thờ tại các đình như: Thần Thành hoàng bốn cảnh tại đình Bình Quan, Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh tại đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Đức Ông

Trần Thượng Xuyên tại đình Tân Lâm. Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu mời các vị chư Thần đến chùa Ông tham dự lễ hội, cùng phù hộ cho quốc thái dân an, cộng đồng các dân tộc anh em được an lành, ấm no và hạnh phúc. Nghi lễ thỉnh hàm thư diễn ra vào lúc 14 giờ và thường kết thúc vào lúc 17 giờ.

Trước khi đi mời, đoàn đại diện của chùa Ông dâng lễ vật lên Đức Ông xin cho đoàn được đi xuất ngoại gửi thư mời đến các đình, miếu. Lễ vật dâng lên Quan Thánh Đế quân là 1 giỏ trái cây, 2 cây đèn cây lớn, 3 cây hương lớn, 5 chung trà, 5 chung rượu, hoa quả, bánh⁽¹⁾. Ban Trị sự nghiêm trang đứng trước bàn thờ Ông, xướng lễ đọc sớ trình Quan Thánh Đế quân cho đoàn đại diện chùa Ông xuất ngoại thỉnh hàm thư đến một số đình, miếu.

Sớ trình có nội dung: “*Hôm nay ngày mừng 9 tháng Giêng năm....* Đoàn đại diện Ban Trị sự tề tựu trước điện thờ Đức Quan Thánh Đế quân thành tâm dâng hương; Cung vọng Đức Quan Thánh Đế quân cho phép Đoàn đại diện được gửi thư mời đến: Đình Tân Lâm Biên Hòa; đền Nguyễn Hữu Cảnh; đình Bình Quan; Phụng Sơn tự - Hội quán Phước Kiến Biên Hòa; miếu Tổ Sư Bửu Long - Hội quán Sùng Chính Bửu Long; Thiên Hậu cung - Hội quán Sùng Chính Biên Hòa; miếu Quan Đế Quảng Triệu - Hội quán Quảng Đông Biên Hòa. Xin phép để cung thỉnh chư vị Tôn thần giá đáo đến *chùa Ông an vị tham dự lễ hội*”⁽²⁾.

Trưởng Ban Trị sự là người dâng 2 cây đèn cây lớn lên Đức Quan Thánh Đế quân trước⁽³⁾, tiếp theo là các thành viên trong Ban Trị sự

(1) 3 cây hương lớn thể hiện mối tương quan giao kết giữa trời, đất và con người (Thiên - Địa - Nhân). 5 chung trà và 5 chung rượu có ý nghĩa cùng dâng cúng cho 5 vị thần linh gồm: Quan Công, Châu Xương, Quan Bình, Vương Linh quan Thiên quân và Trương Tiên Đại đế.

(2) Theo Sớ trình Đức Quan Thánh Đế quân cho đoàn đại diện xuất ngoại cung thỉnh chư vị Tôn thần do chùa Ông cung cấp.

(3) Hai cây đèn cây lớn do Trưởng Ban Trị sự dâng lên Đức Quan Thánh Đế Quân với ý nghĩa ông chính là người đứng đầu đại diện cho Ban Trị sự dẫn lối giữ gìn hương hỏa, thực hành phong tục tập quán của cộng đồng người Hoa.

dâng những lễ vật còn lại. Sau khi dâng lễ vật, người dẫn lễ dùng con dấu của Đức Ông đóng lên các hàm thư. Cuối cùng tất cả Ban Trị sự cùng thực hiện nghi thức tam khấu đầu trước Đức Quan Thánh Đế quân và Chư vị Tôn thần.

Các chức sắc đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Bình Quan, Phụng Sơn tự, miếu Thiên Hậu cung, miếu Quan Đế (chợ Biên Hòa), đình Tân Lâm, miếu Tổ Sư nghinh đón; có đình, miếu còn chuẩn bị Lân - Sư - Rồng để nghinh tiếp đoàn từ hai bên cổng.

Lễ vật dâng lên các vị thần, thánh ở các đình, miếu do chùa Ông chuẩn bị đều giống nhau, gồm: 3 cây hương lớn, 1 cặp đèn cây, 1 giỏ trái cây và thư mời. Trước bàn thờ chính mỗi đình, miếu, đoàn thỉnh hàm thư dâng lễ vật hương đèn, đọc sớ thỉnh chư Thần ở các cơ sở thờ tự xuất du đến tham dự lễ hội chùa Ông.

Sớ thỉnh tại các đình, miếu đều có các nội dung: *“Hôm nay mừng 9 tháng Giêng năm... Đoàn đại diện Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu Biên Hòa tề tựu tại... trước án thờ... thắp một nén hương thành tâm kính bái. Cung thỉnh: ...vào ngày mừng 10 tháng Giêng năm..., di giá (lên kiệu) du hành qua các con đường trong thành phố Biên Hòa và đến tham dự lễ hội chùa Ông tại Thất Phủ cổ miếu Biên Hòa. Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu Biên Hòa đồng cẩn cáo”*⁽¹⁾.

Nghi thức dâng hàm thư tại các đình, miếu đều giống nhau về hình thức, chỉ khác nhau về nội dung tên gọi địa điểm và vị thần tại địa điểm đến.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đoàn gửi thư mời sẽ vào trước bàn thờ Quan Thánh Đế quân dâng hương, cần báo nhiệm vụ đã thực hiện hoàn thành.

- Ngày thứ nhất (ngày 10 tháng Giêng)

+ Lễ nghinh Thần

Lễ nghinh Thần là hoạt động mở đầu cho lễ hội chùa Ông, đây

(1) Theo Sớ thỉnh chư Thần ở các cơ sở thờ tự cùng xuất du đến tham dự lễ hội chùa Ông, Sớ thỉnh do chùa Ông cung cấp.

là hoạt động đặc sắc riêng có của cộng đồng người Hoa, với sự tham gia của các đoàn rước và cung nghinh kim thân, linh vị, hương linh các chư Thần được người Hoa, người Việt tôn thờ trong các cơ sở tín ngưỡng ở địa phương. Cung nghinh kim thân Đức Quảng Trạch Tôn Vương thờ ở Phụng Sơn tự, kim thân Đức Ông Trần Thượng Xuyên thờ ở đình Tân Lâm - người có công lớn trong việc khai mở xây dựng thương cảng Cù lao Phố - Biên Hòa. Cung nghinh linh vị Thiên Hậu Thánh mẫu thờ ở Thiên Hậu cung, linh vị tổ nghề Lỗ Ban Tiên Sư thờ ở miếu Tổ Sư. Cung thỉnh hương linh Đức Ông Quan Thánh Đế quân thờ ở Quan Đế miếu Biên Hòa. Cung nghinh linh hương Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh - người công lớn trong việc an định biên cương lãnh thổ về phương Nam tại đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Cung nghinh linh hương Thành hoàng bốn cảnh thờ ở đình Bình Quan - vị thần được dân làng tôn thờ bảo vệ cuộc sống bình yên của dân làng.

Lúc 6 giờ 30 phút Ban Trị sự thực hiện nghi lễ thỉnh kim thân Đức Quan Thánh Đế quân lên kiệu tuần du. Lễ vật dâng trước bàn thờ Đức Quan Thánh Đế là 1 cặp đèn cầy, 3 cây hương lớn, 1 lư trầm, 3 chung nước.

Ban Trị sự trong lễ phục áo dài gấm truyền thống Trung Hoa màu vàng nhạt, bên ngoài khoác thêm áo dài tay, cổ tròn màu xanh, thắt nút từ trên xuống, đầu đội nón quả bí màu xanh giống màu của áo khoác ngoài, trên vai đeo dây chéo màu đỏ viền vàng có hàng chữ Hoa lớn *“Biên Hòa Thất Phủ cổ miếu Quan Thánh Đế quân Thắng hội”*. Tất cả nghiêm trang đứng trước bàn thờ Đức Quan Thánh Đế quân. Dẫn lễ đọc sớ trình Quan Thánh Đế quân và Quan Bình Thái tử, Châu Đại Tướng quân, Thiên Hậu Thánh mẫu, Kim Hoa Nương nương, Ngũ Hành Thánh mẫu, Quán Thế Âm Bồ Tát, Bao Công Thừa Tướng, Tể Thiên Đại Thánh... lên kiệu đi tuần du trên một số con đường trong thành phố Biên Hòa.

Nội dung sớ thỉnh chư Thần ở chùa Ông xuất du: *“Hôm nay mừng 10 tháng Giêng năm.... Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu Biên Hòa tề tựu trước điện thờ Quan Thánh Đế quân xin dâng các lễ vật: Hương hoa,*

trái cây, trầm hương, bảo trúc (đèn cây), trà thơm, rượu lễ, thành tâm kính bái (trống và chuông cùng đánh 3 hồi, 4 tiếng).

Cung thỉnh: Quan Thánh Đế quân, Quan Bình Thái tử, Châu Đại Tướng quân, Thiên Hậu Thánh mẫu, Kim Hoa Nương nương, Ngũ Hành Thánh mẫu, Quán Thế Âm Bồ Tát, Bao Công Thừa Tướng, Tể Thiên Đại Thánh, chư Thánh hiền khai cơ tổ. Di giá (lên kiệu) du hành qua các con đường trong thành phố Biên Hòa. Đồng thời nguyện cầu Quan Thánh Đế quân và Chư đại Tôn thần phù hộ độ trì cho mưa thuận gió hòa quốc thái dân an, Nhân dân bá tánh an cư lạc nghiệp”⁽¹⁾.

Sau khi đọc sớ trình, trống, chuông, nhạc cổ Triều Châu cùng nổi nhịp. Quản tự chùa thỉnh Kim thân Quan Thánh Đế quân từ khám thờ trong chánh điện, Trưởng Ban Trị sự, Trưởng Ban Tổ chức lễ hội chùa Ông đón kim thân và rước kim thân Đức Ông từ trong chùa đi ra ngoài theo hướng tay phải. Cùng rước kim thân Quan Thánh Đế quân là một số thành viên của Tiểu ban nghi lễ bê lư trầm, đèn cây, hương lớn, đôi hia (giày) của Đức Ông, theo sau là Quan Bình, Châu Xương⁽²⁾. Khi rước kim thân Đức Ông đi ra bá tánh chấp tay đứng hai bên cung nghinh kim thân.

Kim thân Quan Thánh Đế quân ra khỏi cửa chùa thì có lọng che, đoàn rước kiệu Đức Ông đi nghinh thần gồm có 2 người hóa trang thành Quan Bình và Châu Xương, 4 người đưa kiệu là những thanh niên khỏe mạnh trong trang phục áo thun (trên áo thun có in dòng chữ Thất Phủ cổ miếu Biên Hòa bằng tiếng Trung và tiếng Việt), bên cạnh 4 người đưa kiệu là 4 người hầu kiệu, họ là những người lớn tuổi, đại diện của 4 Hội quán người Hoa trong lễ phục áo dài truyền thống.

(1) Theo Sớ thỉnh chư vị Tôn thần ở Chùa Ông đi xuất du, do Chùa Ông cung cấp.

(2) Những người hóa trang phải làm lễ dâng hương trước bàn thờ Đức Quan Thánh Đế quân xin phép được phép hóa trang thành các nhân vật. Quan Bình là con nuôi của Quan Công và Châu Xương là người theo hầu Quan Công, hai nhân vật thường được phối thờ cùng Quan Công.

Thành phần tham gia các đoàn rước đều tương đối giống nhau. Đi đầu các đoàn là cờ Tổ quốc, theo sau lần lượt là bảng tên các đoàn (một mặt tiếng Việt, một mặt tiếng Hoa tên đoàn nghinh Thần), đại kỳ (cờ lớn) của các hội quán, hoành phi (một mặt tiếng Việt, một mặt tiếng Hoa), đội nhạc phèng la (theo từng Hội quán), cờ hội, đội hầu (hổ) trong trang phục hóa trang, các nhân vật hóa trang gắn với văn hóa người Hoa như Quan Âm, Hồng Hải Nhi, Tứ Đại Thiên Vương, Bát tiên, Thất tiên, Tam Thái tử, Kim Hoa Nương nương, Ngũ Hành Nương nương, Bao Công và tùy tùng, Thiên lý nhân, Thuận phong nhĩ... Sau các nhân vật hóa trang là các cô gái rải hoa cầm lồng đèn trong trang phục áo dài sườn xám. Quan trọng nhất trong mỗi đoàn là kiệu và bàn hương án tùy theo Hội quán, đi sau kiệu lộng là đội Rồng, cuối cùng của các đoàn nghinh thần là cộng đồng theo Hội quán và bá tánh đến tham dự lễ hội. Những năm gần đây lễ hội chùa Ông còn có các thần tướng như: Tứ đại Thiên vương, Phúc Đức Chánh Thần, Thần Tài, Tam Tra (Na Tra, Kim Tra, Mộc Tra), Nhị tiên, Tam Đa (Phúc, Lộc, Thọ)... các thần tướng cao lớn, sinh động đi cùng các đoàn nghinh thần làm cho không khí lễ hội thêm phong phú.

Các đoàn đi nghinh thần theo hai lộ trình đường thủy (trên sông Đồng Nai) và đường bộ (trên các tuyến đường trong nội ô thành phố Biên Hòa). Sở dĩ người Hoa tổ chức nghinh thần theo lộ trình đường thủy với các mục đích. Một là nghinh thần trên sông Đồng Nai để kính nhớ Đức ông Trần Thượng Xuyên và các vị tiền hiền xưa kia đã đi trên 50 chiếc thuyền theo sông Đồng Nai đến Cù lao Phố lập nghiệp và sinh sống. Thứ hai, đi trên đường sông Đồng Nai cũng là để tái hiện lại một loại hình giao thông phổ biến trước đây “*trên bên dưới thuyền*” tại thương cảng Cù lao Phố, một thương cảng giao thương sầm uất nhất phương Nam vào cuối thế kỷ XVII và hơn nửa đầu thế kỷ XVIII. Người Hoa tổ chức nghinh thần theo lộ trình đường bộ với mục đích, đưa Đức ông Quan Thánh Đế quân đi tuần du nhằm quan sát cuộc sống của người dân và ban phước lành cho Nhân dân ngày càng sung túc, nhà nhà hạnh phúc, xã hội phồn vinh; đồng thời đưa Đức ông Quan Thánh Đế quân đi tuần du trên các tuyến đường bộ cũng là để đáp ứng nguyện vọng của người Hoa, mong được nghinh

đón Đức Ông trước nhà và ban phúc cho gia đình họ⁽¹⁾.

Các đoàn nghinh thần đường sông và đường bộ cùng gặp nhau tại bến sông Nguyễn Văn Trị, sau đó các đoàn cung nghinh chư Thần đi theo các tuyến đường vòng quanh chợ Biên Hòa rồi trở về chùa Ông.

Các đoàn nghinh thần đi đường thủy

Các đoàn đi theo đường thủy gồm có: Đoàn chùa Ông rước kim thân Đức Ông Quan Thánh Đế quân; đoàn Hội quán Phước Kiến rước kim thân Quảng Trạch Tôn Vương; đoàn Hội quán Quảng Đông rước bàn hương án, hương linh Đức Ông Quan Thánh Đế quân (Quan Đế miếu Biên Hòa); đoàn Hội quán Triều Châu rước bàn hương án, linh vị Tiền hiền của Hội quán Triều Châu.

Các đoàn đi theo đường thủy đều là chủ thể thực hành lễ hội, đi trên 8 chiếc phà lớn được trang trí cờ ngũ sắc. Lúc 7 giờ các phà xuất phát theo đường sông, đi đầu là 2 phà chở đoàn chùa Ông (đi đầu là đoàn khai lộ cầm cờ Tổ quốc và cờ hội, đi sau là phà chở kiệu Quan Thánh Đế quân), phà thứ ba của Hội quán Triều Châu, 2 phà tiếp sau là đoàn của Hội quán Quảng Đông; phà thứ sáu và bảy chở đội nhạc Triều Châu và đoàn Lân - Sư - Rồng; phà đi cuối cùng là phà của Hội quán Phước Kiến rước kim thân Đức Ông Quảng Trạch Tôn Vương. Đây là khoảnh khắc linh thiêng của lễ hội các phà lướt trên mặt sông Đồng Nai gợi nhớ năm 1679 Đức Ông Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch dẫn đầu 3.000 người, đi trên 50 chiếc thuyền từ Phú Xuân tiến vào Biên Hòa cập bến Bàn Lân định cư lập nghiệp.

Các đoàn nghinh thần đi đường bộ

3 đoàn nghinh thần trên tuyến đường bộ gồm: Đoàn Hội quán Sùng Chính (Bửu Long) cung nghinh linh vị Lỗ Ban Tiên Sư từ miếu Tổ Sư ở phường Bửu Long; đoàn Sùng Chính (Biên Hòa) cung nghinh linh vị Thiên Hậu Thánh mẫu từ Thiên Hậu cung ở phường Hòa Bình; đoàn Ban Quý tế của đình Tân Lân cung nghinh kim thân Đức Ông

(1) Theo giải thích của ông Huỳnh Hữu Nghĩa - Quyền Trưởng Ban trị sự Thất Phủ cổ miếu.

Trần Thượng Xuyên xuất phát từ đình Tân Lâm. Trong 3 đoàn nghinh Thần theo đường bộ thì có 2 đoàn là chủ thể thực hành lễ hội gồm đoàn Sùng Chính (Biên Hòa) và đoàn Sùng Chính (Bửu Long), còn lại đoàn Ban Quý tế của đình Tân Lâm là khách mời tham gia vào hoạt động lễ hội.

Lúc 7 giờ đoàn Hội quán Sùng Chính (Bửu Long) cung nghinh Lỗ Ban Tiên Sư xuất phát từ di tích miếu Tổ Sư (phường Bửu Long) đi theo đường bộ Huỳnh Văn Nghệ - Nguyễn Văn Trị đến tập kết tại bến phà Nguyễn Văn Trị.

Lúc 7 giờ 20 phút đoàn Sùng Chính (Biên Hòa) cung nghinh Thiên Hậu Thánh mẫu xuất phát từ Thiên Hậu cung (phường Hòa Bình), đi bộ theo các tuyến đường Quang Trung - Phan Chu Trinh tập kết tại bến phà Nguyễn Văn Trị.

Lúc 7 giờ 20 phút đoàn Ban Quý tế đình Tân Lâm cung nghinh kim thân Đức Ông Trần Thượng Xuyên xuất phát từ đình Tân Lâm (phường Hòa Bình), đi theo đường Nguyễn Văn Trị đến tập kết tại bến phà Nguyễn Văn Trị.

Tất cả 3 đoàn theo đường bộ đều tập kết tại bến phà Nguyễn Văn Trị vào lúc 7 giờ 30 phút. Sau khi các đoàn đi đường sông và đi đường bộ cùng tập kết trên đường Nguyễn Văn Trị thì sắp xếp theo thứ tự cung nghinh Đức Quan Thánh Đế quân, cùng các chư Thần đi trên một số tuyến đường vòng quanh chợ Biên Hòa.

Nghinh Thần qua một số tuyến đường tại chợ Biên Hòa

Các đoàn cung nghinh các thần linh tuần du quanh khu chợ Biên Hòa với ý nghĩa để các chư thần thị sát dân tình, hiểu những nỗi khó khăn vất vả, vui mừng trước sự phát triển và ban phước lành để cuộc sống của Nhân dân ngày càng sung túc, xã hội phồn vinh và quê hương giàu đẹp.

Thời gian nghinh Thần trên một số tuyến đường tại chợ Biên Hòa thường diễn ra từ lúc 8 giờ và kết thúc lúc 9 giờ 30 phút. Đi đầu là đoàn khai lộ (cầm cờ Tổ quốc và cờ lễ hội). Sau là các đoàn theo thứ tự đoàn Hội quán Phước Kiến với kim thân Đức Ông Quảng Trạch

Tôn Vương, đoàn Hội quán Sùng Chính Biên Hòa với Thiên Hậu Thánh mẫu, đoàn Hội quán Sùng Chính Bửu Long với linh vị Lỗ Ban Tiên sư, đoàn Ban Quý tế đình Tân Lâm với kim thân Đức Ông Trần Thượng Xuyên, đoàn Hội quán Quảng Đông và đoàn Hội quán Triều Châu với bàn hương án, cuối cùng là đoàn chùa Ông với kiệu Đức ông Quan Thánh Đế quân.

Các đoàn nghinh Thần đi theo các tuyến đường bắt đầu từ bến phà Nguyễn Văn Trị đến đường Võ Tánh - Nguyễn Hiền Vương - Lê Thánh Tôn - Nguyễn Thị Hiền - Phan Chu Trinh, sau cùng lại trở lại điểm xuất phát (bến phà) Nguyễn Văn Trị.

Các đoàn diễu hành vòng quanh các tuyến phố ở chợ Biên Hòa, kết hợp với các tiết mục hóa trang thành các nhân vật như: Kim Hoa Nường nường, Ngũ Hành Nường nường, Quan Bình, Châu Thương, Quan Âm Bồ tát, Thái Bạch Tinh quân, Phước Đức Chánh thần, Bao Công Thừa tướng, Triển Chiêu, Công Tôn Sách, Vương Triều, Mã Hán, Trương Long, Triệu Hổ... cùng các tiết mục trình diễn múa dân gian như gánh hoa, thất tiên nữ, bát tiên, đi cà kheo, múa lân, múa hầu, múa rồng, biểu diễn nhạc cổ truyền... diễu vòng quanh các tuyến phố. Nhân dân hai bên đường phố đa phần đều lập bàn hương án trước nhà với đầy đủ hương đèn, bánh trái, heo quay... vui mừng cung kính các vị tiền hiền, các chư Thần và Đức Quan Thánh Đế quân ghé thăm chúc phúc, qua đó gửi gắm lời nguyện cầu năm mới an khang, phúc lành và may mắn.

Các đoàn trở về di tích chùa Ông

Lúc 9 giờ 30 phút, các đoàn theo thứ tự trở về chùa Ông theo đường sông và đường bộ. Các đoàn đường sông gồm: Đoàn chùa Ông, đoàn Hội quán Quảng Đông, đoàn Hội quán Triều Châu, đoàn Hội quán Phước Kiến, đoàn Ban Quý tế đình Tân Lâm theo đường sông trở về bến sông trước chùa Ông. Đi đầu là đoàn chùa Ông, các đoàn khác theo sự bố trí của Ban Tổ chức. Các đoàn theo đường bộ gồm: Đoàn Hội quán Sùng Chính Biên Hòa, đoàn Hội quán Sùng Chính Bửu Long.

Các đoàn đi đường thủy cập bến sân trước cổng chùa, theo thứ tự của Ban điều hành, các phà không cập bến một lúc mà theo thứ tự lên bờ theo 2 bến. Đoàn chùa Ông lên bờ vào chùa trước tiên, Ban lễ từ chùa ra đón kim thân Đức Quan Thánh Đế quân. Trong lúc thỉnh kim thân Đức Ông tiến vào sân chùa thì các nhạc cụ trống, chuông, phèng la... cùng nổi lên vang dội không gian ngôi chùa. Kim thân Đức Quan Thánh Đế quân được thỉnh lên an vị tại khám thờ của Ngài. Sau đó người dẫn lễ đọc chúc văn an vị Quan Thánh Đế quân, Ban lễ của chùa Ông cùng thực hiện nghi thức tam khấu đầu.

Lễ an vị chư Thần

Sau lễ nghinh Thần, Ban Trị sự chùa Ông cung nghinh đưa kim thân, linh vị và linh hương an vị: Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh, Thành hoàng bốn cảnh Đình Bình Quan, Đức Ông Quảng Trạch Tôn Vương, Đức Ông Quan Thánh Đế quân, Thiên Hậu Thánh mẫu và các vị Tổ nghề an vị tại bàn thờ Hội đồng trong chính điện.

Đoàn Phước Kiến rước kiệu kim thân Đức Ông Đức Quảng Trạch Tôn Vương vào chùa. Tiểu ban lễ cử 3 người ra đón đoàn Phước Kiến, đại diện đoàn Phước Kiến thỉnh kim thân Quảng Trạch Tôn Vương tiến đến bàn hội đồng, đại diện ban lễ chùa Ông đón kim thân Đức Quảng Trạch Tôn Vương đặt lên bàn Hội đồng. Người xướng lễ đọc chúc văn an vị Đức Quảng Trạch Tôn Vương, đoàn Phước Kiến cùng ban lễ của chùa Ông thực hiện nghi thức tam khấu đầu.

Đoàn Sùng Chính Biên Hòa rước kiệu linh vị Thiên Hậu Thánh mẫu vào chùa. Tiểu ban lễ chùa Ông cử 3 người ra đón đoàn Sùng Chính, đại diện đoàn Sùng Chính thỉnh linh vị Thiên Hậu Thánh mẫu tiến vào bàn Hội đồng, đại diện ban lễ chùa Ông đón linh vị đặt lên bàn Hội đồng. Người dẫn lễ đọc chúc văn an vị Thiên Hậu Thánh mẫu, đoàn Sùng Chính cùng ban lễ của chùa Ông thực hiện nghi thức tam khấu đầu.

Đoàn Sùng Chính Bửu Long rước kiệu linh vị Lỗ Ban Tiên Sư vào chùa. Tiểu ban lễ chùa Ông cử 3 người ra đón đoàn Sùng Chính, đại diện đoàn thỉnh linh vị Lỗ Ban Tiên Sư vào bàn Hội đồng, đại diện ban lễ chùa Ông đón linh vị đặt lên bàn Hội đồng. Người dẫn lễ

đọc chúc văn an vị Lỗ Ban Tiên Sư, đoàn Sùng Chính Bửu Long cùng ban lễ của chùa Ông thực hiện nghi thức tam khấu đầu.

Đoàn Ban Quý tế đình Tân Lâm rước kiệu kim thân Đức Ông Trần Thượng Xuyên vào chùa. Đại diện Ban lễ của chùa Ông cử 3 người ra đón. Trưởng Ban Quý tế đình Tân Lâm đội kim thân Đức Ông Trần Thượng Xuyên trên đầu đi vào chùa trước bàn Hội đồng, đại diện Ban lễ chùa Ông đón kim thân Đức Ông Trần Thượng Xuyên lên bàn Hội đồng. Người dẫn lễ đọc chúc văn an vị Đức Ông Trần Thượng Xuyên, Ban Quý tế đình Tân Lâm cùng ban lễ của chùa Ông thực hiện nghi thức tam khấu đầu.

Hội quán Phước Kiến được phân công của Ban Tổ chức đến cung thỉnh hương linh Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh. Lúc 10h40, đoàn do Hội quán Phước Kiến phụ trách đến cung thỉnh hương linh Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh từ đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Đại diện Ban Quý tế đền thực hiện nghi thức tam khấu đầu trước bàn thờ Thần và thỉnh 3 cây hương lớn từ lư hương đưa cho đại diện đoàn Phước Kiến, đoàn Phước Kiến rước hương linh Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh về chùa Ông tham dự. Về đến chùa Ông đại diện ban lễ cử 3 người ra đón hương linh Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh cắm lên lư hương lớn trên bàn Hội đồng. Người dẫn lễ đọc chúc văn an vị hương linh Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh, Ban Quý tế đền Nguyễn Hữu Cảnh cùng ban lễ của chùa Ông thực hiện nghi thức tam khấu đầu.

Hội quán Quảng Đông đến cung thỉnh hương linh Thành hoàng làng tại đình Bình Quan (đình thờ Thành hoàng của người Việt). Lúc 10 giờ 50 phút, đoàn do Hội quán Quảng Đông phụ trách đến cung thỉnh hương linh Thành hoàng làng đình Bình Quan. Đại diện Ban Quý tế đình thực hiện nghi thức tam khấu đầu trước bàn thờ Thần và lấy linh vị từ bàn thờ Thần đưa cho đại diện đoàn Quảng Đông rước linh vị Thành hoàng làng về chùa Ông tham dự lễ hội. Về đến chùa Ông đại diện ban lễ cử 3 người ra đón linh vị đưa lên bàn Hội đồng. Người dẫn lễ đọc chúc văn an vị Thành hoàng làng, Ban Quý tế đình Bình Quan cùng ban lễ của chùa Ông thực hiện nghi thức tam khấu đầu.

Lễ tuần du thỉnh kim thân Đức Ông cùng các kim thân, hương vị các vị thần quanh các tuyến đường trong khu vực chợ Biên Hòa ngày 10 tháng Giêng thật sự là ngày hội văn hóa với đa sắc màu của cộng đồng người Hoa thể hiện qua trang phục dân tộc, gánh hoa chúc tụng, gánh liễn chúc thọ, xếp hình nghệ thuật, biểu diễn trích đoạn Lân - Sư - Rồng, đi cà kheo, các thần tượng hóa trang thành các nhân vật phổ biến gắn với văn hóa người Hoa... Sự đa dạng phong phú của các đoàn nghinh Thần, vừa huyền ảo lại vừa trật tự, được trình diễn theo thời điểm và thời gian tạo thành tâm điểm của lễ hội như một bữa tiệc nghệ thuật đường phố, rực rỡ sắc màu và âm thanh, thu hút hàng ngàn người tham gia hưởng ứng.

Xuyên suốt những ngày diễn ra lễ hội, trong khuôn viên sân chùa Ông luôn có các đội Lân - Sư - Rồng của người Hoa ở Biên Hòa và người Hoa từ Thành phố Hồ Chí Minh đến biểu diễn. Đối với người Hoa, Lân - Sư - Rồng là những con vật biểu trưng cho tinh thần thượng võ, sự may mắn trong năm. Cùng với tiếng chuông trống rộn ràng, Lân - Sư - Rồng xuất hiện với những bước nhảy vui tươi, bằng những động tác khéo léo, uyển chuyển, mạnh mẽ, dũng cảm biểu diễn các bài như: Mai hoa thung, sư tử hí cầu, long tranh châu, long đoạt châu... Những đường quyền, động tác võ thuật dứt khoát kết hợp với biểu diễn Lân - Sư - Rồng thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc, mang đến cho du khách thêm niềm tin mạnh mẽ, vượt qua mọi trở ngại trong năm mới. Bên cạnh đó, hình ảnh ông Địa hóa trang trong biểu diễn Lân - Sư - Rồng chính là sự kết hợp văn hóa hài hòa Việt - Hoa. Ông Địa gài gùi, trêu ghẹo bá tánh tạo thêm sự gài gùi thân mật. Múa Lân - Sư - Rồng là bộ môn nghệ thuật dân gian truyền thống của cộng đồng người Hoa, biểu diễn trong dịp lễ hội chùa Ông góp phần giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân gian, dân tộc, tạo nên quang cảnh nhộn nhịp, nhiều màu sắc, thu hút khách quan tham gia dự lễ hội.

Tham gia cùng với đoàn nghinh Thần của Hội quán Phước Kiến, còn có đội Hầu 6 con biểu diễn trên đường phố, họ là người Hoa thuộc Hội quán Phước Kiến từ tỉnh Bình Dương được mời đến tham dự lễ hội. Ngoài ra, vào buổi chiều ngày (11 tháng Giêng) trong lúc

Hội quán Phước Kiến thực hiện nghi lễ cúng Đức Ông Quan Thánh Đế quân trong chùa, thì bên ngoài sân chùa Ông đội Hầu biểu diễn cho cộng đồng tham dự thưởng thức. Hầu được xem là linh vật của người Phước Kiến và múa hầu chính là nét đặc sắc riêng của người Hoa Phước Kiến. Hầu có hình dáng đầu hổ, mình rắn, chân nai, đuôi bò gọi là tứ bất tướng, là con vật đáng sợ theo trí tưởng tượng của người xưa.

+ Lễ cáo yết, khai hội

Nghi lễ diễn ra bắt đầu lúc 18 giờ. Không gian diễn ra nghi lễ bên trong sân chùa Ông. Tham dự buổi lễ có đông đảo lãnh đạo tỉnh, thành phố và địa phương cùng cộng đồng Hoa - Việt dâng lễ. Chương trình lễ cáo yết, khai hội diễn ra với nhiều hoạt động: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, phát biểu khai mạc của Trưởng Ban Tổ chức lễ hội, phát biểu chào mừng và tặng hoa của lãnh đạo UBND tỉnh Đồng Nai, chương trình nghệ thuật chào mừng của Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai, phát động gây quỹ vì người nghèo của Ban Tổ chức lễ hội...

Lễ vật cúng Trời gồm có lục⁽¹⁾ trai gồm 6 món: Chôm chôm, táo tàu, nấm tuyết, nấm đông cô, rong biển, bún tàu; 6 chén chè đậu trắng; 6 chén xôi vò đậu xanh; ngũ quả 5 đĩa trái cây (quýt đường, măng cầu, thanh long, táo đỏ, xoài); 3 chung trà, 3 chung rượu, 1 tô nước lớn, 1 cặp bánh phát, 1 đĩa bánh bao, 5 cành hoa có 5 màu (trắng, đỏ, vàng, xanh, hồng), 5 xấp giấy vàng, 1 cặp đèn cây, 3 hương lớn dài 1,2 mét... Sau khi bày biện lễ vật, hương, đăng, hoa quả, bánh trái trên bàn thờ cúng Trời sau lư hương đại ở sân chùa. Ban Trị sự và lãnh đạo khách mời đứng trước bàn lễ vật. Người dẫn lễ đọc văn tế Trời trước bằng song ngữ tiếng Hoa trước tiếng Việt sau.

Trong không khí trang nghiêm và liêng thiêng cùng tiếng trống, tiếng chuông khai lễ, Ban Tổ chức cùng lãnh đạo tỉnh, thành phố, địa phương, các đại biểu và Nhân dân thành kính cử hành nghi thức

(1) Người Hoa rất coi trọng con số 6, số 6 là con số tốt, số 6 đọc theo tiếng Hoa là “lục” (có nghĩa là “lộc”).

cúng trời với hương trầm nghi ngút, dâng hoa, quả, trà, rượu, cầu cho quốc thái dân an, xã tắc an bình và năm mới hanh thông.

Sớ cúng Trời có nội dung: *“Hôm nay mừng 10 tháng Giêng năm... Ban Trị sự chùa Ông thực hiện nghi thức cúng Trời kính chúc cho lễ hội chùa Ông năm.... (Nổi chuông, trống). Cung thỉnh: Hoàng Thiên Hậu Thổ, Quan Thánh Đế quân và Chư đại Tôn thần giáng lâm. Long Thiên Tứ Phước (Trời ban phước lành)”*.

Người dẫn lễ mời Trưởng Ban Trị sự dâng cặp đèn cây lớn, mời 5 đại biểu cùng Trưởng Ban Trị sự dâng hương lớn lên Trời Đất.

Người dẫn lễ tiếp tục đọc Sớ: *“Hôm nay tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, nước Việt Nam, Ban Trị sự chùa Ông Biên Hòa và quý đại biểu tề tựu tại khuôn viên bốn miếu xin dâng các lễ vật: Hương hoa, trái cây, trầm hương, bảo trúc (đèn cây), trà thơm, rượu lễ, lục trai (sáu món đồ chay), lộc phẩm thành tâm kính bái. Cung vọng Hoàng Thiên Hậu Thổ, Quan Thánh Đế quân và Chư đại Tôn thần hoan hỉ hưởng nhận các lễ vật. Nguyên cầu Hoàng Thiên Hậu Thổ, Quan Thánh Đế quân và Chư đại Tôn thần phù hộ độ trì cho: Mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, Nhân dân bá tánh an cư lạc nghiệp, cảnh thổ thăng bình thương nghiệp hưng long, công nghiệp phát triển, nông nghiệp bội thu, gia môn địch cát lão ấu an vui, tinh thần thuận thái, vận mệnh hanh thông, nam tăng bách phước nữ nạp thiên tường, tử thời vô tai bát tiết hữu khánh, phúc tinh phổ chiếu nhà nhà khang thái, con cháu hiếu thảo thời đại thịnh vinh, vạn chúng ngưỡng vọng trời cao phụ trì, vinh hoa phú quý phúc thọ vô cương. Ban Trị sự chùa Ông Biên Hòa đồng cẩn cáo”⁽¹⁾*.

Các thành viên trong Ban Trị sự, Ban Tổ chức và đại biểu khách mời lại lần lượt dâng lễ vật theo thứ tự, 5 đại biểu dâng hoa, 6 đại biểu dâng lục trai, 6 đại biểu dâng xôi chè, 3 đại biểu dâng bánh phát và bánh bao, 5 đại biểu dâng ngũ quả, 1 đại biểu dâng vàng bạc, 3 đại biểu dâng trà, rượu, cuối cùng tất cả đại biểu về vị trí thực hiện nghi lễ tam khấu đầu, kết thúc nghi lễ.

(1) Theo Sớ cáo yết khai hội do Ban Trị sự chùa Ông cung cấp.

Sau khi lễ cáo yết khai hội là chương trình văn nghệ, hát những bài hát ca ngợi đất nước, mừng xuân vui tươi, đờn ca tài tử, các tuồng tích cổ phục vụ bà con bá tánh, cầu chúc cho cuộc sống an bình, xã hội vui tươi, nhân dân bá tánh thêm niềm tin trong năm mới, tất cả hòa vào không gian văn hóa tạo nên sức sống cho mùa Xuân.

- Ngày thứ hai (ngày 11 tháng Giêng)

+ Lễ vía Đức Ông Quan Thánh Đế quân (do các Hội quán thực hiện).

Các Hội quán thực hiện nghi lễ cúng vía Đức Quan Thánh Đế quân. Thời gian diễn ra nghi lễ cúng vía Ông của các Hội quán cả ngày thứ hai và buổi sáng ngày thứ ba. Các Hội quán tiến hành các nghi thức cúng vía Đức Quan Thánh Đế quân đều theo một cách thức, dưới sự điều hành của Tiểu ban lễ.

Lễ vật dâng cúng do mỗi Hội quán chuẩn bị, nhưng thường có 3 cây hương lớn, 1 cặp đèn cây, 1 con heo quay, bánh bông lan, bánh bò, bánh bao, trái cây (ngũ quả), 5 chung trà và 5 chung rượu. Sau khi bày biện lễ vật hương, đăng, hoa quả, bánh trái trên bàn thờ cúng Đức Ông Quan Thánh Đế quân trước bàn Hội đồng. Ban Trị sự, Ban tế tự và các Hội quán cộng đồng người Hoa tham dự lễ cúng.

Các đại diện Hội quán vào dâng hương trong lễ phục truyền thống của Hội quán mình⁽¹⁾. Người dẫn lễ đọc sớ trình Đức Quan Thánh Đế quân. Sớ có nội dung: *Hôm nay tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, nước Việt Nam, Ban Trị sự và cộng đồng Hội quán... tề tựu trước điện thờ Quan Thánh Đế quân xin dâng các lễ vật: ...thành tâm kính bái. Cung vọng Quan Thánh Đế quân và Chư*

(1) Lễ phục truyền thống Hội quán Quảng Đông là áo dài cổ đứng, màu hồng, bên ngoài mặc thêm áo màu xanh, đầu đội nón quả bí màu xanh. Hội quán Sùng Chính Bửu Long là áo dài cổ tròn, màu xanh lam. Hội quán Sùng Chính Biên Hòa là áo dài cổ tròn, màu xanh lam bên ngoài mặc thêm áo màu xanh, đầu đội nón quả bí màu xanh. Hội quán Phước Kiến là áo dài cổ đứng, xẻ giữa có nút thắt, màu vàng nhạt. Hội quán Triều Châu là áo dài, cổ đứng, màu đen, bên ngoài mặc thêm chiếc áo ngắn tay, giữa có nút thắt, màu đỏ đen.

đại Tôn thần hoan hỉ hưởng nhận lễ vật. Nguyên cầu Quan Thánh Đế quân và Chư đại Tôn thần phù hộ độ trì cho: Mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, Nhân dân bá tánh an cư lạc nghiệp, cảnh thổ thăng bình thương nghiệp hưng long, công nghiệp phát triển, nông nghiệp bội thu, gia môn địch cát, lão ấu an vui, tinh thần thuận thái vận mệnh hanh thông, nam tăng bách phước nữ nạp thiên tường, tứ thời vô tai bát tiết hữu khánh, phúc tinh phổ chiếu nhà nhà khang thái, con cháu hiếu thảo thời đại thịnh vinh, vạn chúng ngưỡng vọng trời cao phụ trì, vinh hoa phú quý phước thọ vô cương.

Sau khi đọc sớ, đại diện các Hội quán dâng đèn, hương và lễ vật. Trong không khí linh thiêng và âm vang của nhạc cụ chuông, trống, các Hội quán và cộng đồng cùng cầu Đức Quan Thánh Đế quân, các chư Thần ban bình an, may mắn, hạnh phúc cho mỗi gia đình và cho cả cộng đồng.

Thứ tự và thời gian các Hội quán lễ vía Quan Thánh Đế quân:

Hội quán Quảng Đông cúng vía Quan Thánh Đế quân từ lúc 7 giờ đến 8 giờ 30.

Hội quán Sùng Chính Bửu Long cúng vía Quan Thánh Đế quân từ lúc 8 giờ 30 đến 10 giờ.

Hội quán Sùng Chính Biên Hòa cúng vía Quan Thánh Đế quân từ lúc 10 giờ đến 11 giờ 30.

Hội quán Phước Kiến cúng vía Quan Thánh Đế quân từ lúc 13 giờ 30 đến 15 giờ.

Trong khi Hội quán Phước Kiến thực hiện nghi lễ cúng vía Quan Thánh Đế quân bên trong chùa Ông, thì bên ngoài là đội nhạc lễ Phước Kiến do Đoàn cổ nhạc Mân Nam biểu diễn nhạc cụ, phục vụ cộng đồng bá tánh tham dự lễ hội thưởng thức. Nhạc lễ Phước Kiến là hệ thống âm nhạc pha lẫn dân gian và cung đình của người Hoa Phước Kiến. Cơ cấu cổ nhạc chia làm văn - võ, võ là nhạc khí có âm

lượng lớn, vẫn là nhạc khí có âm vực cao⁽¹⁾. Nhạc lễ Phước Kiến mang lại không khí linh thiêng và vui tươi cho người đến tham dự lễ hội.

Cùng với các nghi thức cúng vía Đức Quan Thánh Đế quân, bên trong sân chùa là các hoạt động biểu diễn nghệ thuật viết thư pháp cả chữ Hoa và chữ Việt của các nhà thư pháp từ các câu lạc bộ thư pháp ở Biên Hòa và Thành phố Hồ Chí Minh. Biểu diễn thư pháp, thư họa tái hiện khung cảnh cho chữ đầu Xuân, một nét đẹp văn hóa dân gian trong dịp Tết cổ truyền của dân tộc. Hoạt động mang ý nghĩa tôn vinh cái đẹp, khuyến khích tinh thần hiếu học, đạo lý làm người với tư tưởng, tìm về bản sắc văn hóa của cộng đồng người Hoa và người Việt ở vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Du khách đến với không gian giao lưu thư pháp vừa được tận mắt chiêm ngưỡng những nét bút phóng khoáng kỳ tài của nghệ nhân, lại vừa được mang về những bức thư họa, thư pháp với nội dung thể hiện ước nguyện phúc lộc tràn đầy, an khang thịnh vượng, may mắn cát tường, hay những chữ: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín...

- Ngày thứ ba (ngày 12 tháng Giêng)

Hội quán Triều Châu tiếp tục thực hiện nghi thức cúng vía Đức Quan Thánh Đế quân, thời gian từ lúc 7 giờ đến 8 giờ 30, nghi thức và cách thức tiến hành giống các Hội quán khác.

Sau Hội quán Triều Châu là Ban Quý tế đình Tân Lân cúng vía Đức Quan Thánh Đế quân. Lễ cúng diễn ra từ lúc 9 giờ đến 10 giờ. Lễ vật của của đình Tân Lân dâng trước Đức Quan Thánh Đế quân là 3 cây hương lớn, 1 cặp đèn cây, trà rượu và 1 mâm trái bưởi⁽²⁾.

(1) Nhạc văn gồm: Hồ (1 cặp), nhị hồ (1 cặp), trúc hồ 1 cây, đại nhị hồ 1 cây, nguyệt cầm 1 chiếc, tỳ bà 1 cây, tần cầm 1 chiếc, động tiêu 1 cây, sáo 1 đến 4 cặp... Nhạc lễ Phước Kiến thiên về yếu tố khí, tính uyển chuyển cao, yếu tố trình diễn nghệ thuật cao hơn yếu tố nghi lễ.

(2) Theo lý giải của ông Lâm Văn Lang, Trưởng Ban Quý tế đình Tân Lân thì bưởi là sản vật nổi tiếng của người Việt ở vùng đất Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu cho nên Ban Quý tế đình hàng năm đều đem bưởi đến dâng Đức Ông Quan Thánh Đế quân.

Lễ phục của Ban Quý tế đình Tân Lâm là áo dài màu xanh, đầu đội khăn đóng màu đen, riêng trưởng Ban Quý tế và niệm hương thì mặc áo dài màu đỏ, đầu đội khăn đóng màu đen. Ban Quý tế đình khoảng 60 người, nam đứng trước, nữ đứng sau nghiêm trang đứng trước bàn Hội đồng. Trưởng Ban Quý tế và niệm hương, dâng hương, các thành viên còn lại dâng các loại lễ vật lên bàn thờ Hội đồng, nam dâng trước, nữ dâng sau.

Nhằm tạo không gian vui chơi bổ ích cho cộng đồng và du khách trong những ngày đầu Xuân, Ban Tổ chức lễ hội chùa Ông tổ chức một số trò chơi dân gian như: Kéo co, nhảy bao bố, nhảy dây... Các trò chơi dân gian không chỉ là vui chơi, mà còn là môn thể thao rèn luyện sức khỏe và mang tính đồng đội cao. Tại lễ hội chùa Ông các Hội quán tham gia thi đua, tranh tài với với nhau, các Hội quán đều đăng ký trước, ngoài ra còn có sự tham gia giao lưu, thi đấu của Đoàn Thanh ở địa phương (nơi di tích chùa Ông đứng chân). Các trò chơi đem lại niềm vui, sự thoải mái cho mọi người khi tham dự lễ hội. Qua lễ hội chùa Ông tạo nên sự gắn kết cộng đồng Việt - Hoa và mang lại niềm hân hoan cùng những tiếng cười sảng khoái cho mọi người.

Cùng thời gian Hội quán Triều Châu thực hiện nghi thức cúng vía Đức Ông Quan Thánh Đế quân, thì bên ngoài sân chùa đội nhạc cổ Triều Châu biểu diễn cho cộng đồng thưởng thức. Đội nhạc cổ Triều Châu do Nghiệp đoàn cổ nhạc Triều Quân từ Thành phố Hồ Chí Minh đến tham dự và trình diễn. Nhạc cụ cổ nhạc Triều Châu có đại la cổ. Cổ (trống) được xem là chủ lệnh, giữ nhịp trong dàn nhạc. La bố trí theo âm dương đối xứng, có Thanh Long và Bạch Hổ, kèm các cờ lệnh. Hai đại la cũng là phó lệnh trong dàn đại la cổ. 20 tiểu la bố trí vòng tròn khi biểu diễn, hoặc 2 hàng khi diễu hành để tạo âm thanh khuếch tán. 6 cặp chập chĩa, 2 cặp tiêu nhỏ hoặc 5 cặp kèn điểmuyệt âm vực. Đội nhạc cổ Triều Châu không chỉ biểu diễn tại chùa Ông, mà còn tham gia diễu hành trên phố trong ngày nghinh Thần, tạo nên không khí náo nhiệt cho lễ hội.

Trong các ngày lễ hội, vào buổi tối tại sân chùa Ông luôn có các chương trình nghệ thuật biểu diễn tuồng cổ, hát Quảng do các đoàn Nghệ thuật truyền thống người Hoa (Đoàn Ca múa nhạc Hoa Sen, Đoàn Ca kịch Thống Nhất Quảng Đông...). Ngoài ra, Ban Tổ chức lễ

hội còn mời các đoàn hát tuồng cổ ở địa phương (Đoàn Ngọc Khanh, Đoàn Thu Ba...) đến tham dự phục vụ lễ hội. Những tuồng tích truyền thống của Trung Quốc được các diễn viên thể hiện liên quan đến các nhân vật lịch sử anh hùng, đề cao tinh thần đạo đức: Nhân, lễ, nghĩa và lòng thủy chung. Phần diễn tuồng cổ, hát Quảng luôn thu hút đông đảo người dân đến xem và thưởng thức; đồng thời việc mời các đoàn hát tuồng cổ người Việt tham dự ở lễ hội, còn thể hiện sự giao lưu văn hóa, tinh thần đoàn kết giữa người Hoa và người Việt ở địa phương.

- *Ngày thứ tư (ngày 13 tháng Giêng)*

+ *Lễ cầu an*

Lễ cúng cầu an được tổ chức theo cách truyền thống. Không gian lễ hội diễn ra trong sân chùa, có bàn hương án với hoa quả, hương, đèn. Bên trên bàn thờ là hình ảnh Đức Phật, dưới là lễ vật lục trai bày trên bàn gồm: Mì, cơm, bánh phát, bánh bao hình trái đào, nước; trái cây: Quýt, nho, măng cầu, thơm, bưởi... Lúc 5 giờ, 30 các sư thầy chủ buổi lễ, các đoàn Phật tử, đại diện Ban Tổ chức lễ hội, đại diện các Hội quán người Hoa ở Biên Hòa tham gia hầu kinh trong không khí trang nghiêm. Lễ cúng cầu an với ý nghĩa là báo cho các vị thần linh chứng giám tấm lòng thành của cộng đồng, cầu chúc cho cuộc sống luôn tốt đẹp, thịnh vượng, cho Thiên - Địa - Nhân (Trời - Đất - Con người) luôn hòa hợp.

+ *Lễ vía Đức Ông Quan Thánh Đế quân (do Ban Trị sự chùa Ông, Ban Tổ chức lễ hội, đại diện các Hội quán và cộng đồng cùng thực hiện).*

Sau lễ cúng cầu an, Ban Trị sự chùa Ông, Ban Tổ chức lễ hội, đại diện các Hội quán và cộng đồng cùng thực hiện nghi lễ cúng vía Quan Thánh Đế quân hiển thánh. Lễ vật bày trước bàn Hội đồng trong chùa Ông gồm: 1 cặp đèn cây lớn, 5 chung trà, 5 chung rượu, giấy tiền vàng bạc, 6 cây hương (8 tấc), 5 bình bông (5 màu vàng, đỏ, xanh, hồng, trắng). Tam sên, 3 heo quay, 3 cá diêu hồng chiên, 3 gà luộc, 6 chén chay khô (nấm đông cô, nấm tuyết, nấm kim châm, tàu hũ ky khô, táo tàu, bún tàu); 1 cặp bánh phát, 1 đĩa bánh bao.

Dẫn lễ đọc sớ cúng, có nội dung: *“Hôm nay ngày 13 tháng Giêng năm... Ban Trị sự chùa Ông Biên Hòa kính chúc cho lễ hội chùa Ông năm ...Kỷ niệm ngày Đức Quan Thánh Đế quân hiển thánh. Cung thỉnh: Quan Thánh Đế quân, Quan Bình Thái tử, Châu Đại Tướng quân... Chư Thánh hiền Khai cơ Tổ và Chư đại Tôn thần. Kính dâng Thánh Đế, hao khí xông trời, lòng son thấu trời, phò chính thống mà làm rạng tín nghĩa, lừng lẫy cứu châu, hoàn thành đại tiết đốc lòng trung thành, anh linh chiếu sáng muôn đời, dẹp ma trừ giặc, công huân rực rỡ nhiều đời, dạy dân thức đời, lời minh huấn thâm nhuần hoàn vũ, phò vua trợ nước, đức quảng thiên hạ. Long Thiên Tứ Phước (Trời ban phúc lành)”⁽¹⁾.*

Trống chiêng vang ba hồi sau đó Ban Trị sự, Ban Tổ chúc lễ hội, đại diện các Hội quán lần lượt dâng đèn, hương, hoa, lục trai, tam sên, ngũ quả, bánh, vàng bạc, trà rượu.

+ Nghi thức thả phúc khí cầu

Nghi thức thả phúc khí cầu cũng là hoạt động quan trọng của lễ hội chùa Ông. Phúc khí cầu là bong bóng buộc thành chùm (trong đó 7 chùm bóng to nhất tượng trưng cho 7 bang). Các chùm bóng nhiều màu sắc đều kết theo những nguyện ước của bá tánh như *“phong điều, vũ thuận”* (gió điều hòa, mưa phù hợp), mừng năm mới an khang, cầu gia đạo an bình, người người ấm no hạnh phúc, cây cối tươi tốt, vạn vật sinh sôi nảy nở...

Không gian diễn ra nghi lễ là bên trong sân chùa. Trưởng Ban Tổ chúc lễ hội đọc chúc văn thể hiện ước nguyện đầu năm của bá tánh trăm họ.

Nội dung chúc văn: *“Không gian vũ trụ bao la không chỉ là bầu khí quyển mệnh mông trong xanh mang lại khí trời trong lành cho cuộc sống, mà còn là chất xúc tác cho vạn vật sinh sôi, cây trái nảy mầm xanh; nơi ngự trị của Ngọc Hoàng Thượng đế và các chư tôn*

(1) Theo Sớ cúng vía Quan Thánh Đế quân hiển thánh do Ban Trị sự Chùa Ông cung cấp.

Thần luôn dõi theo từng sinh hoạt cuộc sống nhân gian. Nguyên cầu và ước nguyện đầu năm của bá tánh trăm họ là: Phúc lộc an Khang; quốc thái dân an; mưa thuận gió hòa; mùa màng tốt tươi; nhân quần kết đoàn; xã hội an bình; gia đình sum họp; vui tươi hạnh phúc; sáng rực lòng nhân ái, xua tan dịch bệnh; thấp sáng ngọn lửa yêu thương kết đoàn, xua tan đổ ập nhỏ nhen trong cuộc sống; vì cộng đồng, chung lưng đấu cật xây cuộc sống ấm no thuận hòa và hạnh phúc. Với ước nguyện đó, hôm nay ngày... tháng... năm..., tức 13 tháng Giêng năm..., Ban Trị sự chùa Ông cùng bá tánh chiêm bái tại chùa Ông, với lòng thành, tin tưởng trời cao tổ chức lễ thả phúc khí cầu.

Mong thay: Mỗi quả phúc khí cầu, một tấm lòng niềm tin vào đấng cao sanh. Mỗi quả phúc khí cầu, một tấm lòng thành của nhân quần bá tánh. Mỗi quả phúc khí cầu, xua tan mây u tối, dịch bệnh, tai ương.

Xin Ngọc Hoàng Thượng đế cùng các chư tôn Thần chứng giám”⁽¹⁾.

Sau chúc văn, chuông, trống cùng nổi lên, đại diện Ban Tổ chức cắt dây thả chùm phúc khí cầu lớn, các đại biểu và bá tánh cùng đồng loạt thả các chùm phúc khí cầu nhỏ. Hàng trăm chùm phúc khí cầu đủ màu sắc bay lên trời xanh, mang theo những ước nguyện của Nhân dân bá tánh về hạnh phúc, gia đạo, sức khỏe, thịnh vượng cho bản thân, gia đình và đất nước. Trên bầu trời trong xanh, hàng ngàn quả bóng đủ màu sắc bay cao, tạo nên không gian đầy sắc màu tươi vui trong ngày lễ hội.

+ Lễ cầu an thả hoa đăng

Nghi thức cầu an thả hoa đăng là hoạt động tín ngưỡng tâm linh, là điểm nhấn của lễ hội, cũng chính là nghi thức khép lại các hoạt động của lễ hội Chùa Ông. Không gian diễn ra nghi lễ là bên trong sân chùa và đoạn sông Đồng Nai trước mặt tiền chùa Ông. Tham dự nghi lễ có đại biểu khách mời, bá tánh và du khách thập phương.

(1) Chúc văn thả phúc khí cầu năm 2022, do Ban Trị sự Chùa Ông cung cấp.

Vào lúc 14 giờ các nhà sư cùng Phật tử đứng trước bàn thờ Phật Tam Bảo và thất Phật Dược Sư⁽¹⁾, tụng kinh cầu xin Thủy thần và chư vị tôn Thần chứng giám để dòng sông Đồng Nai cuốn đi những khó khăn, tai ương, dịch bệnh, mang về những điều may mắn trong năm mới.

Trước khi tiến hành nghi thức thả hoa đăng, Trưởng Ban Tổ chức lễ hội đại diện cho cả cộng đồng đọc chúc văn.

Chúc văn có nội dung: *“Sông Đồng Nai linh thiêng uốn khúc từ thượng nguồn mang theo bao khát vọng của sự sống ngàn đời. Sông Đồng Nai với nhiều chi lưu hợp thành như biểu trưng cho khối kết đoàn bền vững của dân tộc bao đời. Dòng sông mang theo, lắng đọng và đưa phù sa bồi đắp cho đất đai, mùa màng tươi tốt. Sông mang dòng nước trong lành cho sự sống của muôn người, muôn nhà, muôn vật. Sông đưa người, đưa thuyền về bến; sông tạo cảnh quan để cuộc sống thêm tươi vui; kết đoàn để dựng xây bao công trình di tích; sông cuốn phăng đi ôn dịch, bệnh tật... ra biển khơi; sông lập bao chiến tích vì hòa bình, độc lập.*

Đêm ngày... tháng... năm..., nhằm 13 tháng Giêng năm..., Ban Trị sự chùa Ông cùng các Hội quán, bá tánh chiêm bái, vãng cảnh cùng tổ chức đêm thả hoa đăng trên sông Đồng Nai. Những đóa hoa đăng sẽ trôi theo con nước, dòng sông yên bình. Mỗi cánh hoa đăng lung linh trên sóng nước nhẹ nhàng, là lòng thành của bá tánh với nguyện ước quốc thái dân an, xã hội phồn vinh, nhân quần hạnh phúc.

Thủy thần và chư vị tôn Thần chứng giám để sông sẽ cuốn đi những tai ương, dịch bệnh, mang về những điều may mắn trong năm mới. Sông Đồng Nai an bình cho cuộc sống vươn cao sung túc, ấm êm. Mong lòng thành của bá tánh được ứng linh. Năm ... vạn an, ơn trên cho Biên Hòa - Đồng Nai phát triển sung túc”⁽²⁾.

(1) Thất Phật gồm: 2 Thiện Danh Xưng Cát Tường Vương Như Lai, 2 Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai, 3 Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai.

(2) Chúc văn thả hoa đăng, do Ban Trị sự chùa Ông cung cấp.

Hoa đăng đã được Ban Tổ chức và cộng đồng chuẩn bị trước, có 7 hoa đăng lớn tượng trưng cho 7 phủ của người Hoa trước đây và hàng trăm hoa đăng trung, tượng trưng cho số năm thành lập chùa Ông và nhiều hoa đăng nhỏ đủ màu sắc. Trên các hoa đăng người dân viết lời ước nguyện, cầu bình an và ký tên. Tham gia thả hoa đăng gồm có Ban Trị sự, Ban Tổ chức, các nhà sư, một số Phật tử lên 2 chiếc phà, rời bến ngược dòng sông Đồng Nai, đem theo tất cả hoa đăng thả xuống giữa dòng sông Đồng Nai. Trong khi 2 chiếc phà rời bến, cộng đồng bá tánh đến bến sông trước chùa Ông, thả những ngọn hoa đăng nhỏ cho trôi theo dòng nước. Mỗi ngọn hoa đăng trôi theo dòng nước, như mang theo những ước nguyện thiện lành, cầu cho quốc thái dân an, âm siêu dương thái, cầu cho một năm mới an khang thịnh vượng, ấm no hạnh phúc cho muôn nhà. Nghi thức thả hoa đăng cũng chính là nghi thức cuối cùng khép lại lễ hội chùa Ông trong niềm hân hoan của Nhân dân và bá tánh.

Trong tiến trình lịch sử mở mang vùng đất Nam Bộ, cộng đồng người Hoa cùng với người Việt đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Lễ hội chùa Ông Cù lao Phố (Biên Hòa, Đồng Nai), mang tính liên tục gắn liền với dấu ấn lịch sử văn hóa của người Hoa trong quá trình xây dựng, phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Lễ hội chùa Ông được tổ chức hàng năm với nhiều nghi lễ trang nghiêm, phần hội luôn sôi động và phong phú, thu hút đông đảo cộng đồng người Hoa, người Việt tham dự. Nhân dân đến với lễ hội được tham dự các nghi lễ linh thiêng, cũng như được tham gia các trò chơi dân gian, được thưởng thức các chương trình văn hóa nghệ thuật. Nhưng quan trọng nhất mà cộng đồng, Nhân dân đến tham dự lễ hội chùa Ông có được là việc gửi gắm tâm tư tình cảm đến các chư Thần, giúp mỗi người thỏa mãn nhu cầu tâm linh, cũng như nhu cầu tinh thần, thông qua các hoạt động như: Được thực hiện nghi thức dâng hương, được dâng lễ vật, được tham gia thả phước khí cầu, được tham gia thả hoa đăng, được thỉnh vòng nhang cầu an, được rước lộc Đức Ông Quan Thánh Đế quân về nhà... Trong suốt thời gian qua, Ban Trị sự, Ban Tổ chức lễ hội chùa Ông đã làm tốt công tác tổ chức hoạt động lễ hội, thu hút Nhân dân đến lễ

bái và nhập hội, từ đó đã góp phần bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa, Đồng Nai.

Trong những ngày diễn ra lễ hội chùa Ông, Ban Quản lý các di tích có thờ Quan Thánh Đế quân trong vùng (như ở Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Thuận, Mỹ Tho) và hơn 30 Ban Quý tế các đình, miếu ở Biên Hòa đều có hình thức dâng lễ, chia sẻ cộng đồng. Người dân địa phương tự nguyện đến dâng lễ vật, thắp hương, thọ lộc, phóng sanh, tham gia thả hoa đăng, phúc khí... mỗi người thể hiện lòng tin theo cách của mình. Các mâm ẩm thực theo phong cách cổ truyền Hoa - Việt cũng được chuẩn bị bằng sự đóng góp tài vật của bá tánh, tài nghệ bếp núc của dân gian và tấm lòng hiếu khách, rộng mở của người địa phương.

3. Không gian văn hóa liên quan đến lễ hội chùa Ông

Trong khi phần lễ được thực hiện tại chùa Ông, song hành là phần hội diễn ra trong không gian ở ngoài sân chùa. Các chương trình vui chơi giải trí, sân khấu hóa phục dựng lại cảnh Chưởng cơ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh và Đức Ông Trần Thượng Xuyên đến vùng đất Bàn Lân (nay là Biên Hòa - Đồng Nai) khai hoang mở cõi, lập làng. Các chương trình văn nghệ, đoàn Lân - Sư - Rồng tham gia biểu diễn, đặc biệt là giao lưu văn nghệ với các đoàn từ Thành phố Hồ Chí Minh... các nhà thơ pháp tham dự và tặng chữ. Các trò chơi dân gian, các hoạt động ở ngoài sân chùa đã thu hút đông đảo cộng đồng Hoa - Việt địa phương và khách du lịch, tạo nên không khí vui tươi phấn khởi tự hào cho người dân.

Trong nghi lễ nghinh Thần không gian lễ hội diễn ra trên một đoạn sông Đồng Nai dài khoảng 2km từ chùa Ông đến chợ Biên Hòa và một số tuyến đường tại thành phố như: Đỗ Văn Thi, Nguyễn Thành Phương, Hà Huy Giáp, Hưng Đạo Vương, Phan Đình Phùng, Phan Chu Trinh, Võ Tánh, Nguyễn Hiền Vương, Lê Thánh Tôn, Nguyễn Thị Hiền, Phan Chu Trinh, Nguyễn Văn Trị, Cách mạng Tháng Tám... ngập tràn không khí lễ hội đường phố. Cùng hòa vào không gian văn hóa lễ hội chùa Ông là điểm đến tại một số đình, đền, miếu, tham gia

nginh Thần và đưa kim thân, linh vị, hương linh chư thần đến chùa Ông tham dự lễ hội.

Một số đình, đền, miếu tổ chức đoàn rước kiệu kim thân, linh vị và linh hương chư Thần đến chùa Ông tham dự lễ hội như: Đình Tân Lâm, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Bình Quan, Phụng Sơn tự, miếu Quan Đế, Thiên Hậu cung và miếu Tổ Sư.

Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (tên gọi đình Bình Kính), thuộc khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Đền được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX thờ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Trong tâm thức của người dân Nam Bộ nói chung không chỉ xem Nguyễn Hữu Cảnh là bậc công thần, mà còn xem ông như một nhân thần phù hộ cho Nhân dân. Đền thờ và mộ Nguyễn Hữu Cảnh được Bộ Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia (Quyết định 457/QĐ ngày 25/3/1991). Hiện nay, đình vẫn lưu giữ 3 đạo sắc phong vào các năm: Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức. Trưa ngày đầu tiên của lễ hội, Hội quán Phước Kiến đại diện cho Ban Tổ chức lễ hội chùa Ông đến thỉnh hương linh Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh đến chùa Ông tham dự lễ hội.

Đình Tân Lâm tại đường Nguyễn Văn Trị, khu phố 1, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa. Đình được khởi dựng vào đầu thế kỷ XVIII, thờ Đô đốc Tướng quân Trần Thượng Xuyên, người có công trong việc khai phá đất đai, xây dựng thương cảng Cù lao Phố sầm uất bậc nhất phương Nam vào thế kỷ XVII-XVIII. Đối tượng phối thờ là Ngũ Hành Nương nương, Thổ thần, Tiên bói Việt Nam, Tiên bói Trung Hoa... Đình Tân Lâm có kiến trúc kiểu chữ Tam với 3 nếp nhà nối tiếp nhau theo thứ tự Tiền đình rồi đến Chánh điện và Hậu cung. Đây là một cơ sở tín ngưỡng dân gian mang đậm dấu ấn văn hóa Hoa - Việt, từ kiến trúc nghệ thuật đến lễ hội truyền thống. Đình Tân Lâm được Bộ Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử và nghệ thuật cấp quốc gia (Quyết định số 457/QĐ ngày 25/3/1991). Trong ngày đầu tiên của lễ hội, Ban Quý tế đình Tân Lâm rước kim thân Đức Ông Trần Thượng Xuyên đến chùa Ông tham dự lễ hội.

Đình Bình Quan thuộc khu phố Tam Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Đình được xây dựng vào thế kỷ XIX, thờ Thần Thành hoàng bốn cảnh. Phối thờ tại đình có các ban thờ Tả ban, Hữu ban, Thổ thần, Tiên sư, Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ... Trong phạm vi đình còn có miếu thờ Ngũ Hành Nương nương. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình là nơi hoạt động bí mật của cách mạng. Đình Bình Quan đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xếp hạng là di tích lịch sử cấp tỉnh (Quyết định số 6527/QĐ.CTUBT ngày 21/12/2004). Trong dịp lễ hội chùa Ông, Hội quán Quảng Đông đại diện cho Ban Tổ chức lễ hội chùa Ông đến rước linh vị Thành hoàng làng tại đình Bình Quan đến tham dự lễ hội chùa Ông.

Thiên Hậu cổ miếu (miếu Tổ Sư) tọa lạc tại số 30, đường Huỳnh Văn Nghệ, khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, được xây dựng vào năm 1680. Miếu được xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống Trung Hoa, có 4 vách xung quanh, giữa có sân thiên tỉnh. Hầu hết các hạng mục xây dựng tại miếu như: Tường, cột, bàn thờ, khám thờ, tượng thờ, lư hương, bình bông, bát hương, hoành phi, phù điêu trang trí, tượng linh vật trang trí... đều bằng đá xanh Bửu Long. Miếu thờ 3 vị Tổ nghề (nghề đá, nghề gốm, nghề mộc) của người Hoa là Ngũ Đẳng Tiên sư, Lỗ Ban Tiên sư và Uất Trì Tiên sư. Đáo lệ 3 năm một lần, Thiên Hậu cổ miếu tổ chức Lễ hội Làm Chay vía Tổ nghề rất lớn kéo dài từ ngày 10 đến 13 tháng 6 âm lịch, với nhiều nghi thức mang tính chất của Đạo giáo Trung Hoa. Miếu Tổ Sư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xếp hạng là Di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh (Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 28/3/2008).

Phụng Sơn tự được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, tọa lạc tại số 101, đường Cách mạng Tháng Tám, khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa. Đây là Hội quán sinh hoạt của người Hoa Phước Kiến ở thành phố Biên Hòa. Đối tượng thờ cúng chính tại Phụng Sơn tự là Đức Ông Quảng Trạch Tôn Vương. Thời bình sinh, ông giúp dân dẹp loạn, sau khi chết ông hiển linh bảo vệ dân, nên người Hoa ở Phước Kiến suy tôn ông làm bậc thánh minh, gọi danh xưng là Quách Thánh vương (còn cách gọi khác là Quảng Trạch vương).

Miếu Quan Đế tọa lạc tại số 11, đường Quang Trung, khu phố 1, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa. Cộng đồng người Hoa bang Quảng Đông ở Biên Hòa xây dựng vào năm 1919. Gian giữa thờ Quan Thánh Đế quân, phối thờ Châu Xương, Quan Bình, Tiên hiền và Khổng Tử, Mã Đầu Tướng quân, Thần Tài, Thổ Địa. Ở miếu có hệ thống bao lam, hoành phi, liên đối chữ Hán được chạm lõng sắc nét trên nền gỗ, đá tạo vẻ uy nghiêm cho ngôi miếu.

Thiên Hậu cung tọa lạc tại số 20 đường Quang Trung, khu phố 1, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa. Cộng đồng người Hoa Sùng Chính xây dựng năm 1873, là Hội quán của người Hoa bang Sùng Chính ở Biên Hòa. Thiên Hậu cung gồm một trệt một lầu. Tầng dưới được dùng làm chánh điện chia làm 3 khu vực thờ tự, giữa là khám thờ bà Thiên Hậu Thánh mẫu; bên trái là khám thờ Quan Thánh Đế quân, Châu Xương, Quan Bình; bên phải là khám thờ Kim Hoa Nương nương. Quanh tường của chánh điện được bài trí các bức hoành phi chạm lõng rất đẹp. Tầng trên của Thiên Hậu cung được xây cao hình tháp tạo dáng như một cung thờ.

Nghĩa từ Triều Châu cũng chính là Hội quán Triều Châu, nơi sinh hoạt hội họp của cộng đồng người Hoa Triều Châu ở thành phố Biên Hòa. Khuôn viên đất nghĩa từ rộng khoảng 30.000m², được người Hoa Triều Châu góp tiền mua vào năm 1957, năm 1960 người Hoa Triều Châu xây dựng ngôi nhà Từ đường để thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất. Hàng năm cộng đồng người Hoa Triều Châu tổ chức cúng giỗ tổ tiên 4 lần, vào các thời gian khác nhau: Tiết Nguyên tiêu ngày 15 tháng Giêng, tiết Thanh minh khoảng ngày 4 tháng 5 dương lịch, tiết Trung nguyên ngày 15 tháng 7 âm lịch và tiết Đông chí khoảng ngày 22 tháng 12 dương lịch. Trong dịp lễ hội chùa Ông, người Hoa Triều Châu không rước linh vị hay linh hương tại nghĩa từ Triều Châu, mà người Hoa Triều Châu rước kiệu Tiên hiền tại chùa Ông đi tuần du trên sông Đồng Nai.

Chợ Biên Hòa gắn sự hình thành và phát triển, hưng thịnh vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, chủ nhân là người Hoa và người Việt. Trước đây, chợ Biên Hòa là nơi diễn ra giao thương buôn bán trên quy mô lớn, với vai trò của một trung tâm buôn bán, chi phối hoàn toàn các

hoạt động buôn bán của hệ thống chợ vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Chợ Biên Hòa có rất nhiều tiểu thương người Hoa buôn bán, cho nên dịp lễ hội chùa Ông có hoạt động rước Đức Ông Quan Thánh Đế quân vòng quanh một số tuyến đường tại chợ Biên Hòa, để tiểu thương và cộng đồng hai bên đường nghinh bái.

Sông Đồng Nai, không gian lễ hội chùa Ông còn lan tỏa trên một đoạn sông Đồng Nai, từ trước Chùa Ông đến chợ Biên Hòa, dài khoảng 2km. Trong lễ nghinh Thần sáng ngày đầu tiên diễn ra lễ hội, trên đoạn sông Đồng Nai một số chiếc phà lớn được trang hoàng với cờ hoa lộng lẫy, các hội đoàn người Hoa trong trang phục truyền thống, lướt trên mặt sông Đồng Nai như gợi nhớ cảnh hơn 340 năm trước Đức Ông Trần Thượng Xuyên dẫn đầu đoàn người Hoa từ Phú Xuân vào Biên Hòa định cư. Ngày cuối cùng của lễ hội chùa Ông, bến sông Đồng Nai trước chùa lại trở nên huyền ảo, hàng ngàn ngọn hoa đăng lung linh xuôi theo dòng nước sông Đồng Nai như mang tất cả những điều xấu đi xa, đồng thời chờ đón những điều kỳ diệu mới, ấm no hạnh phúc trong tương lai.

4. Giá trị của lễ hội chùa Ông đối với cộng đồng

4.1. Giá trị lịch sử

Quá trình thực hành lễ hội chùa Ông là minh chứng quan trọng về những giai đoạn lịch sử của cộng đồng người Hoa di cư đến vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng và Nam Bộ nói chung trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Qua lễ hội giúp cho chúng ta xác định được những cột mốc lịch sử, những đóng góp của cộng đồng người Hoa đối với vùng đất mới. Lớp người Hoa di cư đến vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ năm 1679, những năm về sau không chỉ là nhân tố quan trọng tạo nên sự sầm uất thương mại ở Nam Bộ mà còn có công lớn cùng chúa Nguyễn và người Việt xác định chủ quyền của Việt Nam ở vùng đất này. Trong quá trình di dân, họ đã mang theo văn hóa tín ngưỡng từ quê nhà, kết hợp với bản sắc văn hóa vùng đất mới đã tạo nên nét đặc trưng của cộng đồng người Hoa. Điều này phản ánh quá trình hòa nhập của người Hoa vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam, mà tiêu biểu là người Việt, quá trình này diễn ra liên tục trong hòa

bình, hòa hợp và thân thiện, cùng góp sức vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Quá trình thực hành lễ hội chùa Ông gắn liền với những diễn biến lịch sử của địa phương, đất nước về mặt chính trị, kinh tế, xã hội... Quy mô, phương thức tổ chức của lễ hội phụ thuộc tùy vào tình hình, đặc điểm xã hội trong từng giai đoạn lịch sử; qua lễ hội được tổ chức, giúp chúng ta đánh giá được phần nào diễn biến lịch sử địa phương. Điều này dễ nhận thấy, vào buổi đầu khởi dựng, những giai đoạn chiến tranh... cộng đồng người Hoa và các cư dân ở địa phương tổ chức lễ hội chùa Ông ở mức độ phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội lúc đó. Về sau, khi tình hình xã hội ổn định, kinh tế tương đối phát triển, công việc buôn bán phát đạt... thì quy mô, hình thức tổ chức ngày càng đầy đủ, hoàn thiện, phong phú hơn.

Trong lễ hội chùa Ông, nhiều nhân vật lịch sử có những đóng góp cho quê hương, đất nước Việt Nam như Trần Thượng Xuyên, Nguyễn Hữu Cảnh... được tái hiện thông qua các hoạt động tuần du, nghinh Thần hay tái hiện các điển tích, điển cố, những sự kiện lịch sử liên quan đến nhân vật ấy qua những tiết mục văn nghệ được trình diễn trong những ngày tổ chức lễ hội. Thông qua hoạt động ấy đã giáo dục cho các thế hệ hiện tại và mai sau hiểu biết về cội nguồn lịch sử, văn hóa của dân tộc mình.

4.2. Giá trị văn hóa

4.2.1. Giá trị văn hóa phi vật thể

- Lễ hội chùa Ông không chỉ là lễ hội dân gian truyền thống đặc sắc của người Hoa mà còn được coi là di sản văn hóa chung của đại gia đình các dân tộc Việt Nam và của các dân tộc trên thế giới. Lễ hội chùa Ông là minh chứng sống động trong việc bảo tồn và phát huy nét văn hóa truyền thống của dân tộc Hoa - Việt, thể hiện ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc của cộng đồng và góp phần làm phong phú kho tàng di sản văn hóa Việt Nam đa dạng và giàu bản sắc. Cư dân ở Đồng Nai hội nhập từ tứ xứ, tha hương ở vùng đất mới để kiếm sống nhưng khó thiết lập những quan hệ bền chặt cho nên rất trân trọng tình cảm “*đồng cảnh ngộ*”, nhiều lúc nó thiêng liêng hơn quan

hệ họ hàng. Vì chung nỗi niềm xa xứ mà cư dân Việt, Hoa dễ dàng đồng cảm, hòa hợp với nhau, Tổ tiên, Thần thánh, niềm tin của người Hoa gốc Phước Kiến, Quảng Đông cùng một hệ nông nghiệp nên thâm nhập vào thần điện cư dân Việt khá dễ dàng và ngược lại. Đó là lý do người Hoa, người Việt không phân biệt, cùng chung niềm tin thiêng liêng trong lễ hội chùa Ông. Đó cũng là biểu hiện của bản sắc đẹp trong văn hóa Việt Nam, nhất là ở Nam Bộ: Tích hợp văn hóa đa nguồn, chung sống an lành trong tín ngưỡng đa hệ.

- Lễ hội chùa Ông được tổ chức nhằm tưởng nhớ, thể hiện lòng biết ơn của cộng đồng đối với các vị Thần, Thánh đã phù hộ, độ trì cho người Hoa trong đời sống thường nhật và công việc. Đây là đạo lý *“uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”* truyền thống đạo đức tốt đẹp của cộng đồng người Hoa, người Việt và các dân tộc anh em khác đang sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Lễ hội chùa Ông là dịp để bá tánh bày tỏ lòng tri ân đối với các vị thần đã có công bảo vệ, phù hộ xóm làng, tri ân các vị tiền hiền, hậu hiền, các anh linh chiến sĩ, liệt sĩ có công bảo vệ quê hương, đất nước.

- Lễ hội chùa Ông đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh của cộng đồng các dân tộc đang sinh sống không chỉ ở vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, mà còn cả trong và ngoài nước. Nhìn vào cách thờ tự và cúng tế diễn ra tại chùa Ông, chúng ta nhận thấy tính thực tiễn này của cộng đồng các dân tộc rất cao. Nhiều vị thần được thờ tự trong chùa, với mong muốn các vị thần này phù hộ cho họ về mọi mặt trong cuộc sống. Thờ cúng Quan Công ngoài việc tượng trưng cho sự trung hiếu tiết nghĩa còn mong vị thần này giúp cho gia đình được bình yên. Thờ cúng Bà Thiên Hậu là mong phù hộ cho họ được bình an sau những chuyến hải trình xa xôi. Thờ cúng Phật Bà Quan Âm là mong cứu khổ cứu nạn, giải trừ tai ách. Thờ cúng Phước Đức Chính Thần là cầu mong sự nghiệp hanh thông, buôn bán phát đạt. Theo quan niệm dân gian của cư dân Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung, vào đầu năm âm lịch, mọi người phải đến đủ ít nhất 10 ngôi chùa, miếu để lễ bái Thần thánh, cầu mong cả năm gia đình hanh thông, mạnh khỏe. Trong các điểm đến lễ bái đầu năm, chùa Ông và lễ hội chùa Ông là nơi nhất định phải đến lễ bái. Ngoài

ra, trong lễ hội, mọi người bày tỏ lòng tri ân đối với các vị thần đã có công bảo vệ, phù hộ xóm làng, tri ân các vị tiền hiền, hậu hiền, các anh linh chiến sĩ, liệt sĩ có công bảo vệ quê hương, đất nước. Đây là những biểu tượng đặc trưng cho sự khát vọng của dân tộc Hoa, dân tộc Việt về cuộc sống ngày càng tốt đẹp, phồn thịnh hơn.

- Mặt khác, lễ hội chùa Ông là nơi gửi gắm tâm tư, tình cảm của cộng đồng, là không gian văn hóa thỏa mãn nhu cầu nhiều mặt của đời sống tâm linh. Trong đời sống, có nhiều điều còn khúc mắc, chưa hài lòng với nhau, nhưng đứng trước các thần linh trong một không gian thiêng của lễ hội, dường như mọi người đều quên hết hiềm khích với nhau, tất cả cùng chung tay góp sức lo thờ cúng. Từ đó, trong tâm họ sẽ trở nên bình lặng hơn, tất cả vì cái chung, gác lại chuyện riêng tư, gần gũi nhau hơn, đoàn kết nhau hơn. Hơn thế nữa khách thập phương đến chùa Ông lễ bái, cầu nguyện rất phong phú và đa dạng, từ người nghèo, kẻ giàu, từ người dân buôn gánh bán bưng đến những người có điều kiện trong cuộc sống, đủ mọi dân tộc, mọi tầng lớp trong xã hội. Chung quy lại, mọi người đến với lễ hội chùa Ông nhằm mục đích cầu khẩn, mong ước được cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an khang và thịnh vượng. Chính niềm tin vào các vị thần đã giúp người dân giải tỏa những căng thẳng tâm lý, xoa dịu nỗi đau tinh thần, làm tăng thêm nghị lực, vững vàng vượt qua khó khăn nếu có gặp trong cuộc sống; đồng thời giúp gắn kết cộng đồng các dân tộc ở vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xích lại gần nhau, không phân biệt dân tộc, không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt tầng lớp xã hội. Lễ hội chùa Ông đã trở thành sợi dây vô hình nối liền quá khứ, hiện tại và tương lai.

- Lễ hội chùa Ông còn biểu hiện cụ thể tính cố kết cộng đồng, tính hòa hợp dân tộc, tinh thần đoàn kết, hòa thuận, gắn bó giữa các dân tộc anh em chung sống trên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Đặc biệt, đối với người Hoa, người Việt, đoàn kết dân tộc luôn là đặc tính nổi bật và là truyền thống quý báu, dù ở nơi đâu tinh thần ấy vẫn luôn được gìn giữ và phát huy. Tính đoàn kết dễ dàng nhận thấy tại lễ hội chùa Ông, bởi vì lễ hội có rất nhiều hoạt động diễn ra liên tục trong 4 ngày, nên đòi hỏi cộng đồng người Hoa và một số người Việt phải có sự thống nhất cao, phối hợp nhịp nhàng thì mọi việc mới

thông suốt và hoàn thành. Các thành viên tham gia lễ hội luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, với mong muốn góp phần cho lễ hội được thành công tốt đẹp. Ngoài ra, hiện nay bá tánh đến lễ bái, tham gia các hoạt động vui chơi tại lễ hội chùa Ông thuộc nhiều dân tộc khác nhau, thu hút cả khách nước ngoài tham gia, không phân biệt dân tộc, tạo không khí tăng cường tính đoàn kết, gắn bó cộng đồng có chung niềm tin ngưỡng vọng các vị Thần, thánh đang thờ tại chùa.

- Lễ hội chùa Ông thể hiện giá trị nhân văn sâu sắc. Đó là biểu hiện của đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*”, giáo dục cho thế hệ trẻ về nhân cách, đạo đức, tâm hồn và truyền thống văn hóa dân tộc. Trong những năm qua, một hoạt động quan trọng, xuyên suốt và gắn liền với mỗi lần tổ chức lễ hội là công tác xã hội - cộng đồng. Ban Trị sự Chùa Ông luôn lấy các hoạt động xã hội như giúp đỡ người nghèo, tặng học bổng, trợ giúp học sinh nghèo hiếu học, xây nhà tình nghĩa, tình thương... là chương trình hướng tới. Đây là việc làm thiết thực, thể hiện tinh thần đoàn kết, tương trợ gắn kết cộng đồng, tất cả vì mục tiêu hướng tới cộng đồng của Ban Trị sự chùa Ông.

- Lễ hội chùa Ông không chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng, tâm linh, mà còn là không gian sinh hoạt văn hóa của người dân địa phương. Trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội, sự tồn tại của lễ hội chùa Ông đã và sẽ luôn góp phần bảo tồn, làm phong phú thêm nhiều loại hình di sản văn hóa của Nhân dân địa phương. Trong lễ hội chùa Ông, nhiều loại hình di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu, đặc trưng của cộng đồng người Hoa được thực hành. Xuyên suốt lễ hội nhiều loại hình văn hóa của cộng đồng người Hoa, người Việt được thực hành, đan xen, kết hợp với nhau được đồng đảo người dân hưởng ứng tham gia như các trò chơi dân gian (nhảy bao bố, kéo co, biểu diễn võ cổ truyền - Vovinam), trình diễn thư pháp, đờn ca tài tử...

- Đặc biệt hoạt động diễn xướng, ca múa dân gian trong các chương trình nghệ thuật, múa Lân - Sư - Rồng, tiết mục văn nghệ có nội dung gắn với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai do Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai biểu diễn. Biểu diễn tuồng cổ, cải lương Hồ Quảng, do văn nghệ sĩ Đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, Thành phố

Hồ Chí Minh thực hành. Khi tham dự vào lễ hội chùa Ông, người ta thấy rõ biểu hiện của hai quá trình: Lịch sử hóa và huyền thoại hóa nhân vật được cộng đồng thờ phụng. Những nghi thức cúng tế, những sinh hoạt truyền thống trong lễ hội làm người ta hình dung ra Quan Công và những điển tích xung quanh Ông, tất cả những “*tích*” như vậy phần nào làm sống lại hình ảnh quê hương, nguồn cội của họ. Loại hình nghệ thuật múa Lân - Sư - Rồng mang tính quần chúng, thực sự đã đem lại không khí sôi động, hào hứng trong những ngày lễ, tết vì ba linh vật này tượng trưng cho thịnh vượng, phát đạt, hạnh phúc, hanh thông. Trong dịp lễ hội tại chùa Ông, các đoàn múa Lân - Sư - Rồng, nhất là những đoàn múa sư người Hoa thường vào làm lễ dâng hương Quan Công đồng thời đóng góp nhiều tiết mục phục vụ bà con tại đây.

- Lễ hội chùa Ông còn là môi trường giáo dục văn hóa dân tộc cho các thế hệ trẻ để tiếp nối truyền thống tổ tiên cho muôn đời. Các thế hệ con cháu, đến với lễ hội sẽ được giáo dục về ý thức, ngôn ngữ, trau dồi tiếng dân tộc để không bị lãng quên; trong lễ hội họ được tận mắt chứng kiến hay tham gia thực hành các loại hình di sản sẽ học hỏi, tiếp thu các bản sắc văn hóa của dân tộc mình từ đó làm hành trang cho cuộc sống sau này để tiếp nối truyền thống cha ông. Ngoài ra, việc thờ cúng các vị Thần, Thánh trong chùa Ông là một phương tiện để giáo dục đạo đức, lòng nhân ái, truyền thống dân tộc của cộng đồng người Hoa và giữa người Hoa với các dân tộc anh em cùng sinh sống trên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Bởi lẽ những giá trị mà thông qua tín ngưỡng thờ cúng các vị thần đã trở thành những chuẩn mực của hệ thống hành vi ứng xử của cộng đồng trong đời sống xã hội, nó chế ước và điều chỉnh chung cách ứng xử của cộng đồng. Niềm tin vào tín ngưỡng các vị thần, thánh ở đây sẽ góp phần rèn luyện đạo đức con người, vì họ tin vào luật nhân quả, con người sống tốt sống có đạo đức sẽ nhận được may mắn và niềm vui trong tương lai.

4.2.2. Giá trị văn hóa vật thể

Ngoài các giá trị văn hóa phi vật thể, lễ hội chùa Ông còn là nơi gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể gắn liền với lễ hội và di

tích như hệ thống di sản tư liệu Hán Nôm, các món ăn truyền thống Hoa - Việt... Tiêu biểu trong lễ hội chùa Ông là các giá trị di sản tư liệu Hán Nôm biểu hiện qua rất nhiều văn cúng, văn tế, hệ thống di sản hoành phi, liễn đối, bài vị... gắn với di tích. Cộng đồng tham gia lễ hội đến với di tích sẽ có cơ hội tiếp xúc, chiêm ngưỡng hệ thống hoành phi, liễn đối, văn cúng, văn tế chữ Hán Nôm từ đó sẽ học hỏi, trao dồi ngôn ngữ để không bị lãng quên truyền thống văn hóa của dân tộc. Các văn cúng, văn tế viết bằng chữ Hán sử dụng trong nhiều nghi lễ suốt 4 ngày lễ hội chùa Ông diễn ra là những văn bản được kế tục qua nhiều thế hệ. Do vậy, đây chính là sợi dây liên kết giữa quá khứ với hiện tại, là nguồn tư liệu quan trọng giúp cho thế hệ hôm nay và mai sau có cơ hội tìm hiểu về cội nguồn lịch sử, văn hóa của dân tộc. Đặc biệt hơn, nội dung của hệ thống chữ Hán Nôm trên các di sản văn hóa vật thể của di tích chủ yếu là ca ngợi thần tích, điển tích, điển cố, đề cao các giá trị đạo đức, tình yêu quê hương đất nước... Do vậy, những người tham gia lễ hội sẽ lĩnh hội, học hỏi các kiến thức lịch sử, nội dung, ý nghĩa, các chuẩn mực đạo đức, mỹ từ...

Trong lễ hội chùa Ông một loại hình di sản văn hóa tồn tại xuyên suốt, gắn bó mật thiết mỗi khi tổ chức lễ hội đó là ẩm thực truyền thống người Hoa. Ẩm thực là một biểu hiện quan trọng trong đời sống con người, là một nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc. Trong lễ hội chùa Ông, ẩm thực dâng lên hương án cúng Đức Ông và các vị thần, thánh, cũng như thiết đãi bá tánh trong những ngày diễn ra lễ hội rất phong phú, đa dạng từ những vật liệu, cây trái, rau quả, gia súc gia cầm... được chế biến bằng kỹ thuật truyền thống. Như vậy, lễ hội chùa Ông là môi trường để duy trì, thực hành và quảng bá văn hóa ẩm thực truyền thống của người Hoa. Ngoài ra, lễ hội chùa Ông là dịp bảo tồn và quảng bá trang phục truyền thống dân tộc Hoa đến du khách và bá tánh tham gia lễ hội. Trong suốt quá trình tổ chức lễ hội, rất dễ nhận ra các trang phục truyền thống đặc trưng của các nhóm phương ngữ người Hoa tham gia thực hành nghi lễ cũng như phục vụ, điều hành...

4.3. Giá trị khoa học

Thông qua cách thức tổ chức lễ hội chùa Ông đã là một giá trị

khoa học bởi vì từ công tác chuẩn bị, các nghi lễ diễn ra, cách thức trình diễn (diễn xướng) trong lễ hội có sự sắp xếp rất hợp lý, đúng theo trình tự đã được kế tục qua nhiều thế hệ. Điều đặc biệt, lễ hội chùa Ông được tổ chức có sự đan xen giữa lễ và hội “*trong lễ có hội, trong hội có lễ*”. Các hoạt động lễ, hội đan xen, luôn phiên diễn ra góp phần tạo được không khí sôi động, lôi cuốn bá tánh đến vừa lễ bái, vừa thưởng thức các phần hội để thỏa mãn nhu cầu tinh thần.

Lễ hội chùa Ông có giá trị khoa học vì cho thấy sự ứng xử của con người thân thiện, phù hợp với môi trường tự nhiên (tổ chức vào dịp đầu Xuân, khí trời trong lành, tươi mát, tốt cho sức khỏe con người) và cách chọn địa điểm cho các nghi lễ, trò chơi diễn ra rất thân thiện với môi trường, cảnh quan xung quanh.

Lễ hội chùa Ông là tập hợp của thế giới quan, nhân sinh quan của cộng đồng các dân tộc Hoa - Việt được đúc kết qua hàng trăm năm của các thế hệ ông cha đi trước, trao truyền cho con cháu tiếp nối. Nội dung, hình thức tổ chức lễ hội chùa Ông được nhiều nhà khoa học chọn làm đề tài, đối tượng nghiên cứu của mình trong nhiều năm qua. Ngoài ra, lễ hội chùa Ông là dịp để cộng đồng các dân tộc đến với di tích, tận mắt chứng kiến công trình nghệ thuật ông cha để lại, nghiên cứu, học hỏi về các giá trị vật thể. Chùa Ông được khởi dựng vào năm 1684, trùng tu vào các năm 1817, 1868, 1894... toàn bộ kiến trúc công trình được bao phủ bởi một màu hồng thắm với nhiều viên gạch được xếp chồng lên nhau, cùng hệ thống cột, rường... bằng chất liệu đá Bửu Long danh tiếng ở Nam Bộ. Nóc chùa được trang trí bằng một “*quần thể tiểu tượng gốm Sài Gòn, được tạo tác vào cuối thế kỷ XIX*”(1). Các hình tượng, nhóm tượng gốm thể hiện các tuồng tích, múa hát cung đình, đá cầu... trên diềm mái, thể hiện khung cảnh sinh động trong lễ hội của người Hoa. Bên trong chùa nổi bật với hệ thống cột gỗ, bao lam, hoành phi liên đối... được khắc chạm tinh xảo với nhiều chủ đề khác nhau. Trên hệ thống bao lam được chạm lộng bằng nhiều họa tiết trang trí công phu, kỹ thuật chạm lộng hai mặt

(1) Theo Trần Hồng Liên (2005), *Văn hóa người Hoa ở Nam Bộ*, Nxb. KHXH Chi nhánh TP.HCM, trang 58.

với nội dung khung cảnh từ bình dân đến cung đình, từ những hình ảnh thân thuộc như người dân đi gánh nước, đốn củi đến tuồng tích Trung Hoa... Những linh vật trong nhóm tứ linh đến các con vật gần gũi với đời sống sông nước Nam Bộ như con cua, con tôm, con cá... được khắc họa sống động, chi tiết.

4.4. Giá trị kinh tế

Trong xu hướng du lịch văn hóa tâm linh ngày càng được du khách quan tâm, coi đó như nhu cầu tất yếu không thể thiếu trong cuộc sống; vì thế, tín ngưỡng và Lễ hội chùa Ông đã trở thành điểm đến có sức thu hút du khách. Không phải chỉ đến dịp lễ hội du khách mới tìm về di tích, mà bất cứ thời điểm nào trong năm cũng có hàng ngàn lượt người đến lễ bái và chiêm ngưỡng nét đẹp của di tích. Chùa Ông còn được tọa lạc ngay bên bờ sông Đồng Nai, nằm trong khu vực Cù lao Phố có nhiều di tích kiến trúc nghệ thuật, lịch sử văn hóa có giá trị nên rất thuận lợi trong việc thu hút khách tham quan, thăm viếng, lễ bái. Trong quy hoạch tuyến du lịch đường sông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, chùa Ông là một điểm đến quan trọng cùng với các di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia như: Chùa Đại Giác, chùa Long Thiên, chùa Bửu Phong, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đền thờ Nguyễn Tri Phương, nhà cổ Trần Ngọc Du... Đây sẽ là một trong những tuyến du lịch đường sông và đường bộ, góp phần phát triển văn hóa du lịch tâm linh của tỉnh Đồng Nai.

Trong những năm gần đây, lượng du khách đến chùa Ông ngày càng tăng lên, năm sau luôn cao hơn năm trước. Điều đặc biệt của lễ hội chùa Ông diễn ra hàng năm đã thu hút đông đảo bá tánh, du khách gần xa trong và ngoài nước đến trải nghiệm; không những cộng đồng người Hoa (không phân biệt tôn giáo) trong và ngoài tỉnh mà đồng bào dân tộc Kinh và các dân tộc anh em khác cũng về tham gia. Lễ hội truyền thống tiêu biểu này đã được duy trì tổ chức hàng năm theo định kỳ, giới thiệu, quảng bá và phát huy giá trị phục vụ phát triển du lịch tương đối tốt; góp phần thu hút đông đảo du khách đến Biên Hòa - Đồng Nai, lượng khách năm sau luôn cao hơn năm trước, tăng thu ngân sách của tỉnh, thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển; thông qua lễ hội nhiều hoạt động buôn bán, thương mại của cư

dân xung quanh di tích có thêm nguồn thu, góp phần nâng cao đời sống kinh tế cho gia đình và địa phương. Hoạt động lễ hội chùa Ông giúp tạo nguồn thu nhập đáng kể cho các tiểu thương xung quanh di tích - nơi diễn ra lễ hội. Vào dịp lễ hội chùa Ông, xung quanh di tích có rất nhiều dịch vụ diễn ra như giữ xe, các gian hàng buôn bán các đồ lưu niệm, các quán ăn, uống, dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn... luôn trong trạng thái đông khách đến giao dịch. Chính nhờ lễ hội chùa Ông mà đời sống của bá tánh ở quanh di tích đã được cải thiện, ngày càng khá giả.

5. Hiện trạng của lễ hội chùa Ông

Hiện nay, lịch lễ và nghi thức cúng tế trong lễ hội chùa Ông vẫn được Ban Trị sự và cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa bảo lưu, thực hành đầy đủ và khá trọn vẹn không thay đổi nhiều so với ban đầu. Đó là do có sự kế thừa, truyền dạy từ đời này sang đời khác. Nhờ có sự chỉ bảo tận tình, cộng với việc ghi chép để lại sách vở, nghi thức cúng kiếng của các bậc tiền bối, các thành viên trong Ban Trị sự duy trì và tiếp nối truyền thống một cách quy củ, trang nghiêm. Để quản lý điều hành hoạt động, chùa Ông thành lập Ban Trị sự và các Tiểu ban. Hiện nay, Ban Trị sự chùa Ông có 21 thành viên được Ủy ban nhân dân phường Hiệp Hoà, thành phố Biên Hòa ra quyết định công nhận, nhiệm kỳ 5 năm. Ban Trị sự hoạt động theo quy chế riêng, mỗi người phụ trách một số nhiệm vụ cụ thể. Quy chế hoạt động của Ban Trị sự gồm có 7 Chương 26 Điều, nội dung cốt lõi là bảo tồn và phát huy giá trị di tích, trong đó nhiệm vụ trọng tâm gìn giữ bản sắc văn hóa cho muôn đời sau.

Các Tiểu ban trực thuộc Ban Trị sự, chịu trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Ban Trị sự thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình:

- Ban Tế tự có nhiệm vụ chủ yếu chăm lo việc thờ tự, nhang đèn hàng ngày; tổ chức phục vụ Nhân dân đến tham quan và dâng hương; bảo vệ tài sản, hiện vật và hòm tiền công đức...
- Ban Tài Chính có nhiệm vụ giúp Ban Trị sự quản lý tài khoản - tài chính của chùa theo quy định pháp luật...

- Ban Xã hội - cộng đồng giúp Ban Trị sự trong các hoạt động chăm lo đời sống của cộng đồng người Hoa, tổ chức hoặc tham gia các hoạt động xã hội từ thiện vì người nghèo, cứu trợ đồng bào thiên tai, lũ lụt, các hoạt động đại đoàn kết dân tộc...

- Ban Văn hóa - giáo dục giúp Ban Trị sự thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc phù hợp với cuộc sống thời đại..., tổ chức thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa cộng đồng người Hoa và các dân tộc anh em trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam...

- Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ theo pháp luật và quy chế hoạt động của Ban Trị sự...

- Văn phòng chùa Ông thực hiện nhiệm vụ tham mưu hồ sơ, thủ tục đăng ký, thông báo cơ quan thẩm quyền về việc tổ chức lễ hội thường niên tại chùa Ông; đồng thời tham mưu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật quy định, hướng dẫn công tác tổ chức lễ hội...

Hiện nay, chùa Ông và những lễ hội gắn liền với di tích được hoạt động theo quy định của pháp luật, cụ thể theo Luật Di sản văn hóa và các nghị định, thông tư, quyết định của các cơ quan chức năng. Hàng năm, lễ hội chùa Ông tổ chức đều có văn bản trình các cơ quan quản lý theo quy định của Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.

So với trước đây, Lễ hội chùa Ông chỉ có một vài thay đổi nhỏ, đó là việc quản lý các hoạt động, tài chính và tổ chức lễ chùa Ông trước đây do 4 bang người Hoa ở Biên Hòa (Phước Kiến, Quảng Đông, Triều Châu và Sùng Chính) lần lượt chịu trách nhiệm toàn bộ. Mỗi bang có những đặc điểm, tình hình nhân sự riêng nên việc chăm lo chùa Ông có một số điều chưa thống nhất. Chính vì vậy, để công tác quản lý và tổ chức các hoạt động lễ hội hàng năm của chùa Ông được thống nhất nên 4 bang quyết định thành lập Ban Trị sự với những thành viên là đại diện của tất cả các bang.

Lễ hội chùa Ông thu hút hàng ngàn lượt người đến tham gia (năm 2018 hơn 40 ngàn lượt người tham dự; năm 2019 khoảng 50 ngàn lượt người tham dự; năm 2020 hơn 50 ngàn lượt người tham

dự), nhiều người dân đi xa làm ăn đến kỳ lễ hội đều tranh thủ trở về tham dự. Hiện nay, bá tánh đến lễ hội không chỉ có người dân địa phương mà còn có rất đông người nơi khác đến. Đặc biệt trong thời kỳ mở cửa, giao lưu nhiều cộng đồng người Hoa ở các nước như Malaysia, Singapore... cũng về dự nhân dịp lễ hội chùa Ông diễn ra. Trong những năm gần đây, được sự chấp thuận của chính quyền các cấp, Ban Trị sự chùa Ông còn mời các Hội quán, Ban Trị sự các chùa thờ Quan Thánh Đế Quân ở các nước Singapore, Malaysia, các miếu, đền thờ Quan thánh ở các tỉnh như: Khánh Hòa, Bình Dương, Tiền Giang, Cần Thơ, Hậu Giang và Thành phố Hồ Chí Minh về tham dự lễ hội. Việc mở rộng mối giao lưu trong nước và ngoài nước của chùa Ông giúp cho lễ hội mang tính quốc gia, quốc tế, mức độ lan tỏa sâu rộng, thu hút đông đảo người dân tham gia.

Lễ hội chùa Ông ngoài việc bảo đảm duy trì đầy đủ các yếu tố văn hóa mang giá trị truyền thống, còn tiếp thu, kế thừa, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sinh hoạt văn hóa gắn với tín ngưỡng tâm linh của cộng đồng. Điều này dễ nhận thấy trong các hoạt động hội của lễ hội chùa Ông liên tục được kế thừa, bổ sung để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân bằng các hoạt động cụ thể như tổ chức các trò chơi dân gian kéo co, cờ tướng, đi cà kheo; các hoạt động văn nghệ dân gian như hát bội, tuồng tích xưa, đờn ca tài tử, biểu diễn thư pháp, thư họa...

Trong thời gian qua, với ý thức cộng đồng và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, việc bảo vệ lễ hội luôn được quan tâm sâu sắc, thể hiện qua công tác chuẩn bị và tổ chức lễ hội hàng năm. Theo lệ, trước ngày diễn ra lễ hội vào đầu tháng giêng hàng năm, nhiều cuộc họp diễn ra giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc địa phương, Ban Trị sự và các tổ chức tự quản, cá nhân có liên quan để xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức lễ hội và thành lập các tiểu ban, bộ phận chức năng để đảm nhiệm việc chuẩn bị và tổ chức lễ hội.

Ra đời và tồn tại trong môi trường xã hội và môi trường tâm linh có nhiều mối quan hệ chi phối, tương thích, tác động qua lại theo dòng lịch sử; các loại hình tín ngưỡng và tôn giáo đã có sự chuyển biến, dung hòa, tích hợp lẫn nhau để thích nghi và phù hợp với cuộc

sống mới. Do đó, một số lễ nghi trong lễ hội chùa Ông cũng không ngoại lệ, đã có sự biến đổi, dung hòa một số yếu tố văn hóa mới để phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội và đời sống tín ngưỡng tâm linh phục vụ cho cả cộng đồng người Hoa và người Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng và vùng Đông Nam Bộ nói chung.

Tóm lại, lễ hội chùa Ông Cù lao Phố (Biên Hòa, Đồng Nai) xứng đáng được lập hồ sơ đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, vì 4 lý do:

Một là, lễ hội chùa Ông thực hiện tại cơ sở thờ tự chùa Ông (còn gọi là Thất phủ Cổ miếu được tạo dựng từ 1684, được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia), được duy trì suốt hơn 330 năm qua.

Hai là, lễ hội chùa mang tính lễ hội vùng, được chủ thể là người Hoa ở Biên Hòa - Đồng Nai tự nguyện thực hiện, liên tục từ thời mở đất đến nay, có phát triển và biến đổi về văn hóa nhưng vẫn giữ được sắc thái riêng trong đặc điểm chung của lễ hội dân gian.

Ba là, lễ hội chùa Ông gắn với phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian ở Nam Bộ trong quan hệ văn hóa Hoa - Việt, thể hiện rõ bản sắc văn hóa Việt Nam tích hợp đa nguồn và dung hòa đa hệ.

Bốn là, lễ hội chùa Ông là nhịp cầu giao lưu văn hóa, kết tinh và lan tỏa nội vùng và ngoại vùng, có sức sống trong hội nhập quốc tế.

6. Các biện pháp bảo vệ

Chùa Ông là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, được bảo tồn và phát huy giá trị di sản theo các quy định của Luật Di sản văn hóa và các chính sách của Nhà nước về di sản văn hóa. Đồng thời, với những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, kinh tế và tầm ảnh hưởng trong đời sống người dân vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai nhận thấy đây là một di sản văn hóa phi vật thể rất đặc biệt, có ý nghĩa to lớn đối với địa phương. Vì vậy, cần có một chương trình bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể lễ hội chùa Ông phù hợp, thiết thực.

Trong những năm qua, nhận thấy vai trò, giá trị rất lớn của lễ hội chùa Ông đối với cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa nói riêng và Nhân

dân Đồng Nai nói chung, nên các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều nỗ lực trong công tác bảo tồn và phát huy lễ hội.

6.1. Về phía cộng đồng người Hoa

Ban Trị sự chùa Ông, đã có nhiều nỗ lực trong công tác bảo tồn và phát huy di sản lễ hội chùa Ông. Ban Trị sự luôn đề cao tính kế thừa, bảo tồn di sản nguyên bản nên đã không ngừng bồi đắp lễ hội thông qua sự cố vấn của các bậc cao niên am tường lễ hội. Ban Trị sự chùa Ông còn mở rộng quan hệ với các cơ sở tín ngưỡng thờ cúng Quan Công trong và ngoài tỉnh để tham khảo, học hỏi công tác tổ chức lễ hội, với mong muốn ngày càng hoàn thiện, bài bản hơn công tác tổ chức của mình. Ban Trị sự chùa Ông thường xuyên tổ chức các đoàn tham dự lễ hội Nghinh Ông Quan Thánh Đế ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Ngoài ra, Ban Trị sự chùa Ông còn tổ chức đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm mỗi khi có lễ hội Quan Thánh Đế Quân được thực hành ở các nước Malaysia, Singapore, Đài Loan, Trung quốc...

Ban Trị sự rất chủ động trong việc bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội chùa Ông bằng các việc làm cụ thể như xuất bản sách Thất phủ cổ miếu - chùa Ông Cù lao Phố - Biên Hòa vào năm 2010; đăng tải các video trên Youtube để quảng bá các nội dung liên quan đến di tích nói chung và lễ hội chùa Ông nói riêng. Bên cạnh đó, Ban Trị sự chùa Ông đề cao công tác tạo nguồn để kế thừa cho mai sau bằng cách đào tạo đội ngũ trẻ tuổi để tham gia vào công tác tổ chức, thực hiện lễ hội. Tùy năng lực, trình độ của mỗi cá nhân, Ban Trị sự phân công tham gia vào các Tiểu ban hay phần việc cụ thể... Ngoài ra, Ban Trị sự chùa Ông tài trợ kinh phí cho con em người Hoa học chuyên môn (cả tiếng Hoa và các ngành khoa học kỹ thuật và nhân văn trong và ngoài nước) để kế thừa truyền thống giữ gìn và phát huy giá trị di sản trong đó có lễ hội chùa Ông hàng năm.

Tiếp tục duy trì tổ chức lễ hội chùa Ông theo điển lệ, đảm bảo các yếu tố gốc ở phần lễ; thường xuyên học hỏi, bồi đắp phần hội nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân Biên Hòa -

Đồng Nai và khu vực Nam Bộ. Thông qua lễ hội sẽ góp phần thu hút khách đến địa phương du lịch, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội cho tỉnh Đồng Nai.

Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ kế cận tham gia vào các hoạt động lễ hội như tham gia tổ chức và thực hành nghi lễ... để học hỏi, trau dồi kiến thức, nhằm kế tục khi đội ngũ cao niên không còn có khả năng thực hiện nhiệm vụ.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ và phát huy di tích nói chung và lễ hội chùa Ông nói riêng. Trong đó tiếp tục thực hiện các hoạt động thiện nguyện nhằm vừa hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, vừa đảm bảo công tác ngoại giao, gắn kết cộng đồng.

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thông, mạng internet các hoạt động của chùa Ông nói chung và lễ hội chùa Ông nói riêng nhằm mục đích cho bá tánh tiếp cận thông tin nhanh nhất, thuận tiện nhất, qua đó góp phần nâng cao ý thức trong công tác bảo vệ và phát huy di sản.

6.2. Đối với chính quyền địa phương

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm kê lễ hội định kỳ theo quy định; năm 2021, Bảo tàng tỉnh đã thực hiện nhiệm vụ làm phim tư liệu và phát sóng 3 kỳ trên Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai (ĐNRTV): “*Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Ông - Thất Phủ cổ miếu*”... Ngoài ra, Bảo tàng tỉnh đang xây dựng Đề án số hóa di tích, hiện vật ở Đồng Nai, trong đó có nhiệm vụ số hóa di tích chùa Ông. Trong công tác quản lý Nhà nước, các ngành, các cấp đã luôn sát cánh cùng với cơ sở, Ban Trị sự chùa Ông để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hỗ trợ, hướng dẫn Ban Trị sự chùa Ông thực hiện tốt quy định Nhà nước trong công tác quản lý, tổ chức các lễ hội, góp phần quảng bá di sản văn hóa trong và ngoài nước.

Trong những năm tới, đặc biệt khi di sản văn hóa phi vật thể lễ hội chùa Ông được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể

quốc gia, đòi hỏi phải có những biện pháp bảo vệ và phát huy lễ hội phù hợp.

- Đối với chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước:

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành đẩy mạnh nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho cộng đồng, đặc biệt là các vị chức sắc, nghệ nhân và thế hệ trẻ trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nói chung và lễ hội chùa Ông nói riêng. Cần nhận thức vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị lễ hội trước hết phải bảo tồn ngay từ cái gốc của chủ thể văn hóa, có nghĩa là chính bản thân cộng đồng - chủ thể đang nắm giữ và thực hành di sản, phải có trách nhiệm cao trong việc bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa của dân tộc. Cần vận động cộng đồng gìn giữ, duy trì cách thức thực hành các nghi lễ; cách sử dụng các loại nhạc cụ, các trò chơi dân gian; gìn giữ các trang phục, trang sức truyền thống đã được kế thừa qua các thế hệ; các món ăn, thức uống truyền thống....

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án Bảo tồn và phát huy lễ hội chùa Ông giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2040. Trong đề án có sự phân công, phân nhiệm đối với từng cấp, từng ngành từ tỉnh đến cơ sở một cách cụ thể, theo lộ trình từng năm và giai đoạn 5 năm. Đặc biệt, chú trọng đến công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý và tổ chức lễ hội tại địa phương; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ chuyên trách bằng nhiều hình thức như: Tập huấn, tham quan, đào tạo ngắn và dài hạn để cán bộ có trình độ ngang tầm với nhiệm vụ. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, cơ quan, ban ngành trong công tác quản lý và tổ chức lễ hội chùa Ông nói riêng và lễ hội khác trên địa bàn tỉnh nói chung.

- Bảo tàng tỉnh:

Xây dựng đề án số hóa bảo tàng, trong đó có nhiệm vụ số hóa di tích chùa Ông và lễ hội chùa Ông. Từ trước đến nay, cách thức hành lễ trong lễ hội chùa Ông chủ yếu được thực hành trực tiếp qua lễ hội và truyền khẩu. Vì vậy, theo quy luật tự nhiên khi các vị chức sắc, bậc cao niên, nghệ nhân qua đời thì bí quyết thực hành lễ hội sẽ có nguy

cơ thất truyền, mai một dần theo thời gian. Do đó, giải pháp tối ưu hiện nay là ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ thông tin trong việc lưu giữ và bảo tồn lễ hội, bằng các phương pháp ghi chép tư liệu, ghi âm, ghi hình tĩnh, hình động diễn trình các nghi lễ trong lễ hội do các vị chức sắc, bậc cao niên, nghệ nhân thực hành và cung cấp. Đây là nguồn tư liệu sống chứa đựng nhiều yếu tố nguyên gốc để phục vụ công tác nghiên cứu, bảo vệ di sản về lâu dài. Đồng thời, tiến hành phương pháp tư liệu hóa bằng hình thức văn bản, lưu giữ trên các phương tiện máy móc hiện đại. Đó là phiên bản giúp chúng ta có cơ sở khoa học để nghiên cứu, phục hồi những nghi lễ trong lễ hội Chùa Ông nếu bị mai một hoặc biến đổi sau này.

Việc lập hồ sơ khoa học lễ hội chùa Ông trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, sẽ góp phần nâng cao công tác bảo tồn và phát huy các giá trị lễ hội chùa Ông tồn tại bền vững theo thời gian.

**DANH SÁCH CHỦ THẺ VĂN HÓA
LỄ HỘI CHÙA ÔNG CÙ LAO PHỐ
(Phường Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
1	Huỳnh Hữu Nghĩa (Thái Hữu Nghĩa)	1958	Quyền trưởng ban	P Bửu Hòa, TP. Biên Hòa	
2	Lý Hữu Đức	1950	Phó trưởng ban trực	P Bửu Hòa, TP. Biên Hòa	
3	Dương Nguyên	1963	Phó trưởng ban	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
4	Ngô Phi Long (Ngô Gia Nguyên)	1963	Phó trưởng ban	P Thanh Bình, TP. Biên Hòa	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
5	Quách Chí Cường	1967	Phó trưởng ban	P Hòa Bình, TP. Biên Hòa	
6	Vương Văn An	1958	Thành viên	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
7	Lý Kim Bình	1967	Thành viên	P Tân Tiến, TP. Biên Hòa	
8	Huỳnh Dũ	1946	Thành viên	P Tân Vạn, TP. Biên Hòa	
9	Tăng Ngọc Minh	1949	Thành viên	P Thanh Bình, TP. Biên Hòa	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
10	Lưu Dân Cường (Lưu Chí Cường)	1953	Thành viên	P Bửu Hòa, TP. Biên Hòa	
11	Hứa Mỹ Chiêu	1975	Thành viên	P Tân Vạn, TP. Biên Hòa	
12	Trương Lâm Thủy	1945	Thành viên	P Bửu Long, TP. Biên Hòa	
13	Lôi Thành	1949	Thành viên	P Hóa An, TP. Biên Hòa	
14	Trịnh Diệu Khải	1956	Thành viên	P Thanh Bình, TP. Biên Hòa	

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
15	Vương Sơn	1948	Thành viên	P Thanh Bình, TP. Biên Hòa	
16	Đào Khánh Địa	1955	Thành viên	P Quyết Thắng, TP. Biên Hòa	
17	Vương Quang Minh (Vương Địa Minh)	1955	Thành viên	P Hòa Bình, TP. Biên Hòa	
18	Tất Minh	1974	Thành viên	P Quang Vinh, TP. Biên Hòa	
19	Dương Quốc Hùng	1961	Thành viên	P Quyết Thắng, TP. Biên Hòa	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Địa chỉ	Ảnh
20	Lý Ngọc Bửu	1950	Thành viên	P Quang Vinh, TP. Biên Hòa	
21	Huỳnh Dũng	1953	Thành viên	P Bình Thắng, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương	



Chùa Ông (Thất Phủ cổ miếu) chụp từ trên cao.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Cổng trước chùa Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2017)



Sân trước chùa Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2018)



Bằng công nhận di tích Lịch sử - Văn hóa chùa Ông.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Ban Trị sự Thất phủ cổ miếu xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhận Bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Tượng thờ Đức Quan Thánh Đế Quân tại chùa Ông.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022)



Tượng thờ Thiên Hậu Thánh mẫu.



Tượng thờ Kim Hoa nương nương.



Tượng thờ Quan Bình thái tử.



Tượng thờ Châu Xương tướng quân.



Tượng thờ Đô Thiên Chí Phú Tài Bạch Tinh Quân.



Tượng thờ Phước Đức Chánh thần.

(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2022).



Lễ thỉnh hàm thư (Nghị thức đóng mộc lên hàm thư).
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, 2019)



Ban Trị sự chùa Ông đến thực hiện nghi thỉnh hàm thư tại đình Nguyễn Hữu Cảnh.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2019)



Đại diện Ban trị sự chùa Ông đến thực hiện nghi thỉnh hàm thư tại đình Tân Lân.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2019)



Thực hiện nghi thức xin Đức Quan Thánh Đế Quân đi tuần du.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thỉnh Kim thân Quan Thánh Đế Quân lên kiệu.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Nghinh Đức Quan Thánh Đế Quân đi theo đường sông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Đoàn rước của chùa Ông lên phà nghinh thần theo tuyến đường sông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thỉnh kim thân Đức ông Quảng Trạch Tôn Vương tham dự lễ hội.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Đoàn Hội quán Sùng Chính (Bửu Long) tham gia nghinh thần.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Ban Quý tế đình Tân Lâm thỉnh kim thân đức ông Trần Thượng Xuyên đi tuần du.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Các đoàn theo đường sông hướng đến bến phà Nguyễn Văn Trị.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Đoàn chùa Ông cập bến phà Nguyễn Văn Trị.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Các đoàn tập kết chuẩn bị thỉnh chư thần tuần du quanh chợ Biên Hòa.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Đoàn diễu hành nghinh Thần tuần du trên đường.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Nghinh Thần tuần du xung quanh chợ Biên Hòa.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Các đoàn trở về bến phà Nguyễn Văn Trị tập kết.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Các đoàn trở về chùa Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thỉnh kim thân Đức Quan Thánh Đế Quân an vị tại bàn thờ.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thỉnh kim thân Đức Quảng Trạch Tôn Vương vào chùa an vị.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thỉnh kim thân Đức Trần Thượng Xuyên đến bàn Hội đồng an vị.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thỉnh linh vị Tổ nghề lên bàn Hội đồng.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thỉnh linh vị Thiên Hậu an vị tại bàn Hội đồng.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Rước linh hương Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh lên kiệu về chùa Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thỉnh linh vị Thần thành hoàng tại đình Bình Quan.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Chư Thần an tọa tại bàn Hội Đồng.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Đại biểu cùng thực hiện nghi thức trong Lễ Cáo yết, Khai hội chùa Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Đoàn của Hội quán Quảng Đông dâng heo quay cúng Đức Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Đoàn Hội quán Sùng Chính (Bửu Long) dâng heo quay cúng Đức Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Hội quán Sùng Chính (Biên Hòa) dâng heo quay cúng Đức Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Đoàn Hội quán Phước Kiến dâng heo quay cúng Đức Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Ban Quý tế đình Tân Lâm cúng Đức Quan Thánh Đế Quân.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Hội quán Triều Châu dâng heo quay cúng Đức Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)

Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai



Đoàn lân - sư - rồng
của Hội quán Quảng Đông biểu diễn



Đoàn lân - sư - rồng
của Hội quán Quảng Đông biểu diễn



Đoàn lân - sư của Hội quán Sùng chính
(Miếu Tổ Sư) biểu diễn



Hội quán Sùng Chính (Biên Hòa)
biểu diễn trong lễ hội



Đoàn Hội quán Phúc Kiến
biểu diễn lân - sư - rồng trong lễ hội



Đoàn Hội quán Phúc Kiến
biểu diễn lân - sư - rồng trong lễ hội

(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Sư thầy cùng các Hội quán thực hiện nghi thức cúng cầu an.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Lễ vía Quan Thánh Đế Quân do Ban Trị sự chùa Ông thực hiện.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Nghi thức thả phúc khí cầu.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Nghi thức thả hoa đăng cầu an.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Người dân khấn cầu trước khi thả hoa đăng.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2019)



Nghi thức thả hoa đăng.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2019)



Lễ hội tại chùa Ông chụp từ trên cao.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Lễ nghinh Ông trên một số tuyến đường ở thành phố Biên Hòa năm 2019.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Không gian văn hóa lễ hội - Sông Đồng Nai.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Không gian văn hóa lễ hội - Bến phà Nguyễn Văn Trị.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Không gian văn hóa lễ hội - Chợ Biên Hòa.
(Nguồn: Chùa Ông, 2019)



Biểu diễn võ thuật trong lễ hội.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2019)



Thi nhảy dây trong lễ hội.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Thi nhảy bao bố trong lễ hội.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



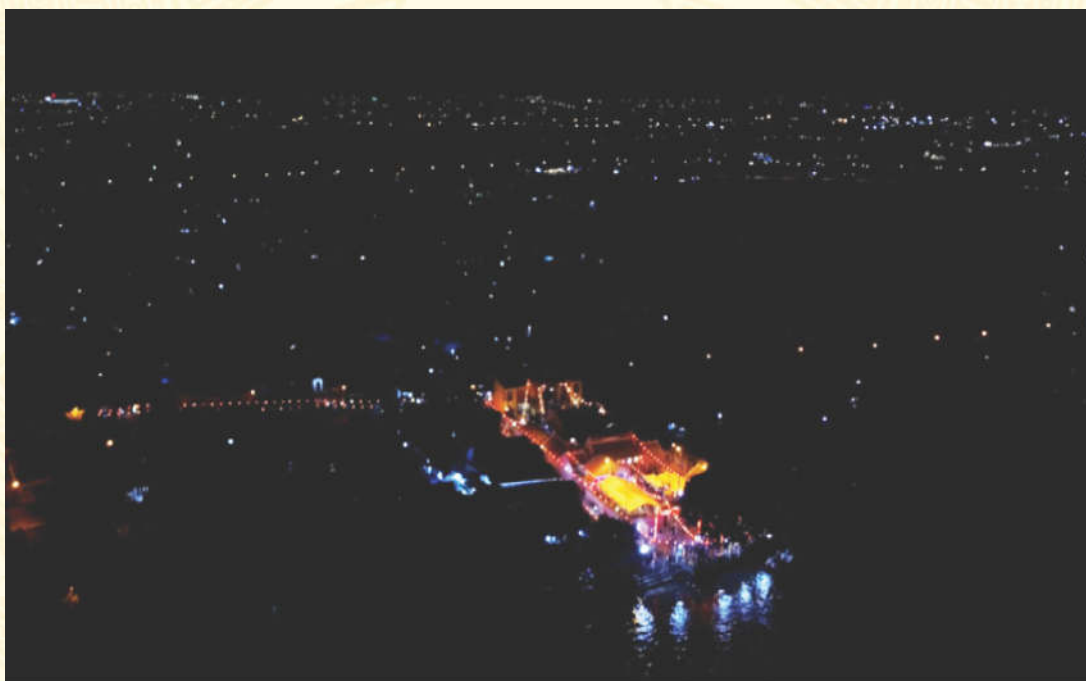
Thi kéo co trong lễ hội
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Không gian họa tranh, thư pháp tại Lễ hội chùa Ông.
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai, năm 2019)



Bá tánh đông vui trong đêm thả hoa đăng tại chùa Ông.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)



Hình ảnh chùa Ông trong đêm hội.
(Nguồn: Chùa Ông, năm 2019)

LỄ HỘI SAYANGVA CỦA NGƯỜI CHƠ RO Ở ĐỒNG NAI

1. Quá trình ra đời và tồn tại lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của người Chơ Ro ở Đồng Nai

1.1. Tổng quan người Chơ Ro ở Đồng Nai

Chơ Ro là một trong 53 tộc người thiểu số ở Việt Nam. Người Chơ Ro có nhiều cách gọi tên khác nhau như: ChơRo, Châu ro, Chrai, Joro, Dơro... Người Chơ Ro tự gọi là Chrau Jro (Chrau là người, Jro là tên bộ tộc). Trước năm 1975, các tài liệu sách thường gọi Ro, Tô, Xốp (Coop)⁽¹⁾. Trong bảng Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam của Tổng cục thống kê ngày 02/3/1979, thống nhất gọi là Chơ Ro hay còn gọi là (Dơ-ro, Châu ro)⁽²⁾. Theo sách Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam), *“tộc danh Chrau Jro còn gắn liền với tên gọi một giống lúa nếp cổ truyền mà đồng bào rất thích gieo trồng: N’hpal Chrau Jro. Người Chơ Ro gọi giống lúa này là nếp cái (nếp mẹ)”*.

Theo J.Boullet trong cuốn *“Xứ người Mạ, lãnh thổ của thần linh”* cho rằng người Chơ Ro cũng là người Churu, thuộc nhóm người Koon cau (đọc là con chau), người Sơ - Đông Dương (Proto - Indochinois) ở các cao nguyên Nam Đông Dương, chiếm cứ một cách rời rạc và không liên tục các rừng rậm ở xứ Tây Nam, xứ sở Mạ... Dựa trên kết quả của một số công trình nghiên cứu khảo cổ học và các nguồn thư

(1) Huỳnh Văn Tới (Chủ biên) (1997), *Người Châu Ro ở Đồng Nai*, Chi hội Văn nghệ Dân gian Đồng Nai, Nxb. Đồng Nai, tr.9.

(2) Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học (1984); *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.306.

tịch có liên quan, tộc người Chơ Ro (cùng một số tộc người Mạ, Xtiêng, Cơ Ho...) là hậu duệ của cư dân nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme, được xem là dân tộc tại chỗ, sinh sống lâu đời ở Đông Nam Bộ. Xưa kia, địa bàn cư trú của người Chơ Ro được xác định là toàn bộ khu vực Đông Nam Bộ, kéo dài đến một số tỉnh thuộc khu vực Tây Nam Bộ như Long An, Tiền Giang, An Giang... Địa hình cư trú của người Chơ Ro phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi thấp ở phía Đông Nam của tỉnh Đồng Nai. Người Chơ Ro có các dòng họ như: Thổ, Tòng, Điểu, Lâm, Văn, Sang... Riêng ở Đồng Nai người Chơ Ro mang nhiều họ khác nhau, phổ biến là họ: Điểu, Thổ, Hồng, Văn... Ngoài ra, còn có một số họ khác như: Tòng, Lâm, Đào, Nguyễn...

Theo tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, người Chơ Ro ở Việt Nam có dân số 29.520 người (nam 14.822 người, nữ 14.698 người)⁽¹⁾, cư trú tại 36 trên tổng số 63 tỉnh và thành phố. Đồng Nai chính là địa phương có số lượng người Chơ Ro sinh sống nhiều nhất cả nước, có 16.738 người (chiếm 56,70% người Chơ Ro ở Việt Nam)⁽²⁾. Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai người Chơ Ro có số dân đứng thứ tư trong số hơn 50 dân tộc sinh sống. Xuân Lộc là huyện có người Chơ Ro nhiều nhất với 5.145 người, tập trung tại xã Xuân Phú (1.476 người), xã Xuân Trường (1.184 người), xã Xuân Thọ (1.138 người). Huyện Định Quán có 3.755 người, sinh sống chủ yếu tại xã Túc Trưng (2.565 người). Thành phố Long Khánh có 3.206 người, trong đó, phường Bảo Vinh (792 người), xã Bàu Trâm (746 người), xã Bảo Quang (635 người). Huyện Thống Nhất có 1.544 người, trong đó, xã Xuân Thiện (1.204 người). Huyện Long Thành có 533 người, sinh sống chủ yếu tại xã Phước Bình (434 người). Huyện Cẩm Mỹ có 1.002 người, sinh sống chủ yếu tại xã Xuân Mỹ (349 người), xã Xuân Quế (332 người), xã Lâm San (163 người)⁽³⁾.

(1) Tổng Cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, tr 44.

(2) Theo số liệu của Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai, tính đến 01/4/2019.

(3) Ở Đồng Nai có 2 địa phương có đông người Chơ Ro sinh sống là xã Phước Bình (huyện Long Thành) và xã Hàng Gòn (thành phố Long Khánh). Hàng năm 2 địa phương này có tổ chức lễ cúng YangBri (cúng thần Rừng), trong khi cúng có khấn thần Lúa (Yangva).

Người Chơ Ro thuộc nhóm nhân chủng Nam Á, loại hình Indonesien, ngôn ngữ Môn - Khmer. Cũng giống như các tộc người Mạ, Xtiêng, Cơ Ho, người Chơ Ro không có chữ viết riêng. Ở tỉnh Đồng Nai, người Chơ Ro cư trú gần kề, xen kẽ với người Kinh cho nên tiếng Việt sử dụng trong giao tiếp ngày càng nhiều. Hiện nay, đại đa số người Chơ Ro đều nói được tiếng Việt và sử dụng trong giao tiếp hàng ngày.

Trước đây, làng là đơn vị hành chính của một tập hợp gia đình cùng dòng họ. Mỗi làng có tên gọi riêng, thường được gọi theo đặc điểm địa hình, sông suối, cây cối, động vật... Mỗi làng thường có nhiều dãy nhà dài, mỗi dãy nhà dài là một gia đình lớn, chia làm nhiều gia đình nhỏ. Nhà dài phân theo thứ bậc, phía Đông dành cho cha mẹ, những gian tiếp theo được phân định theo ngôi thứ trong gia đình, trong ngôi nhà một phần không gian để tiếp khách. Đứng đầu mỗi nhà dài là thường là trưởng họ, có nhiều kinh nghiệm sản xuất và chiến đấu, có trách nhiệm quyết định các công việc chung trong họ tộc. Hiện nay, phần lớn nhà ở của người Chơ Ro được xây dựng giống nhà của người Việt, nền gạch, tường xây, mái lợp tôn. Bên cạnh đó, trong làng vẫn còn một vài căn nhà sàn truyền thống.

Ngày nay, cấu trúc xã hội và gia đình của người Chơ Ro có nhiều thay đổi, làng đã thành ấp, vai trò của già làng mờ nhạt hơn xưa. Các công việc hành chính của làng, do trưởng ấp phụ trách. Tuy nhiên, già làng đối với cộng đồng vẫn có vai trò nhất định như: Giải quyết các công việc trong gia tộc, các vấn đề chung của làng... Chế độ đại gia đình tan rã, hình thành nên những gia đình hạt nhân. Xưa kia, người Chơ Ro theo chế độ mẫu hệ, vai trò của người phụ nữ được coi trọng và đề cao. Hiện nay, chế độ phụ quyền dần được xác lập, người chồng giữ vai trò chính, quyết định mọi việc hệ trọng trong gia đình. Tuy nhiên, tàn dư chế độ mẫu quyền vẫn còn tồn tại trong xã hội, như việc người con trai ở rể bên vợ còn phổ biến, con gái út thường ở với cha mẹ.

Trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, người Chơ Ro ở Đồng Nai đã có nhiều đóng góp cho cách mạng. Đặc biệt, người Chơ Ro ở những địa phương như: Ấp Lý Lịch (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu), ấp

Đức Thắng (xã Túc Trưng, huyện Định Quán).... từ ngày có Đảng gieo mầm cách mạng đã một lòng một dạ đi theo Đảng. Trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, không ít cán bộ, chiến sỹ và người dân Chơ Ro đã anh dũng nằm xuống; nhiều người đã chết vì đói, vì bệnh tật, vì bom đạn nhưng đồng bào vẫn một lòng sắt son, kiên cường bám trụ để phục vụ cách mạng với tinh thần kiên định. Những người con ưu tú, trở thành biểu tượng sáng ngời không chỉ của người Chơ Ro mà còn của nhiều cộng đồng khác như: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Điều Cải (1948-1969), liệt sỹ Đại biểu Quốc hội khóa I Điều Xiển (1913-1946), già làng Nguyễn Văn Nổi (1930-2020)...

1.2. Quá trình ra đời lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của người Chơ Ro ở Đồng Nai

Cây lúa có vai trò quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông nghiệp trồng lúa, cây lúa còn là biểu tượng cho cuộc sống ấm no và hạnh phúc. Tục thờ thần Lúa là tín ngưỡng dân gian quen thuộc của các cư dân nông nghiệp như: Việt Nam, Lào, Thái Lan, Campuchia... Tuy nhiên mỗi dân tộc có niềm tin và cách thờ cúng khác nhau, phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi cộng đồng. Tín ngưỡng thờ hồn lúa và các nghi lễ nông nghiệp tồn tại khá phổ biến trong các tộc người ở Việt Nam. Đối với người Chơ Ro Đồng Nai, cây lúa có một vị trí, ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống vật chất, tinh thần liên quan đến phương kế mưu sinh của cộng đồng. Trong tâm thức của họ cây lúa không chỉ là nguồn lương thực chủ yếu nuôi sống con người, mà cây lúa còn là thần linh che chở, phù hộ cho cuộc sống ấm no hạnh phúc. Người Chơ Ro quan niệm rằng: Thần Lúa trở thành vị thần thiêng liêng nhất trong các vị thần, thần Lúa là vị thần mang lại ấm no hạnh phúc cho mỗi người, thần Lúa là vị thần quyết định chu kỳ sinh trưởng của cây lúa. Chính vì vậy, qua các giai đoạn từ dọn rẫy, phát rẫy, gieo hạt, tới lúc lúa làm đồng và thu hoạch, người Chơ Ro đều thực hiện nhiều nghi lễ liên quan đến vòng đời cây lúa, trong đó nổi bật nhất, đặc sắc nhất, tổ chức lớn nhất chính là lễ hội Sayangva.

Sayangva là lễ hội truyền thống của dân tộc Chơ Ro, “sa” có nghĩa là ăn, “yang” là thần, “va” là lúa, Sayangva có nghĩa là ăn mừng

thần Lúa (nghĩa rộng là ăn mừng lễ cúng thần Lúa). Người Chơ Ro gọi lễ cúng thần Lúa là Sayangva nhưng cũng có vài địa phương gọi thêm là Ôpyangva. Sayangva là cách gọi phổ biến nhất. Dù tên gọi là Sayangva hay Ôpyangva nhưng đều được tổ chức với mục đích tạ ơn thần linh, tổ tiên và đặc biệt là thần Lúa đã cho cộng đồng mùa bội thu và cầu xin mùa vụ mới mưa thuận gió hòa, mọi nhà được no đủ, đồng thời cũng là dịp để cầu an, cầu phúc cho gia đình, dòng tộc, cộng đồng.

Sayangva là lễ hội truyền thống, có từ rất xa xưa được các thế hệ người Chơ Ro nối tiếp nhau duy trì. Theo các già làng cho biết: Lễ hội Sayangva được tổ tiên truyền lại từ xưa đến nay, theo thông lệ hàng năm cộng đồng tổ chức theo kiểu xưa bày nay theo. Người Chơ Ro chủ yếu sống bằng nông nghiệp, trước đây lúa trồng một vụ trong năm, phải 6 tháng mới thu hoạch. Khoảng tháng 9-10 âm lịch lúa chín họ thu hoạch, thời gian này mặt trời đã đi nghiêng, cộng đồng cho rằng ngay cả mặt trời cũng còn kính nể thần Lúa. Khoảng tháng 11 âm lịch, mùa nương rẫy kết thúc, lúa thu hoạch xong, được phơi kỹ trước khi cất vào kho lúa (Nhiva). Từ tháng Chạp-2 âm lịch, người Chơ Ro vào rẫy chặt cây, phát cỏ chuẩn cho vụ mới. Tháng 3 âm lịch, họ xem trời, lựa ngày nắng khô để đốt rẫy, chuẩn bị tủa hạt mùa tới. Đó là thời điểm diễn ra lễ hội cúng thần Lúa. Khi công việc xong xuôi, nói theo cách của người Chơ Ro *“Lúa đã bò lên nhà ngủ, tay chân đã hết đất”* với hàm ý là mùa màng đã thu hoạch xong, người lao động được nghỉ ngơi thì họ tiến hành làm lễ cúng thần Lúa.

Sayangva là lễ hội lớn nhất đối với người Chơ Ro, mang dấu ấn lễ nghi nông nghiệp độc đáo của tộc người. Người Chơ Ro ở các huyện: Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ và thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tổ chức trong khoảng thời gian từ tháng 2-3 âm lịch, nhưng phổ biến hơn là vào tháng 3. Lễ hội Sayangva cũng được xem là dịp Tết riêng của tộc người Chơ Ro. Trong những ngày lễ hội diễn ra, cộng đồng đến tham dự đều ăn mặc đẹp, tham dự các nghi thức và nhảy múa, ca hát trong tiếng công chiêng lúc rộn ràng, lúc khoan thai nhẹ nhàng.

Trước năm 1954, người Chơ Ro còn sinh sống trong các nhà sàn.

Nhiều thế hệ trong cùng một gia đình sống chung ở một nhà sàn dài, thể hiện tính liên kết cộng đồng chặt chẽ. Trong thời gian này, lễ hội cúng thần Lúa được người Chơ Ro tổ chức lớn, kéo dài khoảng 7 ngày. Chủ lễ thực hiện các nghi thức thường là thầy cúng hoặc bà bóng. Trước lễ hội vài ngày, chủ nhà đem chai rượu đi mời họ hàng, lối xóm đến tham dự. Khách đến tham dự lễ thường mang theo bình rượu cần, đùi heo, con gà, bịch gạo, hoặc tiền nhằm góp vui với chủ nhà. *“Bữa trước khi cúng Yangva, chủ nhà làm mâm cơm cúng mời ông bà, tổ tiên về ăn lễ cùng con cháu. Đêm cúng Yangva, chủ nhà nhờ họ hàng, bè bạn tới làm giúp. Lễ vật cúng nhang (Yang) gồm: 2 con gà luộc (ở chòi lúa), 2 con gà luộc (cúng ông bà), 1 con gà luộc (ở rẫy lúa) với rượu cần, trầu cau, bánh trái. Nhà làm ăn trúng mùa thì giết heo. Xưa kia, khi còn ở nhà sàn dài, bà con có tục đâm trâu tương tự các dân tộc anh em Tây Nguyên”⁽¹⁾.*

Giai đoạn từ năm 1954-1975, một số nơi do hoàn cảnh chiến tranh, việc thực hiện chính sách dồn dân của thực dân Pháp, lập ấp chiến lược của đế quốc Mỹ, đã ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại của thiết chế nhà dài. Người Chơ Ro đã chuyển sang hình thức cư trú nhà sàn ngắn, nhiều gia đình đã làm nhà trệt theo kiểu nhà của người Việt. Hình thức cư trú từ nhà sàn qua nhà đất, cũng tác động làm thay đổi đến lễ hội cúng thần Lúa. Những nơi không còn nhà sàn dài thì lễ hội cúng thần Lúa được tổ chức tại nhà riêng, quy mô nhỏ, số người tham dự chủ yếu là các thành viên trong gia đình. Ở những nơi còn nhà sàn dài thì người Chơ Ro duy trì lễ hội cúng thần Lúa theo truyền thống, theo dòng họ, thời gian vẫn còn kéo từ 3-4 ngày, thậm chí có nơi dài đến 7 ngày. Trước khi tổ chức lễ hội Sayangva, các dòng họ trong làng trao đổi thỏa thuận ngày tổ chức, để không bị trùng ngày, cho nhiều người tham gia lễ hội⁽²⁾.

(1) Huỳnh Văn Tới (Chủ biên, 1997), *Người Châu Ro ở Đồng Nai*, Chi hội Văn nghệ Dân gian Đồng Nai, Nxb. Đồng Nai, tr 72.

(2) Bà Thị Hà sinh năm 1961, người Chơ Ro xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất cho biết: *“Trước năm 1975, lễ hội Sayangva ở xã Xuân Thiện diễn ra khoảng 1 tuần, lần lượt từng họ tổ chức. Khách mời đến tham dự đem gà, vịt, rượu cần, họ tham dự khoảng 3 ngày liền sáng đến tham dự tối lại về nhà. Khách mời tham gia thi đánh*

Sau năm 1975 và nhất là trong giai đoạn đổi mới, môi trường canh tác, phương thức sản xuất thay đổi từ canh tác nương rẫy, trồng lúa, chuyển sang trồng cây ăn quả và cây công nghiệp theo nhu cầu thị trường. Kho lúa cũng dần biến mất theo cấu trúc cư trú dạng nhà trệt. Các làng của người Chơ Ro không còn thuần nhất biệt lập, mà xen kẽ với nhiều tộc người khác, dẫn đến tính cố kết không còn. Một số người Chơ Ro đã tiếp nhận tôn giáo mới như: Công giáo, Tin lành và Phật giáo... cho nên tín ngưỡng thờ cúng thần Lúa cũng mờ nhạt. Trong bối cảnh có nhiều thay đổi, nên việc tổ chức lễ hội Sayangva bị chi phối, không còn được cộng đồng, dòng họ tổ chức thường xuyên, dài ngày như trước. Nhưng hình thức thực hành lễ cúng thần Lúa tại nhà vẫn được số đông người Chơ Ro duy trì. Các nghi thức cúng thần Lúa được giản lược, nhà nào không mời được thầy cúng thì chủ nhà thực hành nghi lễ.

Trong thời kỳ đổi mới và chủ động hội nhập quốc tế, đặc biệt sau khi có Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, lễ hội cúng thần Lúa của người Chơ Ro được chính quyền các cấp ở Đồng Nai quan tâm, từng bước khôi phục. Một số địa phương được Nhà nước đầu tư phục dựng nhà sàn dài truyền thống, hàng năm cộng đồng người Chơ Ro đều tổ chức lễ hội cúng thần Lúa tại đây. Những nơi chưa xây dựng được nhà sàn dài thì cộng đồng tổ chức lễ hội cúng thần Lúa tại nhà văn hóa ấp (khu phố), nhà của già làng, người có uy tín, hoặc tại địa điểm có không gian rộng. Do một thời gian gián đoạn, không tổ chức, nên hiện nay lễ hội cúng thần Lúa của người Chơ Ro ở một số địa phương không đồng nhất về tên gọi, thời gian tổ chức, nghi thức, lễ vật...

Hiện nay, người Chơ Ro ở Đồng Nai thường tổ chức lễ hội cúng thần Lúa vào trung tuần tháng 3 âm lịch, diễn ra trong 1 ngày 1 đêm. Tùy mỗi cộng đồng nghi lễ cúng thần Lúa được tổ chức vào buổi sáng hoặc buổi chiều. Người đại diện thực hiện các nghi lễ là già làng, người uy tín cùng các bậc cao niên trong làng. Mỗi dịp tổ chức lễ hội

công chiêng, ai đánh thắng được thưởng bầu rượu cần, bầu rượu có thể mang về thưởng thức, người thua, nhóm thua thì bị phạt uống hết bầu rượu tại lễ hội”.

cúng thần Lúa, chính quyền các cấp quan tâm hỗ trợ kinh phí cho cộng đồng.

2. Hình thức biểu hiện, quy trình thực hành lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của người Chơ Ro ở Đồng Nai

Nhìn chung, lễ hội cúng thần Lúa tại các địa phương thuộc tỉnh Đồng Nai được tổ chức gần giống nhau, từ khâu chuẩn bị cho đến thực hành các nghi lễ, các trò chơi, các môn thi đấu thể thao được tổ chức trong lễ hội. Tuy nhiên, mỗi địa phương cũng có những nét khác biệt, thể hiện đặc trưng của từng cộng đồng. Vì vậy, nội dung quy trình thực hành lễ hội cúng thần Lúa được thể hiện hai phần: Đặc điểm chung và đặc điểm riêng của từng địa phương.

2.1. Đặc điểm chung lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa)

2.1.1. Công tác chuẩn bị

Để thực hành lễ hội cúng thần Lúa, cộng đồng phải họp từ nhiều tháng trước nhằm phân công nhiệm vụ, lên kế hoạch, dự trù kinh phí, mời khách đến tham dự, chuẩn bị trang trí không gian, địa điểm, lễ vật, món ăn, thức uống đãi cộng đồng tham dự. Ngoài ra, người Chơ Ro còn chuẩn bị các trò chơi dân gian và các môn thi đấu thể thao.

- *Tổ chức họp, lên kế hoạch và phân công nhiệm vụ:* Thông thường trước khi diễn ra lễ hội cúng thần Lúa khoảng 15-30 ngày (cũng có địa phương họp trước 7 ngày), già làng chủ trì cùng những người lớn tuổi trong cộng đồng bàn kế hoạch tổ chức, dự trù kinh phí và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận. Theo đó, bộ phận mời khách và đón khách thường là các bậc cao niên phụ trách; thực hiện nghi lễ do già làng phụ trách; bộ phận phụ trách ẩm thực cúng và đãi khách là những phụ nữ lớn tuổi và nam thanh niên; bộ phận văn nghệ đánh công chiêng là các nghệ nhân; phụ trách các trò chơi dân gian, các môn thể thao là các thanh niên nam, nữ.

- *Mời khách:* Trước ngày diễn ra lễ hội cúng thần Lúa khoảng 7 ngày, già làng là người trực tiếp hoặc cử đại diện đi mời khách. Đối tượng được mời là những người cùng họ tộc, đại diện các làng kết

nghĩa, những người có mối quan hệ thân thiết với cộng đồng, chính quyền địa phương. Những năm gần đây, người Chơ Ro thường cử người đưa thư mời trực tiếp đến khách, cũng có trường hợp được mời thông qua điện thoại. Những người đến tham dự thường hỗ trợ kinh phí để cộng đồng tổ chức lễ hội được chu đáo hơn.

- *Chuẩn bị địa điểm và không gian tổ chức:* Lễ hội Sayangva thường diễn ra tại 1 điểm chính là nhà sàn dài truyền thống (hoặc nhà văn hóa cộng đồng) như: Phường Bảo Vinh, xã Bảo Quang (thành phố Long Khánh); xã Xuân Phú, xã Xuân Trường (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Thiện (huyện Thống Nhất); xã Túc Trưng (huyện Định Quán); xã Lâm San (huyện Cẩm Mỹ). Cá biệt có địa phương diễn ra tại 2 địa điểm bàn thờ yang (trong nhà) và kho lúa (ngoài sân) như xã Bàu Trâm (thành phố Long Khánh) và diễn ra 3 địa điểm là rẫy lúa, nhà sàn dài và kho lúa như xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu).

- *Chuẩn bị tại rẫy lúa:* Tại rẫy trồng lúa, khi thu hoạch người Chơ Ro để lại một vạt lúa tốt nhất có những bông chín vàng và trĩu hạt. Những bông lúa được bó lại bằng rơm, che bằng lá chuối hoặc mái tranh và rào xung quanh bằng tre gai để bảo vệ. Theo quan niệm của người Chơ Ro thì thần Lúa trú ngụ trên những bông lúa và chờ đến khi tổ chức lễ hội đến rước về trú ngụ trong kho.

- *Dựng cây nêu (Voopyang):*

Người Chơ Ro dựng một cây nêu lớn tại giữa sân nơi hành lễ, thường giữa không gian tổ chức lễ hội. Theo quan niệm của người Chơ Ro, cây nêu là cây thông thiên, cây giao hòa giữa trời, đất và người. Người Chơ Ro dựng cây nêu với hàm ý gửi “tin báo và thư mời” đến Yangva và các thần linh khác, tổ tiên đến tham dự lễ hội của cộng đồng. Đối với con người thì cây nêu là mối giao hòa giữa cộng đồng, thấy cây nêu thì biết làng vào dịp lễ hội.

Cây nêu của từng cộng đồng người Chơ Ro ở địa bàn cụ thể có những điểm khác nhau. Cộng đồng Chơ Ro các huyện: Xuân Lộc, Định Quán, Long Thành và thành phố Long Khánh làm cây nêu từ cây tre. Người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu làm cây nêu từ cây vàng nghệ. Điểm chung cây nêu của người Chơ Ro là phải thẳng,

chiều dài từ 3-5 mét, được làm sạch các cành, mắt ở các đốt. Thân cây nêu được tạo hoa văn bằng cách tạo ô trám (sau khi đốt sẽ tháo băng và có hình ô trám). Phía ngọn chặt ngang và chẻ ra nhiều thẻ. Từ các thẻ tre này được tạo hình một cái phễu. Người Chơ Ro vót các nan có bề ngoài bằng vỏ tre nhưng vẫn giữ màu xanh đan theo các thẻ tre này. Trên miệng của phễu tre này được trang trí các chùm tia bằng các nan tre vót mỏng, tạo thành các hoa tre màu trắng, uốn cong. Có 4 tia bằng nan tre được cắm trên miệng phễu cao và tỏa cong về 4 hướng. Trên các tia nan tre này, người Chơ Ro gắn cánh gà đã luộc chín để làm lễ vật cúng. Còn 2 nhánh khác thì gắn các cánh hoặc lông của các con chim săn bắn được. Nếu bắt được chim chèo bẻo thì cánh chim chèo bẻo được ưu tiên gắn vào 2 tia còn lại. Cây nêu lớn này được chôn ở sân nhà trước 1 ngày khi tổ chức lễ hội cúng thần Lúa.

Bên cạnh cây nêu lớn, người Chơ Ro làm thêm 1 hoặc 2 cây nêu nhỏ (có nơi gọi là cành phang, cây nhang). Hình thức làm cây nêu nhỏ này như cây nêu lớn nhưng chiều dài khoảng 1 mét. Cây nêu nhỏ được cắm ở bàn thờ trên nhà sàn và kho chứa lúa.

- *Chuẩn bị bàn thờ thần nhà (yang nhi) tại nhà dài:* Bàn thờ yang ở nhà sàn được vệ sinh, chỉnh trang lại trước ngày lễ hội được tổ chức. Theo quy định bàn thờ nhang luôn được đặt theo hướng Đông (hướng mặt trời mọc), phía sau lưng bàn thờ gắn kết vào vách nhà sàn. Bàn thờ yang thường được làm từ thân cây vàng nghệ, tre, các thanh nan lồ ô, có kích thước: Cao khoảng 1,2 mét, rộng khoảng 0,8 mét, dài khoảng 1,5 mét, phân chia thành 3 tầng bằng những thanh nan lồ ô được buộc kết lại với nhau dùng bày trí những lễ vật khi cúng, 2 tầng trên cùng cách nhau khoảng 20cm. Những cây trụ chính và các thanh nối ngang làm từ cây vàng nghệ hoặc tre, được kết nối theo cách ráp khuôn mộng và buộc lại cho thêm vững chắc bằng dây mây, kiêng kỵ dùng đinh để đóng. Đầu các cây ngang và trụ chính được trang trí hình đầu trâu hoặc sừng dê cách điệu. Hai tầng trên bàn thờ có 2 cây nhô thẳng ra phía trước để gắn hai cây đèn sáp. Tầng trên cùng để chén đựng vỏ cây chùm hum (loại cây khi đốt có hương thơm giống như trầm hương) được đốt khi thực hiện nghi thức cúng,

tầng thứ 2 dùng bày trí các lễ vật cúng. Cây nêu nhỏ dài khoảng 1,2 mét (tượng trưng cho bông lúa lớn - bông lúa mẹ) được cắm vững chắc vào bàn thờ từ giữa tầng hai theo chiều xuôi xuống. Phần giỏ bông cây nêu và các tia tỏa về phía trước bàn thờ theo hướng song song với mái trần nhà (nơi vẫn còn để những tổ nhang và đồ vật của mùa cúng Yangva năm trước).

Phần dưới cùng bàn thờ bày một số ché đựng lúa, đậu, nếp, mè... của mùa thu hoạch trước. Trước bàn thờ khoảng 1,5 mét đặt ché rượu cần to và một chiếc ghế thấp dành cho chủ lễ ngồi hành lễ. Cạnh bàn thờ được trải những tấm chiếu lòng (loại chiếu được đan bằng lá cây lòng) để những vị cao niên, khách quý ngồi dự lễ. Phía vách đối diện bàn thờ nhang là bộ chiêng được treo lên cây đà ngang của khung nhà để đánh khi tiến hành lễ cúng. Phía dưới sân nhà sàn được dọn dẹp sạch sẽ. Cây nêu được dựng giữa sân lễ, cách cây nêu một khoảng có dựng khung giàn để treo chiêng. Xung quanh sân lễ được bày trí thêm những dây ghế dựng tạm từ các loại cây rừng kết nối nhau để cho khách làm chỗ ngồi khi đến tham dự lễ hội.

Với những địa phương không có điều kiện tổ chức lễ hội Sayangva trong nhà sàn dài truyền thống thì đồng bào dựng sạp tre lớn ngay giữa sân lễ và lập bàn thờ yang trên sạp, dựng kho lúa cạnh bên để thực hiện nghi thức cúng. Dù vậy, nghi trình mà đồng bào thực hiện vẫn thể hiện được tính trang nghiêm, tính thiêng liêng của một lễ hội quan trọng nhất của tộc người mình.

- *Chuẩn bị kho lúa (Mânva)*: Theo truyền thống, trong quần thể cư trú của người Chơ Ro, nhà sàn và kho lúa là 2 công trình quan trọng nhất. Đồng bào không để lúa cũng như các lương thực khác trong nhà mà dựng một nhà kho riêng cạnh nhà ở. Người Chơ Ro cho rằng nếu cất lúa trong nhà ở thì thần Lúa, ông bà tổ tiên sẽ giận, làm mất mùa, bệnh tật... Do vậy, kho lúa phải làm riêng biệt để giữ được sự thanh sạch, thiêng liêng và tôn kính với thần Lúa. Kho lúa được làm theo kiểu nhà sàn nhưng quy mô nhỏ hơn, có thể dựng bất kỳ thời gian nào trong năm. Tùy thuộc vào diện tích canh tác, mức độ thu hoạch mà kho lúa có quy mô tương ứng. Vị trí kho lúa thường được chọn dựng ở nơi thông thoáng, sạch sẽ, gần nhà và luôn nằm

theo hướng Đông - Tây, xuôi theo đường mặt trời đi, tránh không để mặt trời đi ngang qua đòn dông vì như vậy sẽ là sự xúc phạm đối với thần Lúa, mùa màng sẽ không được tươi tốt. Chuẩn bị cho lễ hội Sayangva, đồng bào dọn dẹp kho lúa và cũng sắp đặt sẵn mâm lễ vật để cúng tại đây. Trong quá trình thực hiện lễ cúng, chủ lễ là người đàn ông mới được lên kho lúa và mang các lễ vật cùng cây nhang thực hiện các nghi thức trang trọng để cúng thần Lúa.

- *Trang trí địa điểm diễn ra lễ hội: Địa điểm tổ chức lễ hội cúng thần Lúa tùy vào điều kiện của từng địa phương. Các xã: Xuân Trường, Xuân Phú (huyện Xuân Lộc), Túc Trưng (huyện Định Quán), Xuân Thiện (huyện Thống Nhất) và Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu) tổ chức tại nhà sàn truyền thống. Các xã: Bàu Trâm (thành phố Long Khánh) và Lâm San (huyện Cẩm Mỹ) tổ chức lễ hội tại nhà già làng. Một số địa phương ở thành phố Long Khánh như phường Bảo Vinh tổ chức tại nhà văn hóa khu phố; xã Bảo Quang địa điểm tổ chức không cố định, mỗi năm trước khi lễ hội diễn ra cộng đồng họp để tìm khu đất thuận lợi để tổ chức. Mặc dù được tổ chức ở các địa điểm khác nhau nhưng lễ hội Sayangva có điểm chung được trang trí chu đáo bằng các băng rôn, cờ phướn, khẩu hiệu... rất đẹp, tạo không khí lễ hội vui tươi và rộn ràng.*

- *Chuẩn bị các lễ vật cúng yang và đãi khách:* Lễ vật cúng yang cũng như thiết đãi khách và cộng đồng có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức lễ hội. Chính vì vậy, lễ vật cúng yang và đãi khách phải chuẩn bị chu đáo từng nhiều tháng trước.

+ *Heo, gà:* Trong lễ hội Sayangva, thịt dùng để cúng là heo và gà. Đây là 2 con vật chính dùng để hiến sinh thần Lúa, thần nhà. Trong đó, thịt gà luôn bao giờ cũng phải có, thịt heo (nguyên con hoặc chỉ có đầu heo và bộ lòng, thủ vĩ) là biểu hiện việc bà con nơi đó cúng trả lễ cho mùa vụ trước đã khẩn xin thần phù trợ mùa vụ bội thu. Con vật hiến sinh bao giờ cũng là giống đực, được chọn lựa kỹ lưỡng khi dâng cúng. Theo truyền thống, heo cúng phải là giống heo cỏ, còn gọi là heo rừng lai, được nuôi trong gia đình, lành lặn, khỏe mạnh, không bị bệnh tật, nặng khoảng 20 kg trở lên; gà phải là gà trống, khỏe mạnh, có bộ lông đẹp, nặng khoảng hơn 1 kg trở lên. Ngày chính lễ, cộng đồng cột dưới gốc cây nêu sau sẽ lấy máu và thịt cúng yang.

+ *Rượu cần (xec do)*: Người Chơ Ro thường làm rượu cần trước lễ nhiều tháng, vì rượu càng ủ lâu càng ngon. Rượu cần thường được ủ từ chính loại men do đồng bào làm ra. Đó là loại men được pha chế từ các loại dây, củ, vỏ, rễ, thân, lá... của nhiều loại cây rừng. Thường là những loại có vị cay, nồng, đặc tính nóng. Công đoạn làm men và ủ rượu đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, nhất là lúc vào rừng đi tìm nguyên liệu làm men. Thời gian dành cho việc chế biến ra những bánh men hoàn chỉnh dùng để ủ rượu cũng mất cả tháng trời. Trong lễ hội Sayangva - lễ hội lớn nhất trong năm và đồng thời cũng là ngày Tết của dân tộc mình, đồng bào người Chơ Ro ủ rất nhiều ché rượu cần để đãi khách chung vui trong suốt thời gian diễn ra lễ hội.

+ *Cơm lam (piêng đinh)*: Được nấu bằng gạo nếp trong ống lồ ô và nướng trên lửa than hồng. Để cơm thêm ngon, hấp dẫn, đồng bào trộn thêm hạt mè hoặc hạt đậu (có thể là đậu đen, đậu trắng hay đậu xanh) vào chung với gạo nếp và không quên cho thêm một ít muối để vị thêm đậm đà. Vào trước ngày khai lễ, những người có sức khỏe, thanh niên trai tráng của làng vào rừng tìm những thân lồ ô không quá già. Lồ ô được chặt theo từng lóng đem về vệ sinh cho sạch trước khi cho gạo nếp vào. Gạo nếp ngon của cộng đồng đem ngâm trong nước một lúc rồi cho vào ống lồ ô, sau đó đem nấu trên đống lửa than. Để cho cơm chín đều phải biết canh độ nóng của than và thường xuyên xoay ống, thường khoảng 30 phút là cơm chín. Khi cúng cộng đồng thường để cả ống trên bàn thờ, khi ăn cộng đồng dùng dao tước bỏ lớp vỏ cháy bên ngoài ống cơm lam rồi cắt thành từng khúc ngắn hoặc tách hẳn ống ra lấy cơm. Trong lễ hội Sayangva, việc nướng vài trăm ống cơm lam để cúng thần và đãi khách là việc bình thường. Cơm lam vừa có độ dẻo của gạo nếp, vị ngọt bùi của đậu vừa có hương thơm từ thân ống nữa non, ăn cùng với món thịt nướng chấm muối ớt, canh bồi, củ chup, đọt mây, lá nhíp... tạo thành một món đặc sản không thể thiếu trong các dịp lễ hội.

+ *Bánh giầy (piêng pup)*: Là món cúng và món ăn không thể thiếu trong lễ hội Sayangva. Bánh có thể được làm trước lễ cúng một ngày nhưng phổ biến đồng bào làm bánh ngay trong ngày cúng Yangva vì bánh sẽ thơm, mềm và ngon hơn. Người Chơ Ro chọn loại gạo nếp

ngon nhất để nấu thành xôi, cùng với mè đen rang cho vào cối giã nhuyễn. Mỗi cối bánh giầy có 2-3 người giã đến khoảng 20 phút là thành bánh giầy dẻo mịn. Bánh giầy hình tròn dẹt, được bày trên lá chuối để cúng yang cũng như sử dụng để đãi khách.

+ *Bánh lá lòng (piêng chum) (còn gọi là bánh cặp)*: Nguyên liệu để gói bánh là loại nếp dẻo, có mùi thơm nhẹ. Cách làm có nhiều nét giống gói bánh tét của người Kinh. Bánh cặp được gói bằng gạo nếp mà không có nhân bánh. Gạo nếp được vo sạch và ngâm nước vài giờ đồng hồ (có nơi đồng bào trộn thêm với đậu đen), sau đó vớt ra để cho ráo nước chuẩn bị cho công đoạn gói. Bánh được gói bằng lá chuối hoặc lá lòng (một loại lá hơi to, dài, có nhiều trong rừng thường được đồng bào khai thác sử dụng). Mỗi chiếc bánh có hình dáng đẹp, hơi dài, to khoảng nửa cổ tay người lớn. Sau khi gói xong được buộc lại thành từng cặp và cho vào nồi nấu chín. Bánh lá lòng là một trong những món không thể thiếu trong lễ cúng Yangva, được bày lên mâm cúng cùng với bánh dày, cơm lam...

+ *Canh bồi (pay ploi)*: Canh bồi là món ăn truyền thống đặc sắc trong văn hóa ẩm thực của tộc người Chơ Ro ở Đồng Nai. Đối với các gia đình Chơ Ro, trong những bữa ăn thịnh soạn hay khi có khách quý, đồng bào thường nấu món canh bồi để đãi khách. Đặc biệt trong lễ hội Sayangva, canh bồi là món ăn không thể thiếu và được chú ý đặc biệt trong khâu chế biến để cho ra món canh ngon với hương vị đặc trưng của người Chơ Ro. Canh bồi gần giống súp, là món canh tổng hợp gồm các loại rau như lá nhíp, đọt mướp, măng rừng, đọt mây, nấm, cá, thịt các loại thịt thú rừng săn bắt được hay thịt của gia súc, gia cầm nuôi trong nhà... Để nấu món canh bồi cần chuẩn bị nguyên liệu: Gạo tẻ ngâm qua nước lạnh cho mềm sau đó vớt ra ngoài để ráo; lá cây Rnhao hái trong rừng về phơi khô đốt lấy than; các loại rau nhíp, măng rừng, đọt mây... được luộc chín, xé nhỏ. Nếu nấu món canh cá thì cá phải loại bỏ hết phần xương. Lấy gạo đã ngâm trộn với bột than lá cây Rnhao (loại lá này có vị ngọt như bột ngọt) cho vào cối giã nhuyễn, sau đó cho vào nồi cùng với cá hoặc thịt, đổ đầy nước nấu sôi, khi bột và thịt hoặc cá trong nồi đã chín nhừ thì cho tất cả các loại rau rừng vào nồi, nêm gia vị cho nồi canh thêm ngon và vừa